

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM



DỰ THẢO

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2014-2019)**

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 08-2019

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU	7
DANH MỤC HÌNH VẼ	8
Phần I. HỒ SƠ VỀ CSGD	9
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	9
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	13
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục 1)	14
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	15
Mục 1: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC	
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	15
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	27
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	51
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	64
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	71
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	79
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	99
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	122
Mục 2: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ HỆ THỐNG	
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống ĐBCL bên trong	130
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	137
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	144
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng.....	157
Mục 3: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG	
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học.....	164
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	174
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	187
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	197
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	210

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	218
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ.....	228
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	236
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	244
Mục 4: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	251
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	265
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	283
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	294
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD	306
Phần III. PHỤ LỤC.....	310
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục	310

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1.	ABET	Accreditation Board for Engineering and Technology (Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo về kỹ thuật và công nghệ của Hoa Kỳ)
2.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance
3.	Ban ĐT&PTNL	Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
4.	BGH	Ban giám hiệu
5.	Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
6.	CBGD	Cán bộ giảng dạy
7.	CBNV	Cán bộ - Giảng viên - Nhân viên
8.	CBQL	Cán bộ quản lý
9.	CĐR	Chuẩn đầu ra
10.	CLB	Câu lạc bộ
11.	CLPT	Chiến lược phát triển
12.	CNĐT	Chủ nhiệm đề tài
13.	CNTT	Công nghệ thông tin
14.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
15.	CSGD	Cơ sở giáo dục
16.	CSVC	Cơ sở vật chất
17.	CTĐT	Chương trình đào tạo
18.	CTSV	Công tác sinh viên
19.	CTTT	Chương trình tiên tiến
20.	ĐAMH	Đồ án môn học
21.	ĐATN	Đồ án tốt nghiệp
22.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
23.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
24.	ĐGN	Đánh giá ngoài
25.	ĐH	Đại học
26.	ĐT&PTNL	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
27.	ĐTN	Đoàn thanh niên
28.	GD	Giáo dục
29.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
30.	GDDH	Giáo dục đại học
31.	GS	Giáo sư
32.	GTVH	Giá trị văn hóa
33.	GV	Giảng viên
34.	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm

35.	HĐQT	Hội đồng Quản trị
36.	HĐNK	Hoạt động ngoại khoá
37.	HĐT	Hội đồng trường
38.	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
39.	HĐTV	Hội đồng Thành viên
40.	HSV	Hội sinh viên
41.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
42.	KH&CN	Khoa học và công nghệ
43.	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
44.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
45.	KHCN	Khoa học công nghệ
46.	KPIs	Key Performace Indicator
47.	KTX	Ký túc xá
48.	MOET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
49.	MTCL	Mục tiêu chất lượng
50.	NC	Nghiên cứu
51.	KTX	Ký túc xá
52.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
53.	NCS	Nghiên cứu sinh
54.	NTD	Nhà tuyển dụng
55.	P. ĐN&KHCN	Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ
56.	P. ĐT	Phòng Đào tạo
57.	P.KHTC	Phòng Kế hoạch - Tài chính
58.	P.QTTB-DA	Phòng Quản trị thiết bị và Dự án
59.	P.TCHC	Phòng Tổ chức - Hành chính
60.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
61.	PGS	Phó giáo sư
62.	PIs	Performace Indicator
63.	PTN	Phòng thí nghiệm
64.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
65.	PVMTC	Trường cao đẳng Dầu khí
66.	PVU, Trường, Trường ĐHDKVN	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam
67.	QT	Quy trình
68.	SĐH	Sau đại học
69.	SHTT	Sở hữu trí tuệ
70.	STCL	Sổ tay chất lượng
71.	SV	Sinh viên
72.	SXKD	Sản xuất kinh doanh
73.	Tập đoàn, PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

74.	TB	Trung bình
75.	TC	Tín chỉ
76.	TCT	Tổng công ty
77.	TDTT	Thể dục thể thao
78.	TH	Thực hành
79.	THPT	Trung học phổ thông
80.	ThS	Thạc sỹ
81.	TIEC	Texas International Education Consortium- Hiệp hội Đào tạo quốc tế bang Texas, Hoa Kỳ
82.	TKB	Thời khóa biểu
83.	TN	Thí nghiệm
84.	TNSM	Tâm nhìn sứ mạng
85.	TNVH	Tâm nhìn văn hóa
86.	TS	Tiến sỹ
87.	TSKH	Tiến sỹ khoa học
88.	TSTT	Tài sản trí tuệ
89.	VPI	Viện Dầu khí Việt Nam

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 7.1. Tổng hợp cơ cấu thu Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2014-2018.....	103
Bảng 7.2. Tổng hợp cơ cấu chi Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2014-2018.....	105
Bảng 7.3. Chi tiết triển khai kế hoạch đầu tư các năm tại PVU.....	110
Bảng 7.4. Kế hoạch các hạng mục đầu tư của PVU giai đoạn 2014-2019 được Tập đoàn DKVN phê duyệt.....	119
Bảng 13.1. Thống kê đối sánh tỉ lệ điểm trúng tuyển trong 04 năm từ 2014-2018 giữa PVU-HUMG-HCMUT.....	166
Bảng 18.1. Chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm.....	224
Bảng 18.2. Số lượng bài báo đã công bố.....	224
Bảng 18.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH (2014-2019).....	224
Bảng 22.1. Bảng đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp của SV PVU, HUMG, và HCMUT	253
Bảng 22.2. Bảng đối sánh tỉ lệ SV có việc làm sau một năm tốt nghiệp giữa PVU, HUMG và HCMUT.....	259
Bảng 23.1. Đối sánh loại hình, số lượng NCKH SV theo từng năm.....	271
Bảng 23.2. Đối sánh chất lượng NCKH SV theo từng năm.....	271
Bảng 23.3. Số lượng và chất lượng SV NCKH trong giai đoạn 2015 – 2019	272
Bảng 23.4. Bảng đối sánh các bài báo khoa học được thực hiện tại Trường theo năm	273
Bảng 23.5. Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2014 – 2018.....	274
Bảng 23.6. Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2014 – 2018.....	277
Bảng 23.7. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học giai đoạn 2014-2018	281
Bảng 23.8. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu từ 2014	281
Bảng 24.1 Đối sánh doanh thu các khóa học dịch vụ với chỉ tiêu Tập đoàn giao	288
Bảng 25.1. Tổng hợp tình hình thực hiện doanh thu so với chỉ tiêu kế hoạch Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2014-2018.....	297
Bảng 25.2. Tổng hợp tình hình thực hiện chi phí so với chỉ tiêu kế hoạch Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2014-2018.....	298
Bảng 25.3. Thống kê tỉ lệ điểm trúng tuyển giai đoạn 2014-2018 giữa PVU - HUMG – HCMUT	300
Bảng 25.4. Thống kê điểm trúng tuyển và tỷ lệ điểm cạnh tranh giai đoạn 2014-2018 của PVU.....	302

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 13.1. Biểu đồ đối sánh tỉ lệ điểm trúng tuyển giữa PVU, HUMG, và HCMUT	166
Hình 14.1. Phân bố tín chỉ trong các khối kiến thức của CTĐT năm 2013	182
Hình 14.2. Phân bố tín chỉ trong các khối kiến thức của CTĐT năm 2016	183
Hình 14.3. Tỉ lệ % tín chỉ trong các nhóm học phần CTĐT 2013	184
Hình 14.4. Tỉ lệ % tín chỉ trong các nhóm học phần CTĐT 2016	185
Hình 25.1. So sánh tỉ lệ điểm trúng tuyển giai đoạn 2014-2018 giữa PVU - HUMG – HCMUT	301
Hình 25.2. So sánh số lượng hồ sơ nộp vào trường theo khu vực giai đoạn 2014-2018 của PVU	302
Hình 25.3 Thống kê số hồ sơ đăng ký xét tuyển so với chỉ tiêu giai đoạn 2014-2018 của PVU	302
Hình 25.4. Thống kê số SV nhập học so với chỉ tiêu tuyển sinh giai đoạn 2014-2018 của PVU	303
Hình 25.5. Số lượng hồ sơ đăng ký tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, điểm chuẩn và số SV nhập học giai đoạn 2014-2018 của PVU	303

Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1.1. Lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của PVU

Ngày 25/11/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2157/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (viết tắt là PVU). Theo quyết định này, PVU là trường đại học công lập đặc biệt, do PVN làm chủ đầu tư, không nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. PVU thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo (ĐT) với nghiên cứu khoa học (NCKH) và sản xuất kinh doanh, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và của đất nước. Các chuyên ngành đào tạo chủ yếu được xây dựng theo định hướng nghề nghiệp, ứng dụng. Trong giai đoạn đầu thành lập, PVU sẽ tập trung đào tạo bậc đại học và sau đại học các chuyên ngành dầu khí. Trường Đại học Dầu khí Việt Nam theo định hướng phát triển là trường đại học công nghệ đa ngành với cốt lõi là các ngành đào tạo liên quan đến dầu khí, PVU phấn đấu trở thành một trong những trường đại học có các chương trình đào tạo chất lượng được kiểm định Quốc gia và Quốc tế.

❖ Sứ mạng

Trường Đại học Dầu khí Việt Nam là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và của đất nước. Thực hiện trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng.

❖ Tầm nhìn

Trường Đại học Dầu khí Việt Nam là trường đại học định hướng nghề nghiệp - ứng dụng hàng đầu trong lĩnh vực dầu khí, cùng với Viện Dầu khí Việt Nam hình thành Học viện Dầu khí Việt Nam có tiềm lực nghiên cứu khoa học đạt trình độ khu vực và quốc tế, PVU phấn đấu trở thành một trong những Trường đại học chuyên ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020, một trong những Trường đại học có uy tín của khu vực Đông Nam Á vào năm 2030.

❖ Giá trị cốt lõi

Nhà trường xác định chất lượng và hiệu quả đào tạo là giá trị hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; là yếu tố quyết định cho sự tồn tại, mở rộng hợp tác, cạnh tranh và phát triển của nhà trường. Cơ hội việc làm cao cho SV tốt nghiệp là một trong giá trị cốt lõi mà nhà trường theo đuổi. Sinh viên do PVU đào tạo phải được trang bị những năng lực hiện đại nhất và phù hợp nhất nhằm đáp ứng các nhu cầu nhân lực của ngành dầu khí, phù hợp với nhu cầu của đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, PVU xác định giá trị văn hóa cốt lõi để CBNV và SV phấn đấu thực hiện gồm:

- **ĐỨC:** Tích lũy từ sự rèn giũa của nội tâm, sống chuẩn mực và mang lại giá trị bền vững cho cuộc sống. Là đạo đức, là tư cách tác phong, là lòng nhiệt tình, là những khát vọng “chân, thiện, mỹ”. Người có “đức” biết tôn trọng và bảo vệ chân lí, dám đấu tranh với sai lầm, sẵn sàng hi sinh quyền lợi cá nhân cho quyền lợi của tập thể.
- **TÀI:** Thể hiện qua trí tuệ, kiến thức và kỹ năng. Là nắm chắc kiến thức, hiểu biết rõ kỹ năng, kỹ xảo, kế thừa kinh nghiệm để hoàn thành công việc tốt nhất; đặc biệt trong những hoàn cảnh khó khăn, tình huống phức tạp.
- **HIẾU HỌC, HIẾU TRI:** Là tinh thần ham học để tiếp thu, hun đúc và nuôi dưỡng tri thức rộng lớn của nhân loại. Là nền tảng sự phát triển con người. PVU là nơi nuôi dưỡng, là môi trường thỏa mãn tinh thần khát khao học hỏi, khát khao hiểu biết, coi trọng tri thức và tôn trọng chân lý.
- **NĂNG ĐỘNG:** Là động lực, là khả năng hoạt động tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm của một cá nhân, tập thể nhằm tác động một cách tích cực, có chủ đích để thay đổi thế giới xung quanh trước môi trường thay đổi liên tục và đầy thách thức. Là phẩm chất mà đội ngũ CBNV, sinh viên, học viên của PVU cần có để thích ứng với mọi sự thay đổi.
- **SÁNG TẠO:** Là say mê nghiên cứu, tìm tòi để tạo ra những giá trị mới về vật chất, tinh thần hoặc tìm ra cái mới, cách giải quyết mới mà không bị gò bó, phụ thuộc vào những cái đã có, là nền tảng tạo nên sự khác biệt, sự tiên phong thậm chí dẫn đầu trong xu thế mới, là mục tiêu của giáo dục đại học nhằm kiến tạo tri thức trong một xã hội tri thức và nền kinh tế tri thức. Sáng tạo là phẩm chất mà CBGV-CNV và Sinh viên PVU cần có để thể hiện bản thân;
- **TINH THẦN TRÁCH NHIỆM:** Là ý thức thực hiện tốt nghĩa vụ, công việc của bản thân, không ỷ lại, dựa dẫm hay đùn đẩy trách nhiệm cho người khác, dám làm, dám chịu trách nhiệm, thể hiện đạo đức nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Tinh thần trách nhiệm là chuẩn mực mà Trường luôn đòi hỏi từ CBNV và Sinh viên – Học viên để cùng nhau xây dựng môi trường có trách nhiệm trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, tạo động lực cho sự phát triển.
- **TRÍ TUỆ:** Là tiềm lực vốn quý của CBNV PVU, là mục tiêu phấn đấu của Sinh viên/Học viên PVU.

1.2. Các thành tích nổi bật của Trường

Trải qua hơn 9 năm hình thành và phát triển, PVU tổ chức đào tạo các trình độ đại học, sau đại học (Khoa Dầu khí đảm nhận), đào tạo bồi dưỡng nâng cao cho các đơn vị sản xuất kinh doanh (Trung tâm bồi dưỡng nâng cao đảm nhận). Đến thời điểm này, Trường được phép đào tạo 3 ngành đại học (Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật hoá học) và 4 ngành cao học (Công trình biển, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật hoá học). Tính đến tháng 07/2019, PVU đã đào tạo 07 khóa đại học với tổng số 529 sinh viên (307 SV đã tốt nghiệp), 3 khóa cao học với 39 học viên (14 HV đã tốt nghiệp). Thống kê cho thấy, 100% SV có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp, được các đơn vị tuyển dụng đánh giá rất cao về kiến thức chuyên môn, khả năng tiếng Anh và kỹ năng làm việc. Đặc biệt, hơn 10% SV tốt nghiệp của các Khóa được các trường đại học uy tín của Mỹ, Canada, Úc, Italia, Hàn Quốc... cấp học bổng toàn phần để theo học các chương trình ThS và TS. Điều đó sự công nhận, đánh giá của các trường quốc tế đối chất lượng đào tạo của Nhà trường và năng lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động kỹ thuật cao của sinh viên PVU.

Đội ngũ giảng viên của PVU được đào tạo tại nhiều nước tiên tiến trên thế giới, như Anh, Pháp, Mỹ, Ý, Nga, Nhật, ... Với mục tiêu đào tạo chất lượng cao, giảng viên của Trường có trình độ tối thiểu là thạc sĩ. Đến thời điểm hiện tại, trong tổng số 90 CBNV, có 56 cán bộ là giảng viên cơ hữu, trong đó học hàm PGS là 05 người, học vị tiến sĩ là 25 người, học vị thạc sĩ là 23 người, và trình độ đại học là 05 người (làm công tác hướng dẫn thực hành/thí nghiệm). Để thực hiện thành công mục tiêu đào tạo, ngoài các giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy và hướng dẫn LVTN, PVU sẽ mời nhiều chuyên gia là tiến sĩ trở lên trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí của các đơn vị trong và ngoài PVN tham gia giảng dạy, NCKH và hướng dẫn LVTN. Với tỷ lệ 4.6 SV/GV, đây là tỷ lệ “vàng” duy nhất trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khi được thành lập đến nay, Nhà trường luôn chú trọng công tác NCKH, coi đây là một trong những nhân tố quyết định đến chất lượng của quá trình đào tạo. Trong 05 năm (2014-2019), PVU đã thực hiện thành công 09 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tập đoàn/Bộ, 43 đề tài cấp cơ sở, đã công bố 64 bài báo ISI, SCIE, SCI và 65 bài báo trong nước. Đặc biệt, 01 cán bộ của PVU đã được trao giải thưởng Quả cầu vàng năm 2014 vì có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực khoa học công nghệ. PVU luôn chú trọng, đẩy mạnh công tác NCKH trong SV nhằm bước đầu để sinh viên có cơ hội tiếp cận và làm quen với công tác nghiên cứu, nâng cao kỹ năng, phục vụ cho việc học tập được tốt hơn, dưới sự hướng dẫn của các giảng viên PVU (khoảng 201 lượt SV tham gia NCKH giai đoạn 2014-2019). Năm 2017, PVU có 01 nữ SV là một trong 20 nữ sinh viên của cả nước nhận phần thưởng Nữ sinh viên tiêu biểu trong lĩnh vực kỹ thuật do Trung ương Đoàn và Bộ KH&CN trao tặng.

Nhận thức vai trò quan trọng của hợp tác quốc tế trong giai đoạn hội nhập, PVU đã xây dựng kế hoạch hợp tác với định hướng chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác, phát huy nội lực, tranh thủ tối đa nguồn lực quốc tế. Các hoạt động hợp tác hàng năm như: cử giảng viên tham gia giảng dạy tại PVU (giai đoạn 2014-2018, đã có khoảng 22 lượt giảng viên từ các trường đại học nước ngoài đến tham gia giảng dạy cho PVU), tổ chức các đoàn trao đổi ký thỏa thuận hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, tăng cường tìm kiếm các học bổng cho giảng viên và sinh viên... Nhà trường đang có hợp tác với nhiều trường đại học quốc tế có uy tín như: New Mexico Tech, Colorado School of Mines, Tulsa, Texas A&M (Hoa Kỳ); Alberta, Université du Québec à Trois-Rivières (Canada),... và các công ty nước ngoài trong lĩnh vực Dầu khí như: Honeywell UOP (Hoa Kỳ), Haldor Tospe (Hà Lan), Idemitsu, JX NOEX (Nhật).... Thông qua hoạt động hợp tác, hàng năm các công ty luôn ưu tiên nhận sinh viên PVU thực tập, kiến tập, cung cấp học bổng, cử chuyên gia tham gia giảng dạy tại Trường. Tiêu biểu như: Công ty Honeywell UOP liên tục cấp 05 học bổng mỗi năm cho sinh viên, trong đó sẽ lựa chọn 01 sinh viên xuất sắc để cấp học bổng thực tập 02 tháng tại Mỹ; Công ty Haldor Tospe hàng năm trao 03 học bổng và 02 suất thực tập tốt nghiệp 6 tháng tại Hà Lan. Tất cả các sinh viên đều được đánh giá cao cả về kiến thức chuyên môn, tiếng Anh và kỹ năng sau khi kết thúc đợt thực tập.

Về PVCD, ngoài các hoạt động của Công đoàn, Đoàn TN, thành tích nổi bật của Nhà trường là tổ chức các đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho các đơn vị của ngành dầu khí và thành tích SV PVU tại các kỳ thi Olympic quốc gia. Giai đoạn 2014-2018, PVU đã tổ chức 116 khoá đào tạo với 4147 lượt học viên tham gia, trong đó có nhiều khoá được tổ chức miễn phí cho SV PVU, hoạt động đào tạo đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Về thành tích Olympic, các SV PVU đã đoạt tổng cộng 19 giải nhất, 36 giải nhì, 46 giải ba và 19 giải khuyến khích về các lĩnh vực Toán, Lý, Hoá, Cơ học. Ngoài ra, SV PVU cũng đoạt 1 giải nhất, 1 giải ba, 1 giải khuyến khích trong các cuộc thi Tay nghề Dầu khí (cuộc thi giành cho người lao động ngành dầu khí) và 5 giải nhất cuộc thi tìm hiểu về Tư tưởng Hồ Chí Minh do tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức.

1.3. Cơ cấu tổ chức của PVU

PVU là trường đại học công lập đặc biệt do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm cơ quan chủ quản, làm chủ đầu tư, sở hữu; PVU chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ cấu tổ chức của PVU bao gồm: Hội đồng trường, Ban giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng), Tổ chức Đảng, Đoàn thể, Hội đồng Khoa học & Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng, 05 phòng chức năng (Đào tạo, Tổ chức – Hành chính, Kế hoạch – Tài chính, Đối ngoại & Khoa học công nghệ, Quản trị thiết bị & dự án); 02 Khoa (Khoa học cơ bản, Dầu khí); 02 Trung tâm (Bồi dưỡng nâng cao, Thông tin – Thư viện).

1.5. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng trường

Hội đồng Trường của PVU được thành lập bởi Hội đồng thành viên PVN, ngoài thành viên của PVU, các thành viên khác của HĐT là cán bộ lãnh đạo cao cấp của PVN, Đại diện các Ban chức năng của PVN và Lãnh đạo các Tổng công ty, liên doanh lớn, đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học thuộc PVN. HĐT PVU được chịu trách nhiệm về phương hướng hoạt động của Trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho Trường, bảo đảm thực hiện định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ của Trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tập đoàn về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, HĐT cũng ban hành những nghị quyết, quyết định về định hướng phát triển, quản trị, tổ chức, lao động tiền lương, nhân sự của PVU...

2. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC

2.1. Quy định pháp lý của các hoạt động PVU và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường

Trường Đại học Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3348/QĐ-DKVN ngày 21/12/2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, là trường đại học công lập đặc biệt thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc PVN, hoạt động theo Điều lệ trường đại học do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Tập đoàn là cơ quan chủ quản, đầu tư xây dựng và hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động thường xuyên của Trường. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại các ngân hàng và kho bạc Nhà trường. Trên cơ sở đó, chức năng và nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Ngành Dầu khí và nền kinh tế; nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trong đó tập trung ưu tiên lĩnh vực dầu khí và năng lượng. Từ khi thành lập đến nay, Trường chỉ đào tạo và thực hiện các hoạt động KH-CN chủ yếu phục vụ cho ngành Dầu khí.

2.2. Những thách thức chính và kế hoạch của PVU để khắc phục

Giai đoạn 2014-2019, các hoạt động của PVU dựa trên bối cảnh Chiến lược phát triển Ngành Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 thay đổi, Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn DKVN giai đoạn 2012-2015, trong đó có chủ trương thành lập Học viện Dầu khí Việt Nam trên cơ sở sắp xếp lại PVU và VPI. Trên cơ sở đó, chiến lược phát triển Trường đã có điều chỉnh, Chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2020 cũng xác định lộ trình hình thành Học viện Dầu khí Việt Nam, vì vậy mọi hoạt động của Nhà trường đều dựa vào kế hoạch chiến lược này, theo đó giai đoạn 2015-2020, tiếp tục hoạt động ổn định như các năm trước và chuẩn bị sẵn sàng cho việc thành lập Học viện Dầu khí Việt Nam; giai đoạn 2021-2025, hoạt động theo mô hình Học viện Dầu khí, Học viện sẽ hoàn thiện cơ cấu tổ chức, các hoạt động chính của PVU tiếp tục được duy trì như trước và điều chỉnh theo

Chiến lược của Học viện. Trong thời gian chờ Học viện được thành lập thì các hoạt động của trường tiếp tục được duy trì ổn định, tập trung đẩy mạnh phát triển, hoàn thiện chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy, đội ngũ cán bộ giảng viên, duy trì quy mô đào tạo sinh viên đại học hệ chính quy phù hợp... và sẽ điều chỉnh theo Chiến lược của Học viện sau khi được thành lập. Việc thay đổi chiến lược với chủ trương thành lập Học viện Dầu khí Việt Nam đã tác động không nhỏ đến hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là ổn định đội ngũ cán bộ giảng dạy, duy trì chất lượng đào tạo và kết quả NCKH, vì vậy để đảm bảo hoạt động của Nhà trường, chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2025 cũng đưa ra kế hoạch hành động cho 8 lĩnh vực chiến lược bao gồm: (1) Đào tạo, (2) NCKH, (3) Phục vụ xã hội, (4) Đội ngũ giảng viên, (5) Cơ sở vật chất, (6) Quản lý, chính sách, (7) Tài chính, (8) Hợp tác trong nước và quốc tế, trong đó bao gồm giải pháp, phân công trách nhiệm triển khai và các chỉ số thực hiện.

2.3. Những điểm mạnh và cơ hội của PVU

PVU với lợi thế là đơn vị thuộc PVN luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ Lãnh đạo PVN, hỗ trợ nhiệt tình của các Ban chức năng PVN và các đơn vị trong ngành; SV của trường có điều kiện tiếp cận với kiến thức thực tế từ đơn vị sản xuất, với đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong ngành dầu khí và được PVN đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ nghiên cứu và đào tạo. Vì vậy, từ khi thành lập đến nay, PVU đã khẳng định được vị thế đối với PVN cũng như trong hệ thống các trường đại học cả nước; uy tín và thương hiệu được khẳng định và lan tỏa trong và ngoài nước. CTĐT thường xuyên được điều chỉnh theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, thí nghiệm, thực tế tại cơ sở sản xuất; SV thường xuyên được tiếp cận với kiến thức thực tế từ đơn vị sản xuất, với đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong Ngành Dầu khí; chất lượng đào tạo ngày càng được hoàn thiện, SV được đảm bảo về trình độ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức cộng đồng. Nhà trường đã bước đầu tạo được sự gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học; Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc cho SV đã được chú trọng; hoạt động nghiên cứu khoa học đạt được những thành tựu bước đầu, đội ngũ CBGD được chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức thực tế; hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện cơ bản đáp ứng được các mục tiêu đào tạo và quy mô thực tế; hoạt động hợp tác quốc tế xây dựng được nền tảng quan trọng cho những bước phát triển tiếp theo.

Những ưu điểm, lợi thế của nhà trường là rất đáng kể, thể hiện ở uy tín, thương hiệu đã bước đầu được khẳng định, người học và xã hội có những đánh giá tích cực về chất lượng đào tạo của PVU.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (xem Phụ lục 1)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU) là Trường đại học công lập đặc biệt trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) được thành lập ngày 25 tháng 11 năm 2010 theo Quyết định số 2157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [01.01.01]. Giai đoạn đầu thành lập PVU được PVN định hướng tầm nhìn, sứ mạng [01.01.02]. Sau đó PVU đã điều chỉnh lần đầu vào các năm 2014 [01.01.03] và lần điều chỉnh tiếp theo vào ngày 10/9/2018 [01.01.04]. Tầm nhìn và Sứ mạng hiện hành năm 2018 của PVU:

Tầm nhìn: Trường Đại học Dầu khí Việt Nam là trường đại học định hướng nghề nghiệp - ứng dụng hàng đầu trong lĩnh vực dầu khí, cùng với Viện Dầu khí Việt Nam hình thành Học viện Dầu khí Việt Nam có tiềm lực nghiên cứu khoa học đạt trình độ khu vực và quốc tế, PVU phấn đấu trở thành một trong những Trường đại học chuyên ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2020, một trong những Trường đại học có uy tín của khu vực Đông Nam Á vào năm 2030.

Sứ mạng: Trường Đại học Dầu khí Việt Nam là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và của đất nước. Thực hiện trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng.

Trước khi ban hành tầm nhìn, sứ mạng năm 2014, PVU lấy ý kiến thông qua gửi email tới toàn thể cán bộ nhân viên, SV; gửi công văn đến các đơn vị SXKD trong ngành [01.01.05]. Kết quả có 100% cán bộ nhân viên, SV và 05/05 đơn vị được lấy ý kiến nhất trí với nội dung tầm nhìn, sứ mạng của Trường.

Lần sửa đổi năm 2018, PVU lấy ý kiến thông qua việc gửi email và công văn đến toàn thể cán bộ nhân viên, SV. Trường cũng gửi công văn đến các đơn vị SXKD trong ngành, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Dầu khí [01.01.06]. Kết quả có 100% cán bộ nhân viên, SV, 10/10 đơn vị được lấy ý kiến nhất trí với nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa của Trường.

Tầm nhìn, sứ mạng của PVU [01.01.07] được công bố phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực, định phương phát triển của Trường, chiến lược phát triển của Ngành Dầu khí và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam.

Chức năng nhiệm vụ của PVU là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho ngành Dầu khí; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học kỹ thuật, tập trung ưu tiên lĩnh vực dầu khí và năng lượng [01.01.08].

PVU có đủ nguồn lực để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Trường, cụ thể:

- Với tổng số 68 cán bộ công nhân viên, trong đó cán bộ giảng dạy cơ hữu là 44 người, chiếm 65% tổng số CBNV, trong số GV có 20 người có trình độ TS (kể cả PGS.TS) chiếm 45% tổng số CBGD cơ hữu [01.01.09].

- Về tài chính: Hàng năm các nguồn thu hợp pháp của Trường bình quân khoảng 50 tỷ đồng. Nguồn kinh phí này đảm bảo cung cấp đủ các hoạt động của Nhà trường [01.01.10].

- Về cơ sở vật chất (đất có sổ đỏ): Được giao sử dụng tòa nhà 09 tầng, tổng diện tích sàn 10.671 m², có 14 phòng học với sức chứa 40 chỗ, 03 phòng 50 chỗ, 01 phòng 80 chỗ, 3 phòng 90 chỗ, 02 phòng 120 chỗ, ngoài ra có hơn 20 phòng thí nghiệm cho các khối cơ bản, cơ sở ngành chuyên ngành đào tạo của Trường. Ngoài ra, có 48 phòng KTX và khu thể thao có diện tích hơn 4000 m² dùng chung với Trường Cao đẳng Dầu khí [01.01.11].

- Thư viện của Trường: có 1523 đầu sách, với 4071 cuốn, 01 hệ thống thư viện điện tử [01.01.12].

Tầm nhìn, sứ mạng của PVU phù hợp với định hướng phát triển của Trường được hoạch định trong Chiến lược phát triển của Trường “là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với NCKH và thực tiễn sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của PVN và của đất nước. Nhà trường phấn đấu trở thành trường đại học xuất sắc, hàng đầu Việt Nam về đào tạo chuyên ngành dầu khí, cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, đào tạo ra những công dân tri thức có bản lĩnh chính trị, đạo đức và sức khỏe phục vụ quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước” [01.01.13].

Tầm nhìn, sứ mạng của PVU phù hợp với chiến lược phát triển của Ngành Dầu khí do trong Chiến lược phát triển Ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 nhấn mạnh tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dầu khí, cũng như công tác phát triển và quy hoạch các cơ sở đào tạo và NCKH [01.01.14].

Tầm nhìn, sứ mạng của PVU phù hợp với giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho thực hiện phát triển bền vững của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn” [01.01.15].

Kế hoạch hành động trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 [01.01.16] đã hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động theo từng lĩnh vực cho các Phòng ban liên quan (Đào tạo, Tài chính, NCKH....) việc triển khai các hoạt động cụ thể với khung thời gian theo các giai đoạn, dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, để hoàn thành tầm nhìn sứ mạng Trường đã công bố, cụ thể:

- Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp các đơn vị hoàn thiện và phát triển Chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy; thực hiện chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục, đào tạo;

- Phòng ĐN&KHCN chủ trì phối hợp với Phòng Đào tạo gắn kết, phát triển, duy trì hoạt động cộng đồng, hoạt động đối ngoại với các đối tác;

- Khoa Dầu khí, Khoa KHCB chủ trì phối hợp Phòng ĐN&KHCN tăng cường phát triển hoạt động NCKH, tạo môi trường thuận lợi NCKH;

- Phòng TCHC chủ trì phối hợp với các Khoa thu hút, phát triển, đánh giá đội ngũ GV; đảm bảo, duy trì chính sách về tiền lương, thu nhập cho người lao động; đảm bảo đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Phòng QTTB&DA chủ trì đảm bảo, phát triển hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Nhà trường;

- Phòng KHTC đảm bảo tăng nguồn thu, hoàn thiện cơ chế tài chính;

- Phòng ĐN&KHCN củng cố, mở rộng hợp tác, tăng cường thu hút SV quốc tế.

Trên cơ sở chiến lược và kế hoạch hành động, Hiệu trưởng ban hành kế hoạch giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho các đơn vị trong Trường, theo đó Phòng Đào tạo triển khai công tác tuyển sinh đại học chính quy đảm bảo chỉ tiêu 60-100 SV/năm, đào tạo 300-450 SV, tổ chức xây dựng bài giảng điện tử..., Phòng ĐN&KHCB triển khai hoạt động đối ngoại tiếp đón 10-20 đoàn vào, tổ chức cho 02-03 đoàn ra, triển khai các đề tài các đề tài NCKH cấp Nhà nước 01 ĐT, Cấp Bộ/Ngành 03 đề tài, cấp cơ sở 10 đề tài, Phòng TCHC triển khai công tác tổ chức bộ máy, tuyển dụng, chế độ chính sách, đào tạo nội bộ hàng năm cho 250-300 lượt người, Phòng KHTC thực hiện nhiệm vụ giao, đánh giá kế hoạch hàng năm, báo cáo, triển khai hoạt động thu, chi, hạch toán kế toán đúng quy định của Nhà nước, Phòng QTTB&DA triển khai hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản, thiết bị, Khoa KHCB, Khoa Dầu khí triển khai giảng dạy SV đại học chính quy, học viên Thạc sĩ theo Kế hoạch giảng dạy và thời khóa biểu hàng năm, triển khai nghiên cứu các đề tài khoa học các cấp sau khi được phê duyệt; Trung tâm TTTV tổ chức quản lý thư viện, hệ thống thông tin hiệu quả, hàng năm mua bổ sung từ 50-100 đầu sách; Trung tâm BDNC triển khai các khóa đào tạo dịch vụ, các hoạt động dịch vụ khác, doanh thu khoảng 6-7 tỷ đồng/năm [01.01.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Năm 2018, Trường đã tuyên bố giá trị cốt lõi của Trường là:

- "Đức – Tài – Hiếu học, Hiếu tri – Năng động - Sáng tạo - Tinh thần trách nhiệm – Trí tuệ" gắn liền với tầm nhìn, sứ mạng, là tôn chỉ đưa PVU phát triển, đào tạo SV là những con người tri thức có đạo đức, phát triển toàn diện về kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, năng động - bản lĩnh - tự tin hội nhập với cộng đồng quốc tế, đảm nhận tốt công việc trong môi trường đa lĩnh vực, đa văn hoá, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường. PVU luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt và đa dạng trong quản trị Nhà trường, trong giảng dạy và nghiên cứu, trong định hướng phát triển của Trường. Giá trị cốt lõi này Nhà trường đã giải thích rõ để mọi người cùng hiểu [01.02.01].

- Đồng thời Trường đã ban hành sổ tay văn hóa Đại học Dầu khí Việt Nam trong đó phân tích rõ chuẩn mực ứng xử chung, chuẩn mực ứng xử cán bộ nhân viên PVU,

chuẩn mức ứng xử SV – học viên; quy định một số quy ước, văn hóa ứng xử của CBNV gồm văn hóa giao tiếp, chào hỏi, văn hóa giới thiệu và tự giới thiệu, văn hóa nói chuyện, văn hóa sử dụng danh thiếp, văn hóa cảm ơn, xin lỗi, văn hóa ứng xử với đồng nghiệp, với khách hàng/đối tác, văn hóa trong làm việc, trong hội họp, sử dụng email, điện thoại, văn hóa trong hoạt động tập thể, trong dự tiệc, trong ngồi xe; với SV và học viên gồm văn hóa đúng giờ và thái độ học tập, văn hóa trang phục và tác phong, văn hóa thực hiện kỷ cương học đường, văn hóa ứng xử với CBNV Trường, văn hóa xếp hàng, văn hóa giữ gìn cảnh quan Nhà trường, văn hóa ứng xử với khách đến trường, văn hóa sử dụng tài nguyên Nhà trường, văn hóa ứng xử trong NCKH-kỹ thuật [01.02.02].

Giá trị văn hóa cốt lõi của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam được đúc kết từ 44 năm hình thành và phát triển của Ngành Dầu khí. Văn hóa Dầu khí là văn hóa của những người đi tìm lửa (được đúc kết từ lịch sử truyền thống của các thế hệ Cha, Anh đi trước, từ thời điểm tìm kiếm, khai thác những giọt dầu đầu tiên) biểu hiện rõ nhất văn hóa PVN, PVU là logo nền xanh, có ngọn lửa [01.02.03], trên Backdrop các Hội nghị, hình ảnh trên website của PVN và PVU đều có hình ảnh giàn khoan, quà tặng đối tác, khách của PVN, PVU là các bức tranh, mô hình giàn khoan, con tàu chở dầu, với PVU là hình ảnh logo nền xanh có ngọn lửa, hình ảnh con tàu tri thức [01.02.04]. Ngay tên Trường Đại học cũng gắn liền với hình ảnh là Trường Đại học của Ngành Dầu khí. Hình ảnh PVU được biết đến rộng rãi hơn thông qua hình ảnh Ngành Dầu khí, thu hút các đối tác quốc tế tìm đến PVU xúc tiến các hoạt động hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi SV.

Từ giá trị cốt lõi, giá trị văn hóa này CBNV, SV Trường biến văn hóa thành hành động để đạt được tầm nhìn, sứ mạng:

- Thể hiện Đức: CBNV, SV trong cuộc sống và sinh hoạt luôn tuân thủ các quy định, nội quy của Nhà trường, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, (dạy học, xây nhà tình nghĩa, vệ sinh đường..), hoạt động cộng đồng tại địa phương [01.02.05].

- Thể hiện tài năng: SV Trường đã đạt các giải cao tại các cuộc thi Olympic Toán, Vật lý, Hóa học, từ năm 2014-2018, SV trường đạt 128 giải, trong đó có 25 giải nhất, 36 giải nhì, 47 giải ba, 20 giải khuyến khích, tập thể 02 năm đạt giải nhất toàn đoàn môn Vật lý. Ngoài ra, SV Trường đạt các giải cao tại các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao do tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức, 01 GV được trao giải quả cầu vàng [01.02.06].

- Sự năng động sáng tạo, trí tuệ của CBGD: từ năm 2015-2019, CBGD đã tham

gia nghiên cứu 01 đề tài cấp Nhà nước, 04 đề tài Nafosted cấp Bộ, 01 đề tài cấp Sở, 06 đề tài cấp Ngành, cùng nhiều đề tài cấp Trường, hướng dẫn SV nghiên cứu nhiều đề tài đề vận dụng trong học tập và nghiên cứu [01.02.07]. Ngoài ra, CBGD có 133 bài báo được đăng trên các tạp chí, hội nghị uy tín trong và ngoài nước, trong đó, 37 bài báo quốc tế SCI, SCIE thuộc danh mục ISI [01.02.08].

- Tinh thần trách nhiệm: Trong công việc các CBNV đều nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hàng năm, trong đánh giá thi đua -khen thưởng cuối năm có 100% CBNV được xếp loại lao động tiên tiến trở lên, có 01 Huân chương LĐ hạng 3, 05 cán bộ được tặng bằng khen Bộ Công thương, 01 cán bộ được tặng bằng khen nhà quản lý dầu khí tiêu biểu...[01.02.09].

- Hiệu học, hiệu tri: CBNV hàng năm tích cực tham gia các khóa học dài hạn, ngắn hạn nhằm bổ sung, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, từ năm 2014-2018 có 1588 lượt đào tạo, bình quân 01 CBNV tham gia 04 lượt/năm.

Đầu năm, tại buổi họp giao ban, Lãnh đạo Trường đã tuyên bố nội dung văn hóa, quán triệt, phổ biến truyền thống của Ngành Dầu khí, trên cơ sở đó định hướng các đơn vị thực hiện, triển khai các nội dung giá trị văn hóa [01.02.11], Hàng năm, trong tuần sinh hoạt công dân, trong bài phát biểu của Hiệu trưởng trước toàn thể SV có nói về nội dung giá trị văn hóa, cốt lõi của Trường [01.02.12]. Giá trị văn hóa cốt lõi sau khi tuyên bố chính thức, Lãnh đạo Trường đã phân công tác phòng ban liên quan thực hiện, Phòng TCHC đã triển khai đưa toàn bộ giá trị cốt lõi của trường vào từng nội dung công tác của các đơn vị theo chức trách nhiệm vụ được giao để thực hiện [01.02.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Các đơn vị/tổ chức chính trị - xã hội thuộc trường đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, quán triệt và giải thích rõ ràng để cán bộ nhân viên, SV, các bên liên quan biết và hiểu rõ nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa của PVU, bằng các hình thức:

- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi được in thành các bảng đặt tại vị trí trang trọng của Trường; được công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường; in trên Brochure gửi

tới các đối tác, các đơn vị trong các chuyến thăm làm việc, đối ngoại trong và ngoài nước, được sử dụng trong hoạt động quảng bá, tuyển sinh về Trường, được in trên cánh buồm con thuyền tri thức làm quà tặng đối tác, khách hàng [01.03.01].

- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa Trường được Hiệu trưởng trực tiếp quán triệt tại Hội nghị tổng kết công tác và Hội nghị người lao động hàng năm, tại cuộc họp giao ban đầu năm, trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học tới toàn thể SV mới nhập học...[01.03.02].

- Toàn thể CBNV đều nhận được sổ tay văn hóa kèm quyết định công bố được gửi qua email; khi SV nhập học hàng năm đã được tổ chức học tập văn hóa Trường và gửi sổ tay văn hóa qua email tới toàn thể CBNV [01.03.03].

- Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Trường cho CBNV, SV trong đó đặc biệt nhất mạnh về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa PVU [01.03.04].

- PVU gửi công văn nhằm tuyên truyền tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa PVU đến các đơn vị SXKD, đơn vị nghiên cứu khoa học trong Ngành Dầu khí, Công đoàn Dầu khí, Đoàn thanh niên, Hội Dầu khí [01.03.05].

PVU đã triển khai nhiều hoạt động, hình thức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa PVU như trên. Kết quả có 100% CBNV, SV hiểu rõ về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa của Nhà trường trong cuộc thi tìm hiểu về Trường do Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức [01.03.06], các đơn vị SXKD trong Ngành, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Dầu khí Tập đoàn được tuyên truyền và lấy ý kiến, 10/10 tổ chức/đơn vị lấy ý kiến đánh giá hiểu rõ tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa của Trường [01.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

PVU ban hành Quyết định giao cho Phòng Tổ chức – Hành chính là đơn vị đầu mối tiến hành rà soát, cập nhật tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU [01.04.01].

Năm 2014 PVU ban hành tầm nhìn, sứ mạng, đến năm 2018, Lãnh đạo PVU nhận

thấy có một số điểm cần thay đổi đảm bảo phù hợp tình hình hiện tại của PVU và xu hướng phát triển của các cơ sở giáo dục, cũng như bổ sung nội dung giá trị cốt lõi, văn hóa PVU để biểu hiện nét đặc trưng của đơn vị đào tạo, nghiên cứu. Đảng ủy, Hội đồng Trường đã tổ chức cuộc họp nhất trí rà soát, điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa PVU [01.4.02] [01.04.03]; Phòng TCHC gửi email cho toàn thể CBNV, SV lấy ý kiến; gửi công văn đến các đơn vị SXKD, đơn vị nghiên cứu khoa học về việc lấy ý kiến điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU [01.04.04]. Kết quả tổng hợp 100% CBNV, SV, các bên liên quan được lấy ý kiến đồng ý việc PVU cần điều chỉnh, sửa đổi tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU [01.04.05].

Phòng TCHC triển khai và có báo cáo tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU [01.04.06], kết quả PVU đã và đang triển khai đúng hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi PVU đã đề ra, cụ thể:

- Để đạt được tầm nhìn là Trường Đại học định hướng nghề nghiệp- ứng dụng, sứ mạng là Trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với thực tiễn sản xuất trước hết chương trình đào tạo phải hướng đến lĩnh vực chuyên môn rõ ràng, phải ứng dụng thực tiễn được vào các đơn vị SXKD, hiện Trường đang đào tạo 03 chuyên ngành chính là Lọc – Hóa dầu, Khoan – Khai thác Dầu khí, Địa chất – Địa vật lý Dầu khí, với chuyên ngành Lọc – Hóa dầu SV ra trường sẽ làm việc trong các Nhà máy Lọc Dầu, doanh nghiệp chế biến Dầu khí, các đơn vị Phân đạm – hóa chất...với chuyên ngành Khoan – Khai thác, Địa chất – Địa vật lý Dầu khí SV ra trường sẽ làm cho các doanh nghiệp Thăm dò – Khai thác Dầu khí [01.04.07]. Để tăng cường kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo SV sẽ được học học phần kiến tập nghề nghiệp trong năm học 3 và thực tập trong năm cuối tại các đơn vị SXKD trong Ngành Dầu khí như Vietsovpetro, Tổng công ty thăm dò khai thác Dầu khí, Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất, Tổng công ty Phân đạm và Hóa chất dầu khí..., hàng năm Trường đều tổ chức các hoạt động Company Day để SV có điều kiện tiếp cận với các đơn vị SXKD và hiểu được đơn vị SXKD cần những kiến thức kỹ năng gì, để học tập, trau dồi nhằm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp khi ra trường [01.04.08].

- Để đạt được tầm nhìn cùng với Viện Dầu khí hình thành học Học viện Dầu khí tạo ra chuỗi liên kết mạnh để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, trong năm 2014, Cơ quan chủ quản của Trường đã xây dựng đề án Học viện Dầu khí. Đến năm 2018, Lãnh

đạo Tập đoàn Dầu khí đã họp và chỉ đạo triển khai thành lập Học viện Dầu khí Việt Nam trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Viện Dầu khí Việt Nam và Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [01.04.09]. Tháng 4/2018, tháng 12/2018, tháng 3/2019 Tập đoàn đã trình Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước, các Bộ ngành liên quan đề án hình thành Học viện Dầu khí Việt Nam trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Viện Dầu khí Việt Nam và Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [01.04.10]. Đến nay, Trường và Viện tích cực bám sát và giải trình ý kiến góp ý các Bộ, ban ngành liên quan, đang chờ ý kiến phê duyệt cơ quan thẩm quyền.

- Để trở thành một đơn vị đào tạo có tiềm lực nghiên cứu khoa học mạnh đạt trình độ khu vực và quốc tế, PVU xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và thực hiện nghiêm túc kế hoạch; giai đoạn 2015-2019, PVU đã, đang triển khai nghiên cứu 01 Đề tài NCKH cấp Nhà nước, 05 Đề tài Nafoted cấp Bộ/Sở, 06 Đề tài/Nhiệm vụ cấp ngành, đề tài ứng dụng trong lĩnh vực Dầu khí. Bên cạnh đó, PVU có 133 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí uy tín trong và ngoài nước, trong đó 37 bài báo quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE [10.04.11].

- Nhằm thực hiện sứ mạng là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, từ năm 2014-2019, PVU đã tuyển sinh 07 khóa đại học chính quy với tổng 529 SV và đã có 307 SV tốt nghiệp, 03 khóa cao học với tổng số 39 HVCH và có 14 HVCH đã tốt nghiệp. SV được tuyển có điểm trúng tuyển đầu thuộc top cao nhất trong số các Trường đào tạo chuyên môn dầu khí; kết quả học tập hàng năm bình quân 50% SV đạt khá, giỏi trở lên. Hàng năm SV trường tham gia các kỳ thi Olympic Toán, Lý, Hóa, Cơ, tiếng Anh và các cuộc thi thể thao phong trào do tỉnh đoàn Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức. SV Trường sau tốt nghiệp 100% có việc làm, được các đơn vị tuyển dụng đánh giá cao và về chuyên môn, kỹ năng và trình độ tiếng Anh.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

PVU ban hành quy trình rà soát, cải tiến xây dựng, ban hành tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU [01.05.01]; giao Phòng TCHC là đơn vị đầu mối rà soát, cải tiến chất lượng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU [01.05.02].

Trên cơ sở rà soát tầm nhìn, sứ mạng, năm 2018, PVU đã phê duyệt, tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU sửa đổi, bổ sung; lần cải tiến, rà soát năm 2018, giữ nguyên tầm nhìn, sứ mạng bổ sung nội dung giá trị cốt lõi, văn hóa PVU đảm bảo ngoài việc mang nét văn hóa dầu khí còn biểu hiện nét đặc trưng của đơn vị đào tạo, nghiên cứu [01.05.03] lần cải tiến này có nhiều nét mới, đặc biệt giá trị cốt lõi, từng nội dung "Đức – Tài – Hiếu học, Hiếu tri – Năng động - Sáng tạo - Tinh thần trách nhiệm – Trí tuệ" được giải thích rõ ràng, sổ tay văn hóa được ban hành trong đó có chuẩn mực ứng xử, văn hóa ứng xử trong giao tiếp, chào hỏi, giới thiệu và tự giới thiệu, nói chuyện, cảm ơn, xin lỗi, trong hội họp, làm việc, sử dụng email.... Sau khi ban hành, PVU xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền [01.05.04], triển khai tuyên truyền, phổ biến thông qua thông qua bảng biểu, khẩu hiệu đặt tại vị trí trang trọng của tòa nhà, dễ nhìn, dễ thấy [01.05.05], qua trang web của Trường [01.05.06]; gửi công văn phổ biến đến các đơn vị SXKD, đơn vị nghiên cứu khoa học trong Ngành Dầu khí, Công đoàn Dầu khí, Đoàn thanh niên, Hội Dầu khí [01.05.07], in trên Brochure gửi tới các đối tác, các đơn vị trong các chuyến thăm làm việc, đối ngoại trong và ngoài nước, được sử dụng trong hoạt động quảng bá, tuyển sinh về Trường, được in trên cánh buồm con thuyền tri thức làm quà tặng đối tác, khách hàng [01.05.08].

Năm 2018, PVU ban hành quy trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU [01.05.09], quy trình chỉ tập trung, nhấn mạnh xây dựng nội dung cụ thể của tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU, có giải thích các bước rõ ràng, cụ thể:

Bước 1. Đảng ủy thống nhất chủ trương rà soát, cải tiến TN, SM, giá trị cốt lõi, văn hóa;

Bước 2. Đơn vị được giao rà soát TN, SM giá trị cốt lõi, văn hóa;

Bước 3. Lãnh đạo Trường họp thống nhất cải tiến, sửa đổi TN, SM, giá trị cốt lõi, văn hóa

Bước 4. Đơn vị được giao dự thảo cải tiến, sửa đổi TN, SM, giá trị cốt lõi, văn hóa

Bước 5. Gửi lấy ý kiến các bên liên quan về TN, SM, giá trị cốt lõi, văn hóa

Bước 6 Đơn vị được giao tổng hợp ý kiến góp ý, hoàn thiện nội dung theo góp ý

Bước 7 Gửi Lãnh đạo Trường góp ý kiến.

Bước 8 Đơn vị được giao hoàn thiện TN, SM, giá trị cốt lõi, văn hóa trình Hiệu trưởng ký ban hành

Bước 9 Công bố TN, SM, giá trị cốt lõi, văn hóa mới

Bước 10 Giám sát thực hiện, rà soát, cải tiến.

Các bước rõ ràng hơn quy trình năm 2014 là quy trình xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2025, trong đó bao hàm tầm nhìn, sứ mạng [01.05.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường được thừa hưởng từ sự ảnh hưởng về văn hóa truyền thống ngành dầu khí, cũng như thương hiệu, uy tín của Ngành đối với các đối tác trong nước và quốc tế, đặc biệt hệ thống các doanh nghiệp mạnh trong ngành, thuận lợi trong việc thúc đẩy hợp tác giúp SV có nhiều điều kiện thực tập, kiến tập trực tiếp tại đơn vị sản xuất, nghiên cứu khoa học.

- Trường trực thuộc Tập đoàn Dầu khí, nên thuận lợi trong giải quyết các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện tốt các định hướng tầm nhìn, sứ mạng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Trong thời gian qua, nhiều cán bộ giảng dạy có trình độ cao chấm dứt hợp đồng, chuyên công tác do mục tiêu cá nhân nên nguồn lực về nhân sự để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng bị ảnh hưởng.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Đề xuất, đưa ra các giải pháp để thu hút nguồn nhân lực (đa dạng tuyển dụng, cải thiện chế độ chính sách...)	Phòng TCHC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền tới các đơn vị trong và ngoài Ngành thông qua các mối quan hệ đối tác của	Phòng ĐN&KHCN, Phòng TCHC, các đơn vị	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		Trường và đơn vị chủ quản (PVN)			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường đề xuất nguồn lực tài chính thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường (đề xuất các đề tài nghiên cứu các lĩnh vực).	Phòng KHTC, Phòng ĐN&KHCN	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	4
Tiêu chí 1.1	4
Tiêu chí 1.2	4
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục

Hội đồng trường PVU được bổ nhiệm ngày 20/12/2010 theo các quyết định của Hội đồng thành viên PVN với 9 thành viên [02.01.01] là các cán bộ lãnh đạo cao cấp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Đại diện Ban chức năng có liên quan của Tập đoàn và Lãnh đạo các Tổng công ty, liên doanh lớn, đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học thuộc PVN. Năm 2014, PVN ra Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường thay thế cho Phụ trách Hội đồng trường đến tuổi về hưu [02.01.02].

Đảng bộ PVU trực thuộc Đảng bộ PVN, được nâng cấp từ Chi bộ cơ sở Trường Đại học Dầu khí Việt Nam. BCH Đảng bộ gồm 05 đồng chí được Đảng ủy PVN chỉ định [02.01.04]; Đến nay, Đảng bộ PVU trải qua 01 kỳ đại hội năm 2015, nhân sự BCH đảng bộ được ĐU PVN chuẩn y ban đầu gồm 05 thành viên [02.01.05] và 01 lần kiện toàn BCH [02.01.06]. Tính đến 31/8/2019, Đảng bộ PVU có 03 Chi bộ với 39 đảng viên, trong đó có 09 đảng viên là sinh viên [02.01.07]. BCH Đảng bộ gồm 03 thành viên, ĐU PVU đã thực hiện thủ tục kiện toàn, bổ sung nhân sự BCH đang chờ ĐU PVN quyết định [02.01.08].

Công Đoàn PVU trực thuộc Công đoàn Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 72/QĐ-CĐDK ngày 15/2/2011 trên cơ sở công đoàn Ban QLDA Trường Đại học Dầu khí Việt Nam. Nhiệm kỳ và Ban Chấp hành của Công đoàn Trường kế thừa nhiệm kỳ và Ban Chấp hành của Ban QLDA Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [02.01.09]. Giai đoạn 2014 – 2019, Công đoàn Trường đã trải qua 01 nhiệm kỳ đại hội năm 2017 và thực hiện kiện toàn BCH 02 lần [02.01.10]. Hiện nay, BCH Công đoàn gồm 07 thành viên, với 05 Tổ công đoàn 68 công đoàn viên [02.01.11].

Đoàn Thanh Niên PVU trực thuộc Đoàn thanh niên PVN, được nâng cấp từ Chi đoàn cơ sở Trường Đại học Dầu khí, từ năm 2014 – 2019, Đoàn TN PVU đã trải qua 02 kỳ đại hội [02.01.07]. Tính đến thời điểm hiện nay, BCH ĐTN gồm 10 đồng chí với 10 Chi đoàn, tổng số 230 Đoàn viên Thanh niên (trong đó, 20 đoàn viên thanh niên là

cán bộ công nhân viên Trường). Ban Thường vụ Đoàn TN gồm 4 thành viên bao gồm 1 Bí thư, 2 Phó Bí thư và 1 ủy viên là cán bộ công nhân viên, thường trực gồm 3 thành viên BTV ngoại trừ Phó Bí thư là sinh viên.

Tổ chức Đảng và Đoàn thể của PVU được thành lập theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, Luật Giáo dục đại học, điều lệ Trường Đại học, quy định chung của tổ chức đoàn thể.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo được thành lập từ năm 2011 [02.01.15], giai đoạn từ 2014 – 2019, Hội đồng đã trải qua 02 lần được điều chỉnh vào năm 2016 [02.01.16]. Hiện nay, Hội đồng KH&ĐT gồm 15 thành viên với thành phần theo đúng quy định của Bộ GD, Luật GDDH.

Hội đồng Đảm bảo chất lượng được thành lập vào tháng 11/2018 [02.01.17] bao gồm 14 thành viên trong đó Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng, các thành viên là các trưởng các đơn vị trong trường.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường, quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng trường được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Hội đồng trường chịu trách nhiệm về phương hướng hoạt động của Trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho Trường, bảo đảm thực hiện định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ của Trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tập đoàn về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Hội đồng trường có những nhiệm vụ và quyền hạn: Báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Tập đoàn về định hướng phát triển, các vấn đề lớn về quản trị và tổ chức của Trường, các vấn đề vượt thẩm quyền của Trường như dự toán kinh phí chi tiết hàng năm trên cơ sở kế hoạch chính do Tập đoàn giao, thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Trường trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng. Thông qua phương án về tổ chức bộ máy, lao động tiền lương trên cơ sở kế hoạch đã được Tập đoàn phê duyệt; quyết định những vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân sự của Trường theo đề nghị của Hiệu trưởng. Giám sát các hoạt động của Trường; định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu Hiệu trưởng báo cáo giải trình về các hoạt động của Trường. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng trường: Chủ trì chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng trường. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp của Hội đồng trường; triệu tập các cuộc họp Hội đồng trường; là người chịu trách nhiệm chính về các nghị quyết và việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng

trường; Thay mặt Hội đồng trường ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng trường; Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng trường phù hợp với quy định về cách thức làm việc của Hội đồng trường; Được quyền sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của Trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường vắng mặt từ 10 ngày làm việc trở lên thì phải ủy quyền cho một trong số các thành viên của Hội đồng trường đảm nhận trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng trường. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và đọc thông báo công khai. Thời gian ủy quyền là không quá 06 tháng và không được áp dụng việc ủy quyền 02 lần liên tiếp của Chủ tịch Hội đồng trường được quy định. Theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao, để thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động, hàng năm, Hội Đồng trường ban hành kế hoạch hoạt động của [02.01.18], triển khai các cuộc họp định kỳ [02.01.19], để thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng phương hướng, giám sát thực hiện và có các Quyết định, nghị quyết [02.01.20] để định hướng, quản lý, chỉ đạo thực hiện, thực hiện các nhiệm vụ được giao về cơ cấu tổ chức, nhân sự; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế; chủ trương tuyển sinh; đào tạo; cơ sở vật chất; chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo; tuyển dụng; chế độ chính sách; NCKH; Đào tạo bồi dưỡng nâng cao, giám sát hoạt động của Trường. Cuối năm, HĐT tổng kết lại công tác trong năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm tiếp theo [02.01.21]. Các hoạt động của HĐT thể hiện việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Đảng bộ Trường hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo hướng dẫn của BCH Trung ương. Trách nhiệm, quyền hạn của BCH Đảng bộ, các thành viên trong BCH được quy định trong Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020 [02.01.22], cụ thể BCH Đảng bộ có trách nhiệm, quyền hạn: lãnh đạo toàn diện các mặt công tác của Đảng bộ, trọng tâm là nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học gắn với công tác chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể; Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình công tác toàn khóa, kế hoạch công tác hàng năm của Đảng ủy, Quy chế làm việc của BCH, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra đảng ủy; Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, giảng viên và CBNV PVU quán triệt thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn và PVU; Thực hiện các vấn đề về công tác cán bộ theo quy định của Điều lệ Đảng, quyết định

phân cấp quản lý cán bộ của Hội đồng thành viên PVN và Quy chế phối hợp giữa ĐU, HĐT và BGH về công tác cán bộ; Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ; thảo luận thông qua và văn kiện trình Đại hội, chuẩn bị những vấn đề về tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu và danh sách nhân sự giới thiệu với Đại hội bầu BCH khóa mới, bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ Tập đoàn theo Quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương và của Đảng ủy Tập đoàn. Trách nhiệm giải trình của các thành viên trong BCH cũng được quy định trong Quy chế Ban chấp hành Đảng bộ như: Đồng chí Bí thư có nhiệm vụ: là người đứng đầu và trung tâm đoàn kết của Đảng bộ, chịu trách nhiệm cao nhất và cùng với BCH chịu trách nhiệm trước Đảng ủy PVN, trước Đảng bộ Trường về kết quả lãnh đạo của đảng ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy có trách nhiệm: Cùng với đồng chí Bí thư thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng trường, Hiệu trưởng...; Thay mặt đồng chí Bí thư trong một số công việc cụ thể khi được phân công hoặc ủy quyền; Chịu trách nhiệm trước BCH và đồng chí Bí thư về công tác được giao. Ủy viên BCH có trách nhiệm: Tham gia nội dung lãnh đạo của tập thể BCH và chịu trách nhiệm trước BCH về nhiệm vụ được phân công...thường xuyên báo cáo với ĐU tình hình, kết quả hoạt động của mình và đề xuất ý kiến về phần việc của mình phụ trách. Trong quá trình hoạt động, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn, BCH Đảng Bộ tiến hành họp một lần/quý và họp đột xuất khi cần thiết để bàn bạc, cho ý kiến, thống nhất chủ trương, chỉ đạo thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức: về công tác chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của PVU, công tác nhân sự (bổ nhiệm, quy hoạch, đánh giá cán bộ, đảng viên...), kết nạp đảng viên, công tác về nguồn, kiểm định chất lượng của PVU, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học [02.01.23], từ đó Đảng có những Nghị quyết chỉ đạo, quyết định các công tác của Đảng bộ, của Trường [02.01.24]. Cuối năm, Đảng bộ thực hiện tổng kết lại công tác đã thực hiện trong năm và xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho năm sau [02.01.25].

Công đoàn Trường hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Trong thời gian từ năm 2014 đến 2019, Công đoàn Trường đã trải qua 02 nhiệm kỳ, nhiệm kỳ 02 từ năm 2012 đến 2017, nhiệm kỳ 3 từ năm 2017 đến 2022. Ban chấp hành Công đoàn gồm 07 ủy viên. Công đoàn có trách nhiệm [02.01.26]: nâng cao lợi ích, bảo vệ quyền người lao động, tham gia xây dựng và kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ có liên quan trực tiếp đến người lao động [02.01.27]; Ngoài ra Công đoàn Trường còn tổ chức thực hiện các chương trình công tác đoàn thể, công tác an sinh xã hội. Công

đoàn Trường còn phối hợp với Ban giám hiệu Trường để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và quy định của Tập đoàn DKVN. Hàng năm Công đoàn phải có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động trước toàn thể CBNV trong trường, báo cáo tới Công đoàn Dầu khí Việt nam, và xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động cụ thể cho năm sau.

Đoàn Thanh niên trong giai đoạn từ 2014 đến 2019 đã trải qua 2 lần Đại hội, BCH hiện nay bao gồm 10 đồng chí, đã được Đoàn TN Tập đoàn chuẩn y [02.01.29]. Theo đó, Bí thư Đoàn TN phụ trách chung mọi hoạt động của Đoàn Trường, chịu trách nhiệm trước Đảng Ủy Trường và Đoàn cấp trên về hoạt động công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu niên của Trường, trực tiếp và phụ trách công tác tổ chức cán bộ, công tác tài chính, thi đua khen thưởng của Đoàn trường; Phó Bí thư điều phối các hoạt động theo chương trình, kế hoạch công tác của Đoàn Trường, phụ trách công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đoàn ở các Chi đoàn trực thuộc, chủ động nắm bắt dư luận xã hội về các hoạt động của Đoàn Trường, đặc biệt là các diễn biến tâm lý, tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; các đồng chí ủy viên khác phối hợp với ban thường vụ Đoàn để tổ chức và triển khai các hoạt động theo kế hoạch đã đề ra của Đoàn Trường. Theo quy định BCH Đoàn Trường họp một lần/quý và họp đột xuất khi cần thiết để thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình. Cuối năm, Đoàn TN thực hiện tổng kết lại công tác đã thực hiện trong năm và xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho năm sau [02.01.30].

Hội đồng Khoa học Đào tạo hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [02.01.31] với chức năng: tổ chức tư vấn cho Hội đồng trường và Hiệu trưởng về các vấn đề phát triển khoa học công nghệ và đào tạo của Trường và các nhiệm vụ. Cụ thể, tư vấn cho HĐT, HT về: Các quy chế, quy định về công tác đào tạo, NCKH; phương hướng, kế hoạch, quy trình tổ chức đào tạo các ngành học, cũng như nội dung các chương trình, học phần; mở ngành mới. Công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ dạy và học của Nhà trường.; Phương hướng mục tiêu và nhiệm vụ hoạt động KH&CN hàng năm, trung hạn và dài hạn của Nhà trường; Kế hoạch hợp tác quốc tế về KH&CN, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng KH&ĐT: Được mời tham dự các cuộc họp, hội thảo và đào tạo, KH&CN; Chịu trách nhiệm trước HĐT và HT về các ý kiến tư vấn và kiến nghị của mình. Trách nhiệm giải trình của các thành viên trong HĐ được quy định cụ thể, đối với Chủ tịch HĐ: Chỉ đạo, điều hành hoạt động

của HĐ phù hợp với các quy định, quy chế; Chỉ đạo công tác chuẩn bị nội dung tại kỳ họp của Hội đồng; Triệu tập và chủ trì các kỳ họp. Trong thời gian vắng mặt, Chủ tịch ủy quyền cho Phó Chủ tịch giải quyết các công việc của Hội đồng; Chịu trách nhiệm những nội dung nêu trong báo cáo của Hội đồng. Phó Chủ tịch Hội đồng: Giúp CTHĐ thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm về phần công tác được CTHĐ phân công phụ trách. Ủy viên thường trực Hội đồng: Đề xuất các ý kiến tư vấn đối với các phần công việc được phân công; Đề xuất kế hoạch, nội dung chương trình làm việc để Thường trực Hội đồng thông qua; Đề xuất các ý kiến về nội dung, chương trình, lề lối làm việc; đánh giá các hoạt động chuyên môn của HĐ. Thư ký Hội đồng: Giúp CT, P.CT HĐ chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu và điều kiện làm việc cho các kỳ họp. Tổng hợp các ý kiến tại các cuộc họp của Thường trực và Hội đồng, dự thảo Báo cáo, Biên bản và Nghị quyết của HĐ; Theo Quy chế, Hội đồng KH&ĐT họp định kỳ 06 tháng một lần và họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch hoặc nếu có 1/3 số ủy viên Hội đồng đề nghị; Nội dung họp nhằm có những ý kiến tư vấn cho HĐT, HT các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐ như: góp ý, thông qua khung chương trình đào tạo mới, góp ý mô hình hoạt động, nhu cầu bổ nhiệm GS, P.GS, thông qua đề án đào tạo, thẩm định mở ngành, góp ý về các quy chế, quy định; Phương hướng, kế hoạch, quy trình tổ chức đào tạo các ngành học trong Nhà trường, thành lập, giải thể các khoa kế hoạch đào tạo, phát triển giảng viên, cán bộ NCKH, đề nghị khen thưởng về hoạt động đào tạo, NCKH [02.01.37]. Cuối năm, giữa và cuối các nhiệm kỳ, HĐ KH&ĐT tổng kết, đánh giá lại hoạt động của mình, đưa ra các phương hướng, nhiệm vụ cho năm, kỳ hoạt động sau [02.01.38].

Nhằm quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, các mối quan hệ, các nội dung và quy trình xử lý công việc giữa Đảng ủy, Hội đồng trường và Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam; để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức theo quy định; Hệ thống quản trị của PVU đã ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy – Hội đồng trường và Hiệu trưởng [02.01.30] quy định các nội dung phối hợp về: Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của Trường; Đầu tư, đấu thầu, liên doanh, hợp đồng; Công tác tổ chức; Cán bộ và quy hoạch cán bộ; Lao động, tiền lương, chế độ chính sách; Tài chính, kế toán, Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội; Các vấn đề khác.

Mối quan hệ làm việc giữa Ban Giám hiệu và Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở Trường Đại học Dầu khí Việt Nam nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Tập

đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức theo dõi thi đua, khen thưởng, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động còn được quy định tại Quy chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu và BCH Công đoàn Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [02.01.31]

Trách nhiệm giải trình của Hội đồng trường, Hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng trong công tác quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ được quy định trong Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành năm 2019 [02.01.39].

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng, trách nhiệm giải trình của các thành viên trong Hội đồng được nêu trong QĐ thành lập Hội đồng [02.01.17]. Hội đồng đảm bảo chất lượng có chức năng: tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng PVU về các vấn đề liên quan đến công tác ĐBCLGD theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học nhằm duy trì, cải tiến liên tục để nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường phù hợp với Chiến lược phát triển, Chiến lược ĐBCLGD PVU. Hội đồng Đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ, quyền hạn: Thảo luận, cho ý kiến, kiến nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định về các vấn đề: Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định về ĐBCLGD phù hợp với sứ mạng, chiến lược phát triển, tầm nhìn của PVU và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác ĐBCLGD; Các biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ ĐBCLGD của các đơn vị trực thuộc; Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục, cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của các đơn vị trực thuộc; Tư vấn cho Hiệu trưởng quyết định các vấn đề: Ban hành, sửa đổi, bổ sung kế hoạch và biện pháp thực thi có hiệu quả công tác ĐBCLGD hàng năm; Bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng khi vi phạm pháp luật, đạo đức tác phong, hết nhiệm kỳ; Thành lập Hội đồng tự đánh giá và các tổ giúp việc để triển khai công tác tự đánh giá; Hướng dẫn, giải thích cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ ĐBCLGD; Tiếp nhận các kiến nghị, giải pháp, sáng kiến về công tác ĐBCLGD; Tổng kết rút kinh nghiệm về hoạt động ĐBCLGD của Nhà trường. Trách nhiệm giải trình của các thành viên trong Hội đồng ĐBCL được quy định như sau: Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Hội đồng và có nhiệm vụ: Chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Hội đồng; Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung thảo luận tại phiên họp hội đồng; Triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng; Phê duyệt, kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung các quy định trong lĩnh vực ĐBCLGD của PVU; Tham mưu cho Hiệu trưởng phê duyệt

chiến lược và kế hoạch hoạt động ĐBCL hàng năm; Đề xuất danh sách Hội đồng tự đánh giá để Hội đồng thảo luận trình Hiệu trưởng quyết định; Đề xuất chương trình, dự án cải thiện nâng cao chất lượng giáo dục; Được ủy quyền cho Phó Chủ tịch giải quyết các công việc của Hội đồng. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng: Giải quyết các công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công; Thay mặt Chủ tịch Hội đồng điều hành và giải quyết các công việc của Hội đồng khi được ủy quyền; Phê duyệt chương trình làm việc và các báo cáo được đưa ra thảo luận tại các phiên họp của Hội đồng. Nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng: Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng; Góp ý kiến về các nội dung của phiên họp Hội đồng; Phải dành thời gian nhất định để thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng, được quyền biểu quyết, bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm về các ý kiến riêng của mình; Chịu trách nhiệm về công tác ĐBCL tại đơn vị phụ trách. Nhiệm vụ Thư ký: Phối hợp với Bộ phận ĐBCL, Phòng Đào tạo chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng quyết định; Ghi chép các ý kiến của các thành viên Hội đồng. Lập biên bản phiên họp Hội đồng; Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại phiên họp gần nhất của Hội đồng. Nhằm triển khai hoạt động của HĐ, Hội đồng đã ban hành Chiến lược hoạt động [02.01.40] và có chiến lược, kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, cho năm 2019 [02.01.41].

Các tổ chức trong hệ thống quản trị của PVU đều có hệ thống văn bản riêng để quản lý các hoạt động của PVU.

Để tổ chức, quản lý theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hàng năm Hội đồng trường đều ban hành kế hoạch hoạt động để định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ hoạt động chính của Trường về hệ thống quản lý, nhân sự, đào tạo sinh viên, đào tạo cán bộ, đào tạo bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học trong quá trình hoạt động trong năm, HĐT có những Nghị quyết, quyết định thực hiện kế hoạch hoạt động của mình, để quản lý, tổ chức hướng dẫn cụ thể hơn cho các hoạt động của Trường, định hướng những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động như về định hướng phát triển: ban hành Chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2015 – 2025, trình PVN kế hoạch hoạt động hàng năm của PVU (từ năm 2016 về trước ủy quyền cho HT ký văn bản trình PVN), ý kiến về phương án sắp xếp Trường Đại học Dầu khí VN, ban hành các Chương trình hành động của PVU theo chỉ đạo của PVN, về tổ chức bộ máy, lao động tiền lương, chế độ, chính sách của người lao động: Quy chế trả lương, thưởng của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, Quy chế quản lý kinh phí dành cho công tác đào tạo của PVU, Quy chế Quản

lý cán bộ của PVU, Quy chế đối thoại định kỳ, Quy chế dân chủ cơ sở và các Nghị quyết đồng ý bổ nhiệm cán bộ, quy hoạch cán bộ, xếp loại người đại diện, chỉ đạo tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao, kiện toàn nhân sự, giải thể Trung tâm Ngoại ngữ, gia hạn phụ cấp điều động làm việc tại Bà Rịa Vũng Tàu đến hết 31/12/2016.[02.01.42]; về công tác đào tạo đại học, sau đại học, chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo: Quy chế tổ chức và Quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học DKVN, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng khoa học và Đào tạo PVU, Quy chế giảng viên cơ hữu và các Nghị quyết chỉ đạo về xây dựng chương trình đào tạo mới, đào tạo văn bằng hai, đào tạo trình độ ThS, xây dựng đề cương chi tiết các học phần, tuyển sinh.. [02.01.44]; về công tác tài chính, kế toán: Quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng kinh phí dự phòng; về cơ sở vật chất: có những ý chỉ đạo về công tác xây dựng cơ sở vật chất của Trường, Ký túc xá sinh viên, trụ sở chính của Trường [02.01.45]; [02.01.46]; về Nghiên cứu khoa học, đối ngoại: Quy chế hoạt động Nghiên cứu khoa học của sinh viên PVU, Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của PVU, Quy chế Quản lý Tài sản Trí tuệ của PVU, chỉ đạo đẩy mạnh công tác NCKH của cán bộ và SV PVU [02.01.47]. Cuối năm hoạt động, giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ, HĐT có các báo cáo tổng kết, đánh giá lại các hoạt động của Hội đồng làm cơ sở xây dựng, định hướng hoạt động trong các năm, thời gian hoạt động tiếp theo.

Hàng năm, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Dầu khí Việt Nam lần thứ I, nhiệm kỳ 2015 – 2020 [02.01.49], Đảng Ủy Trường đều xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho năm tiếp theo với các chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể, là cơ sở để chỉ đạo, định hướng hoạt động của chính quyền xây dựng kế hoạch hoạt động của Nhà trường của các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội đồng KH&ĐT..) xây dựng kế hoạch hoạt động cho nhiệm kỳ, cho các năm. Trong năm, Đảng ủy họp, thảo luận, quyết định và ban hành các Biên bản, các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền: Tổ chức, nhân sự, cơ cấu bộ máy, quy hoạch cán bộ. [02.01.50], về kết nạp Đảng viên [02.01.51] về công tác chính trị của PVU [02.01.52], đánh giá, xếp loại tổ chức và đảng viên [02.01.53], kiểm tra, giám sát [02.01.54] công tác của Công đoàn [02.01.55], công tác của ĐTN [02.01.56]. Cuối năm hoạt động, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ tại Đại hội Đảng bộ, ĐU có các báo cáo đánh giá lại hoạt động của Đảng bộ và xây dựng kế hoạch cho thời gian tiếp theo.

Hàng năm, căn cứ Nghị quyết Công đoàn [02.01.57], Công đoàn Trường đều xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho năm tiếp theo với các chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể [02.01.58]. Căn cứ kế hoạch năm, các hoạt động trong năm cũng được cụ thể hóa theo các wuy định và hướng dẫn như, kiện toàn nhân sự, tổ chức bộ máy [02.01.59], kết nạp đảng viên [02.01.60], kế hoạch chi quỹ khen thưởng – PL [02.01.61]. Cuối năm BCH công đoàn có tổng kết, đánh giá rà soát tất cả các các hoạt động theo hướng dẫn của Công đoàn Dầu khí và gửi báo cáo về Công đoàn Dầu khí.

Đoàn thanh niên lên kế hoạch hoạt động cho nhiệm kỳ và hàng năm theo các chỉ đạo, chỉ tiêu của Đảng ủy. Trong 2 nhiệm kỳ liên tục từ năm 2014-2019, Đoàn Thanh niên Trường hoạt động dựa trên Nghị quyết từ Đại hội Đoàn [02.01.62], chỉ đạo các Chi đoàn cơ sở tổ chức các hoạt động theo định hướng đã đề ra từ Đại hội. Đoàn Thanh niên có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý hiệu quả các hoạt động trong nội bộ Đoàn. Từ đó, quản lý, duy trì và cải tiến các hoạt động, đảm bảo phát triển lâu dài một cách minh bạch. Hệ thống quản lý văn bản của Đoàn Thanh niên Trường được quản lý thông qua hệ thống văn bản online nằm trong hệ thống của Trường. Bằng cách duy trì quản lý online, các thông tin được cập nhật kịp thời đến các Đoàn viên và ghi nhận ý kiến phản hồi một cách nhanh chóng.

Hội đồng KH&ĐT trên cơ sở kế hoạch được HĐT, ĐU giao, hàng năm đã xây dựng chương trình hoạt động cho tổ chức mình. Trong quá trình hoạt động, HĐ KH&ĐT đã thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho HĐT, HT về: Các quy chế, quy định về công tác đào tạo, NCKH [02.01.66] ; phương hướng, kế hoạch, quy trình tổ chức đào tạo các ngành học nội dung các chương trình, học phần; mở ngành mới[02.01.67]. Công tác biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ dạy và học của Nhà trường[02.01.68]; Phương hướng mục tiêu và nhiệm vụ hoạt động KH&CN hàng năm, trung hạn và dài hạn của Nhà trường [02.01.69]. Cuối năm, Hội đồng đánh giá lại những hoạt động của tổ chức, đánh giá các thuận lợi, khó khăn và có phương hướng khắc phục, chương trình hoạt động cho năm tiếp theo.

Trên cơ sở nhiệm vụ của tổ chức mình, năm 2019 Hội đồng ĐBCL đã xây dựng KH hoạt động với các mục tiêu cụ thể và có cuộc họp triển khai công tác theo thẩm quyền: góp ý xây dựng chiến lược Đảm bảo chất lượng, sổ tay đảm bảo chất lượng [02.01.70].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Dầu khí Việt Nam lần thứ I, nhiệm kỳ 2015 – 2020, hàng năm, Đảng ủy Trường xây dựng kế hoạch hoạt động dùng chung] với các chỉ tiêu cụ thể về công tác chính trị của PVU như: hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch năm 2019 được Tập đoàn phê duyệt, nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sỹ và có học hàm Phó Giáo sư từ năm 53% và 5% hiện tại lên khoảng 60% và 7% (chỉ tiêu đại hội đến năm 2020 là 75% và 10%), hoàn thành việc đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng Trường, xây dựng đề án kiểm định CTĐT theo chuẩn ABET trình Tập đoàn, Xây dựng và trình các cơ quan có thẩm quyền các đề án liên kết đào tạo với các đại học Hoa Kỳ, giữ vững tỉ lệ 1.0 bài báo/CBGD/năm (chỉ tiêu Đại hội là 0.5 bài báo/CBGD/năm) xây dựng bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm (chỉ tiêu đại hội hoàn thành bài giảng điện tử đến năm 2020, từ năm 2016 bắt đầu xuất bản giáo trình cơ sở); về công tác đảng như: phấn đấu 100% chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ (như chỉ tiêu đại hội đảng bộ đề ra), 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ (chỉ tiêu đại hội đảng là trên 95%), 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kết nạp từ 5-7 quần chúng ưu tú vào đảng trong đó có 2-3 đối tượng là sinh viên (từ năm 2015-2018 đã kết nạp 13 quần chúng, chỉ tiêu đại hội là 15-20/nhiệm kỳ), các tổ chức chính trị xã hội đạt danh hiệu vững mạnh, xuất sắc và tiên tiến xuất sắc.

Từ mục tiêu hàng năm do Đảng ủy đặt ra cho công tác chính trị của PVU như: Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch năm 2019 được Tập đoàn phê duyệt; Nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sỹ và có học hàm Phó Giáo sư từ năm 53% và 5% hiện tại lên khoảng 60% và 7% (chỉ tiêu đại hội đến năm 2020 là 75% và 10%); Hoàn thành việc đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng Trường; xây dựng đề án kiểm định CTĐT theo chuẩn ABET trình Tập đoàn; Xây dựng và trình các cơ quan có thẩm quyền các đề án liên kết đào tạo với các đại học Hoa Kỳ; giữ vững tỉ lệ 1.0 bài báo/CBGD/năm (chỉ tiêu Đại hội là 0.5 bài báo/CBGD/năm)..xây dựng bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm ...(chỉ tiêu đại hội hoàn thành bài giảng điện tử đến năm 2020, từ năm 2016 bắt đầu xuất bản giáo trình cơ sở); Hội đồng trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội đồng trường chỉ đạo BGH thực hiện

các mục tiêu ĐU đã đề ra: Hoàn thành vượt mức kế hoạch được PVN giao, Duy trì, triển khai kế hoạch đào tạo dài hạn, và tuyển dụng nhằm nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sỹ và có học hàm Phó Giáo sư từ năm 53% và 5% hiện tại lên khoảng 60% và 7%; Đẩy mạnh công tác thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục để hoàn thành công tác kiểm định chất lượng trong năm 2019; xây dựng đề án kiểm định CTĐT theo chuẩn ABET trình Tập đoàn; Xây dựng và trình các cơ quan có thẩm quyền các đề án liên kết đào tạo với các đại học Hoa Kỳ; giữ vững tỉ lệ 1.0 bài báo/CBGD/năm. Trên cơ sở chỉ đạo của ĐU và HĐT, Ban Giám hiệu Trường đã xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ hoạt động hàng năm [02.02.01] cho từng đơn vị trong Trường với các nội dung, chỉ tiêu cụ thể hóa các định hướng, chỉ đạo của ĐU, HĐT theo lĩnh vực được phân công: Phòng Đào tạo: giao kế hoạch về tuyển sinh, chương trình đào tạo, kiểm định chất lượng, quản lý sinh viên..., Phòng Kế hoạch – Tài chính được giao các chỉ tiêu về thu, chi tài chính. Phòng Tổ chức – Hành chính được giao kế hoạch về tuyển dụng, nhân sự, đào tạo nội bộ, hành chính quản trị, Trung tâm Bồi dưỡng Nâng cao được giao kế hoạch về thu, chi, lượt đào tạo dịch vụ..., Trung tâm Thông tin – Thư viện được giao kế hoạch về quản lý thư viện, quản lý, xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ, thông tin.

Hàng năm, căn cứ Nghị quyết Công đoàn Trường Đại học Dầu khí Việt Nam lần thứ I, nhiệm kỳ 2012-2017, lần thứ II, nhiệm kỳ 2017 – 2022, căn cứ nhiệm vụ do Đảng ủy Trường đề ra, Công Đoàn Trường xây dựng kế hoạch hoạt động với các hành động cụ thể như: Công đoàn PVU tích cực phối hợp, tham gia với chính quyền xây dựng, điều chỉnh nội quy, quy chế, chế độ liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của CBCNV, tham gia đóng góp ý kiến trong việc sử dụng quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động chung của PVU, đóng góp ý kiến trong quá trình xem xét xếp lương cho CBCNV; Giám sát việc thực hiện nội dung các quy định liên quan đến quyền lợi, chế độ của người lao động như lương và các khoản phúc lợi khác. Công đoàn tích cực quan tâm, chăm lo đời sống của CBCNV như thăm hỏi, động viên chia sẻ về vật chất, như tinh thần các trường hợp ốm đau, sinh nở, cưới hỏi... tổ chức các hoạt động truyền thống như 8/3, 20/10, nghỉ mát hè, tổ chức ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, ngày rằm trung thu, khen thưởng các cháu có thành tích học tập cao. Công đoàn tiếp tục hỗ trợ hàng tháng cho các Câu lạc bộ tennis, bóng đá; vận động CBCNV tham gia các phong trào thể dục thể thao do công đoàn Ngành và các đơn vị bạn tổ chức.

Hội đồng KH&ĐT căn cứ chủ trương của HĐT, ĐU, BGH xây dựng kế hoạch hoạt động cho tổ chức mình với các chỉ tiêu cụ thể: Cho ý kiến tư vấn xây dựng đề án kiểm định CTĐT theo chuẩn ABET trình Tập đoàn, Cho ý kiến về xây dựng và trình các cơ quan có thẩm quyền các đề án liên kết đào tạo với các đại học Hoa Kỳ..., Tư vấn giải pháp đảm bảo giữ vững tỉ lệ 1.0 bài báo/CBGD/năm (chỉ tiêu Đại hội là 0.5 bài báo/CBGD/năm)..Tư vấn cho các nội dung xây dựng bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm ...

Từ các kế hoạch hoạt động đã đề ra, hệ thống quản trị của PVU đã triển khai các hoạt động cụ thể thực hiện kế hoạch.

Hội đồng trường đã tổ chức những cuộc họp định kỳ, lấy ý kiến để chỉ đạo, quyết định thực hiện những vấn đề theo thẩm quyền về cơ cấu tổ chức, nhân sự; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế; chủ trương tuyển sinh; đào tạo; cơ sở vật chất; chương trình đào tạo, mở ngành đào tạo; tuyển dụng, chế độ chính sách, Đào tạo bồi dưỡng nâng cao, về hoạt động nghiên cứu khoa học về công tác đánh giá cán bộ. Kết quả: hàng năm với sự chỉ đạo hoạt động của HĐT, PVU đều được PVN đánh giá hoàn thành, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [02.02.02] các tiêu chuẩn nổi bật như: hoàn thiện cơ cấu tổ chức: giải thể 01 đơn vị thuộc PVU, kiện toàn nhân sự HĐT (01 bổ nhiệm mới, 01 kéo dài thời gian giữ chức vụ), kiện toàn nhân sự BGH, KTT (bổ nhiệm mới 02 lượt, bổ nhiệm lại 01 lượt, 01 kéo dài thời gian giữ chức vụ) nhân sự cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền cho ý kiến HĐT bổ nhiệm: 10 lượt bổ nhiệm, 02 lượt bổ nhiệm lại [02.02.03];

Nhằm thực hiện kế hoạch hoạt động của mình, ĐU hàng năm đã tổ chức, triển khai các hoạt động, rà soát công tác, nhiệm vụ, đưa ra các ý kiến chỉ đạo các hoạt động của Trường như: thực hiện nhiệm vụ chính trị vượt mức kế hoạch PVN giao, với những hoạt động được chỉ đạo cụ thể, đào tạo sinh viên. Đào tạo dịch vụ, đào tạo nội bộ tổ chức quản lý nhân sự, mở ngành đào tạo, biên soạn bài giảng, giáo trình; chỉ đạo các hoạt động của Công đoàn như: tổ chức các ngày kỷ niệm, chỉ tiêu kết nạp công đoàn viên vào đảng, chỉ tiêu thi đua, khen thưởng; chỉ đạo các hoạt động của ĐTN như: công tác chuẩn bị các kỳ đại hội, chỉ tiêu kết nạp đoàn viên vào đảng, chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của ĐTN, chỉ đạo hoạt động của HD KH&ĐT hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng. Kết quả hàng năm với sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, giai đoạn 2014 – 2018, 02 năm PVU được đánh giá Hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao,

năm 2015 PVU được đánh giá Hoàn thành kế hoạch được PVN giao. Đảng bộ PVU kết nạp 18 đảng viên [02.02.06], trong đó có 02 đảng viên là sinh viên, 16 đảng viên là công đoàn viên; tổ chức hoạt động về nguồn..., bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng. Đảng bộ Trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ giai đoạn 2014 -2018 [02.02.07] các Chi bộ đạt danh hiệu chi bộ trong sạch vững mạnh [02.02.08], các đảng viên đạt danh hiệu Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [02.02.09].

Công đoàn Trường có những hoạt động tích cực triển khai, giám sát bám sát kế hoạch hoạt động hàng năm. Ban nữ công hàng năm tổ chức các hoạt động cho cán bộ nữ toàn trường chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. Các hoạt động được thiết kế đa dạng với các chương trình khác nhau ví dụ năm 2014 tổ chức kỷ niệm ngày 20/10 tại nhà hàng Vườn phở với chủ đề « Hạt tặng chị em PVU» với kinh phí 27 triệu đồng, hay năm 2019 để kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ, chị em PVU được thưởng thức tắm xông hơi ở spa tại thành phố Hồ Chí Minh; Tổ chức phát quà, thưởng cho con CBNV nhân ngày 1/6 và Tết trung thu, như Tết trung thu năm 2017 tổ chức tại khách sạn Phoenix, các cháu được phát quà tham gia trò chơi và nhận được phần quà. Ngoài ra mỗi năm, công đoàn còn trao quà cho con CBNV có thành tích học tập cao, thông thường mỗi xuất quà 100 nghìn đồng/1 cháu cho khoảng hơn 70 cháu con em CBNV. Phát động phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” cho cán bộ nữ; Tổ chức ngày gia đình 28.6, như năm 2017, Công đoàn có tổ chức cuộc thi ảnh «Khoảng khắc yêu thương» nhân ngày 28.6, sau cuộc thi mỗi gia đình nhận được phần quà là chiếc ly có in hình của gia đình của CBNV. Hay hoạt động an sinh xã hội: Công đoàn Trường sẽ kết hợp với Chính quyền và Đoàn thanh niên thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương có thiên tai như năm 2017 khuyến góp được 10 triệu đồng tặng cho Trường Tiểu học Ba Đồn bị thiệt hại do bão số 10, hay tặng quà cho những người cơ nhỡ người nghèo, tặng quà cho Bà mẹ Việt nam Anh hùng (năm 2015, tặng quà cho 20 bà mẹ với tổng số tiền 20 triệu đồng).

Đoàn Thanh niên Trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên qua các năm và đã được Đoàn Thanh niên Tập đoàn Dầu khí VN ghi nhận và xếp loại khá (năm 2017), chi đoàn K5LHD được xếp loại chi đoàn Dầu khí tiêu biểu về Đồng hành với Thanh niên (năm 2018). Từ năm 2014 đến năm 2019, Đoàn đã giới thiệu đoàn viên ưu tú và xét kết nạp Đảng cho 9 đoàn viên, đề xuất 17 đoàn viên tham gia học Cử nhân Đảng, tiến hành báo cáo cuối năm cho Đảng Ủy Trường và Đoàn

cấp trên, trong báo cáo đều có những phương hướng được điều chỉnh để thực hiện phù hợp cho năm kế tiếp. Bên cạnh đó, Đoàn Trường cũng đã tổ chức và triển khai một số hoạt động tiêu biểu: tham gia Hiến máu tình nguyện, tổ chức Mùa hè xanh, tổ chức Lễ hội văn hoá HSSV Dầu khí với tất cả đoàn viên Trường tham gia và các đoàn viên trường bạn, tổ chức Hội thao sinh viên PVU kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động hàng năm, Hội đồng KH&ĐT đã triển khai thực hiện nhiệm vụ tiến hành họp, cho ý kiến góp ý, tư vấn cho HĐT, HT về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết quả: hàng năm, Hội đồng hoàn thành các mục tiêu cơ bản cụ thể của kế hoạch công tác đã đề ra. Trong giai đoạn 2014 – nay đã tư vấn, góp ý để triển khai: các công tác đào tạo thạc sĩ với số lượng học viên cao học đảm bảo các điều kiện đào tạo (Kỹ thuật Dầu khí 07 học viên; Kỹ thuật Hóa học 08 học viên; Công trình biển 09 học viên); đã xác định một số đối tác tiềm năng để liên kết đào tạo đại học. Đang bắt đầu công tác chuẩn bị xây dựng đề án; Công tác biên soạn bài giảng điện tử và NHCHTNKQ (khuyến khích bằng tiếng Anh) năm 2018 đã đi vào chiều sâu. Các BGĐT hoàn toàn bằng tiếng Anh, chất lượng tốt. Hoàn thành xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng PVU. Đang hoàn thiện dự thảo báo cáo tự đánh giá. Tiếp tục đẩy mạnh công tác viết bài báo cho các tạp chí KH uy tín và triển khai các đề tài NCKH của giảng viên và sinh viên. Đã đưa giảng dạy một số học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh và nhận được phản hồi tích cực của người học để có thể áp dụng rộng rãi trong giai đoạn sau.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Hội đồng Trường PVU hàng năm khi có kết quả tổng kết thực hiện công việc của PVU đều họp, đánh giá lại công tác trong năm, rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các văn bản đã ban hành theo kế hoạch hoạt động của Hội đồng đã được ban hành đầu năm và có kết luận: Hội đồng Trường tuy không đủ số lượng thành viên theo quy chế tổ chức và hoạt động tuy nhiên phù hợp với quy mô, mô hình hoạt động của Trường, đảm bảo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, lãnh đạo Trường hoàn thành vượt mức kế hoạch được PVN giao hàng năm. Các Thành viên Hội đồng Trường đã tích cực chỉ đạo, định hướng để Ban giám hiệu điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Đồng thời, theo hướng dẫn của PVN [02.03.01], hàng năm, Hội đồng trường thực hiện công tác đánh

giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các thành viên Hội đồng tại PVU theo các biểu mẫu, các chỉ tiêu, thang điểm và các bước cụ thể. 4 bước : 1. Thành viên Hội đồng tự nhận xét, đánh giá, theo nội dung, tiêu chí cụ thể, 2. Các thành viên HĐT và Ban Giám hiệu, Kế toán trưởng đánh giá chéo của các thành viên HĐT, 3. CT HĐT lấy ý kiến đánh giá của ĐU Trường, 4. Các thành viên HĐT và Ban Giám hiệu, Kế toán bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá của từng thành viên và gửi PVN. Việc đánh giá thành viên HĐT được thực hiện chặt chẽ, theo biểu mẫu cho từng đối tượng là Chủ tịch HĐT, thành viên HĐT với những tiêu chí và thang điểm khác nhau.

Đảng ủy Trường thực hiện việc rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản hàng năm thông qua các cuộc họp tổng kết. Kết quả rà soát, đánh giá được nêu trong báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của Đảng ủy, trong đó rà soát lại hệ thống tổ chức của Đảng bộ (số lượng các Chi bộ, số lượng đảng viên); chức năng, nhiệm vụ và các văn bản của Đảng ủy được rà soát thể hiện trong các nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ như: nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện chương trình công tác năm và nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, Công tác chính trị, tư tưởng và xây dựng đảng (Công tác chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; lãnh đạo tổ chức thực hiện kiểm điểm phê bình và tự phê bình năm gắn với việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; công tác xây dựng đảng). Nhân sự của Đảng ủy được đánh giá hàng năm tại Hội nghị kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo nội dung đánh giá, quy định các bước đánh giá, biểu mẫu hướng dẫn cụ thể [02.03.02]

Hàng năm Công đoàn Trường viết báo cáo tổng kết gửi cho Công đoàn ngành (2 lần /năm) và báo cáo trước hội nghị người lao động. Trong báo cáo trình bày cụ thể những nội dung sau: Báo cáo tình hình chung, số lượng CBCNV-LĐ của Trường, tình hình về chế độ chính sách, tình hình về tâm tư & nguyện vọng của CBCNV-LĐ và kết quả hoạt động công đoàn trong năm. Ví dụ, trong báo cáo tổng kết năm 2018, công đoàn có báo cáo về : Tình hình chung Năm 2018 (PVU gặp nhiều khó khăn về chủ trương tái cơ cấu mô hình hoạt của PVU dẫn đến tâm lý hoang mang và tác động tiêu cực đến tư tưởng và đời sống CBCNV. Tuy nhiên, Tập đoàn đã dành sự quan tâm đặc biệt cho PVU, đồng thời có nhiều chính sách thuận lợi cho người lao động như đảm bảo thu nhập của CBCNV ổn định và khá so với mặt bằng chung của các đơn vị khác trong Tập đoàn). Hay, phong trào thi đua, văn hóa thể dục thể thao và các chương trình an ninh xã

hội: Năm 2018, Công đoàn phát động cuộc thi “ENGLISH CONTEST”, đây là hoạt động nhằm thúc đẩy tăng cường học tiếng Anh trong toàn thể CBCNV Nhà trường và dự kiến sẽ tổng kết vào giữa tháng 01/2019. Để duy trì và phát huy phong trào thể dục thể thao, công đoàn hỗ trợ hàng tháng cho các Câu lạc bộ như Yoga, lớp Rumba cho chị em, câu lạc bộ tennis, bóng đá (từ 500.000 đ- 1 triệu đồng). Công đoàn tích cực vận động và hỗ trợ chi phí cho cán bộ tham gia các phong trào thể dục thể thao do công đoàn Ngành và các đơn vị bạn tổ chức như: Hội thao ngành Dầu khí, giải bóng đá chào mừng ngày 20.11.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức họp Ban chấp hành Đoàn nhằm rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng/nhiệm vụ của từng cá nhân trong Ban chấp hành vào cuối năm. Từ đó, xem xét sự hợp lý trong phân công nhiệm vụ của các cá nhân trong Ban chấp hành. Kết quả cho thấy, sự phân công nhiệm vụ từng thành viên rất hợp lý, phù hợp với khả năng của từng cá nhân. Đồng thời, trong cuộc họp cuối năm, Ban chấp hành Đoàn lấy phiếu tín nhiệm Bí thư và 2 Phó Bí thư với kết quả là tín nhiệm cao cho tất cả.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo thực hiện việc rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ vào cuối các năm được nêu trong báo cáo tổng kết năm trong đó kết luận: Cơ cấu tổ chức, các thành phần trong HĐ KH&ĐT đảm bảo số lượng và thành phần, thực hiện đúng và tích cực nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao của PVU. Nhân sự trong Hội đồng KH&ĐT là các cán bộ thuộc PVU hàng năm đều được đánh giá, xếp loại bởi tổ chức đảng, chính quyền và được các danh hiệu thi đua, khen thưởng (thống kê số liệu).

Hội đồng trường căn cứ trên cơ sở kế hoạch hoạt động trong năm đã ban hành với những chỉ tiêu chính đã tiến hành tổng kết, kết quả hoạt động của tổ chức mình, kết quả tổng kết: Về nội dung đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 của PVU (hàng năm, giai đoạn 2014 – 2018, năm 2014 và 03 năm liên tiếp từ 2016-2018 PVU đều hoàn thành, hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao); Đánh giá hoạt động Hội đồng Trường hàng năm (Thành viên Hội đồng Trường đã tích cực chỉ đạo, định hướng để Ban giám hiệu điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao..)

Trên cơ sở báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm của các Chi bộ trực thuộc, các báo cáo tổng kết công tác của Trường, của Công đoàn, Đoàn thanh niên Trường; Đảng bộ

PVU xây dựng báo cáo tổng kết công tác hàng năm, Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ đại hội, báo cáo cuối nhiệm kỳ đánh giá các công tác: Nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện chương trình công tác năm và nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; Công tác chính trị, tư tưởng và xây dựng đảng (Công tác chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; Lãnh đạo tổ chức thực hiện kiểm điểm phê bình và tự phê bình năm gắn với việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; công tác xây dựng đảng); đánh giá thuận lợi, khó khăn.. đưa ra hội nghị tổng kết với sự tham gia của toàn thể đảng viên đảng bộ để lấy ý kiến hoàn thiện báo cáo và gửi lên ĐU PVN để báo cáo, giám sát.

Mỗi năm, Công đoàn Trường đưa ra các tiêu chí để đánh giá công đoàn viên xuất sắc và tổ công đoàn xuất sắc để khen thưởng. Đoàn viên công đoàn xuất sắc nếu đoàn viên đảm bảo được những tiêu chí : Có tư tưởng chính trị vững vàng, thực hiện đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; Nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của công đoàn, gương mẫu trong các hoạt động; Phát ngôn chuẩn, đúng lúc, đúng chỗ trên tinh thần xây dựng tập thể, không bóp méo, hư cấu làm sai lệch chủ trương đường lối, quan điểm lãnh đạo của ngành; Hưởng ứng đầy đủ các phong trào, các cuộc vận động do công đoàn PVU tổ chức; Hăng hái, tiên phong trong các phong trào thi đua tại đơn vị. Hoàn thành tốt và xuất sắc các nhiệm vụ được giao trên lĩnh vực phụ trách và nhiệm vụ được phân công đạt năng suất và hiệu quả công việc; ham gia tốt các hoạt động chuyên môn, hoạt động đoàn thể, tích cực tham mưu, đóng góp xây dựng tập thể vững mạnh. Còn đối với Tổ công đoàn xuất sắc nếu Tổ công đoàn đảm bảo được những tiêu chí sau: Đại diện, tập hợp ý kiến đoàn viên, kiến nghị với cơ quan cấp trên trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của CBCNV; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được Trường, công đoàn giao; Tích cực tham gia các phong trào do công đoàn Trường phát động; Giữ vững sinh hoạt, nội bộ đoàn kết. Với những tiêu chí này, thì năm 2016, Trường có 2 Tổ Công đoàn xuất sắc (Tổ công đoàn Khoa Dầu Khí; Tổ Công đoàn Liên phòng Kế hoạch Tài chính - Đào tạo - Quản trị thiết bị và Dự án).

Hội đồng Khoa học và Đào tạo có báo cáo tổng kết thực hiện các công tác hàng năm, đánh giá cụ thể công tác được trong năm: Hoàn thành các mục tiêu cơ bản cụ thể của kế hoạch công tác của Hội đồng năm 2017. Hoàn thành xây dựng các đề án đào tạo cao học và VB2 cho 03 ngành đào tạo của Trường: Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí và Kỹ thuật Hóa học và đang chờ quyết định cho phép của Bộ GD & ĐT. Hoàn thành

điều chỉnh CTĐT (04 năm). Thực hiện tốt công tác biên soạn và nghiệm thu bài giảng điện tử và NHCHTNKQ (khuyến khích bằng tiếng Anh) năm 2017 vươt chất lượng tốt, đáp ứng các yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. Có nhiều bài báo được các tạp chí KH uy tín (hệ thống ISI) chấp nhận. Các đề tài NCKH của giảng viên và sinh viên được nghiệm thu có kết quả tốt, đặc biệt đề tài đặt hàng của doanh nghiệp hướng tới phục vụ cộng đồng. Tổ chức thành công HNKH Quốc tế “Ăn mòn và bảo vệ kim loại vì sự phát triển năng lượng” tạo danh tiếng cho PVU...

Nhân sự tham gia Hội đồng trường được đánh giá hàng năm theo quy định, hướng dẫn của PVN với các chỉ tiêu đánh giá cụ thể theo biểu mẫu, nội dung đánh giá khác nhau theo từng đối tượng; Đối với Chủ tịch Hội đồng trường, các nội dung đánh giá: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống (tối đa 30 điểm); mối quan hệ công tác/phối hợp (tối đa 30 điểm); kết quả hoàn thành công việc được giao (tối đa 140 điểm), cụ thể: mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị (tối đa 60 điểm), khả năng điều hành hoạt động của HĐT (tối đa 20 điểm), mức độ tham gia ý kiến bằng văn bản vào các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng trường (tối đa 10 điểm), Chỉ đạo xây dựng/sửa đổi và ban hành đủ quy trình, quy chế, quy định của đơn vị (tối đa 20 điểm), Mức độ khắc phục các tồn tại/khuyết điểm đã được các cơ quan chức năng/Ban kiểm soát lưu ý bằng văn bản (nếu có) trong thời hạn yêu cầu (tối đa 10 điểm), Mức độ hoàn thành phương án tái cấu trúc doanh nghiệp (nếu có) (tối đa 10 điểm), Mức độ tuân thủ các quy định, quy chế, quy trình, định mức.. của Đơn vị (số lần vi phạm do các cơ quan chức năng/ PVN/Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên lưu ý bằng văn bản) (tối đa 10 điểm). Các bước đánh giá thành viên Hội đồng trường tại PVU bao gồm: 1. Thành viên Hội đồng tự nhận xét, đánh giá, theo nội dung, tiêu chí cụ thể, 2. Các thành viên HĐT và Ban Giám hiệu, Kế toán trưởng đánh giá chéo của các thành viên HĐT, 3. CT HĐT lấy ý kiến đánh giá của ĐU Trường, 4. Các thành viên HĐT và Ban Giám hiệu, Kế toán bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá của từng thành viên và gửi PVN. Kết quả đánh giá của các thành viên HĐT được PVN phê duyệt theo quy định, cụ thể, năm 2016, 01 thành viên HĐT được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các thành viên khác được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, từ năm 2015-2017 các thành viên Hội đồng trường đều được PVN đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, đặc biệt ..thành viên HĐT được, danh hiệu thi đua, khen thưởng, khen thưởng cấp trên...) [02.03.03].

Hàng năm đánh giá theo biểu mẫu quy định. Đảng ủy được đánh giá trong Hội nghị kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo nội dung đánh giá cụ thể (Về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong, lề lối làm việc, Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ, Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hàng năm. Kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc chỉ ra, gợi ý kiểm điểm ở kỳ kiểm điểm trước. Những vấn đề được gợi ý kiểm điểm). Quy trình đánh giá tại Hội nghị Đảng bộ PVU: Đảng viên tự đọc bản kiểm điểm, nhận mức xếp loại, đánh giá; Hội nghị đánh giá, góp ý trực tiếp; Hội nghị phiếu kín đánh giá; Gửi hồ sơ đánh giá lên đảng ủy cấp trên quyết định. Kết quả: năm 2014 Bí thư, Phó Bí thư Đảng bộ được đánh giá HTXS nhiệm vụ, các thành viên BCH được đánh giá từ năm 2015-2018 Bí thư, Phó Bí thư Đảng bộ được đánh giá HTT nhiệm vụ [02.03.04], các thành viên trong BCH được đánh giá [02.02. 09], nêu kết quả xếp loại, danh hiệu thi đua, khen thưởng, khen thưởng của PVU, cấp trên đối với các thành viên BCH [02.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn

Trong giai đoạn 2014- 2019 Hội đồng trường đã ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và hủy bỏ các quy chế [02.04.01] theo chức năng nhiệm vụ để phù hợp với quy định mới của Nhà nước, Bộ Giáo dục và tình hình hoạt động thực tế của Trường, cụ thể: ban hành mới: Quy chế Quản lý nợ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, Quy chế tổ chức và Quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học DKVN, Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, Quy chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu và BCH Công đoàn Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, Quy chế đối thoại định kỳ, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng khoa học và Đào tạo PVU, Quy chế hoạt động Nghiên cứu khoa học của sinh viên PVU, Quy chế quản lý cán bộ. Thay đổi/sửa đổi, bổ sung: quy chế trả lương, thưởng 01 lần, Quy chế giảng viên cơ hữu: 01 lần, Quy chế về hoạt động khoa học và công nghệ 02 lần, Quy chế chi tiêu nội bộ 01 lần, Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU 03 lần, Quy chế dân chủ ở cơ sở. Hủy bỏ: Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy,...Mối liên hệ giữa HĐT và BGH, tổ chức công đoàn cũng được ban hành bổ sung cụ thể cho

các hoạt động tại: Quy chế phối hợp giữa Ban Giám hiệu và BCH Công đoàn Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, Quy chế đối thoại định kỳ, Quy chế dân chủ, Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [02.04.02: các quy chế đã nêu].

Đảng bộ PVU có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, trong giai đoạn 2014 – 2019 đã kiện toàn, sát nhập từ 05 Chi bộ thành 03 Chi bộ [02.04.03], chức năng nhiệm vụ của BCH Đảng bộ được ban hành mới trong nhiệm kỳ 2015 – 2020 sau khi BCH Đảng bộ mới được chuẩn y. Qua các lần thay đổi về nhân sự BCH, BCH Đảng bộ cũng có sự thay đổi trong phân công công việc, nhiệm vụ của các thành viên BCH [02.04.04].

Công đoàn thay đổi quy chế làm việc trong 2 nhiệm kỳ [02.04.05: Quy chế hoạt động của BCH Công đoàn], kiện toàn bộ máy tổ chức [02.04.06], giao nhiệm vụ qua các lần thay đổi [02.04.07].

ĐTN thay đổi quy chế làm việc trong hai nhiệm kỳ [02.04.08], kiện toàn tổ chức, các Chi đoàn [02.04.09], phân công lại nhiệm vụ khi thay đổi nhân sự BCH [02.04.10].

Trong đại hội Đoàn năm 2015, BCH Đoàn có 1 Phó Bí thư là sinh viên năm thứ 3, đến năm 2019, Phó Bí thư là sinh viên sẽ tốt nghiệp. Vì vậy, sau khi rà soát và đề nghị của Phó Bí thư, BCH Đoàn đã triển khai điều chỉnh thêm 1 đoàn viên trong BCH và biểu quyết bầu chọn Phó Bí thư mới. Bên cạnh đó, sau mỗi năm, có 1 lượng sinh viên tốt nghiệp và 1 lượng sinh viên mới nhập học, đồng thời sinh viên năm thứ 2 phân ngành. Do đó, BCH Đoàn ra quyết định giải thể 5 chi đoàn lớp và thành lập 2 chi đoàn mới để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Đoàn Thanh niên Trường.

HĐ KH&ĐT giai đoạn 2014- nay đã thay đổi, ban hành thay thế QC tổ chức hoạt động nhằm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ mối liên hệ giữa các thành phần trong Hội đồng trên cơ sở quy định của Bộ GDĐT, quy chế tổ chức hoạt động của PVU phù hợp với tình hình thực tế của Trường [02.04.11].

Hội đồng ĐBCL mới được thành lập, đến nay, chưa có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản.

Hội đồng trường PVU trong giai đoạn 2014 – 31/8/2019 đã được kiện toàn 02 lần, lần 01 PVN bổ nhiệm Chủ tịch HĐT mới thay thế cho Thành viên được giao phụ trách HĐT là Hiệu trưởng của Trường, lần thứ 02 kiện toàn, thay thế các thành viên HĐT đã về hưu, thôi việc và bổ sung thành phần cho HĐT. Ngoài công tác kiện toàn, các thành

viên HĐT còn được tham gia các khoa đào tạo để nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tiếng Anh, kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm.. phục vụ cho công việc được giao [02.04.12].

Đảng ủy Trường giai đoạn 2014-nay đã trải qua 02 nhiệm kỳ với BCH lâm thời được ĐU PVN chỉ định, BCH nhiệm kỳ 2015 – 2020 được bầu tại Đại hội đảng bộ năm 2015 được ĐU PVN chuẩn y và kiện toàn 3 lần, năm 2015 BCH mới được bầu thay thế BCH ĐU cũ tại Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015- 2020, năm 2018 Giao nhiệm vụ phụ trách Đảng bộ PVU cho Phó Bí thư Đảng bộ do đồng chí Bí thư về hưu, năm 2019 thay thế chính thức cho Bí thư ĐU đã nghỉ hưu và các thành viên BCH đã chuyển công tác.

Năm 2015, 03 thành viên trong BCH chuyển công tác nên BCH công đoàn bổ xung thêm 02 thành viên, từ năm 2015 đến 2017 BCH công đoàn gồm 6 thành viên. Đại hội công đoàn năm 2017 bầu ra BCH mới gồm 7 thành viên, tuy nhiên đến năm 2019, 01 thành viên xin chuyển công tác và BCH PUV có bổ xung thêm 01 thành viên. Trong quá trình hoạt động Công đoàn, hàng năm các thành viên trong BCH được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn do Công đoàn Ngành tổ chức thông thường 05 lần/1 năm.

Thông qua 2 kỳ Đại hội Đoàn từ năm 2014 đến 2019, BCH Đoàn Thanh niên có thay đổi về nhân sự là các cán bộ giảng viên vì lý do tuổi tác và vì lý do cá nhân. Sau khi thay đổi, bổ sung nhân sự mới, các hoạt động của Đoàn được triển khai nhiều hơn về số lượng hoạt động và số lượng sinh viên tham gia. Các khoa đào tạo nhân sự BCH Đoàn TN tham gia [02.04.15].

Nhân sự HĐ KH&ĐT giai đoạn 2014 đến nay được kiện toàn 03 lần, 02 lần năm 2016 do thay đổi Hiệu trưởng (thay thế HT cũ đã nghỉ hưu) và thay thế cho các thành viên Hội đồng đã chuyển công tác, 01 lần năm 2019 thay thế thành viên Hội đồng đã về hưu và chuyển công tác sự thay đổi nhân sự HĐ kịp thời với tình hình thực tế. Nhân sự trong Hội đồng là cán bộ thuộc PVU được tham gia các khoa đào tạo về quản lý, về chuyên môn nghiệp vụ, tiếng Anh, đào tạo thực tế nhằm nâng cao khả năng hoạt động, chuyên môn phục vụ công tác của Hội đồng.

Hội đồng ĐBCL mới được thành lập năm 2018, đến nay chưa có sự thay đổi về nhân sự. Nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ công tác của Hội đồng, các thành viên trong Hội đồng là cán bộ của PVU đã được tham gia các khoa đào

tạo về đảm bảo chất lượng, kiểm định, kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm, tiếng anh với...lượt người [02.04.17].

Hội đồng trường sau khi được kiện toàn năm 2019 đã có văn bản phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên.

Đảng ủy Trường sau khi kiện toàn nhân sự cũng kịp thời có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên đảm bảo hoạt động liên tục và chất lượng của Đảng ủy].

Thông qua 2 kỳ Đại hội Đoàn từ năm 2014 đến 2019, BCH Đoàn Thanh niên có thay đổi về nhân sự là các cán bộ giảng viên vì lý do tuổi tác và vì lý do cá nhân. Sau khi thay đổi, bổ sung nhân sự mới, các hoạt động của Đoàn được triển khai nhiều hơn về số lượng hoạt động và số lượng sinh viên tham gia.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- PVU có hệ thống văn bản quản lý, quy chế phối hợp giữa HĐT, ĐU, BGH, CĐ để tổ chức có hiệu quả các hoạt động của PVU.
- Nhân sự trong hệ thống quản trị trong giai đoạn đánh giá được đánh giá là đảng viên HTXS, HTT nhiệm vụ, được các danh hiệu thi đua, khen thưởng..(ĐU, CĐ, ĐTN, chính quyền, PVN, BCT, TTg..).
- Mọi chủ trương, chính sách của Đảng ủy, HĐT đều được chuyển tải thành KH hoạt động cụ thể bằng các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể được định lượng giao số liệu hàng tháng tới từng đơn vị.
- Các hoạt động của Công đoàn, ĐTN được triển khai có hiệu quả đóng góp tích cực vào hoạt động của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Thay đổi về định hướng phát triển dài hạn và địa điểm hoạt động của PVU dẫn đến việc không lưu giữ được các tài liệu của HĐT (tự đánh giá..). Nhân sự HĐT đã thay đổi, PVU đã nhiều lần đề xuất và thực hiện thủ tục đề xuất bổ sung nhân sự HĐT, hiện tại đang chờ PVN phê duyệt.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Hoàn thành công tác kiện toàn HĐT	Phòng TCHC	Tháng 09/2019	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>4.75</i>
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	4
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	4

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1 Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Cơ cấu quản lý hiện tại của PVU bao gồm: Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng); 09 đơn vị trực thuộc PVU (Các Phòng/Khoa/Trung tâm), cụ thể: (i) 05 phòng chức năng: Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ, Phòng Quản trị thiết bị & Dự án); (ii) 02 Khoa: Khoa học cơ bản (gồm 03 bộ môn: Bộ môn Giáo dục đại cương, Bộ môn Kỹ thuật cơ sở, Bộ môn Tiếng Anh), Khoa Dầu khí (gồm 03 bộ môn: Bộ môn Khoan – Khai thác dầu khí, Bộ môn Lọc – Hóa dầu, Bộ môn Địa chất – Địa vật lý dầu khí); (iii) 02 Trung tâm: Trung tâm Bồi dưỡng nâng cao và Trung tâm Thông tin – Thư viện [03.01.01]. Cơ cấu tổ chức này được xác định trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015- [04.01.05] và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011, Nghị quyết phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Trường và tuân thủ quy định Điều lệ trường Đại học và Luật Giáo dục Đại học. Trên cơ sở chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2025, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực từng giai đoạn [04.01.05], Báo cáo rà soát đánh giá cơ cấu nguồn nhân lực hàng năm [06.01.01], và nhiệm vụ, chỉ tiêu Trường đề ra hàng năm (quy mô tuyển sinh đại học chính quy từ 60-120 SV, cao học từ 20-30 HV, chỉ tiêu đào tạo từ 120-450 SV, biên soạn bài giảng điện tử mức 2, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, giáo trình; 01-02 đề tài Nafosted, 01-03 đề tài/nhiệm vụ cấp Ngành, 05-10 đề tài cấp Trường, viết đăng 15-20 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín, trong đó tối thiểu 30% bài báo quốc tế trong danh mục ISI...), Trường xây dựng và trình Tập đoàn phê duyệt kế hoạch hoạt động trong đó có kế hoạch định biên lao động (cơ cấu bộ máy, số lượng lao động từng vị trí) [04.02.01].

Quyền hạn, trách nhiệm của Ban giám hiệu (Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng) được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, (i) Hiệu trưởng “là người đại diện theo pháp luật cho Trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm điều hành các hoạt động của Trường theo các quy định của pháp luật và của Tập đoàn, tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận của Hội đồng

Trường, xây dựng chiến lược, kế hoạch hàng năm trình Hội đồng trường xem xét phê duyệt, điều hành và quyết định các hoạt động hàng ngày của Trường, Quyết định tuyển chọn ký HĐLĐ, là chủ tài khoản của Trường...”; (ii) Phó Hiệu trưởng “Giúp Hiệu trưởng quản lý điều hành các hoạt động của Trường, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao, thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hiệu trưởng về thực hiện nhiệm vụ được giao...”. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [03.01.02]. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp việc Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các mảng công việc chủ yếu của Trường, hành chính, tổ chức cán bộ, đào tạo đại học và sau đại học, bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao, đầu tư và quản lý cơ sở vật chất, khoa học và công nghệ, công tác chính trị, quản lý SV, kế hoạch - tài chính, quan hệ đối ngoại, thanh tra”; (i) Phòng Đào tạo có chức năng: “tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức quản lý và thực hiện công tác đào tạo bậc đại học và sau đại học”, nhiệm vụ “Nghiên cứu đề xuất phương hướng phát triển của Trường về mục tiêu đào tạo, các hệ đào tạo, cơ cấu ngành nghề, quy mô và phương thức đào tạo”; Đề xuất, xây dựng các quy định, quy chế phù hợp trong quản lý giảng dạy, học tập....”; công tác tuyển sinh; tổ chức và quản lý công tác giảng dạy và học tập; tổ chức kiểm tra, đánh giá, thi tốt nghiệp; quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ; công tác SV; công tác đảm bảo chất lượng; (ii) Phòng Kế hoạch – Tài chính có chức năng: tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc điều hành và quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực kế hoạch – tài chính của Trường; nhiệm vụ đề xuất việc xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến công tác kế hoạch; đề xuất việc xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến công tác tài chính, kế toán...” ; (iii) Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng: tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, thi đua – khen thưởng – kỷ luật, công tác hành chính tổng hợp của Trường; nhiệm vụ: nghiên cứu tư vấn xây dựng, phát triển và sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động trong Trường, đề xuất thành lập, sáp nhập, giải thể chia tách các đơn vị thuộc Trường, lập kế hoạch lao động, tổ chức thực hiện công tác hành chính – văn thư lưu trữ, thực hiện công tác truyền thông, quan hệ công chúng và xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu; (iv) Phòng Quản trị thiết bị & Dự án có chức năng: tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác quy hoạch, xây

dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng và sửa chữa tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trường; công tác an ninh, bảo vệ, an toàn cháy nổ trong Trường; nhiệm vụ: lập các dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị ...; (v) Phòng Đối ngoại & KHCN có chức năng: tham mưu, tư vấn, giám sát và quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác trong nước và quốc tế, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, đối ngoại của Trường...; (vi) Khoa Dầu khí có chức năng đảm nhận công tác giảng dạy các hệ đào tạo của Trường, thực hiện và tổ chức triển khai nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên môn của Khoa, nhiệm vụ: thực hiện kế hoạch đào tạo và bố trí giảng dạy theo thời khóa biểu, triển khai nghiên cứu khoa học đề tài/nhiệm vụ các cấp phù hợp với lĩnh vực của Khoa ...; (vii) Khoa Khoa học cơ bản có chức năng...; (viii) Trung tâm Bồi dưỡng nâng cao, có chức năng tổ chức thực hiện các dịch vụ liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ...có nhiệm vụ: tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về các chuyên ngành dầu khí...; (ix) Trung tâm Thông tin – Thư viện có chức năng: tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng và tổ chức thực hiện việc quản lý, nghiên cứu phát triển, khai thác hệ thống thông tin và thư viện, đáp ứng đầy đủ và hiệu quả các hoạt động quản lý, đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường...; nhiệm vụ: Chủ trì công tác tổ chức xây dựng học liệu, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo, vận hành hệ thống công nghệ thông tin được thông suốt.... Giai đoạn 2014-2019, Trường đã thành lập các Bộ môn thuộc Khoa và đều ban hành chức năng nhiệm vụ các bộ môn phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của bộ môn. Thông qua phân công nhiệm vụ trong Ban giám hiệu [03.01.03], Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chỉ đạo, điều hành hoạt động theo lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công; trong trường hợp cần thiết Hiệu trưởng ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng thực hiện lĩnh vực, nhiệm vụ của Hiệu trưởng phụ trách. Dưới sự chỉ đạo, điều hành của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, các đơn vị chức năng của Trường thực thi nhiệm vụ được giao, giai đoạn từ năm 2014-2018, có 04 lần biến động tăng giảm trong cơ cấu Ban giám hiệu (do Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nghỉ hưu, bổ nhiệm mới Phó Hiệu trưởng), mỗi lần biến động và căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh nhiệm vụ phân công phù hợp. Ngoài ra, Trường ban hành 49 quy trình phối hợp của 09 đơn vị trong Trường, trong đó chỉ rõ quy trình thực hiện nhiệm vụ từ đầu đến khi kết thúc công việc, từng bước đều chỉ rõ đơn vị/cá nhân nào thực hiện, làm nhiệm vụ gì, thời hạn hoàn thành tối đa từng nội dung, cũng như tổng thời gian hoàn thành công việc bao lâu [03.01.04]. Để quản trị và nâng

cao hiệu quả hoạt động đến thời điểm tháng 7/2019, Trường ban hành 84 Quy chế/quy định/quy trình/hướng dẫn/nội quy nội bộ, trong đó phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của Ban giám hiệu, các đơn vị, cán bộ quản lý các đơn vị (Ví dụ: trong Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ chỉ rõ trách nhiệm của Phòng ĐN&KH-CN, của Trường các đơn vị trong thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ NCKH...) [03.01.05].

Thông qua phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu, (i) Hiệu trưởng lãnh đạo, quản lý chung mọi mặt hoạt động của Trường, chịu trách nhiệm về các quyết định của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trường trước Hội đồng Trường, Tập đoàn, Bộ GD&ĐT và pháp luật, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển Trường, tổ chức, nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách, tài chính, kế toán..., và phụ trách phòng Kế hoạch – Tài chính, Đào tạo, Tổ chức – Hành chính, Quản trị thiết bị & Dự án và khoa Dầu khí; (ii) Phó Hiệu trưởng chỉ đạo, thực hiện từng lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng, sử dụng quyền của Hiệu trưởng để giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công hoặc ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật về các quyết định của mình, báo cáo, xin ý kiến Hiệu trưởng khi cần thiết; Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo sau đại học, công tác nghiên cứu khoa học, dịch vụ đào tạo, công tác đối ngoại... và phụ trách Phòng ĐN&KH-CN, Khoa KHCB, Trung tâm BDNC, Trung tâm TTTV; trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng trực tiếp xử lý công việc đã phân công cho Phó Hiệu trưởng đồng thời thông báo cho Phó Hiệu trưởng để biết; Phó Hiệu trưởng có quyền huy động các nguồn lực từ các đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ, tổ chức và chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hỗ trợ việc triển khai thực hiện, thay mặt Hiệu trưởng ký tờ trình, công văn, báo cáo thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách... chịu trách nhiệm chỉ đạo và theo dõi công tác quản trị của các đơn vị được giao phụ trách. Định kỳ hàng tháng, các đơn vị báo cáo với Phó Hiệu trưởng phụ trách đơn vị và Hiệu trưởng công việc đã triển khai trong tháng và kế hoạch triển khai công việc tháng tiếp theo. [03.01.03]. Đối với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường (Trưởng/Phó Phòng, Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm, Trưởng/Phó Trưởng khoa), nhiệm vụ và quyền hạn được phân định trong bảng mô tả công việc và phân công nhiệm vụ của đơn vị, Trường có 09 đơn vị trực thuộc, mỗi đơn vị đều có Trưởng đơn vị, không có phó, hoặc có 01 Phó Trưởng đơn vị. với Trưởng phòng/Trưởng Khoa/Giám đốc Trung tâm (đơn vị) có nhiệm vụ: quản lý toàn bộ nhân viên/GV trong đơn vị, sắp xếp kế hoạch, lịch làm việc, phân công công việc cho từng

thành viên trong đơn vị; Giám sát, đôn đốc nhân viên/GV thực hiện công việc, đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên/GV; Đề xuất khen thưởng, kỷ luật, thuyên chuyển ... đối với nhân viên/GV; Đề xuất tuyển chọn nhân sự mới, bổ nhiệm/miễn nhiệm chức danh khác trong đơn vị; có quyền hạn: thừa lệnh Hiệu trưởng ký các văn bản được uỷ quyền và thuộc lĩnh vực công tác do đơn vị phụ trách; Phó Trưởng đơn vị có nhiệm vụ: Giúp Trưởng đơn vị quản lý và giám sát công việc được phân công phụ trách; Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công thường xuyên và/hoặc uỷ quyền của Trưởng phòng; có quyền hạn: Giám sát, đôn đốc nhân viên thực hiện công việc, đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên theo mảng phụ trách (hoặc uỷ quyền); Thực hiện và quyết định những việc mà Trưởng đơn vị uỷ quyền [06.01.10]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Sau khi ban hành và công bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa và mục tiêu chiến lược, Lãnh đạo Trường đã quán triệt, phổ biến đến toàn thể CBNV thông qua buổi họp giao ban, Hội nghị người lao động hàng năm, văn bản ban hành được đưa lên phần mềm office của Trường để toàn thể CBNV biết thực hiện [03.02.01]. Hàng năm, trong tuần sinh hoạt công dân, lễ khai giảng trong bài phát biểu của Hiệu trưởng trước toàn thể SV có nói về nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa và mục tiêu chiến lược của Trường [03.02.02]. Đối với các đơn vị, tổ chức ngoài Trường, Lãnh đạo Trường đã gửi văn bản kèm tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa, mục tiêu chiến lược để các đơn vị biết, hiểu rõ. Ngoài ra, trong các buổi gặp mặt làm việc với các đối tác trong và ngoài nước, Lãnh đạo Trường gửi đối tác brochure, tặng quà có in nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường.

Lãnh đạo Trường ban hành kế hoạch phân công tác đơn vị/tổ chức đoàn thể trong Trường tổ chức tuyên truyền tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa và mục tiêu chiến lược, trong đó có các mốc thời gian hoàn thành cụ thể [03.02.03]. Trên cơ sở đó, các đơn vị/tổ chức đoàn thể thuộc trường đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, quán triệt và giải thích rõ ràng để cán bộ nhân viên, SV, các bên liên quan biết và hiểu rõ nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa của PVU, bằng các hình thức:

- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi được in thành các bảng đặt tại vị trí trang trọng của Trường được công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường; in trên Brochure gửi tới các đối tác, các đơn vị trong các chuyến thăm làm việc, đối ngoại trong và ngoài nước, được sử dụng trong hoạt động quảng bá, tuyển sinh về Trường, được in trên cánh buồm con thuyền tri thức làm quà tặng đối tác, khách hàng [03.02.04].

- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa Trường được Hiệu trưởng trực tiếp quán triệt tại Hội nghị tổng kết công tác và Hội nghị người lao động hàng năm, tại cuộc họp giao ban đầu năm, trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học tới toàn thể SV mới nhập học...[03.02.05].

Toàn thể CBNV đều nhận được sổ tay văn hóa kèm quyết định công bố được gửi qua email; Khi SV nhập học hàng năm đã được tổ chức học tập văn hóa Trường và gửi sổ tay văn hóa qua email tới toàn thể SV [03.02.06].

- Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Trường cho CBNV, SV trong đó đặc biệt nhấn mạnh về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa và mục tiêu chiến lược PVU [03.02.07].

- Trường gửi công văn nhằm tuyên truyền tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa PVU đến các đơn vị SXKD, đơn vị nghiên cứu khoa học trong Ngành Dầu khí, Công đoàn Dầu khí, Đoàn thanh niên, Hội Dầu khí [03.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Hàng năm, Phòng Tổ chức – Hành chính đều tiến hành rà soát cơ cấu tổ chức của Trường làm cơ sở đề xuất trình Tập đoàn phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên theo kế hoạch hoạt động hàng năm [06.01.01]. Từ khi thành lập tới nay, PVU đã 05 lần rà soát, đánh giá, kết luận đánh giá đều đưa ra các kiến nghị cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển và tình hình thực tế hoạt động của Trường. Lần rà soát đầu tiên năm 2014 để phù hợp, thuận tiện cho công tác đào tạo và quản lý SV theo chuyên ngành cần thành lập các Bộ môn thuộc Khoa Dầu khí tương ứng các Ngành đang đào tạo; năm 2015 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa Khoa học cơ bản, cần thành lập Bộ môn tiếng Anh trên cơ sở bộ máy, nhân sự của Trung tâm Ngoại ngữ, thành lập

Bộ môn giáo dục đại cương thuộc Khoa; năm 2016 đề xuất thành lập Bộ môn kỹ thuật cơ sở thuộc Khoa Khoa học cơ bản. Từ năm 2017 đến nay cơ cấu quản lý không đề xuất thay đổi. Bộ máy lãnh đạo trong Ban Giám hiệu, năm 2014, so với cơ cấu quản lý được duyệt còn thiếu 01 Phó Hiệu trưởng. Năm 2015, đủ số lượng so với cơ cấu được duyệt, cuối năm 2015, bổ sung 01 Phó Hiệu trưởng do Tập đoàn điều động. Năm 2016, thiếu 01 Phó Hiệu trưởng (do Hiệu trưởng nghỉ hưu, 01 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm giữ chức Hiệu trưởng). Năm 2017 đến tháng 10/2018 đủ số lượng so với cơ cấu được duyệt (01 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm mới). Từ tháng 11/2018 – tháng 7/2019, so với cơ cấu được duyệt còn thiếu (do 01 Phó Hiệu trưởng nghỉ hưu).[03.03.01]. Đối với cán bộ quản lý các đơn vị, để kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, hàng năm cần bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm các vị trí cán bộ còn thiếu so với cơ cấu đơn vị, thay thế các cán bộ nghỉ việc, nghỉ hưu.

Trường đã rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế và các quy định Nhà nước hiện hành [03.01.02]. Sau khi có thay đổi về cơ cấu Lãnh đạo và quản lý Trường tiến hành rà soát điều chỉnh phân công nhiệm vụ trong Ban giám hiệu, đề xuất ban hành các quy định về chức năng nhiệm vụ đối với các tổ chức mới được thành lập làm cơ sở vận hành hoạt động bộ máy [03.03.03]. Ngoài ra, định kỳ hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Trường, Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị tiến hành rà soát, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, kết quả rà soát đề xuất điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các Khoa, Bộ môn thuộc Khoa, điều chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm BDNC [03.03.04]. Các đơn vị rà soát Quy chế/Quy trình/Hướng dẫn nội bộ thuộc lĩnh vực chuyên môn đơn vị mình phụ trách, kết quả rà soát đề xuất điều chỉnh, sửa đổi 05 Quy chế/Quy định.

Định kỳ tháng 3 hàng năm, PVN gửi Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại Lãnh đạo Trường, trong đó quy định biểu mẫu, trình tự các bước đánh giá, kết quả đánh giá năm [02.02.05]. Hàng năm, Đảng ủy tổ chức đánh giá cán bộ Lãnh đạo Trường và cán bộ quản lý các đơn vị là Đảng viên [02.02.09], Tập thể lãnh đạo Trường đánh giá cán bộ quản lý, kết quả từ năm 2015 - 2018 có 32 lượt cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 19 cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [03.03.05]. Ngoài ra, định kỳ hàng Quý trong năm cán bộ quản lý thuộc các đơn vị trong Trường đều được đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Quy chế đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CBNV. Kết quả của các đợt đánh giá trong năm của Lãnh đạo Trường và cán bộ quản lý các đơn

vị thuộc Trường được vận dụng làm cơ sở xét trả lương khuyến khích/bổ sung hàng quý, thưởng và xét các danh hiệu thi đua cuối năm, từ năm 2014-2019 có 01 cán bộ được tặng Huân chương lao động Hạng 3; 01 cán bộ đạt chiến sỹ thi đua Bộ Công thương; 24 lượt cán bộ đạt chiến sỹ thi đua cơ sở; 05 cán bộ được tặng bằng khen của Bộ Công thương; 04 lượt cán bộ được tặng bằng khen của Tập đoàn; 01 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà quản lý Dầu khí tiêu biểu [03.03.06].

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2025, Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch định biên lao động hàng năm, Trường xây dựng Quy hoạch đội ngũ Lãnh đạo Trường và cán bộ quản lý các đơn vị thuộc Trường trình Tập đoàn phê duyệt (đối với quy hoạch Lãnh đạo Trường) và trình Hiệu trưởng phê duyệt (đối với cán bộ quản lý các đơn vị). Đến nay Trường đã được Tập đoàn phê duyệt quy hoạch Lãnh đạo Trường giai đoạn 2020 và 2020-2025, Trường đã 02 lần phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lý các đơn vị giai đoạn 2020 và 2020-2025 vào năm 2014 và năm 2018. Quy hoạch đội ngũ lãnh đạo được xây dựng tuân thủ đúng quy trình, các cán bộ được quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại hướng dẫn xây dựng quy hoạch của Tập đoàn và của.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Trên cơ sở kết quả rà soát, Trường trình Tập đoàn phê duyệt cơ cấu tổ chức, định biên lao động của Trường trong kế hoạch hoạt động hàng năm, Căn cứ cơ cấu tổ chức, định biên được Tập đoàn phê duyệt hàng năm, Trường tiến hành cải tiến bộ máy hoạt động, PVU đã 03 lần tiến hành cải tiến, cụ thể:

- Năm 2014, thành lập 03 bộ môn (Lọc Hóa dầu, Khoan – Khai thác Dầu khí, Địa chất – Địa vật lý Dầu khí) thuộc Khoa Dầu khí nhằm phân định ngành, thuận tiện cho công tác quản lý và đào tạo SV chuyên ngành Khoa].

- Năm 2015, giải thể Trung tâm Ngoại ngữ, chuyển toàn bộ cán bộ trung tâm Ngoại ngữ về khoa Khoa học cơ bản và thành lập bộ môn Tiếng Anh thuộc Khoa Khoa học cơ bản đồng thời thành lập Bộ môn Giáo dục đại cương

- Năm 2016, thành lập bộ môn Kỹ thuật cơ sở thuộc Khoa Khoa học cơ bản

Trong thời gian từ năm 2014 – 2019, cán bộ lãnh đạo Trường, đặc biệt là cán bộ quản lý các đơn vị có nhiều biến động (chấm dứt hợp đồng, chuyên công tác, nghỉ chế độ...), do vậy, để đảm bảo công tác quản lý điều hành các đơn vị được thông suốt và kịp thời đối tượng cán bộ được Trường xem xét, lựa chọn từ 02 nguồn là nguồn quy hoạch và ngoài quy hoạch nhưng phải thỏa mãn, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn đối với vị trí cán bộ được bổ nhiệm.

- Năm 2014, Bổ nhiệm/điều động bổ nhiệm 10 cán bộ quản lý các đơn vị thuộc Trường (PGĐ Trung tâm BDNC, Phó Trưởng khoa DK, Phó Trưởng phòng ĐN&KHCN, Phó Trưởng phòng KHTC, Phó Trưởng khoa KHCB, Trưởng phòng QTTB&DA, Giám đốc Trung tâm TTTV, Trưởng bộ môn Lọc – Hóa dầu, Trưởng bộ môn Địa chất- Địa vật lý Dầu khí, giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Trưởng bộ môn Khoan – Khai thác Dầu khí)

- Năm 2015, Bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng; bổ nhiệm/điều động bổ nhiệm/giao nhiệm vụ kiêm nhiệm cho 04 cán bộ quản lý đơn vị thuộc Trường (PGĐ Trung tâm BDNC, GD Trung tâm BDNC, Trưởng bộ môn tiếng Anh, Trưởng bộ môn Giáo dục đại cương).

- Năm 2016, Bổ nhiệm Hiệu trưởng từ 01 Phó Hiệu trưởng (do Hiệu trưởng nghỉ hưu); Bổ nhiệm 03 cán bộ quản lý đơn vị thuộc Trường (Trưởng phòng QTTB&DA, Trưởng khoa Dầu khí, Phó Trưởng phòng ĐN&KHCN).

- Năm 2017, Bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng; Bổ nhiệm/điều động bổ nhiệm/bổ nhiệm lại 05 cán bộ quản lý đơn vị thuộc Trường (PGĐ Trung tâm BDNC, Trưởng phòng ĐN&KHCN, Phó Trưởng phòng TCHC, Trưởng phòng Đào tạo, GD Trung tâm TTTV).

- Năm 2018, Bổ nhiệm/Điều động bổ nhiệm 08 cán bộ quản lý đơn vị thuộc Trường (Phó Trưởng phòng/Trưởng phòng ĐN&KHCN, Trưởng phòng TCHC, GD Trung tâm BDNC, Phó Trưởng phòng Đào tạo/PGĐ Trung tâm BDNC, Phó Trưởng phòng KHTC, Phó Trưởng Bộ môn/Trưởng bộ môn Kỹ thuật cơ sở/Phó Trưởng khoa KHCB, Trưởng bộ môn Khoan – Khai thác Dầu khí, Trưởng bộ môn Lọc – Hóa dầu), không bổ nhiệm lại 02 cán bộ (Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng bộ môn Lọc – Hóa dầu).

- Đến tháng 7/2019, Bổ nhiệm Trưởng khoa KHCB.

Trong các năm từ 2016-2018, Trường đều được Tập đoàn phê duyệt đánh giá hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Trên cơ sở tình hình thực tế và cơ cấu Ban giám hiệu được điều chỉnh, sau mỗi lần điều chỉnh nhân sự, Ban giám hiệu đều ban hành điều chỉnh Phân công công việc. Từ năm 2014 đến tháng 10/2015 Ban giám hiệu Trường có Hiệu trưởng và 01 Hiệu phó, từ tháng 11/2015 đến hết tháng 12/2016 Trường có Hiệu trưởng và 02 Hiệu phó (Tập đoàn điều động bổ nhiệm thêm 01 Hiệu phó) nên 01 Hiệu phó mới nhận nhiệm từ Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng cũ chuyển sang là phụ trách công tác đối ngoại & NCKH, công tác nội chính, công tác kế hoạch, hoạch định chiến lược phát triển, đổi mới, sắp xếp, phát triển, xây dựng văn hóa, đầu tư cơ sở vật chất, liên doanh, liên kết ...và trực tiếp phụ trách Phòng QTTB&DA, Phòng ĐN&KHCH. Đến năm 2016, 01 Hiệu trưởng nghỉ chế độ hưu, 01 Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm lên thay thế, thời điểm này cơ cấu Ban giám hiệu có Hiệu trưởng và 01 Hiệu phó, nên việc phân công nhiệm vụ được điều chỉnh lại. Hiệu trưởng phụ trách chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, tiền lương, chế độ chính sách, tài chính, kế toán, thuế, nội chính, kế hoạch, đào tạo đại học, sau đại học Phụ trách các Phòng TCHC, KHTC, Đào tạo, QTTB&DA, Khoa KHCB, Khoa DK; 01 Hiệu phó phụ trách dịch vụ đào tạo, khoa học công nghệ... phụ trách Phòng ĐN&KHCH, Trung tâm BDNC, Trung tâm TTTV. Đến tháng 06/2017, Trường có Hiệu trưởng và 02 Hiệu phó (Tập đoàn bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng), phân công nhiệm vụ được điều chỉnh lại, công tác đào tạo và phát triển nhân lực, nội chính, kế hoạch, đào tạo sau đại học...và Phòng TCHC, Khoa KHCB được phân công lại cho 02 Phó hiệu trưởng phụ trách ngoài những nhiệm vụ khác, từ tháng 11/2018 đến nay, Trường còn Hiệu trưởng và 01 Hiệu phó (do 01 Hiệu phó nghỉ chế độ), nên phân công lại., Hiệu trưởng ngoài nhiệm vụ phân công trước nhận thêm nhiệm vụ phụ trách kế hoạch, nội chính, phụ trách phòng TCHC, 01 Hiệu phó ngoài nhiệm vụ phân công trước nhận thêm nhiệm vụ đối ngoại, quan hệ báo chí, thông tin, thư viện, nhận diện thương hiệu...phụ trách trung tâm. Năm 2014, ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của 03 Bộ môn thuộc Khoa Dầu khí. Năm 2015 ban hành chức năng nhiệm vụ của Bộ môn Giáo dục đại cương, có chức năng nhiệm vụ thực hiện công tác giảng dạy các học phần và nghiên cứu khoa học lĩnh vực đại cương và Bộ môn tiếng Anh có chức năng nhiệm vụ giảng dạy các học phần tiếng Anh và NCKH lĩnh vực tiếng Anh. Năm 2016, ban hành chức năng nhiệm vụ của Bộ môn Kỹ thuật cơ sở có chức năng nhiệm vụ giảng dạy các học phần cơ sở ngành và NCKH liên quan đến lĩnh vực cơ sở ngành. Chức năng, nhiệm vụ, mối liên hệ giữa Ban giám hiệu và các đơn vị trong Trường ngoài thể hiện

trong phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu, chức năng nhiệm vụ hoặc quy chế tổ chức hoạt động các đơn vị thuộc Trường, ngoài ra, được thể hiện rõ nét nhất trong 49 Quy chế phối hợp giữa các đơn vị được ban hành năm 2018, ví dụ: mỗi liên hệ trong tổ chức thi các học phần đại học chính quy, cụ thể: Phòng Đào tạo thông báo và đăng ký hình thức thi gửi Bộ môn đề xuất cán bộ coi thi và đăng ký hình thức thi gửi lại Phòng Đào tạo lập kế hoạch coi thi, sau khi được Ban giám hiệu phê duyệt Phòng Đào tạo thông báo, nhập đề thi vào phần mềm, các Bộ môn kiểm tra máy tính, hệ thống mạng các phòng thi, Phòng Đào tạo tổ chức thi, mỗi liên hệ trong xây dựng bài giảng điện tử mức 2, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, giáo trình, cụ thể: các Bộ môn đăng ký biên soạn bài giảng điện tử mức 2, Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, giáo trình trong năm gửi Phòng Đào tạo tổng hợp xây dựng kế hoạch biên soạn, trình duyệt các cán bộ giảng dạy các bộ môn thực hiện biên soạn, Phòng ĐT thành lập hội đồng phản biện, gửi kết quả phản biện cho các CBGD bộ môn hoàn thiện theo góp ý, gửi Phòng Đào tạo trình duyệt ban hành. Sự phân định rõ ràng nhiệm vụ, vai trò trong quy chế phối hợp sau khi cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý giúp cho Ban giám hiệu được sâu sát hơn, tránh sự chồng chéo, các đơn vị biết rõ đầu mối để làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, trên cơ sở kết quả rà soát Quy chế/Quy định nội bộ, cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý, tình hình thực tế và phù hợp với các quy định của Nhà nước, Trường đã sửa đổi bổ sung 05 Quy chế ; với Quy chế chi tiêu nội bộ bổ điều chỉnh một số định mức chi phí khoán..., Quy chế GV cơ hữu điều chỉnh bổ sung thêm quy định về định mức giờ giảng đối với Trưởng/Phó Bộ môn..., Quy chế trả lương, trả thưởng điều chỉnh sửa đổi quy định về hệ số lương cơ bản theo Nghị định 49 thay cho Nghị định 205 của Chính phủ, bổ sung thêm mức lương, phụ cấp của Trưởng/Phó trưởng Bộ môn.... Quy chế quản lý hoạt động Khoa học công nghệ cho phép đồng chủ nhiệm đề tài, điều chỉnh định mức khen thưởng, Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh lại tiêu chí đánh giá quy định cụ thể hơn).

Từ năm 2015-2019, Hiệu trưởng được điều động về Trường thay Hiệu trưởng cũ nghỉ hưu, 01 Hiệu phó bổ nhiệm mới năm 2017, kết quả hoạt động trong 04 năm Trường đều được Tập đoàn đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó, 03 năm hoàn thành vượt mức kế hoạch. Chi phí hoạt động bộ máy hàng năm bình quân chỉ bằng 70-80 Chi phí được phê duyệt, Chi phí đầu tư, mua sắm đều giảm tiết giảm tối thiểu 5% giá trị hợp đồng do đấu thầu, thương thảo hợp đồng (tiết giảm chi phí hiệu quả). Tiến sĩ Lê Văn Sỹ được điều động từ Khoa KHCB giữ chức Phó Giám đốc/Giám đốc Trung tâm BDNC,

hàng năm doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Trung tâm đều đạt và vượt mức kế hoạch được giao từ 10-15%, tạo dựng nhiều đầu mối khách hàng là đối tác trong Ngành Dầu khí. Tiến sĩ Vũ Công Thắng, được điều động từ Khoa Dầu khí giữ chức Phó Trưởng phòng ĐN&KHCN, công tác NCKH dần đi vào nề nếp hơn, ban hành sửa đổi quy chế quản lý Khoa học công nghệ của Trường cụ thể, rõ ràng giúp công tác quản lý Khoa học công nghệ được thuận tiện, hiệu quả.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Bộ máy lãnh đạo và quản lý sau các lần rà soát, đã được cải tiến gọn nhẹ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường;

- Trường có hệ thống các Quy trình/Quy chế/Quy định nội bộ tương đối đầy đủ giúp cho Bộ máy lãnh đạo và quản lý điều hành hoạt động của Trường của các đơn vị trực thuộc tốt hơn, tránh chồng chéo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Hai khoa nhưng chung một bản mô tả công việc, chưa có mô tả cụ thể đối với từng chức danh công việc..

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, ban hành mô tả công việc cụ thể đối với từng chức danh công việc của 02 Khoa thuộc Trường và thực hiện kế hoạch phổ biến Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường tới toàn thể CBNV, SV và các bên liên quan	Khoa KHCB, Khoa DK, Phòng TC-HC	Tháng 9/2019	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, cải tiến bộ máy Lãnh đạo và quản lý, tái cơ cấu để đạt hiệu quả cao hơn	HĐT, BGH, Phòng TCHC, các đơn vị	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát, ban hành mới, sửa đổi bổ sung các Quy trình/Quy chế/Quy định nội bộ	Các đơn vị thuộc Trường	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	4,5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	4

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Phòng Kế hoạch – Tài chính được thành lập theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHDK ngày 27/01/2011 [04.01.01], Phòng có chức năng và nhiệm vụ: tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc điều hành và quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực kế hoạch – tài chính của Trường; có nhiệm vụ đề xuất việc xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến công tác kế hoạch; chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng và trình duyệt kế hoạch; hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch nhiệm vụ và kế hoạch kinh phí hàng năm của các đơn vị... theo Quyết định số 147/QĐ-ĐHDK ngày 09/03/2011.[04.01.02].

Trường đã ban hành Hướng dẫn tổ chức xây dựng ”Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam” [04.01.03] vào ngày 04/06/2014, giao cho Phòng Kế hoạch – Tài chính chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết và đề xuất thành lập Tổ xây dựng Chiến lược phát triển [04.01.04]. Hướng dẫn này đã chỉ ra 06 bước chính để xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể của Trường. Hướng dẫn này đã giải thích chi tiết từng bước của quy trình lập chiến lược kế hoạch, bao gồm: chuẩn bị; đánh giá hiện trạng, bối cảnh; xác định tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu; xác định mục tiêu, chiến lược cụ thể; lập kế hoạch hành động, thủ tục ban hành và tổ chức thực hiện; theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch. Đặc biệt, PVU đã ban hành CLPT Trường giai đoạn 2015-2025 [04.01.05] bao gồm chiến lược, kế hoạch hành động và kế hoạch chi tiết thực hiện theo từng lĩnh vực: nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, đối ngoại, NCKH và phục vụ xã hội.

Bên cạnh việc hướng dẫn xây dựng CLPT tổng thể, PVU đã ban hành Quy trình xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm [04.01.06] gồm 21 bước, được diễn giải cụ thể, cùng với thời gian thực hiện (thông báo phối hợp xây dựng kế hoạch năm; các đơn vị xây dựng kế hoạch năm [04.01.07]; tổng hợp, xây dựng KH của Trường; họp thống nhất KH [04.01.08]; BGH họp với các đơn vị thống nhất KH [04.01.09]; HĐT thông qua kế hoạch năm [04.01.10] và trình Tập đoàn [04.01.11] ...

Chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2025 được ban hành vào năm 2014 đã xác định được tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Đây cũng chính là kim chỉ nam cho việc xây dựng mục tiêu, chiến lược và giải pháp cụ thể của Nhà trường cho 09 lĩnh vực bao gồm: tổ chức bộ máy; đào tạo; NCKH; phục vụ xã hội; phát triển đội ngũ GV; phát triển cơ sở vật chất; quản lý, chính sách đảm bảo chất lượng; hợp tác trong nước và quốc tế; tài chính. Trên cơ sở chiến lược, Nhà trường đã ban hành kế hoạch thực hiện cho từng lĩnh vực [04.01.12].

Đến năm 2018, Trường đã điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và khẳng định lại giá trị cốt lõi của Trường [04.01.13]. Các mục tiêu, chiến lược trong từng lĩnh vực của CLPT

PVU giai đoạn 2015-2025 vẫn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng được điều chỉnh vào năm 2018, được thể hiện ở các mục tiêu, chiến lược như: NCKH phấn đấu trở thành Trường đại học có định hướng NCKH ứng dụng đạt tiêu chuẩn khu vực; mục tiêu, chiến lược của đào tạo là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất kinh doanh ...

Các mục tiêu, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực đều thể hiện được giá trị cốt lõi của Trường, là các giải pháp để phát triển việc ham học, đam mê nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2025 đã đưa ra kế hoạch, hành động cụ thể khung thời gian ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cho từng lĩnh vực với mốc thời gian bắt đầu, hoàn thành cho từng hoạt động, cho từng lĩnh vực đồng thời đưa ra các chỉ số từng giai đoạn như: (1) Về nguồn nhân lực: thu hút đội ngũ GV (chú trọng bổ sung đội ngũ GV có trình độ cao...); phát triển GV (đảm bảo 100% giảng viên cơ hữu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm...); (2) Về cơ sở vật chất: đảm bảo diện tích phòng học, giảng đường và trang thiết bị chung; đầu tư cho Thư viện Nhà trường; đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin; (3) Về tài chính: đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nguồn tài trợ; hoàn thiện cơ chế tài chính (hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và quy chế tổ chức hoạt động của TTBDNC; xây dựng mức học phí phù hợp ..; (4) Về đào tạo: hoàn thiện và phát triển chương trình đào tạo; giữ ổn định quy mô đào tạo đại học chính quy, phát triển đào tạo liên kết ĐH, ThS, TS đáp ứng nhu cầu nhân lực đa ngành, đa trình độ; đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá kết quả đào tạo; ...(5) Về NCKH tăng cường và đa dạng hóa nghiên cứu khoa học; tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu khoa học. (6) Về phục vụ cộng đồng: gắn kết chặt chẽ với xã hội và các đối tác, duy trì mối liên hệ với các đối tác truyền thống, duy trì hợp tác và nâng cao hình ảnh, thương hiệu Nhà trường....

Trên cơ sở chiến lược tổng thể, Nhà trường đã chi tiết hóa thành kế hoạch hành động hàng năm có cập nhật các yêu cầu từ Tập đoàn và thực tế Nhà trường [04.02.01]. Hàng năm, Nhà trường giao nhiệm vụ với các chỉ tiêu, con số cụ thể cho từng đơn vị trong trường theo từng tháng [04.02.02], cụ thể: (1) Về nguồn nhân lực là số lượt đào tạo theo từng tháng, các chỉ tiêu tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ...; (2) Về cơ sở vật chất kế hoạch đầu tư XD CB và mua sắm tài sản trang thiết bị, văn phòng, thư viện, phục vụ đào tạo ...; quản trị thiết bị; (3) Về tài chính quy định cụ thể về doanh thu học phí đại học chính quy, cao học và các khoá đào tạo dịch vụ; số lượng các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thuế trong năm ...; (4) Về đào tạo triển khai công tác tuyển sinh

với các số lượng cụ thể; biên soạn bài giảng điện tử; giảng dạy, coi thi, chấm thi lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, hướng dẫn thực tập nghề nghiệp; ôn luyện đội tuyển Olympic Quốc gia...; (5) Về NCKH quy định cụ thể số lượng đề tài cấp Bộ, cấp Sở/Ngành, đề tài cho GV cấp cơ sở; đề tài SV; đầu mối tổ chức các Hội thảo khoa học; quản lý, theo dõi, cập nhật, lập trình hồ sơ khen thưởng bài báo, các công trình khoa học...và (6) Về phục vụ cộng đồng: có quy định về số lớp, số lượng học viên và chỉ tiêu doanh thu, chi phí, số hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

Toàn bộ chiến lược, kế hoạch chi tiết từng lĩnh vực và kế hoạch hoạt động hàng năm đều được công bố trên hệ thống xử lý văn bản của Trường. Hệ thống này theo dõi được các thao tác xử lý hồ sơ công việc, tiến độ thực hiện công việc và đồng thời thể hiện được thời gian phải hoàn thành chỉ tiêu/nhiệm vụ của các đơn vị. Tất cả các Trường đơn vị, cá nhân trong Trường đều có thể truy cập vào hệ thống để theo dõi, tiếp nhận thông tin và triển khai thực hiện.

Ngoài ra, CLPT Trường giai đoạn 2015-2025, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, Sổ tay văn hóa PVU năm 2018 đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường và tuyên truyền, phổ biến bằng pano, khẩu hiệu, bảng LED tại Trường để các đơn vị trong và ngoài Trường đều có thể cập nhật và theo dõi.

Kế hoạch hoạt động hàng năm của Trường đều được thông báo, triển khai đến các đơn vị. Từ đó Trường các đơn vị có trách nhiệm quán triệt, triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao đến từng thành viên trong đơn vị mình. Hàng quý, các đơn vị cũng như Nhà trường đều tổ chức họp giao ban để các cá nhân và các đơn vị trên cơ sở các nhiệm vụ kế hoạch được giao.

Trên cơ sở Kế hoạch hành động của Chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2025, các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện chiến lược phát triển theo từng lĩnh vực và từng mốc thời gian [04.01.12].

Trong Quyết định giao nhiệm vụ và chỉ tiêu của Trường, từng đơn vị phải xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ [04.02.03]. Trên cơ sở nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đã được xây dựng các đơn vị triển khai phân công nhiệm vụ đến từng cá nhân nhằm hoàn thành các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hàng năm của đơn vị mình [04.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phần đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD

Kế hoạch hành động trong CPT PVU giai đoạn 2015-2025 đã xác định các KPIs cụ thể trong từng lĩnh vực với các tiêu chí định lượng cụ thể phải đạt được trong những khung thời gian nhất định cho từng năm hoặc từng giai đoạn. (1) Về nguồn nhân lực: nâng cao thành phần đội ngũ GV có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ. Trong giai đoạn 2015-2016 tỉ lệ

CBGD có trình độ Tiến sĩ là 40%, trình độ Thạc sĩ trở lên là 85%, GV đạt tiêu chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên 45% (100% CBGV đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0). Trong giai đoạn 2017-2020, tỉ lệ CBGD có trình độ Tiến sĩ là 50%, trình độ Thạc sĩ trở lên là 90%, GV đạt tiêu chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên 60% (100% CBGV đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0). Trong giai đoạn 2021-2025, tỉ lệ CBGD có trình độ Tiến sĩ là 60%, trình độ Thạc sĩ trở lên là 90%, GV đạt tiêu chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên 60% (100% CBGV đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0) ... (2) Về cơ sở vật chất giai đoạn 2015-2016, Trường khởi công xây dựng tòa nhà 9 tầng làm phòng học và văn phòng làm việc với diện tích sử dụng 2000 m² và 1590 m² xưởng và Phòng thí nghiệm chuyên ngành và KTX số 02 hoàn thành năm 2016 ... (3) Về tài chính trong giai đoạn 2015-2017 phần đầu thu 5% chi phí quản lý/ doanh thu từ dịch vụ; giai đoạn 2018-2025 thu 6 đến 7% chi phí quản lý/ doanh thu từ dịch vụ ... (4) Về đào tạo trong giai đoạn 2017-2019 đào tạo kỹ sư văn bằng hai với quy mô khoảng 30-40 SV/năm. Giai đoạn 2020-2025 đào tạo các ngành liên kết liên quan đến dầu khí với số lượng khoảng 50-100SV/năm ... (5) Về NCKH trong giai đoạn 2016-2025 mỗi năm mỗi Khoa (KHCB, DK) có ít nhất 1-2 đề tài cấp Tập đoàn, 1 đề tài cấp Bộ, có 1 đề tài cấp Nhà nước ... (6) Về phục vụ cộng đồng, áp dụng mô hình hợp tác hiệu quả cao trong giai đoạn 2015-2016 có 1-2 mô hình; giai đoạn 2017-2020 có 2-3 mô hình ...

Đồng thời, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của PVU đã chi tiết hóa các KPIs trong chỉ tiêu chiến lược thành các chỉ tiêu phải hoàn thành theo từng tháng cho từng đơn vị. Bao gồm các KPIs của các chỉ tiêu: nguồn nhân lực (đào tạo cán bộ giảng dạy các trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, đào tạo thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ...); cơ sở vật chất (số tiền đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị...); tài chính doanh thu và doanh số, các nguồn chi phí...; đào tạo (số lớp và số lượng lớp của đào tạo SV chính quy, đào tạo cao học...); NCKH (số lượng đề tài NKCH các cấp,...); phục vụ cộng đồng (số lượt đào tạo dịch vụ và liên kết, hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên...).

Tất cả các KPIs trong chiến lược của Trường, các chỉ tiêu trong kế hoạch năm đều có mốc thời gian thực hiện theo năm, theo tháng. Các chỉ số kế hoạch đều định lượng, đo lường được với thời gian hoàn thành cụ thể. Trên cơ sở các chỉ tiêu cụ thể của từng đơn vị, hàng quý, các đơn vị đã thực hiện rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu được giao theo biểu mẫu đánh giá đính kèm trong quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ nhân viên PVU, với các tiêu chí đánh giá cụ thể (khối lượng, chất lượng công việc được giao; tiến độ hoàn thành công việc; thái độ, kỹ năng làm việc; kỹ năng quản lý...). Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý bao gồm hệ số thực hiện nhiệm vụ đạt được và hệ số kỷ luật lao động. Từ các hệ số này sẽ quy đổi xếp loại đánh giá loại A, loại B, loại C, loại D tương ứng với các mức độ hoàn thành nhiệm vụ (thực hiện xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ, thực hiện đạt yêu cầu, thực hiện chưa đạt yêu cầu). Sau khi các đơn vị và các cá nhân tự đánh giá, Nhà trường tổ chức Hội đồng giao ban và Hội đồng thi đua - khen thưởng và kỷ luật Nhà trường để đánh giá,

phê duyệt kết quả đánh giá các đơn vị và cá nhân cho từng quý, từng năm, từ đó có phương hướng điều chỉnh, thực hiện các công việc tiếp theo và có các chế độ động viên, khuyến khích; đồng thời tiến tới đánh giá hoàn thành chỉ tiêu của toàn Trường.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp đánh giá sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết cả năm (thành phần gồm BGH, Trưởng các đơn vị, Chủ tịch công đoàn, Bí thư ĐTN Trường, Trưởng, Phó, Phụ trách các Bộ môn), và họp Hội đồng thi đua-khen thưởng và kỷ luật Nhà trường để đánh giá, đánh giá, phê duyệt kết quả đánh giá các đơn vị và cá nhân cho từng quý, năm. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức các cuộc họp đánh giá nhiệm vụ chung của Trường theo từng lĩnh vực cụ thể của CLPT, mức độ thực hiện các chỉ số, kế hoạch năm đối chiếu lại với KPIs trong kế hoạch hành động của chiến lược tổng thể giai đoạn 2015-2025.

Cuối năm, Trường thực hiện đánh giá tổng thể theo các bước: Các cá nhân tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc, tiếp đó các đơn vị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, sau đó Nhà trường tổng kết các kết quả đánh giá để tiến hành phê duyệt kết quả đánh giá. Kết quả đánh giá sẽ được quy đổi và phân thành 4 loại (loại A, loại B, loại C, loại D) tương ứng với các mức độ hoàn thành nhiệm vụ (thực hiện xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ, thực hiện đạt yêu cầu, thực hiện chưa đạt yêu cầu), từ đó có các chế độ động viên, khuyến khích. Đồng thời, PVU đánh giá tổng thể mức độ thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch của Tập đoàn giao theo từng lĩnh vực cụ thể [04.03.01], trong đó chỉ ra các thuận lợi, khó khăn và đề xuất phương hướng, kế hoạch hoạt động cho năm tiếp theo.

Ngoài ra, hàng năm PVU có báo cáo Tập đoàn về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao [04.03.02]. Trên cơ sở kết quả thực hiện và báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Hội đồng thành viên Tập đoàn chính thức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Trường với các nhiệm vụ, chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch [04.03.03]. Đặc biệt, trong giai đoạn 2015 – 2025, PVU đã triển khai đánh giá thực hiện giai đoạn 2015-2018 chiến lược phát triển của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 [04.03.04], trong đó đưa ra phân tích thuận lợi, khó khăn, các chỉ số đạt được trên các lĩnh vực và đề xuất, kiến nghị với Tập đoàn để có thể hoàn thành kế hoạch chiến lược.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD

Trong quá trình thực hiện CLPT PVU giai đoạn 2015-2025, trên cơ sở đánh giá giai đoạn 2015-2018, Nhà trường xác định cần điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và bổ sung giá trị cốt lõi vào CLPT để phù hợp với định hướng phát triển và tình hình thực tế, PVU đã cải tiến, ban hành văn bản điều chỉnh Hướng dẫn tổ chức xây dựng CLPT PVU

[04.04.01]. Hướng dẫn điều chỉnh cơ bản vẫn giữ nguyên các bước xây dựng chiến lược phát triển của Trường như: chuẩn bị; đánh giá hiện trạng, bối cảnh; xác định tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi; xác định mục tiêu, chiến lược cụ thể (đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và xã hội, đội ngũ GV, cơ sở vật chất, quản lý chính sách, tài chính, hợp tác trong nước và quốc tế); lập kế hoạch hành động, làm thủ tục ban hành và tổ chức thực hiện; theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch

Ngoài ra, đối với việc xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, PVU đã ban hành quy trình phối hợp trình xây dựng kế hoạch hoạt động năm vào năm 2018 [04.01.06]. Quy trình này cụ thể hóa các bước thực hiện, vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị và thời gian phối hợp hoàn thành kế hoạch hoạt động năm.

Trường đã thực hiện đánh giá giai đoạn 2015-2018 của CLPT PVU giai đoạn 2015-2018 [04.03.04], trong đó, đã rà soát, đánh giá, xác định các thuận lợi, khó khăn để có giải pháp triển khai, kế hoạch hành động theo từng lĩnh vực. Đồng thời, trường đã đối sánh mức độ hoàn thành các chỉ số KPIs theo từng lĩnh vực: công tác tổ chức bộ máy; đào tạo cán bộ; tuyển sinh tổ chức đào tạo; cơ sở vật chất; nghiên cứu khoa học và đối ngoại, XDCB và mua sắm trang thiết bị; dịch vụ đào tạo (thể hiện qua các bảng thống kê của từng lĩnh vực). Từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm để có các đề xuất, phương hướng giải pháp (kiến nghị Tập đoàn chỉ đạo sát sao, quan tâm tạo điều kiện để Nhà trường triển khai công tác tái cấu trúc, tiếp tục cấp kinh phí; xem xét giao nhiệm vụ cho PVU làm đầu mối Quản trị nguồn nhân lực Tập đoàn; xem xét giao cho PVU tổ chức một số khoá học ngắn hạn bồi dưỡng nâng cao;...) nhằm nâng cao mức độ đạt được mục tiêu chiến lược của Trường.

Để phù hợp tình hình thực tế và chủ trương của Tập đoàn về định hướng phát triển Nhà trường, trên cơ sở đánh giá giai đoạn 2015-2018, Nhà trường đã điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, bổ sung giá trị cốt lõi (đức; tài; hiếu học, hiếu tri; năng động; sáng tạo; tinh thần trách nhiệm; trí tuệ) [04.01.13]. Bên cạnh đó, Trường có điều chỉnh Hướng dẫn tổ chức xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam bổ sung vào bước 3 (triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi), điều chỉnh nội dung vào bước 4 (phục vụ xã hội thành phục vụ cộng đồng và xã hội. Đồng thời, PVU có ban hành sổ tay văn hóa trong đó có đưa ra triết lý giáo dục của Trường.

Ngoài ra, trong kế hoạch hoạt động hàng năm, Nhà trường thực hiện điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể theo chỉ đạo của Tập đoàn [04.04.02] (chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo, thu học phí đại học chính quy, chi phí lao động- tiền lương, chi phí hoạt động bộ máy...) để phù hợp với kế hoạch chiến lược và yêu cầu của Tập đoàn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Có các hướng dẫn chi tiết để xây dựng KH tổng thể và có hướng dẫn xây dựng KH hàng năm.

- Kế hoạch chiến lược của Trường đã cụ thể hóa các chỉ số thực hiện, các KPIs dài hạn, trung hạn, hàng năm cho từng lĩnh vực. Các chỉ số này rõ ràng, đều đo lường được, có tính khả thi, và thích hợp.

- Trong quá trình triển khai các chỉ số KPIs, PVU giám sát đánh giá từng chỉ số thực hiện của từng cá nhân, đơn vị bằng biểu bảng đo lường được theo từng quý, năm và có đánh giá tổng thể hàng năm để điều chỉnh chiến lược.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một số bản tự đánh giá hàng quý của một số cá nhân còn báo cáo bằng hình thức email, chưa có bản cứng và có chữ ký xác nhận.

3. Kế hoạch hành động

Có các văn bản yêu cầu các đơn vị/ cá nhân thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá bằng văn bản có ký xác nhận đầy đủ; đơn vị đầu mối là Phòng Tổ chức – Hành chính; thời hạn hoàn thành: Tháng 09/2019.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	5
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo, theo Quyết định số 306/QĐ-ĐHDK ký ngày 1 tháng 4 năm 2016 [05.01.01] trong đó quy định nhiệm vụ của Hội đồng KH & ĐT là tư vấn cho Hội đồng trường và Hiệu trưởng về hoạt động đào tạo, cụ thể bao gồm “Các quy chế, quy định về công tác đào tạo, phương hướng, kế hoạch, quy trình tổ chức đào tạo các ngành học trong Nhà trường, nội dung, chương trình các chuyên ngành, các học phần, đổi mới công tác quản lý đào tạo trong Nhà trường, kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ GV, cán bộ nhân viên của Trường...”. Nhà trường phân công Phòng Đào tạo xây dựng, đề xuất những chính sách về Đào tạo [05.01.02] trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ chung của phòng là “Nghiên cứu đề xuất phương hướng phát triển của Trường về mục tiêu đào tạo, các hệ đào tạo. Đề xuất, xây dựng các quy định, quy chế phù hợp trong quản lý giảng dạy, học tập. Chủ trì và xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Trường...”.

Hội đồng Khoa học & Đào tạo cũng là đơn vị tư vấn cho Nhà trường về hoạt động Khoa học & Công nghệ bao gồm: “Các quy chế, quy định về hoạt động KH&CN, phương hướng mục tiêu và nhiệm vụ hoạt động KH&CN hàng năm, trung hạn và dài hạn của Nhà trường...” [05.01.01] , Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ được giao trách nhiệm xây dựng những chính sách về NCKH [05.01.03], một trong những nhiệm vụ của Phòng ĐN & KHCN như sau “Đề xuất việc xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Tham mưu cho Hiệu trưởng về kế hoạch, phương hướng các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường, phối hợp với các đơn vị tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về NCKH và chuyển giao công nghệ...”.

Chính sách về Phục vụ cộng đồng được thể hiện thông qua ban hành Quyết định số 151/QĐ-ĐHDK ngày 9 tháng 3 năm 2011 [05.01.04], giao nhiệm vụ cho Trung tâm Bồi dưỡng nâng cao tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn, có tính chất bồi dưỡng thường xuyên, “Tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc lựa chọn đối tác, xác định

phương hướng, hình thức, nội dung và các chính sách, biện pháp cụ thể phát triển và tăng cường hiệu quả các hoạt động đào tạo nâng cao...”. Bên cạnh đó, công tác PVCĐ còn được thực hiện bởi những tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, hoạt động dựa trên Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn PVU nhiệm kỳ 2012-2017, 2017-2022 [05.01.05] , Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Đoàn thanh niên PVU các nhiệm kỳ 2014-2017, 2017-2019 [05.01.06], Hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng [05.01.07].

Nhà trường đã xây dựng Quy chế để phục vụ chính sách về Đào tạo như: Quy chế học vụ [05.01.07], Quy chế Đào tạo ĐH hệ chính quy [05.01.08] căn cứ trên Quy chế đào tạo ĐH & CĐ hệ Chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo QĐ số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15/8/2007, Quy chế thỉnh giảng dựa trên Luật Giáo dục đại học...Hoạt động NCKH của Nhà trường tuân thủ theo Quy chế Quản lý hoạt động KHCN [05.01.10] được xây dựng dựa trên Quy chế quản lý hoạt động KHCN của PVN [05.01.11]. Công đoàn và Đoàn thanh niên xây dựng Quy chế hoạt động dựa trên Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Điều lệ Đoàn thanh niên Cộng Sản HCM.

Về kế hoạch tập huấn, ngoài việc cử cán bộ tham gia những chương trình tập huấn do Tập đoàn, Bộ GDĐT, Sở KHCN Tỉnh BR-VT tổ chức [05.01.12] [05.01.13] [05.01.14] [05.01.15] [05.01.16] [05.01.17] , theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm [05.01.17a] Nhà trường còn dành một phần ngân sách hàng năm tổ chức những khóa đào tạo ngắn hạn cho CBNV nhằm nâng cao nhận thức, trình độ. Có thể kể đến những lớp đào tạo về Đảm bảo chất lượng, Kiểm định chất lượng giáo dục, cán bộ được tư vấn và giao lưu, học hỏi bởi những chuyên gia, những GV dày dặn kinh nghiệm như PGS.TS Nguyễn Phương Nga, PGS.TS. Ngô Doãn Đãi [05.01.18]... Các cán bộ làm công tác đoàn thể cũng tích cực tham gia những đợt tập huấn được Tập đoàn tổ chức [05.01.19] nhằm nâng cao năng lực, kinh nghiệm trong các hoạt động CĐ, ĐTN.

Những chính sách về Đào tạo, NCKH được xây dựng dựa trên những văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể: Quy chế học vụ [05.01.07], Quy chế Đào tạo ĐH hệ chính quy [05.01.08] căn cứ trên Quy chế đào tạo ĐH & CĐ hệ Chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo QĐ số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15/8/2007, được Nhà trường bổ sung thêm một số nội dung để phù hợp hơn với thực tế Đào tạo tại PVU như: chia nhỏ giải điểm chữ và hệ điểm 4 để đánh giá

chính xác hơn trình độ SV, đưa vào 1 số trường hợp đặc biệt như: được phép thi lại, các học phần tự chọn..., Quy chế thỉnh giảng, Quy chế GV cơ hữu [05.01.20] dựa trên Luật Giáo dục đại học. Tiêu chuẩn về các ngạch, bậc như GV, GV chính, GV cao cấp...ngoài tuân thủ tiêu chuẩn của Bộ GDĐT còn dựa trên tiêu chuẩn của trường như: bài báo, tiếng anh. Chế độ định mức giảng dạy của GV hàng năm căn cứ trên Quy định chế độ làm việc của GV của Bộ GDĐT, định mức giảng dạy của cán bộ làm công tác kiêm nhiệm theo Quy chế của Bộ), Quy chế Quản lý hoạt động KHCN PVU [05.01.10] được xây dựng dựa trên Quy chế quản lý hoạt động KHCN của PVN [05.01.11]. Quy chế hoạt động CĐ, ĐTN đều căn cứ trên Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Điều lệ Đoàn thanh niên Cộng Sản HCM. Những chính sách trên luôn bám sát và phục vụ TNSM, mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, cụ thể “Với tầm nhìn trở thành một trong những trường Đại học chuyên ngành hàng đầu Việt Nam, và sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất kinh doanh. Thực hiện trách nhiệm xã hội và PVCD.” [05.01.12]

Trong suốt quá trình hoạt động của Nhà trường, từ 2011 đến nay, hàng loạt chính sách về Đào tạo đã được điều chỉnh và ban hành, ví dụ: Quy chế học vụ sửa đổi năm 2013, Quy chế Đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ (2013), Quy chế GV cơ hữu (sửa đổi vào năm 2016) [05.01.13]. Trong quá trình sửa đổi P.ĐT được phân công làm đầu mối thu thập ý kiến đóng góp từ SV, Hội đồng Khoa học & Đào tạo. Ý kiến của GV được thu thập qua email, ý kiến của SV được thu thập qua Phiếu khảo sát SV và tất cả được Bộ môn tổng hợp gửi về phòng Đào tạo [05.01.14] Ngoài ra, trường cũng lấy ý kiến của ý kiến HĐ KH&ĐT, trong đó có tham gia của các chuyên gia GD và ngành (đều tham gia thành phần HĐKH&ĐT) là ý kiến khách quan và quan trọng trong quá trình xây dựng những chính sách [05.01.15].

Quy chế quản lý hoạt động KHCN của PVU được ban hành vào năm 2013 và được sửa đổi vào các năm 2016, 2019 [05.01.16], đối tượng được lấy ý kiến trong quá trình sửa đổi cũng là GV, SV. GV email ý kiến những điểm cần sửa đổi cho P. ĐN & KHCN [05.01.17], SV sẽ được phát phiếu khảo sát [05.01.18], sau đó Phòng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, nêu ra những điểm cần sửa đổi và trình BGH phê duyệt, ban hành. Năm 2016 Nhà trường đã chỉnh sửa, ban hành lại Quy định tổ chức, hoạt động của Trung tâm Bồi dưỡng Nâng cao [05.01.19] thay thế cho Quy định cũ ban hành năm 2012. Trong 5

năm qua Nhà trường đã chỉnh sửa, ban hành Khung chương trình đào tạo 3 lần, Quy chế quản lý hoạt động NCKH 2 lần, Quy định tổ chức, hoạt động của Trung tâm BDNC 1 lần.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Trong thời gian đầu hoạt động, những chính sách về Đào tạo, NCKH và PVCĐ được Nhà trường giao cho đơn vị thực hiện xây dựng chính sách giám sát theo quy trình tự giám sát, cấp trên giám sát cấp dưới theo cơ chế giám sát thường xuyên hoạt động và giám sát theo cơ chế báo cáo. Cụ thể, đối với công tác giám sát việc thực hiện chính sách về NCKH được giao cho phòng ĐN&KHCN thông qua Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Phòng ĐN&KHCN [05.01.03], “Căn cứ vào ngân sách NCKH đề xuất kế hoạch phân bổ kinh phí, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí hoạt động KHCN. Giám sát tiến độ thực hiện và quản lý các đề tài NCKH...”. Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo trong đó có đề cập tới việc “Theo dõi kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định học vụ đại học, quy chế giảng dạy và kịp thời phát hiện, đề xuất những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung...”. Đối với những chính sách về PVCĐ, đơn vị thực hiện sẽ chịu trách nhiệm giám sát theo Quy chế hoạt động của CĐ, ĐTN từng nhiệm kỳ [05.01.05], [05.01.06].

Từ 2011-2019 việc giám sát sự tuân thủ những chính sách được phân công cho các đơn vị như Phòng Đào tạo, P. ĐN&KHCN, CĐ, ĐTN dựa trên chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động của từng đơn vị, tổ chức đoàn thể. Quy trình giám sát sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành đã được phổ biến tới CBNV qua email, phần mềm VPI Office.

Việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách được thể hiện trong các Báo cáo của Đảng Ủy về Tổng kết thực hiện nhiệm vụ hàng năm và phương hướng nhiệm vụ cho năm tiếp theo [05.02.02]. Cụ thể, những nội dung này được ghi trong mục “Lãnh đạo thực hiện chương trình công tác năm và nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, bên cạnh đó Đảng Ủy chỉ đạo các Chi bộ bám sát Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương, các hướng dẫn về quy định của Đảng bộ khối, Đảng bộ Tập đoàn đưa vào giảng dạy,

ngiên cứu, học tập...” (Trích Báo cáo số 73/BC-ĐU ngày 6 tháng 12 năm 2018). Về phía Công đoàn, ĐTN, hàng năm đều có báo cáo tổng kết về việc thực hiện giám sát các hoạt động PVCD [05.02.03]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Trong các Quyết định giao nhiệm vụ cho từng đơn vị hàng năm, một trong những nhiệm vụ được đề cập đến là định kỳ rà soát các quy định, quy chế do đơn vị xây dựng, ban hành. Đánh giá việc thực hiện chính sách về Đào tạo được phòng tổng hợp trong các Báo cáo tổng kết theo năm tài chính và năm học, trong đó có công tác giảng dạy, khung chương trình đào tạo, công tác tuyển sinh, quản lý SV. Báo cáo nêu ra những điểm còn tồn tại trong các hoạt động đào tạo và đề ra phương hướng trong năm học tiếp theo [05.03.01]. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu khoa học của GV, SV được Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ tổng hợp trong Báo cáo tổng kết của phòng hàng năm [05.03.02]. Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học thường xuyên được rà soát đánh giá tìm ra những điểm tồn tại và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp hơn với tình hình thực tế của Nhà trường. Những hoạt động Phục vụ cộng đồng như: an sinh xã hội, tình nguyện, mùa hè xanh được đề cập trong các báo cáo tổng kết của Công đoàn, Đoàn thanh niên. Ngoài ra còn có tổng kết những hoạt động của Trung tâm Bồi dưỡng nâng cao [05.03.03], một trong những hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Việc thực hiện các mục tiêu, Chiến lược phát triển PVU trong giai đoạn từ 2010 đến 2014 diễn ra trong bối cảnh không thuận lợi, nhiều mục tiêu, Chiến lược cũ đã thay đổi trong khi một số mục tiêu, Chiến lược mới chưa được xác định rõ ràng. Căn cứ tình hình thực tế và ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban giám hiệu, BCH Công đoàn, BCH ĐTN, toàn thể cán bộ nhân viên, SV trong Trường, Nhà trường đã xây dựng và ban hành “Chiến lược phát triển Trường Đại

học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025”. Việc thay đổi Chiến lược phát triển sẽ dẫn tới một số chính sách về Đào tạo, NCKH và PVCD thay đổi theo. Từ 2015-2019, P. Đào tạo đã chỉnh sửa, ban hành Quy chế GV cơ hữu [05.04.01], trong quá trình chỉnh sửa P. ĐT đã tiến hành lấy ý kiến toàn thể CBNV bằng hình thức email, Hội đồng KH&ĐT họp và thống nhất thông qua Biên bản họp [05.04.02]. Nội dung điều chỉnh bao gồm: Về lĩnh vực NCKH, Quy chế quản lý hoạt động NCKH được điều chỉnh vào các năm 2016, 2019 [05.04.03]. Những điểm nổi bật đã chỉnh sửa bổ sung: Chủ nhiệm đề tài có thể là người trong trường hoặc ngoài trường. Trong trường hợp CNĐT là người ngoài trường thì phải có cán bộ trong trường làm đồng chủ nhiệm đề tài và đồng CNĐT trong trường có trách nhiệm pháp lý đối với đề tài, bổ sung loại tạp chí là Kỷ yếu đăng trên Scopus vào danh mục đăng ký đề tài cấp cơ sở, CNĐT được nghiệm thu ở mức điểm từ 90 trở lên (thang 100), thực hiện đúng mọi điều khoản trong đề cương NCKH và vượt mức so với đăng ký sẽ được xem xét khen thưởng... Quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm BDNC cũng được chỉnh sửa năm 2016 [05.04.04] để phù hợp hơn với tình hình thực tế, tỉ lệ % trích quỹ lương lên tới 50% doanh thu so với 30% theo Quy chế cũ...

Phòng Đào tạo thường xuyên tiến hành lấy ý kiến SV theo từng học kỳ nhằm đánh giá mức độ hài lòng về từng học phần và GV phụ trách học phần đó [05.04.05]. Quy chế GV cơ hữu sau khi lấy ý kiến CBNV được phòng ĐT lên Dự thảo, trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành. Ngoài ra Nhà trường còn tham khảo ý kiến đơn vị sử dụng lao động qua các phiếu khảo sát chất lượng SV ra trường [05.04.06]. Trong 5 năm, Trường đã chỉnh sửa, thay đổi Quy chế quản lý hoạt động NCKH 2 lần, trong quá trình điều chỉnh, Phòng ĐN&KHCN triển khai lấy ý kiến CBNV bằng hình thức email, phát phiếu khảo sát cho SV và có bảng tổng hợp với mức độ hài lòng của SV về những chính sách NCKH trên 80% [05.04.07]. Những hoạt động PVCD trong 5 năm qua bao gồm: những lớp đào tạo ngắn hạn do Trung tâm BDNC tổ chức dành cho các đơn vị trong Tập đoàn, các hoạt động An sinh xã hội, Mùa hè xanh do Công đoàn, Đoàn thanh niên chủ trì. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, sau khi kết thúc khóa học Trung tâm đều tiến hành lấy ý kiến học viên về Nội dung đào tạo, công tác tổ chức lớp, trình độ của GV... với tỉ lệ hài lòng trên 90% [05.04.08]. Những hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên cũng nhận được sự ủng hộ và ghi nhận từ phía người dân địa phương, điều này được thể hiện qua bảng tổng hợp ý kiến khảo sát sau mỗi hoạt động, Thư cảm ơn từ phía Chính

quyền địa phương [05.04.09]. Kết thúc mỗi hoạt động xã hội, Công đoàn, Đoàn thanh niên đều tổ chức họp rút kinh nghiệm để đưa ra những kế hoạch tổ chức tốt hơn cho những hoạt động tiếp theo [05.04.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Ngoài việc cử cán bộ tham gia tập huấn các chương trình về Đảm bảo chất lượng, Nhà trường còn giao Trung tâm BDNC tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn về Đảm bảo chất lượng.

- Những hoạt động PVCD như An sinh xã hội, Mùa hè xanh được tổ chức hàng năm và nhận được sự ủng hộ từ CBNV cũng như sự hài lòng cao từ người dân địa phương.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhà trường chưa có bộ phận chuyên trách theo dõi, rà soát các chính sách mà công việc này chỉ được thực hiện ở từng đơn vị chức năng.

- Việc tham gia của các đơn vị sử dụng lao động, cựu SV vào quá trình xây dựng các chính sách còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Phòng TCHC xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ cho bộ phận chuyên trách nhằm theo dõi, rà soát các chính sách	Phòng TCHC	Tháng 8/2019	
2	Khắc phục tồn tại 2	Giao đơn vị đầu mối nhằm kết nối và phổ biến thông tin	Tổ ĐBCL, TT TT-TV, P.ĐT	Tháng 8/2019	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực (nhân sự kế cận, được đề bạt, sắp xếp lại, chấm dứt hợp đồng và nghỉ hưu) được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tháng 7 hàng năm, phục vụ việc xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm sau, Phòng TC-HC làm việc với các đơn vị để đánh giá lại nguồn nhân lực hiện có của từng vị trí chức danh: Ban giám hiệu (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) Khoa Khoa học cơ bản (Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, giáo vụ khoa, Trưởng, Phó Trưởng các bộ môn, Cán bộ giảng dạy các học phần: Toán – Tin, Vật lý, Hóa học, Kỹ năng mềm, Thể chất, Kỹ thuật cơ sở, hướng dẫn thí nghiệm....) Khoa Dầu khí (Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Giáo vụ khoa, Trưởng, Phó Trưởng các bộ môn, cán bộ giảng dạy các học phần: Địa chất cơ sở, Địa chất Địa vật lý, Công nghệ mỏ, Công nghệ khí, Công trình biển, hướng dẫn thí nghiệm..) Phòng Đào tạo (Trưởng, Phó Trưởng phòng, Chuyên viên Kế hoạch, Đào tạo và tuyển sinh, chuyên viên Đảm bảo chất lượng, Chuyên viên Công tác chính trị SV..) Phòng Kế hoạch – Tài chính (Trưởng, Phó Trưởng phòng, Kế toán Tổng hợp, Kế toán thanh toán, Thủ quỹ, Chuyên viên Kế hoạch..), xác định nguồn nhân lực cần thiết phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của PVU; trên cơ sở đó, Phòng xây dựng kế hoạch, định biên lao động cụ thể phục vụ cho nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng cho năm sau [06.01.01], gửi Phòng KH-TC tổng hợp trình Ban Lãnh đạo PVU ký làm cơ sở trình đề PVN phê duyệt định biên lao động hàng năm của PVU [06.01.02].

Công tác quy hoạch cán bộ của PVU được chia làm 3 đối tượng:

- Đối với quy hoạch Ban Giám hiệu, công tác rà soát, bổ sung quy hoạch và quy hoạch mới được thực hiện trên cơ sở Quy chế quản lý cán bộ của PVN [06.01.03] và hướng dẫn riêng của PVN từng lần quy hoạch [06.01.04]. Quy trình quy hoạch được quy định, hướng dẫn chi tiết. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch thực hiện qua 4 bước (1. rà soát, bổ sung nguồn quy hoạch, 2. Hội nghị cán bộ chủ chốt, 3. Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng, 4. Bỏ phiếu quyết định danh sách quy hoạch cán bộ). Đối với xây dựng quy hoạch mới thực hiện qua 4 bước (1. phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch, 2. Lấy ý kiến cấp ủy và tập thể lãnh đạo mở rộng, 3. Hội nghị quyết định danh sách quy hoạch cán bộ, 4. Quản lý và thực hiện quy hoạch cán bộ). Tiêu chí quy hoạch được quy

định: về độ tuổi: đủ tuổi công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ, đưa vào quy hoạch những cán bộ có triển vọng, trẻ tuổi..

- Đối với cán bộ quản lý cấp Phòng/Khoa/Trung tâm, quy trình, tiêu chí quy hoạch được thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ của PVU [06.01.05] và hướng dẫn quy hoạch của PVU [06.01.06] vận dụng hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm các bước: 1. Đơn vị họp, thống nhất danh sách đề xuất quy hoạch, 2. Phòng TC-HC tổng hợp danh sách trình Hội nghị..cho ý kiến thông qua. Các tiêu chí quy hoạch được xác định bao gồm 6 bước: 1. Tập thể lãnh đạo đơn vị (Trưởng, Phó trưởng đơn vị và chỉ ủy chi bộ cùng cấp) họp đề xuất danh sách nhân sự, 2. Lấy phiếu giới thiệu quy hoạch của toàn thể CBNV trong đơn vị, 3. Đơn vị tổng hợp hồ sơ quy hoạch gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, rà soát và trình Ban Lãnh đạo PVU, 4. Ban Lãnh đạo PVU họp, cho ý kiến, bỏ phiếu đề xuất quy hoạch, 5. Hiệu trưởng PVU ban hành quyết định quy hoạch, 6. Phòng TC-HC thông báo quyết định quy hoạch, quản lý hồ sơ và sử dụng quyết định quy hoạch cho công tác nhân sự. Các tiêu chuẩn, tiêu chí bao gồm: đảm bảo độ tuổi đưa vào quy hoạch (đủ tuổi công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ bổ nhiệm là 03 năm), có triển vọng, trẻ tuổi,

- Đối với CBGD, cán bộ nhân viên thực hiện chuyên môn nghiệp vụ, việc quy hoạch/tuyển dụng căn cứ theo Quy trình tuyển dụng nhân sự [06.01.07] trên cơ sở Quy chế tuyển dụng của PVU [06.01.08] và quy trình luân chuyển, điều động cán bộ [06.01.09], trong đó, Quy trình tuyển dụng nhân sự được xác định rõ trong gồm 10 bước: 1. Các đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng, 2. Rà soát, đối chiếu các tiêu chuẩn, trình HT phê duyệt, 3. Phê duyệt, cho ý kiến, chủ trương tuyển dụng, 4. Thực hiện các thủ tục đăng tuyển/xét tuyển.., 5. Tổng hợp hồ sơ, thông tin nhân sự, tổ chức thu tuyển/phỏng vấn...6. Phỏng vấn/choi thi/chấm thi, hoàn thiện biên bản thi/phỏng vấn, 7. Tiếp nhận kết quả, dự thảo thủ tục tiếp nhận, 8. Phê duyệt, thông qua thông báo trúng tuyển, QĐ tuyển dụng/tiếp nhận., 9. Ban hành thông báo, quyết định trúng tuyển, liên hệ tiếp nhận cán bộ..10. Cá nhân được tiếp nhận thực hiện thông báo, quyết định, ký HĐLĐ với PVU. Quy trình luân chuyển, điều động cán bộ gồm 5 bước: 1. Cá nhân/Trưởng đơn vị đề xuất, 2. Phòng TC-HC tổng hợp, xem xét sự phù hợp, 3. Cá nhân/Trưởng đơn vị liên quan cho ý kiến về việc đơn vị/cá nhân đề xuất, 4. Hiệu trưởng xem xét phê duyệt/không phê duyệt, 5. Phòng TC-HC thông báo lại với cá nhân/đơn vị liên quan và thực hiện thủ tục tiếp theo. Tiêu chuẩn tuyển dụng điều động, luân chuyển cán bộ đều có các tiêu chuẩn

cụ thể về năng lực, trình độ, chuyên môn, học vấn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, máy tính, kinh nghiệm công tác được quy định tại 57 bản mô tả công việc cho từng vị trí chức danh của PVU [06.01.10]. Từ năm 2019, PVU ban hành bản mô tả chức danh công việc mới [06.01.11] cho đầy đủ các chức danh công việc tại Trường và phù hợp với tình hình thực tế của PVU. Khi tiến hành tuyển dụng, PVU đưa ra các tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể hơn, phù hợp với tình hình thực tế và công khai tới toàn thể CBNV PVU, được thông báo bằng bản cứng trên bảng thông tin của Trường, thông tin rộng rãi trên website của Trường khi tiến hành tuyển dụng và được CBNV của Trường thông tin rộng rãi trên mạng xã hội qua facebook, các trang mạng xã hội khác [06.01.12].

Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015 – 2025 [04.01.05] đã xác định mục tiêu, chiến lược phát triển đội ngũ GV: Thu hút đội ngũ GV đảm bảo tỉ lệ GV trên SV đạt theo chuẩn đảm bảo chất lượng do Bộ GDĐT ban hành; phát triển đội ngũ GV, nâng cao thành phần đội ngũ GV đạt trình độ tiến sĩ trở lên; xây dựng cơ chế, quy định đánh giá và đãi ngộ đội ngũ GV nhằm thu hút GV giỏi về công tác tại Trường và đưa ra các giải pháp cụ thể: chú trọng bổ sung đội ngũ GV có trình độ cao..., chú trọng, bổ sung thu hút đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ trở lên, tốt nghiệp từ nước ngoài..., tăng cường mời các GV là chuyên gia hàng đầu của ngành dầu khí..., tuyển dụng nhân sự phù hợp..có kế hoạch đào tạo ..phù hợp để đến năm 2025 đảm bảo tỉ lệ thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định. Tăng cường cử CBGD đi đào tạo dài hạn và ngắn hạn trong và ngoài nước...chú trọng đến đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, đào tạo thực tế sản xuất..., Nâng cao năng lực tiếng Anh...Tăng cường cử GV đi thỉnh giảng ở nước ngoài...; Xây dựng cơ chế chính sách, đảm bảo đội ngũ GV là nhân tố quyết định thành công của Nhà trường; Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp của từng cán bộ, GV.... Trên cơ sở chiến lược dài hạn, hàng năm PVU đều xây dựng định biên lao động với số lượng cụ thể cho từng chức danh [06.01.02] với các vị trí được mô tả quy định cụ thể về năng lực, trình độ chuyên môn, công việc phải làm...Năm 2019, PVU đã ban hành văn bản hợp nhất, bổ sung thêm mô tả cho các vị trí, chức danh cho Khoa KHCB và DK [06.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Quy trình tuyển dụng của PVU được quy định trong Quy chế tuyển dụng của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 288/QĐ-ĐHDK ngày 20/4/2011 [06.01.08] và được quy định chi tiết hơn tại Quy trình phối hợp tuyển dụng nhân sự ban hành kèm theo Quyết định số 562/QĐ-ĐHDK ngày 31/7/2018 [06.01.07] bao gồm 10 bước: 1. Các đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng, 2. Rà soát, đối chiếu các tiêu chuẩn, trình HT phê duyệt, 3. Phê duyệt, cho ý kiến, chủ trương tuyển dụng, 4. Thực hiện các thủ tục đăng tuyển/xét tuyển..., 5. Tổng hợp hồ sơ, thông tin nhân sự, tổ chức thu tuyển/phỏng vấn..6. Phỏng vấn/coi thi/chấm thi, hoàn thiện biên bản thi/phỏng vấn, 7. Tiếp nhận kết quả, dự thảo thủ tục tiếp nhận, 8. Phê duyệt, thông qua thông báo trúng tuyển, QĐ tuyển dụng/tiếp nhận, 9. Ban hành thông báo, quyết định trúng tuyển, liên hệ tiếp nhận cán bộ, 10. Cá nhân được tiếp nhận thực hiện thông báo, quyết định, ký HĐLĐ với PVU. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn cán bộ, GV, nhân viên được quy định tại ...Bản mô tả chức danh công việc cụ thể cho từng vị trí chức danh tại PVU [06.01.11] như: Đối với Chuyên viên Kế hoạch & Chương trình đào tạo thuộc Phòng Đào tạo, tiêu chí tuyển dụng bao gồm: trình độ: Đại học trở lên; Chuyên môn chính: Kỹ thuật, kinh tế, khoa học, quản lý giáo dục; Nghiệp vụ: Có hiểu biết tốt về các chính sách, quy định của Nhà nước về đào tạo bậc Đại học và sau Đại học, Có kiến thức về lĩnh vực hoạt động, mục tiêu hoạt động của Trường; Ngoại ngữ: Tiếng Anh TOEIC 500 hoặc tương đương lên; kỹ năng sử dụng máy tính: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng. Đối với Kế toán tổng hợp thuộc Phòng Kế hoạch – Tài chính, tiêu chí tuyển dụng bao gồm: Trình độ: Đại học trở lên; Chuyên môn chính: Tài chính, kế toán, kinh tế, ngân hàng; Nghiệp vụ: Nắm vững và am hiểu về các quy định pháp luật về thuế, nguyên tắc – chuẩn mực tài chính kế toán, nghiệp vụ hạch toán kế toán và lập kế hoạch; Ngoại ngữ: Tiếng Anh TOEIC 500 hoặc tương đương trở lên; Kỹ năng sử dụng máy tính: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng và phần mềm kế toán; Kinh nghiệm làm việc: 3 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Đối với Cán bộ giảng dạy thuộc các Khoa: trình độ: Thạc sỹ trở lên; Chuyên môn: Các chuyên ngành phù hợp với học phần được giao giảng dạy; tiếng Anh: IELTS 5.5; Kỹ năng sử dụng máy tính: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng; Kinh nghiệm làm việc: Có kinh nghiệm làm trợ giảng, GV tập sự.... Căn cứ trên

các tiêu chí, cán bộ ứng tuyển đáp ứng tiêu chí tuyển dụng sẽ được lựa chọn để tuyển dụng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên của PVU đưa ra với các tiêu chuẩn cao hơn so với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp công chức, viên chức nhà nước.

Các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm thành viên trong Ban Giám hiệu được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam bao gồm các tiêu chí về Hiệu trưởng phải là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật giáo dục; có học hàm từ Phó Giáo sư hoặc học vị Tiến sĩ trở lên, đã có ít nhất 05 năm tham gia quản lý giáo dục đại học từ cấp bộ môn trở lên, có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn; có uy tín trong giới khoa học; có đủ sức khỏe đảm nhận nhiệm vụ được giao; Phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn của Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học; có trình độ tiến sĩ trở lên, có đủ sức khỏe đảm nhận nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chí Bổ nhiệm lãnh đạo cấp quản lý Trường/Phó đơn vị dựa trên cơ sở Bản mô tả chức danh công việc [06.01.11] của từng vị trí lãnh đạo đơn vị như: đối với Trường các Khoa: Trình độ: Tiến sĩ trở lên; Chuyên môn: Các ngành khoa học kỹ thuật hoặc dầu khí phù hợp với Khoa phụ trách; nghiệp vụ: Hiểu biết tốt về các chính sách, quy định của Nhà nước về đào tạo bậc Đại học và Sau đại học, Có hiểu biết về các mô hình đào tạo và quản lý đào tạo tiên tiến của nước ngoài; Ngoại ngữ: Tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc tương đương; Kỹ năng: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng và các ứng dụng, phần mềm phục vụ đào tạo, chuyên môn; Kinh nghiệm làm việc: 7 năm làm việc trong lĩnh vực đào tạo đại học, trong đó có ít nhất 2 năm giữ chức vụ quản lý về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Kỹ năng khác: Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện; Kỹ năng quản lý, lãnh đạo, tổ chức sắp xếp công việc tốt. Đối với Phó Trường khoa: Trình độ: Thạc sĩ trở lên; Chuyên môn: Các ngành khoa học kỹ thuật hoặc dầu khí phù hợp với Khoa phụ trách; Nghiệp vụ: Hiểu biết về các chính sách, quy định của Nhà nước về đào tạo bậc Đại học và Sau đại học, Có hiểu biết về các mô hình đào tạo và quản lý đào tạo tiên tiến của nước ngoài; Ngoại ngữ: Tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc tương đương; Kỹ năng sử dụng máy tính: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng; Kinh nghiệm làm việc: 5 năm làm việc trong lĩnh vực đào tạo đại học, trong đó có ít nhất 1 năm giữ chức vụ quản lý về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học; Kỹ năng khác: Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện; Kỹ năng quản lý, lãnh đạo, tổ chức

sắp xếp công việc tốt. Đối với Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính: Trình độ: Thạc sỹ trở lên; Chuyên môn chính: Tài chính, Kế toán; Nghiệp vụ: Nắm vững và am hiểu về các quy định pháp luật về thuế, nguyên tắc – chuẩn mực tài chính kế toán, nghiệp vụ hạch toán kế toán và lập kế hoạch, Có kiến thức về tài chính doanh nghiệp; Ngoại ngữ: Tiếng Anh TOEIC 500 hoặc tương đương trở lên; Kỹ năng sử dụng máy tính: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng và các phần mềm kế toán; kinh nghiệm làm việc: 7 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán, trong đó có 2 năm giữ chức vụ quản lý tương đương Phó phòng trở lên; kỹ năng khác: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, Chịu được áp lực cao trong công việc, Phân tích, tổng hợp, làm báo cáo, Làm việc độc lập, Phân tích và xử lý vấn đề. Trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ...Để khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực, PVU đã xây dựng Quy chế trả lương, thưởng của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.02.01] với nhiều ưu thế, đối với mỗi nhóm chức danh sẽ có những tiêu chí chung để hưởng lương bậc 1, lương bậc 2,3,4 lần lượt sẽ cao hơn và có những tiêu chí riêng cao hơn đáp ứng từng bậc để thu hút, khuyến khích cán bộ có trình độ, chuyên môn cao hơn như: Chức danh CBGD nhóm 1, tiêu chí chung đáp ứng mức lương bậc 1 (hệ số 8.2) là: Trình độ ThS trở lên. Chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn giảng dạy; Ngoại ngữ: Có chứng chỉ IELTS 6.0 trở lên; hoặc tốt nghiệp ĐH/Sau ĐH tại nước ngoài mà ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy, học tập hoàn toàn bằng 1 trong các thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc; hoặc có bằng ĐH ngoại ngữ chính quy dài hạn tập trung (không phải văn bằng hai) thuộc 1 trong các ngoại ngữ nói trên. Riêng CBGD tiếng Anh phải có chứng chỉ IELTS 7.5 trở lên, CBGD GDTC phải có chứng chỉ TOEIC 500 trở lên/bằng Đại học Anh văn, Có kinh nghiệm giảng dạy hoặc trợ giảng 12 tháng trở lên; Thành thạo ứng dụng tin học văn phòng; với mức lương bậc 2 (hệ số 8.8), CBGD phải đáp ứng tiêu chuẩn của mức lương bậc 1 và đáp ứng thêm tiêu chuẩn: Có thâm niên giảng dạy từ 24 tháng trở lên, hoặc học ThS (không tính đào tạo liên kết tại Việt Nam) hoàn toàn bằng 1 trong các thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc; với mức lương bậc 3 (hệ số 9.4) CBGD phải đáp ứng tiêu chí chung của nhóm và đáp ứng thêm tiêu chí Trình độ TS, hoặc trình độ thấp hơn TS và có thâm niên 36 tháng giảng dạy trở lên; Đối với mức lương bậc 4 (hệ số 10) CBGD phải đáp ứng tiêu chí chung của nhóm và đáp ứng thêm tiêu chí Trình độ TS và có thâm niên giảng dạy 24 tháng trở lên, hoặc trình độ thấp hơn TS và có thâm niên giảng dạy từ 60 tháng trở lên. Với cách phân chia bậc

lương đã khuyến khích thu hút CBGD có trình độ cao và khuyến khích cán bộ đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, cống hiến và gắn bó với PVU.

Các tiêu chí và quy trình tuyển dụng được phổ biến rộng rãi tới cán bộ nhân viên Trường và các đối tượng bằng nhiều hình thức khác nhau. Các Thông báo tuyển dụng bản cứng được gắn trên bảng tin tại sảnh tầng 1 của PVU để toàn thể CBNV và SV, đối tác khi ra, vào làm việc tại Trường có thể đọc. Thông báo tuyển dụng còn được đưa lên website của Trường để toàn thể cá nhân khi truy cập, quan tâm có thể đọc, ngoài ra, thông tin tuyển dụng còn được CBNV Trường chia sẻ với chế độ công khai trên mạng xã hội qua facebook, được các trang mạng xã hội khác thu thập và thông tin [06.01.12]. Các tiêu chuẩn bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự đều được được PVU thông báo tới toàn thể CBNV qua hệ thống office của Trường, bản cứng được gửi bản cứng tới các đơn vị để quán triệt, phổ biến tới các CBNV trong đơn vị [06.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau

Năng lực của các cán bộ nhân viên bao gồm năng lực về trình độ, chuyên môn, học vấn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, máy tính, kinh nghiệm công tác, kỹ năng lãnh đạo được quy định cho từng vị trí chức danh khác nhau với các năng lực khác nhau phục vụ cho từng công việc, khối lượng công việc cụ thể theo vị trí chức danh (Trường, Phó Trường các đơn vị, Chuyên viên, nhân viên, Cán bộ giảng dạy, trợ giảng..) thuộc PVU được mô tả tại các bản mô tả công việc [06.01.11], như: Tiêu chuẩn năng lực của Trưởng phòng Đào tạo: Trình độ: Tiến sỹ trở lên; Chuyên môn chính: Dầu khí, các ngành kỹ thuật, Quản trị, Kinh tế, các chuyên ngành liên quan đến giáo dục đào tạo; Nghiệp vụ khác: Có hiểu biết tốt về các chính sách, quy định của Nhà nước về đào tạo bậc Đại học và sau Đại học, Có kiến thức về giáo dục đào tạo, quản lý đào tạo, Có hiểu biết về các mô hình đào tạo và quản lý đào tạo tiên tiến của nước ngoài; Ngoại ngữ: Tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc TOEFL 550 trở lên; Kỹ năng sử dụng máy tính: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng và các chương trình quản lý đào tạo; Kinh nghiệm làm việc: Có ít nhất 7 năm trong lĩnh vực đào tạo, trong đó có 2 năm giữ chức vụ quản lý tương đương phó phòng trở lên; Kỹ năng lãnh đạo/phẩm chất: Giao tiếp, lãnh đạo, lập kế hoạch, tổ chức và giám sát công việc, liên kết, thuyết phục, tạo dựng và phát triển mối quan hệ tốt; Khả

năng chịu áp lực cao trong công việc; Khả năng xử lý các xung đột và mâu thuẫn trong tổ chức; Trung thực, nhiệt tình công tác và có trách nhiệm; Sáng tạo trong công việc.. Đối với Chuyên viên Kế hoạch & Chương trình đào tạo thuộc Phòng đào tạo, tiêu chí tuyển dụng bao gồm: trình độ: Đại học trở lên; Chuyên môn chính: Kỹ thuật, kinh tế, khoa học, quản lý giáo dục; Nghiệp vụ: Có hiểu biết tốt về các chính sách, quy định của Nhà nước về đào tạo bậc Đại học và sau Đại học, Có kiến thức về lĩnh vực hoạt động, mục tiêu hoạt động của Trường; Ngoại ngữ: Tiếng Anh TOEIC 500 hoặc tương đương lên; kỹ năng sử dụng máy tính: Thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng..Các bản mô tả công việc trên đã được PVU điều, chỉnh bổ sung năm 2019 để phù hợp với tình hình hoạt động của Trường.

Các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) ngoài việc được mô tả trong Bản mô tả chức danh còn được quy định chặt chẽ tại Quy chế trả lương, thưởng của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.02.01] đối với các nhóm chức danh cụ thể như: cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng/Trợ lý Hiệu trưởng/Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Chuyên viên/Kỹ sư nhóm 3, Chuyên viên/Kỹ sư nhóm 2, Chuyên viên/Kỹ sư nhóm 1, Cán sự/Kỹ thuật viên/Lễ tân/Văn thư/Thủ quỹ, Lái xe. Cán Bộ giảng dạy: Trưởng khoa/Giám đốc Trung tâm và tương đương; Phó Trưởng khoa/Phó Giám đốc Trung tâm và tương đương, Trưởng bộ môn, Phó Trưởng bộ môn, Cán bộ giảng dạy nhóm 3, Cán bộ giảng dạy nhóm 2, Cán bộ giảng dạy nhóm 1, Trợ giảng, Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm nhóm 2, Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm nhóm 1. Đối với mỗi chức danh, quy chế trả lương, thưởng của PVU chia ra các bậc lương khác nhau với hệ số cao hơn cho những tiêu chí tốt hơn đối với mỗi chức danh như: CBGD nhóm 1, tiêu chí chung đáp ứng mức lương bậc 1 (hệ số 8.2) là: Trình độ ThS trở lên. Chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn giảng dạy; Ngoại ngữ: Có chứng chỉ IELTS 6.0 trở lên; hoặc tốt nghiệp ĐH/Sau ĐH tại nước ngoài mà ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy, học tập hoàn toàn bằng 1 trong các thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc; hoặc có bằng ĐH ngoại ngữ chính quy dài hạn tập trung (không phải văn bằng hai) thuộc 1 trong các ngoại ngữ nói trên. Riêng CBGD tiếng Anh phải có chứng chỉ IELTS 7.5 trở lên, CBGD GDTC phải có chứng chỉ TOEIC 500 trở lên/bằng Đại học Anh văn, Có kinh nghiệm giảng dạy hoặc trợ giảng 12 tháng trở lên; Thành thạo ứng dụng tin học văn phòng; nếu cán bộ đáp ứng thêm tiêu chí Có thâm niên giảng dạy từ 24 tháng trở lên, hoặc học ThS (không tính đào tạo liên kết tại Việt Nam)

hoàn toàn bằng 1 trong các thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc sẽ được xếp mức lương bậc 2, hệ số 8.8; trường hợp cán bộ đạt thêm tiêu chí: Trình độ TS, hoặc trình độ thấp hơn TS và có thâm niên 36 tháng giảng dạy trở lên, có thể xếp mức lương bậc 3 hệ số 9.4; hoặc được xếp lương bậc 4 hệ số 10 nếu đạt thêm tiêu chí: Trình độ TS và có thâm niên giảng dạy 24 tháng trở lên, hoặc trình độ thấp hơn TS và có thâm niên giảng dạy từ 60 tháng trở lên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Kế hoạch dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, của đội ngũ GV PVU được xác định trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015 – 2025 [04.01.05] với những nội dung chính như: Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBNV hàng năm phù hợp để đến năm 2025 đảm bảo tỉ lệ thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định. Tăng cường cử CBGD đi đào tạo dài hạn và ngắn hạn trong và ngoài nước do PVU, PVN và các đơn vị tổ chức, đặc biệt chú trọng đến đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, đào tạo thực tế sản xuất tại các cơ sở sản xuất trong ngành dầu khí nhằm nâng cao trình độ, kiến thức thực tiễn, phục vụ tốt nhất công tác giảng dạy, nghiên cứu, đáp ứng xu thế hội nhập toàn cầu; Huy động các nguồn tài trợ để tìm học bổng cử cán bộ giảng dạy trẻ đi học tập và nghiên cứu ở trong và ngoài nước; Nâng cao năng lực tiếng Anh và công nghệ thông tin cho các GV. Đảm bảo GV có thể giảng dạy bằng tiếng Anh và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; Tăng cường cử GV đi thỉnh giảng ở nước ngoài và mời GV nước ngoài đến thỉnh giảng tại trường. Kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, của đội ngũ GV PVU cũng được xác định trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015 – 2025 như: Năm 2015: Số CBGD cơ hữu là 74 người. Tỉ lệ CBGD có trình độ Tiến sĩ là 40%, trình độ Thạc sĩ trở lên là 75%, CBGV đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên là 50%; Tập trung quản lý, đào tạo 06 NCS, 01 Thạc sĩ ở nước ngoài, 01 Tiến sĩ trong nước; Giai đoạn 2016-2020: Số CBGD cơ hữu là 114 người. Tỉ lệ CBGD có trình độ Tiến sĩ là 60%, trình độ Thạc sĩ trở lên là 85%, CBGD đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên là 75%; Ngoài việc học Thạc sĩ và NCS trong nước, trường lựa chọn cử CBGD đi học Tiến sĩ ở nước ngoài 3-5 người/năm; Giai đoạn 2021-2025: Số CBGD

cơ hữu là 174 người. Tỷ lệ CBGD có trình độ Tiến sĩ là 75%, trình độ Thạc sĩ trở lên là 90%, CBGV đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên là 85%; Trường lựa chọn cử CBGD đi học Tiến sĩ ở nước ngoài 2-3 người/năm. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, của đội ngũ GV, cán bộ nhân viên PVU ngắn hạn được xác định hàng năm trong kế hoạch hoạt động các năm của Trường được PVN phê duyệt [06.04.01] với các nội dung, chi phí đào tạo chi tiết, cụ thể, như năm 2019: Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật dầu khí 02 lượt, chi phí 90.000.000đ; Tiến sĩ chuyên ngành kỹ thuật hóa học: 01 lượt (cán bộ được học bổng toàn phần); Thạc sĩ chuyên ngành Khoan: 01, chi phí: 10.000.000đ, sau Tiến sĩ: 01 lượt; Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho Cán bộ giảng dạy các nội dung như: Các khóa chuyên môn khác nâng cao kiến thức chuyên ngành cho CBGD: 20 lượt, chi phí 240.000.000đ; bồi dưỡng ngắn hạn chuyên sâu chuyên ngành do GV nước ngoài giảng dạy: 20 lượt với 529.000.000 đ và 23.000 USD; Các khóa đào tạo theo phân bổ của PVN: 10 lượt, chi phí 120.000.000đ; Đào tạo nâng cao kiến thức phục vụ kiểm đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học: 20 lượt, chi phí 100.000.000đ; Kỹ năng mềm cho CBGD: 45 lượt, chi phí 225.000đ. Đào tạo xây dựng chương trình chuẩn ABET: 20 lượt, chi phí 260.000.000đ; Đào tạo kèm cặp tại các đơn vị thuộc PVN: 15 lượt, chi phí 150.000.000đ, Đào tạo theo thỏa thuận với JX NOEX: 05 lượt, chi phí 50.000.000đ; Đào tạo kèm cặp tại nước ngoài: 02 lượt, chi phí: 23.000 USD và 70.000.000 đ. Đào tạo cán bộ làm công tác CMNV trong đó Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên về CM/NV các module về quản trị nhân sự, tiền lương, hành chính văn phòng, kế toán, thuế, kế hoạch, Công nghệ thông tin, quản lý đào tạo, thành tra giáo dục, kiểm định chất lượng, đấu thầu, dự án, KHCN, kiểm định viên chất lượng giáo dục: 39 lượt, 281.000.000đ; Đào tạo kỹ năng (Kỹ năng mềm, kỹ năng lãnh đạo: 40 lượt, chi phí 220.000.000đ. Đào tạo bồi dưỡng tiếng Anh (học thuật, TOEIC, IELTS): 28 lượt, chi phí 309.000.000đ...Tổng số lượt đào tạo theo KH năm 2019 là 270 lượt, chi phí 2.348 tỷ đồng.

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của CBNV PVU hàng năm được xây dựng dựa trên nhu cầu đào tạo hàng năm của từng CBNV. Khi xây dựng kế hoạch đào tạo cho năm sau, trên cơ sở hướng dẫn của Phòng TC-HC, các đơn vị xác định nhu cầu đào tạo trong năm của CBNV đơn vị mình, tổng hợp và đăng ký gửi về phòng TC-HC. Trên cơ sở đăng ký của các đơn vị, Phòng TC-HC tổng hợp gửi phòng KH-TC trình Ban lãnh đạo cho ý kiến phê duyệt. Cán bộ khi đăng ký nhu cầu đào tạo

gửi về phòng TC-HC đều được rà soát lại và bổ sung thêm để nội dung đào tạo phù hợp với trình độ chuyên môn, tiêu chuẩn và công việc được giao: như Cán bộ trình độ ThS có nhu cầu và trình độ phù hợp sẽ được cử đi đào tạo TS chuyên ngành phù hợp, Cán bộ giảng dạy Khoan – Khai thác được đưa vào kế hoạch cử theo học các khóa đào tạo nâng cao về Khoan – Khai thác, nâng cao kỹ năng giảng dạy, kỹ năng mềm, cử đi đào tạo thực tế tại các đơn vị trong PVN như PVEP, VSP, PVD..nâng cao trình độ tiếng Anh; Cán bộ giảng dạy hàng năm đều được đưa vào kế hoạch đào tạo nâng cao tiếng Anh (học thuật, ILETS) phục vụ cho mục đích giảng dạy bằng tiếng Anh, Cán bộ nhân viên thiếu tiêu chuẩn tiếng anh được lên KH cử đi đào tạo tiếng Anh TOEIC, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ phòng TC-HC được lập KH cử tham gia các khóa đào tạo về nhân sự, tiền lương, hành chính, văn phòng, Cán bộ Phòng KH-TC được lập Kh cử đi đào tạo các module về Kế toán, thuế, kế hoạch, cán bộ Phòng QTTB được lập KH tham gia các khóa về đấu thầu, dự án.....[06.04.02].

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo được phê duyệt, hàng năm, công tác đào tạo được triển khai một cách hiệu quả với số lượng cán bộ được đào tạo luôn vượt chỉ tiêu được giao, góp phần vào việc hoàn thành, hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao của PVU. Giai đoạn từ năm 2014-2018, Trường đã cử 05 cán bộ giảng dạy tham gia chương trình đào tạo TS (trong đó 03 cán bộ đào tạo TS nước ngoài, 02 cán bộ đào tạo TS trong nước), cử 02 cán bộ đi đào tạo ThS (01 trong nước, 01 nước ngoài), đồng ý cho 02 cán bộ tham gia chương trình đào tạo sau TS tại nước ngoài và tiếp tục quản lý 06 cán bộ được cử đi đào tạo TS nước ngoài, 02 ThS được cử đi đào tạo ThS nước ngoài. Đến nay đã có 11 cán bộ kết thúc chương trình đào tạo về nhận công tác tại PVU, hoặc được cử tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo khác. Ngoài ra giai đoạn 2014- 2018, PVU đã cử 1588 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, trong đó đào tạo kèm cặp cho Cán bộ giảng dạy tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc PVN, các đơn vị về dầu khí trong và ngoài nước là 75 lượt, đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giảng dạy (các khóa đào tạo chuyên sâu khoan – khai thác, lọc – hóa dầu, Địa chất, địa vật lý, hội thảo khoa học..nghiệp vụ sư phạm..các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn của cán bộ thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ như: kế toán, thuế, kế hoạch, nhân sự, quản lý đào tạo, khoa học công nghệ, đấu thầu, hành chính...:870 lượt, đào tạo tiếng Anh (IELTS, TOEIC, tiếng anh học thuật...:174 lượt, kỹ năng lãnh đạo cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ quy hoạch: 71 lượt, kỹ năng mềm (kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý

công việc hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề...): 391 lượt....[06.04.03]. Theo thống kê, giai đoạn 2014-2018, PVU đã chi 9, 832 tỷ đồng cho công tác đào tạo của Trường [06.04.04].

Hàng năm, 100% Cán bộ nhân viên của PVU đều được đào tạo ít nhất 08 tiếng theo quy định, trung bình, mỗi CBNV của PVU đều được tham gia từ 2-7 khóa đào tạo/năm. Cụ thể: năm 2014 lượt đào tạo bình quân của CBNV Trường: 2,9 lượt/người, năm 2015 lượt đào tạo bình quân của CBNV Trường: 2,3 lượt/người, năm 2016 lượt đào tạo bình quân của CBNV Trường: 3,9 lượt/người, năm 2017 lượt đào tạo bình quân của CBNV Trường: 4,6 lượt/người, năm 2018 lượt đào tạo bình quân của CBNV Trường: 7,7 lượt/người. Như vậy, 100% cán bộ GV được đào tạo ít nhất 01 lần/năm, trong 5 năm số lượt đào tạo bình quân là 3.5 lần/người/năm [06.04.05].

Hàng năm, sau khi tổng kết công tác đào tạo của năm trước, Phòng TC-HC đều thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát của CBNV trường về công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với CBNV Trường trong đó có công tác đào tạo của PVU. Số liệu khảo sát cho thấy các năm trên 75% CBNV trường hài lòng với công tác đào tạo đã thực hiện [06.04.06], cụ thể: Năm 2018: 80% cán bộ nhân viên được khảo sát có mức độ hài lòng với công tác đào tạo và phát triển nhân lực của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Phòng Tổ chức – Hành chính, PVU được giao nhiệm vụ phụ trách công tác đánh giá hiệu quả công việc của CBNV Trường, được quy định tại Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ nhân viên Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.05.01], cụ thể: Chủ trì, xây dựng và hướng dẫn các đơn vị thực hiện các quy định về đánh giá; Theo dõi để đảm bảo các nguyên tắc đánh giá được tuân thủ; Tổng hợp kết quả đánh giá trình hội đồng đánh giá và Phòng TC-HC có nhiệm vụ Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách đối với CBNV quy định tại Chức năng, nhiệm vụ của Phòng TC-HC [06.05.02].

Quy trình đánh giá hiệu quả công việc của Cán bộ nhân viên PVU được quy định tại Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ nhân viên Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.05.01] gồm 7 bước: 1. Người đánh giá giao việc cho người được đánh giá, 2. Người được đánh giá thực hiện nhiệm vụ được giao, 3. Người được đánh giá tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, 4. người đánh giá trao đổi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, 5. Phòng TC-HC tổng hợp kết quả đánh giá trình Hội đồng đánh giá, 6. Hội đồng đánh giá phê duyệt kết quả đánh giá, giải quyết khiếu nại (nếu có), 7. Phòng TC-HC lưu hồ sơ, dữ liệu, sử dụng kết quả đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể tại Phụ lục 1,2,5,6,7 của Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ nhân viên Trường Đại học Dầu khí Việt Nam. Trong đó Phụ lục 01 quy định tỷ trọng các tiêu chí đánh giá đối với từng đối tượng: Trưởng đơn vị, Phó Trưởng đơn vị/Trưởng/Phó trưởng bộ môn, CBNV khác với các nội dung: Khối lượng công việc, chất lượng công việc, tiến độ thực hiện công việc, thái độ, kỹ năng, kỹ năng quản lý. Phụ lục 02 quy định về tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện hệ số kỷ luật lao động của cán bộ. Phụ lục 04 quy định chi tiết tiêu chí/nội dung đánh giá mức độ hoàn thành công việc đối với các cán bộ thực hiện công tác giảng dạy tại Khoa Dầu khí và Khoa Khoa học cơ bản với các tiêu chí cụ thể về giờ chuẩn giảng dạy các môn, ra đề thi, chấm thi, coi thi, hướng dẫn, chấm luận văn, đồ án, xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, bài giảng điện tử, công tác nghiên cứu khoa học...Phụ lục 05 quy định nội dung, mức điểm đánh giá, tỷ trọng .. đối với Phó đơn vị, Trưởng/Phó bộ môn thuộc Khoa trong đó đánh giá về khối lượng công việc, chất lượng công việc, tiến độ, thái độ, kỹ năng làm việc, kỹ năng quản lý,.Phụ lục 06 quy định nội dung, mức điểm đánh giá kết quả thực hiện công việc đối với các CBNV khác (CBGD, Chuyên viên, nhân viên, lái xe..). Phiếu 07 mẫu đánh giá kết quả thực hiện công việc đối với trưởng đơn vị.

Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ nhân viên Trường Đại học Dầu khí Việt Nam sau khi được ban hành được gửi tới toàn thể CBNV Trường qua hệ thống quản lý văn bản của Trường. Bản cứng quy định được gửi tới tất cả các đơn vị để phổ biến tới CBNV trong đơn vị [06.05.03]. Theo Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ nhân viên Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.05.01], trong quá trình đánh giá, người đánh giá thực hiện việc trao đổi trực tiếp với người được đánh giá về kết quả nhiệm vụ trong kỳ, xác định nguyên nhân của những hạn chế và hướng khắc phục, nội dung cho kỳ tới là quy định thể hiện sự minh bạch, công khai tới đối

tượng được đánh giá. Kết quả đánh giá được Phòng TC-HC tổng hợp và trình Hội đồng đánh giá họp để xem xét và phê duyệt kết quả đánh giá (Hội đồng đánh giá là Hội đồng thi đua – khen thưởng – kỷ luật bao gồm: Ban Giám hiệu, Lãnh đạo các đơn vị, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN) là cá nhân lãnh đạo, người quản lý trực tiếp của người được đánh giá và là cơ quan đại diện cho người được đánh giá, thể hiện sự minh bạch, khách quan tới tổ chức đại diện người được đánh giá trong quá trình đánh giá [06.05.04]. Kết quả đánh giá được thông báo rộng rãi tới toàn thể CBNV qua hệ thống quản lý văn bản của PVU và qua việc ban hành bản cứng quyết định tới các đơn vị trong Trường là sự công khai, minh bạch tới toàn thể CBNV Trường, đối tượng được đánh giá [06.05.05].

Trong quá trình đánh giá cán bộ, Các đơn vị thuộc PVU đều sử dụng mẫu đánh giá theo Quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBNV Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.05.01] (Phiếu giao việc, Phiếu đánh giá) là các mẫu đánh giá sử dụng cho các đối tượng khác nhau: cán bộ quản lý (Trường, Phó Trường các đơn vị, Cán bộ giảng dạy, trợ giảng, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, nhân viên, chuyên viên, lái xe) là cơ sở để Phòng TC-HC tổng hợp dữ liệu trình Hội đồng đánh giá. Quá trình đánh giá và kết quả của Hội đồng đánh giá được ghi nhận qua biên bản họp và quyết định đánh giá và gửi tới toàn thể CBNV Trường. Hồ sơ đánh giá được lưu trữ tại Phòng TC-HC [06.05.04].

Quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBNV Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.05.01] nêu rõ: Kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng...Trường sử dụng kết quả đánh giá trong kỳ làm căn cứ phân phối tiền thưởng định kỳ..Kết quả đánh giá trong kỳ được sử dụng làm căn cứ để phân phối lương bổ sung/khuyến khích/hiệu quả theo quy định của Trường. CBNV có kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ trong cả năm đạt từ loại C trở lên được xem xét nâng lương chức danh theo Quy chế trả lương, thưởng của Trường..Qua đó, hàng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá thực hiện công việc của CBNV, Trường đã tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, phân phối lương bổ sung, khuyến khích, thực hiện việc nâng bậc lương chức danh cho CBNV đạt tiêu chuẩn theo quy định, nâng ngạch cho cán bộ làm công tác giảng dạy. Cụ thể, theo hướng dẫn bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm của PVU [06.05.06] Cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (đánh giá loại A, B) được xem xét bình xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở...Theo hướng dẫn nâng bậc lương cơ bản, lương chức danh [06.05.07] Cán bộ hoàn thành xuất

sắc, tốt nhiệm vụ (loại A, B,C) được xem xét nâng bậc lương chức danh, lương cơ bản...cán bộ đạt loại C trở lên được xem xét hệ số lương khuyến khích từ 1-1,5). Kết quả, giai đoạn 2014 – 2018, PVU có 625 lượt cán bộ đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 106 lượt cán bộ đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và nhiều danh hiệu, bằng khen khác cho CBNV Trường [05.06.08]. Hàng năm, PVU thực hiện nâng bậc lương chức danh cho CBNV Trường đủ tiêu chuẩn theo quy định [06.05.09], năm 2018, PVU đã chi 6.53 tỷ đồng phân phối lương bổ sung, khuyến khích trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBNV hàng quý. Theo quy chế GV cơ hữu, Trợ giảng sau một thời gian giảng dạy sẽ được xem xét để nâng ngạch GV. Trợ giảng được xem xét nâng ngạch GV khi đảm bảo các tiêu chí GV, đặc biệt đạt tiêu chí tiếng Anh (IELTS 6.0) và đã giảng dạy trọn vẹn 01 học phần/học phần trong một học kỳ (được đánh giá hoàn thành đạt yêu cầu), qua đó trong giai đoạn 2014-31/8/2019 PVU đã tổ chức thi và công nhận Nâng ngạch CBGD cho 08 lượt cán bộ [06.05.10].

Điều 11.1 tại Quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBNV Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [06.05.01] ghi rõ: căn cứ vào kết quả đánh giá hàng quý, giữa năm và cả năm, Phòng TCHC có nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị khác trong việc hoạch định nhân sự và lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBNV nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả làm việc của CBNV. Trên cơ sở đó, hàng năm các đơn vị đăng ký kế hoạch đào tạo cho CBNV của đơn vị mình trên cơ sở đánh giá năng lực, chuyên môn và nhu cầu của cán bộ. Phòng TC-HC tổng hợp và đề xuất đào tạo cho CBNV dựa vào kết quả đánh giá của CBNV. Như Cán bộ lãnh đạo các đơn vị và các cán bộ được đánh giá hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được đưa vào quy hoạch và xây dựng kế hoạch đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý; cán bộ nhân viên thiếu tiêu chuẩn tiếng anh sẽ được cử các lớp đào tạo, bồi dưỡng tiếng anh; cán bộ giảng dạy được đào tạo chuyên ngành phù hợp với công việc giảng dạy được giao, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ [06.04.02]. Giai đoạn từ 2014-2019, PVU đã xây dựng và được PVN phê duyệt kế hoạch đào tạo 1032 lượt các nội dung cụ thể: Đào tạo Tiến sĩ, đào tạo Thạc sĩ, đào tạo sau Tiến sĩ, đào tạo chuyên môn nâng cao kiến thức cho cán bộ giảng dạy, đào tạo ngắn hạn chuyên sâu chuyên ngành do chuyên gia nước ngoài giảng dạy...đào tạo nâng cao cho cán bộ làm công tác chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo kèm cặp, đào tạo tiếng Anh, đào tạo chuẩn ABET, Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dụcvới tổng chi phí 19.709.7900.000 đ [06.04.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Phòng Tổ chức – Hành chính thuộc Trường là đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực tại Trường [06.05.02]. Công đoàn Trường Đại học Dầu khí Việt Nam là tổ chức đại diện người lao động Trường có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ công nhân viên – người lao động trong Nhà trường.

Hàng tháng, quý trong năm, hàng năm và theo giai đoạn hoạt động, PVU đều thực hiện và báo cáo kết quả rà soát về chế độ, chính sách đối với CBNV PVU, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực và gửi về PVN để báo cáo, giám sát. Hàng tháng, hàng quý PVU rà soát việc trả lương hàng tháng, lương bổ sung, các khoản phúc lợi, nhân dịp tết Nguyên Đán 2015, kỷ niệm các ngày lễ lớn (giỗ tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng 30/4 và Quốc tế lao động 1/5, Quốc khánh 2/9, nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập Trường và ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11), thưởng bài báo, BHXH, BHYT, BHTN..., xếp, nâng lương cơ bản, lương chức danh, tuyển dụng, đào tạo, điều động, bổ nhiệm cán bộ, thi công nhận chức danh cho cán bộ, công tác quy hoạch cán bộ; ban hành, sửa đổi các quy định, quy trình, quy chế; hàng năm, khi tổng kết hoạt động của Trường, PVU rà soát lại toàn bộ các nội dung về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của cả năm, đưa ra các định hướng rà soát cho năm tiếp theo. Theo giai đoạn, PVU tổng kết lại việc rà soát về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, đánh giá lại những thuận lợi, khó khăn, đề xuất các kiến nghị, giải pháp và kế hoạch thực hiện cho giai đoạn tiếp theo. Hàng năm, PVU còn thực hiện việc báo cáo các kết quả hoạt động trong năm, trong đó có tổng kết rà soát thực hiện chế độ, chính sách quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực và báo cáo công khai quỹ khen thưởng, phúc lợi tới toàn thể CBNV tại Hội nghị người lao động của Trường. Kết quả báo cáo hàng năm Nhà trường thực hiện chế độ chính sách, điều kiện làm việc cho CBNV theo đúng Quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn và các Quy định/Quy chế nội bộ của Trường, cụ thể: Đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động; Đảm bảo tốt đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện, trang thiết bị làm việc, chế độ (về giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, chế độ bồi

dưỡng, chế độ đối với lao động nữ vv...) cho người lao động. Thực hiện thanh toán, xếp, xét nâng lương, thưởng, phúc lợi cho CBNV kịp thời đúng quy định. Đảm bảo việc trích nộp BHXH, BHYT và BHTN đầy đủ, kịp thời đúng quy định; Thực hiện nghiêm túc chế độ dân chủ cơ sở. Các văn bản của cấp trên được chuyển, thông báo kịp thời đến đúng đối tượng; CBNV, các tổ chức đoàn thể được đóng góp ý kiến một cách dân chủ theo đúng chức năng nhiệm vụ; tại các cuộc họp, CBNV được phát biểu thẳng thắn, trên tinh thần xây dựng vì sự phát triển của Nhà trường; Nhà trường không phát sinh đơn thư phản ánh liên quan đến công tác quản lý điều hành và công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ... của Trường. Công đoàn Trường với vai trò, nhiệm vụ của tổ chức đại diện cho Người lao động, hàng quý, nửa năm, hàng năm đều thực hiện giám sát và có các báo cáo tình hình thực hiện công tác của công đoàn theo quý, nửa năm, tổng kết năm trong đó báo cáo nội dung tình hình việc làm, thu nhập, đời sống của đoàn viên, Người lao động, tại Hội nghị Người lao động Công đoàn có báo cáo về việc thực hiện tình hình thực hiện thỏa ước lao động tập thể của Trường: Về Hợp đồng lao động và đảm bảo việc làm, Về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, Về định mức lao động tiền lương, Về trích nộp các loại Bảo hiểm cho Người lao động, Về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, về tranh chấp lao động; báo cáo về việc thực hiện Tình hình thực hiện nguyên tắc dân chủ trong Trường; báo cáo Tình hình hoạt động của Ban đối thoại với người sử dụng lao động.

Định kỳ hàng năm, sau khi có báo cáo thực hiện nhiệm vụ của năm trước, Phòng TC-HC đều tổ chức lấy ý kiến đánh giá, góp ý của CBNV Trường về các chế độ, chính sách của Trường [06.04.06] trên cơ sở mức độ rất hài lòng, hài lòng, không hài lòng ý kiến đóng góp của CBNV, Kết quả đánh giá và các ý kiến đóng góp của CBNV là cơ sở để Phòng TC-HC tổng hợp báo cáo và đề xuất việc rà soát, cải thiện các chế độ, chính sách đối với CBNV Trường [06.01.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Các chế độ, chính sách đối với CBNV khi soạn thảo ban hành, sửa chữa đều được gửi tới toàn thể CBNV, tổ chức công đoàn Trường để lấy ý kiến đóng góp, trên cơ sở đó các đơn vị chủ trì ghi nhận, rà soát các ý kiến trình lãnh đạo Trường [06.07.01], như: Quy chế trả lương, thưởng của PVU sửa đổi năm 2017 được gửi tới Công đoàn Trường

cho ý kiến bằng văn bản trên cơ sở tổng hợp ý kiến của toàn thể đoàn viên công đoàn (CBNV PVU), Phòng TC-HC rà soát, tổng hợp lại và trình lãnh đạo Trường, Quy chế về nghiên cứu khoa học (trong đó có nội dung khen thưởng các bài báo...) được gửi tới các đơn vị và toàn thể CBNV Trường qua hệ thống email để cho ý kiến góp ý, Phòng ĐN&KHCHN chủ trì đã tổng hợp các ý kiến và trình Lãnh đạo PVU; Quy chế GV cơ hữu ban hành năm 2017 được Phòng Đào tạo lấy ý kiến đóng góp của toàn thể CBNV Trường trước khi trình ban hành. Trên cơ sở rà soát và góp ý, đánh giá của CBNV Trường. Trên cơ sở ý kiến góp ý của CBNV, tổ chức công đoàn Trường, PVU đã thực hiện việc thay đổi các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động [06.07.02], cụ thể: sửa đổi quy chế trả lương, thưởng của Trường (năm 2017), ban hành quy chế Quy chế quản lý kinh phí cho công tác đào tạo (năm 2014), quy chế dân chủ cơ sở (2014) Quy chế đối thoại định kỳ (2014), ban hành mới Tổ chức và hoạt động của các câu lạc bộ thuộc PVU (2014), sửa đổi quy chế quản lý hoạt động KHCHN (2014), bổ sung quy định đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBNV (2014), năm 2016 ban hành mới Quy chế quản lý hoạt động KHCHN, Quy chế quản lý hoạt động KHCHN của SV, Quy chế quản lý cán bộ, sửa đổi: Quy chế GV cơ hữu, năm 2017: sửa đổi Thỏa ước lao động tập thể. Trong giai đoạn 2014 đến nay, PVU đã có thêm những chế độ chính sách mới cho CBNV như: mua bảo hiểm sức khỏe PVICare cho CBNV hàng năm, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện mức 3.000.000đ/người/tháng (chưa kể phần đóng góp tối thiểu 300.000đ/người/tháng của CBNV), tiếp tục duy trì chế độ hỗ trợ chi phí thuê nhà cho CBNV đúng đối tượng với mức 3.000.000đ/người/tháng, hỗ trợ chi phí đi lại cho CBNV không đi xe ô tô của Trường với mức 700.000đ/người/tháng...

Năm 2018, PVU ban hành 49 quy trình phối hợp được cải tiến, bổ sung từ các quy trình đã được quy định trong các quy chế, quy định, hướng dẫn của Trường trong đó có: quy trình về nguồn nhân lực như: Quy trình tuyển dụng được làm rõ từ quy chế tuyển dụng từ ban đầu khi chưa phân thành các bước cụ thể đến xây dựng quy trình gồm 10 bước: 1. Các đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng, 2. Rà soát, đối chiếu các tiêu chuẩn, trình HT phê duyệt, 3. Phê duyệt, cho ý kiến, chủ trương tuyển dụng, 4. Thực hiện các thủ tục đăng tuyển/xét tuyển.., 5. Tổng hợp hồ sơ, thông tin nhân sự, tổ chức thu tuyển/phỏng vấn..6. phỏng vấn/oi thi/chăm thi, hoàn thiện biên bản thi/phỏng vấn, 7. tiếp nhận kết quả, dự thảo thủ tục tiếp nhận, 8. phê duyệt, thông qua thông báo trúng tuyển, QĐ tuyển dụng/tiếp nhận, 9. ban hành thông báo, quyết định trúng tuyển, liên hệ

tiếp nhận cán bộ, 10. cá nhân được tiếp nhận thực hiện thông báo, quyết định, ký HĐLĐ với PVU; Quy trình điều chỉnh/nâng bậc lương được làm rõ từ quy chế trả lương, thưởng của Trường bao gồm 10 bước; Quy trình nâng ngạch GV được làm rõ từ Quy chế GV cơ hữu gồm 12 bước, Quy trình phối hợp đào tạo nội bộ được xác định trên cơ sở quy chế quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo bao gồm: quy trình phối hợp đào tạo ngắn hạn 10 bước, quy trình phối hợp đào tạo dài hạn 11 bước; quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ nhân viên được sửa đổi năm 2017 và 2018 thành 7 bước. Quy trình Quy hoạch nguồn nhân lực (đối với lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị) giai đoạn 2014-2019 đều được quy định cụ thể theo từng lần quy hoạch áp dụng theo hướng dẫn của PVN; Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch Lãnh đạo Trường (Ban Giám hiệu) thực hiện qua 4 bước (1. rà soát, bổ sung nguồn quy hoạch, 2. Hội nghị cán bộ chủ chốt, 3. Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng, 4. Bỏ phiếu quyết định danh sách quy hoạch cán bộ). Đối với xây dựng quy hoạch mới thực hiện qua 4 bước (1. phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch, 2. Lấy ý kiến cấp ủy và tập thể lãnh đạo mở rộng, 3. Hội nghị quyết định danh sách quy hoạch cán bộ, 4. Quản lý và thực hiện quy hoạch cán bộ); Đối với quy hoạch chức danh lãnh đạo các đơn vị thực hiện theo 6 bước: 1. Tập thể lãnh đạo đơn vị (Trường, Phó trường đơn vị và chi ủy chi bộ cùng cấp) họp đề xuất danh sách nhân sự, 2. Lấy phiếu giới thiệu quy hoạch của toàn thể CBNV trong đơn vị, 3. Đơn vị tổng hợp hồ sơ quy hoạch gửi về Phòng TC-HC tổng hợp, rà soát và trình Ban Lãnh đạo PVU, 4. Ban Lãnh đạo PVU họp, cho ý kiến, bỏ phiếu đề xuất quy hoạch, 5. Hiệu trưởng PVU ban hành quyết định quy hoạch, 6. Phòng TC-HC thông báo quyết định quy hoạch, quản lý hồ sơ và sử dụng quyết định quy hoạch cho công tác nhân sự [06.07.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Có chiến lược dài hạn, trung hạn, kế hoạch ngắn hạn chi tiết cụ thể về phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy;
- Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn của đội ngũ CBNV GV cao hơn quy định của bộ nội vụ;

- Có bản mô tả công việc, khung năng lực chi tiết cho từng vị trí; có các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí mức lương để khuyến khích, thu hút CBNV.

- Chi phí đào tạo nguồn chi phí lớn, số lượng CBNV được đào tạo cao hơn so với các đơn vị khác.

- Có các chế độ chính sách đãi ngộ, thu hút tốt, khuyến khích CBNV có trình độ cao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Địa điểm hoạt động của Trường tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao theo tiêu chuẩn của Trường dẫn đến hàng năm Trường không tuyển đủ CBGD theo định biên được phê duyệt.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Làm việc với PVN và các đơn vị liên quan mở thêm chi nhánh/mượn cơ sở vật chất của các đơn vị khác tại các thành phố, trung tâm lớn để thu hút nguồn lực CBGD chất lượng cao	Phòng Quản trị thiết bị & dự án	Năm 2020	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	4,9
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	6
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Phòng KH-TC có chức năng thực hiện việc xây dựng kế hoạch các nguồn lực tài chính đồng thời cũng thực hiện việc theo dõi, giám sát việc sử dụng, phát triển các nguồn lực tài chính để phục vụ đào tạo, NCKH và cộng đồng, điều đó được thể hiện qua Quyết định thành lập Phòng KH-TC ngày 27/01/2011 của Hiệu trưởng [04.01.01] và Quyết định về việc phê duyệt chức năng nhiệm vụ của Phòng KH-TC ngày 09/3/2011 [04.01.02].

Chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2025 ban hành năm 2014 (gọi tắt là Chiến lược) đã xác định mục tiêu, chiến lược của PVU đó là tăng quy mô, hoàn thiện cơ chế tài chính, đa dạng hóa, đồng thời quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính. Chiến lược cũng đã đưa ra các giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu, chiến lược đó là: đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo ngắn hạn, nguồn tài trợ, hoạt động dịch vụ khác trên cơ sở đảm bảo tuân thủ pháp chế tài chính; đa dạng hóa nguồn vốn vay, tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ từ quỹ hỗ trợ giáo dục và đào tạo của Nhà nước ... [04.01.03].

Trên cơ sở Chiến lược, hàng năm, PVN phê duyệt kế hoạch hoạt động cho PVU (trên cơ sở Công văn trình của PVU), trong đó bao gồm kế hoạch tài chính, chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, doanh số và các chỉ tiêu định lượng cụ thể cho các nguồn thu hợp pháp khác nhau [04.02.01]. Với kế hoạch được giao, PVU đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Vào tháng 7 hàng năm, căn cứ các báo cáo đánh giá chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị trong trường (năm trước), Phòng KHTC tổng hợp lại thành bản đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và đồng thời căn cứ các chỉ tiêu, khối lượng quy mô đào tạo, các bậc, hệ, các hoạt động NCKH, hợp tác quốc tế, phục vụ cộng đồng ... sau đó lập các chỉ tiêu cho năm tiếp theo với các chỉ tiêu cụ thể, các định mức chi theo đúng quy định của Tập đoàn và các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước để trình PVN phê duyệt. Tiếp đó, Ban Giám hiệu tiến hành họp để thống nhất kế hoạch và trình Hội đồng trường xem xét, phê duyệt. Trên cơ sở tờ trình của Hiệu trưởng, Hội đồng trường sẽ tiến hành họp thống nhất và trình PVN phê duyệt kế hoạch hoạt động năm của PVU. Căn cứ vào kế hoạch do PVU trình, PVN rà soát thẩm định để phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính cho PVU [04.02.01].

Để quản lý tài chính theo đúng các quy định hiện hành và phù hợp với quy chế tổ chức hoạt động, quy chế quản lý của Trường PVN đã phê duyệt và ban hành Quy

chế quản lý tài chính ngày 06/5/2011 [07.01.01], quy chế này đã quy định việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của PVU, kế hoạch tài chính, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ kế toán thống kê và kiểm toán; quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng về tài chính, tài sản và đầu tư ..., quan hệ tài chính giữa Trường và Tập đoàn; quan hệ tài chính với các đơn vị trong Trường.

Tiếp đó, PVU ban hành Quy chế trả lương, thưởng của Trường lần đầu vào ngày 15/5/2011 [07.01.02], sau đó được cập nhật, bổ sung/thay thế ngày 01/8/2013 và tiếp tục được bổ sung/thay thế ngày 23/01/2017, trong đó quy định về đối tượng, nguyên tắc phân phối tiền lương, nguồn quỹ tiền lương, sử dụng quỹ tiền lương; phân phối tiền lương – phụ cấp (hình thức trả lương và phương pháp tính lương; các loại phụ cấp, quy định trả lương trong một số trường hợp đặc biệt; lương khuyến khích, lương trả thêm giờ, lương cho CBNV được cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước); xếp lương và điều chỉnh lương (phân cấp trong việc xếp lương và điều chỉnh lương, nguyên tắc xếp lương và phụ cấp, điều chỉnh lương và phụ cấp) và khen thưởng, phúc lợi (nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi, quy định về mức khen thưởng, phúc lợi). PVU đã ban hành Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CBNV Trường vào ngày 28/3/2019, trong đó quy định về trách nhiệm thực hiện đánh giá; chu kỳ đánh giá; tiêu chí đánh giá; xếp loại, công thức đánh giá; quy trình đánh giá ...

Đồng thời, PVU ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [07.01.03], lần đầu ban ngày 01/7/2011 và điều chỉnh định mức về phụ cấp công tác phí cho CBNV đi công tác trong nước vào ngày 25/6/2012. Tiếp đó, quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện bổ sung ngày 25/11/2016; trong đó có các quy định và định mức cụ thể về chi tiền lương và thu nhập tăng thêm; điện nước; văn phòng phẩm; chi tiếp khách; hội nghị, hội thảo; công tác phí trong và ngoài nước; sử dụng xe ô tô của trường; chi mua sắm tài sản cố định; vật tư hàng hóa; chi đào tạo cho CBNV... khen thưởng học bổng, khen thưởng cho SV, phụ cấp cho giảng viên, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn khoa học; thưởng công trình NCKH...

PVU đã ban hành Quy trình tự lập, luân chuyển chứng từ kế toán ngày 04/8/2011 [07.01.04]; trong đó quy định rõ biểu mẫu chứng từ kế toán, lập ký chứng từ kế toán, trình tự luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán, lưu trữ chứng từ kế toán. Sau đó, ngày 13/10/2011, PVU ban hành Quy định về thanh toán nội bộ [07.01.05], trong đó ghi rõ các quy định đối với các khoản thanh toán, tạm ứng, thời gian thanh toán và quy trình thanh toán; quy định về chứng từ thanh toán; việc lưu hồ sơ và các biểu mẫu kèm theo để thực hiện.

PVU đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Nguồn kinh phí tài trợ phát triển SV PVU [07.01.06] vào ngày 20/9/2012, trong đó có quy định về mục đích sử dụng; nguyên tắc hoạt động, quản lý, thu và sử dụng nguồn tài trợ Sau đó, PVU đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động Khoa học & Công nghệ của Trường [07.01.07] lần đầu vào ngày 08/4/2013, được sửa đổi vào ngày 04/4/2014, bổ sung vào ngày 06/1/2015 và ngày

05/8/2016; sửa đổi gần nhất vào ngày 17/5/2019. Quy chế này quy định cụ thể về công tác quản lý và thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN trong nước (kinh phí từng đề tài cơ sở tùy theo loại tạp chí đăng ký bài báo là sản phẩm của đề tài thuộc tạp chí SCI, SCIE, SCOPUS hay các tạp chí chuyên ngành trong danh mục tính điểm của Hội đồng CDGSNN...; quy định cụ thể sử dụng kinh phí thực hiện các đề tài NCKH và dịch vụ KHCN; Công tác khen thưởng, kỷ luật (khen thưởng đối với các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí; khen thưởng đối với các đề tài cơ sở; khen thưởng đối với bằng phát minh, sáng chế; khen thưởng đối với sách chuyên khảo, tham khảo...). PVU cũng ban hành Quy chế/Quy định hoạt động NCKH của SV Trường [07.01.08], lần đầu ngày 06/1/2015 (cùng với lần sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý KHCN của CBNV), sau đó được bổ sung, sửa đổi ngày 05/8/2016, trong đó quy định về kinh phí NCKH, hỗ trợ tài chính cho SV tham gia NCKH... PVU đã ban hành Hướng dẫn lập hồ sơ sản phẩm, quy trình thanh quyết toán đề tài NCKH của Trường [07.01.09], trong đó quy định về quy trình tạm ứng và thanh toán tạm ứng; lập hồ sơ sản phẩm và hồ sơ thanh toán các đề tài NCKH.

Tiếp đó, PVU ban hành Quy định mua sắm thiết bị và quản lý tài sản [07.01.10] lần đầu vào ngày 27/5/2013 quy định về quy trình mua sắm thiết bị và quản lý tài sản, quy trình mua sắm (trong đó có quy định, quy trình về chỉ định thầu, chỉ định thầu rút gọn, đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế với gói thầu mua sắm hàng hóa và xây lắp, tư vấn; các hình thức lựa chọn nhà thầu khác; giám sát thực hiện hợp đồng, thanh quyết toán...) sau đó được thực hiện bổ sung/thay thế quy trình mua sắm tài sản, trang thiết bị ngày 05/8/2016, trong đó quy định và diễn giải chi tiết các bước của quy trình thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị (tổng giá trị dưới 10 triệu đồng gồm 06 bước; từ 10 đến dưới 100 triệu đồng gồm 09 bước; từ 100 triệu đồng trở lên gồm 11 bước) ... sau đó tiếp tục được bổ sung ngày 06/12/2016. Quy định này nêu tiêu chuẩn để nhận biết tài sản, phân loại và nguồn gốc tài sản; quản lý và sử dụng tài sản, thiết bị; quy định quản lý học đường; quản lý và sử dụng công cụ dụng cụ; quản lý và sử dụng vật liệu...

PVU đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo của Trường [07.01.11], trong đó quy định về chế độ tài chính cho đào tạo trong nước (chi phí đối với các chương trình đào tạo trong nước, các khoản hỗ trợ cho cán bộ đối với đào tạo sau đại học trong nước và chế độ tài chính cho đào tạo nước ngoài); thủ tục tài chính (kế hoạch ngân sách cho đào tạo hàng năm, lập dự toán, tạm ứng, chuyển tiền đào tạo, thanh quyết toán, bồi hoàn chi phí đào tạo, điều chỉnh định mức chi phí). Đồng thời, PVU đã ban hành định mức chi trả cho GV thỉnh giảng là cán bộ trong ngành [07.01.12] vào ngày 01/7/2015, quy định về định mức thù lao cho GV thỉnh giảng (GVTG) là cán bộ trong ngành theo học vị & kinh nghiệm. Sau đó, PVU ban hành Quyết định điều chỉnh đơn giá cho GVTG là cán bộ trong ngành Dầu khí tham gia hướng dẫn, phân biện và Hội đồng bảo vệ ĐAMH, ĐATN [07.01.13] đã điều chỉnh thống nhất một đơn giá chi trả cho tất cả các GVTG là cán bộ trong Ngành Dầu khí (không phân biệt

bằng cấp/số năm kinh nghiệm) tham gia hướng dẫn, phản biện, ĐAMH, ĐATN không quá 300.000 đ/tiết chuẩn, tham gia Hội đồng bảo vệ ĐAMH, ĐATN là 200.000 VND/tiết chuẩn.

Để quản lý công tác tài chính được hiệu quả, PVU đã ban hành 49 quy trình phối hợp giữa các đơn vị trong trường [07.01.14] và có phần mềm Bravo quản lý tài chính của Trường; module phần mềm thu học phí SV được tích hợp trong phần mềm quản lý đào tạo của Trường.

Sau khi họp kế hoạch đầu năm, Nhà trường đã giao kế hoạch cho từng đơn vị để triển khai kế hoạch tài chính của Trường, trong đó có các kế hoạch về tài chính, kiểm toán, tăng nguồn thu cho Trường [04.02.01]. Hàng năm, Tập đoàn cũng tiến hành kiểm tra, quyết toán về tài chính của Trường [07.01.15], trong đó kiểm tra, quyết toán số liệu tài chính (chi phí đào tạo nội bộ, tiền lương, hoạt động bộ máy, đào tạo chính quy, mua sắm...); Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam cũng có 05 lần kiểm toán trong giai đoạn đánh giá [07.01.16]. Ngoài ra, Ban Thanh tra nhân dân, Ủy ban kiểm tra đã kiểm tra về sự minh bạch tài chính, được thể hiện tại hội nghị tổng kết hàng năm. Đặc biệt, trong giai đoạn đánh giá, PVU đã được Thanh tra Chính phủ kiểm tra, xác minh công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo [07.01.17] (kiểm tra xác minh về đội ngũ nhà giáo, bồi dưỡng nhà giáo; biên chế sự nghiệp; thực hiện công khai đối với CSGD; cơ sở vật chất, mô hình hoạt động, chiến lược phát triển), trong đó kết luận “việc công khai tài chính Trường đã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT hàng năm...”. PVU cũng đã được 01 Đoàn kiểm tra thuế của Chi cục thuế TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào tháng 11/2015 [07.01.18] và 01 Đoàn kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu [07.01.19] vào tháng 06/2019, trong đó Đoàn kiểm tra cũng đã kết luận “việc mở sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ đúng quy định..., nộp đủ hồ sơ khai thuế...”.

Bảng 7.1 tổng hợp cơ cấu thu của Trường trong giai đoạn 2014-2018, nguồn thu từ Tập đoàn cấp chiếm 83,5% tổng nguồn thu (cho các hoạt động tiền lương; hoạt động bộ máy; đào tạo; NCKH; đầu tư, mua sắm và xây dựng cơ bản...) nguồn thu của PVU chiếm 16,5% tổng nguồn thu (thu từ học phí, lệ phí; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; NCKH và chuyển giao công nghệ; tài trợ...). Trong các nguồn thu của Trường, tỉ lệ nguồn thu từ các khoản tài trợ (do các đơn vị, cá nhân, tổ chức trong và ngoài ngành tài trợ cho PVU) và tỉ lệ nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhìn chung tăng trong giai đoạn đánh giá...

Bảng 7.1. Tổng hợp cơ cấu thu Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2014-2018

Đơn vị: triệu đồng

TT	NGUỒN THU	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
I	TẬP ĐOÀN CẤP	88.494	86,4%	110.190	88,0%	62.177	80,1%	42.594	77,6%	35.933	75,8%	339.388	83,50%
1	Tập đoàn cấp kinh phí chi thường xuyên (tiền lương và hoạt động bộ máy)	30.542	29,8%	30.814	24,6%	30.443	39,2%	29067	53,0%	28.484	60,1%	149.350	36,7%
2	Tập đoàn cấp cho mua sắm, đầu tư, XD CB	45.792	44,7%	62.498	49,9%	22.238	28,6%	4984	9,1%	2.053	4,3%	137.565	33,8%
3	Tập đoàn cấp cho đào tạo nội bộ/phát triển đội ngũ	1.858	1,8%	4.777	3,8%	2.249	2,9%	1675	3,1%	2.710	5,7%	13.269	3,3%
4	Tập đoàn cấp cho người học	4.000	3,9%	4.000	3,2%	2.975	3,8%	1.800	3,3%	2.180	4,6%	14.955	3,7%
5	Tập đoàn cấp cho NCKH	1.000	1,0%	1.605	1,3%	1.895	2,4%	1868	3,4%	432	0,9%	6.800	1,7%
6	Tập đoàn cấp khác (Khen thưởng, phúc lợi)	5.302	5,2%	5.864	4,7%	2.000	2,6%	3200	5,8%	-	0,0%	16.366	4,0%
7	Đoàn Tập đoàn cấp kinh phí hỗ trợ SV và ĐTN PVU	-	0,0%	632	0,5%	377	0,5%	-	0,0%	74	0,2%	1.083	0,3%
II	THU CỦA TRƯỜNG	13.951	13,6%	15.001	12,0%	15.469	19,9%	12.290	22,4%	11.471	24,2%	67.070	16,50%
7	Thu từ học phí, lệ phí	3.356	3,3%	3.647	2,9%	3.821	4,9%	3.546	6,5%	2.900	6,1%	17.270	4,25%

TT	NGUỒN THU	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
-	Trong đó học phí hệ đại học chính quy	2.802	2,7%	3.317	2,6%	3.481	4,5%	3.147	5,7%	2.663	5,6%	15.410	3,79%
-	Trong đó học phí hệ cao học	554	0,5%	330	0,3%	340	0,4%	399	0,7%	237	0,5%	1.860	0,46%
8	Thu từ hoạt động SX-KD-DV	7.490	7,3%	7.036	5,6%	6.824	8,8%	6.999	12,8%	6.873	14,5%	35.222	8,67%
9	Thu từ Hợp tác quốc tế	-	0,0%	-	0,0%	30	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	30	0,01%
10	Thu từ NCKH và CGCN, trong đó:	1.523	1,5%	2.851	2,3%	40	0,1%	759	1,4%	716	1,5%	5.889	1,45%
-	Dịch vụ NCKH và CGCN	1.103	1,1%	2.548	2,0%	-	0,0%	24	0,0%	-	0,0%	3.675	0,90%
-	Từ đơn đặt hàng của Nhà nước (đề tài Bộ/Sở)	420	0,4%	303	0,2%	40	0,1%	735	1,3%	716	1,5%	2.214	0,54%
11	Doanh thu tài chính và chênh lệch tỷ giá...	233	0,2%	104	0,1%	55	0,1%	46	0,1%	26	0,1%	464	0,11%
12	Cho thuê tài sản và liên doanh, liên kết...	405	0,4%	248	0,2%	3.814	4,9%	253	0,5%	195	0,4%	4.915	1,21%
13	Từ các nguồn tài trợ	579	0,6%	572	0,5%	681	0,9%	687	1,3%	761	1,6%	3.280	0,81%
14	Từ làm thêm giờ ủng hộ các quỹ (vì thế hệ trẻ, tương trợ đầu khí)	365	0,4%	543	0,4%	204	0,3%	-	0,0%	-	-	-	-
	TỔNG SỐ (I+II)	102.445	100%	125.191	100%	77.646	100%	54.884	100%	47.404	100%	406.458	100%

Bảng 7.2. Tổng hợp cơ cấu chi Trường Đại học Đầu khỉ Việt Nam giai đoạn 2014-2018

Đơn vị: triệu đồng

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
I	CHI CHO CON NGƯỜI	29.673	31,5%	30.574	25,7%	27.845	37,8%	24.839	50%	22.221	51%	135.152	35,6%
1.1	Chi cho lương và các khoản phụ cấp theo lương	20.052	21,3%	22.665	19,1%	19.922	27,1%	18.715	38,0%	16.431	37,7%	97.785	25,8%
1.2	Chi thanh toán vượt giờ	573	0,6%	520	0,4%	180	0,2%	7	0,0%	3	0,0%	1.283	0,3%
1.3	Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	814	0,9%	865	0,7%	891	1,2%	1.464	3,0%	2.705	6,2%	6.739	1,8%
1.4	Chi khác cho người lao động: ăn trưa, trang phục, khám sức khỏe...	931	1,0%	1.512	1,3%	1.608	2,2%	1.365	2,8%	2.246	5,1%	7.662	2,0%
1.5	Chi khen thưởng - phúc lợi, trong đó:	7.303	7,8%	5.012	4,2%	5.244	7,1%	3.288	6,7%	836	1,9%	21.683	5,7%
1.5.1	Chi khen thưởng	1.963	2,1%	1.607	1,4%	2.449	3,3%	185	0,4%	178	0,4%	6.382	1,7%
1.5.2	Chi phúc lợi	5.340	5,7%	3.405	2,9%	2.795	3,8%	3.103	6,3%	658	1,5%	15.301	4,0%
II	CHI CHO NCKH	1.144	1,2%	2568	2,2%	1.262	1,7%	572	1,2%	1.058	2,4%	6.604	1,7%
2.1	Chi cho NCKH của GV và người học từ nguồn Tập đoàn cấp	658	0,7%	2134	1,8%	1.101	1,5%	572	1,2%	432	1,0%	4.897	1,3%
2.2	Chi cho NCKH của GV từ nguồn đặt hàng của Nhà nước	420	0,4%	303	0,3%	40	0,1%	-	0,0%	626	1,4%	1.389	0,4%

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
2.3	Chi cho NCKH của GV và người học từ nguồn tài trợ	66	0,1%	131	0,1%	121	0,2%	-	0,0%	-	0,0%	318	0,1%
III	CHI CHO NGƯỜI HỌC	2.172	2,3%	4.231	3,6%	2.882	3,9%	2.126	4,3%	1.947	4,5%	13.358	3,5%
3.1	Chi cho hệ đại học chính quy	1.841	2,0%	3.994	3,4%	2.589	3,5%	1.811	3,7%	1.901	4,4%	12.136	3,2%
3.1.1	Chi thỉnh giảng	520	0,6%	864	0,7%	1.095	1,5%	921	1,9%	1.034	2,4%	4.434	1,2%
3.1.2	Chi các hoạt động công tác SV (hoạt động các đội Olympic, khen thưởng, học bổng, phụ cấp, tổ chức các sự kiện văn hóa, hoạt động tình nguyện cho SV...)	830	0,9%	1.096	0,9%	1.026	1,4%	688	1,4%	722	1,7%	4.362	1,1%
3.1.3	Chi khác cho SV (vật tư giảng dạy và học tập, thuê thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao...)	491	0,5%	2.034	1,7%	468	0,6%	202	0,4%	145	0,3%	3.340	0,9%
3.2	Chi cho hệ cao học	331	0,4%	237	0,2%	293	0,4%	315	0,6%	46	0,1%	1.222	0,3%
IV	CHO CHO HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ	163	0,2%	474	0,4%	336	0,5%	195	0,4%	263	0,6%	1431	0,4%
4.1	Chi cho hoạt động cán sự lớp và đoàn thể của SV	27	0,0%	283	0,2%	223	0,3%	34	0,1%	59	0,1%	626	0,2%
4.2	Chi cho hoạt động đoàn thể của CBGV	136	0,1%	191	0,2%	113	0,2%	161	0,3%	204	0,5%	805	0,2%

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
V	CHI CHO ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ	1.858	2,0%	2.000	1,7%	1.932	2,6%	1.675	3,4%	2.711	6,2%	10.176	2,7%
5.1	Chi cho Đào tạo dài hạn	1.026	1,1%	1.114	0,9%	341	0,5%	78	0,2%	114	0,3%	2.673	0,7%
5.2	Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn	832	0,9%	886	0,7%	1.591	2,2%	1.597	3,2%	2.597	6,0%	7.503	2,0%
VI	CHI CHO MUA TÀI LIỆU, GIÁO TRÌNH	117	0,1%	207	0,2%	115	0,2%	80	0,2%	68	0,2%	587	0,2%
6.1.	Chi mua tài liệu, giáo trình của thư viện trường căn cứ vào đề xuất của các Khoa, Bộ môn	117	0,1%	207	0,2%	115	0,2%	80	0,2%	68	0,2%	587	0,2%
VII	CHI CHO HOẠT ĐỘNG HTQT	1.040	1,1%	140	0,1%	382	0,5%	592	1,2%	60	0,1%	2.214	0,6%
7.1	Chi cho đoàn ra, đoàn vào		0,0%	127	0,1%	268	0,4%	499	1,0%	51	0,1%	945	0,2%
7.2	Chi cho tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	1.040	1,1%	13	0,0%	114	0,2%	93	0,2%	9	0,0%	1.269	0,3%
VIII	CHI CHO MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ, XDCB	41.852	44,4%	62.291	52,4%	22.122	30,1%	4.904	10,0%	1.984	4,5%	133.153	35,1%
8.1.	Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị	40.795	43,3%	62.259	52,4%	21.850	29,7%	4.518	9,2%	1.920	4,4%	131.342	34,6%
8.2	Chi XDCB	1.057	1,1%	32	0,0%	272	0,4%	386	0,8%	64	0,1%	1.811	0,5%
IX	CHI KHÁC (nêu chi tiết)	16.156	17,2%	16.310	13,7%	16.716	22,7%	14.219	28,9%	13.309	30,5%	76.710	20,2%

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
9.1	Chi hoạt động bộ máy (công tác trong nước, vật tư văn phòng, dịch vụ công cộng, bảo trì, bảo dưỡng tài sản, thuê mướn, tiếp khách, giao dịch...)	7.006	7,4%	5.996	5,0%	6.803	9,2%	6.924	14,1%	6.437	14,8%	33.166	8,7%
9.2	Chi từ quỹ phát triển SV (tổ chức khai giảng, may đồng phục cho SV, trao học bổng, phần thưởng cho SV...)	957	1,0%	534	0,4%	169	0,2%	365	0,7%	260	0,6%	2.285	0,6%
9.3	Chi hoạt động dịch vụ đào tạo	6.436	6,8%	6.694	5,6%	6.129	8,3%	6.682	13,6%	6.456	14,8%	32.397	8,5%
9.4	Chi dịch vụ NCKH và CGCN	1.047	1,1%	2.402	2,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	3.449	0,9%
9.5	Chi cho thuê tài sản và liên doanh, liên kết và các khoản khác	428	0,5%	234	0,2%	3.454	4,7%	228	0,5%	153	0,4%	4.497	1,2%
9.6	Chi ủng hộ các quỹ (vì thể hệ trẻ, tương trợ dầu khí)	282	0,3%	450	0,4%	161	0,2%	20	0,0%	3	0,0%	916	0,2%
TỔNG CHI TOÀN TRƯỜNG		94.175	100%	118.795	100%	73.592	100%	49.202	100%	43.621	100%	379.385	100%

Bảng 7.2 tổng hợp cơ cấu chi của Trường giai đoạn 2014-2018, PVU đã quan tâm tới con người và đầu tư (tỉ lệ chi cho con người chiếm 35,6% tổng chi; tỉ lệ chi cho mua sắm, trang thiết bị, XDCC chiếm 35,1% tổng chi), trong đó tỉ lệ trích nộp các loại bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp), kinh phí công đoàn và chi khác cho người lao động nhìn chung tăng qua các năm; tỉ lệ chi cho hệ đào tạo đại học chính quy cũng được PVU chú trọng quan tâm (tăng từ 2,0%-3,2% tổng chi trong giai đoạn đánh giá)...

PVU tiến hành rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, việc thu, chi hàng quý và cuối năm tài chính; tổng hợp, đánh giá lại toàn bộ nguồn thu, chi của Trường tại các báo cáo giám sát, trong đó có các chỉ số về tài chính như: doanh thu (dịch vụ đào tạo, hoạt động tài chính, thu học phí SV, hoạt động khác); lợi nhuận trước thuế; nộp ngân sách nhà nước; giám sát việc huy động, sử dụng và phân phối các nguồn lực của Trường (TS, CCDC, tiền vốn, lao động, doanh thu, lợi nhuận, phân phối kết quả hoạt động...); giám sát việc tuyển dụng, sử dụng và trả lương cho người lao động; việc sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi và các quyền khác của người lao động; giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư xây dựng, đấu thầu, mua sắm thiết bị do PVU làm chủ đầu tư...; báo cáo tài chính [07.01.16], trong đó có thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh; tình hình tăng, giảm TS cố định, tình hình biên chế, lao động, quỹ lương; các khoản phải thu, phải trả ... và báo cáo thực hiện quy chế ba công khai gửi Bộ GDĐT, trong đó gồm học phí trung bình/1SV/năm học, tổng thu của năm (từ ngân sách, từ học phí, từ NCKH và chuyển giao công nghệ, từ các nguồn thu khác).

Trong các biên bản kiểm tra, quyết toán của Tập đoàn về tài chính của Trường [07.01.15] cho thấy PVU sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, chưa phát hiện ra sai phạm; trong các báo cáo kiểm toán độc lập kiểm toán PVU (Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam) [07.01.16] cũng đã chỉ ra “báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trường cũng như tình hình thu, chi sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tăng, giảm tài sản cố định của Trường... phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp”... Ngoài ra, Ban Thanh tra nhân dân, Ủy ban kiểm tra đã kiểm tra về minh bạch tài chính, được thể tại hội nghị tổng kết hàng năm, trong đó kết luận “PVU không xảy ra bất kỳ vụ khiếu kiện, tố cáo hoặc các hiện tượng bất bình trong các tổ chức của Nhà trường; không có sai phạm trong việc thực hiện các chế độ tài chính, việc thực hiện thu chi tài chính và đảm bảo tốt chế độ chính sách của mỗi cán bộ GV, CBNV Nhà trường...”

Tóm lại, trong 5 năm của giai đoạn đánh giá, PVU đảm bảo đủ kinh phí cho các hoạt động của Trường như: đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; các hoạt động thường xuyên của Trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Phòng QTTB&DA là bộ phận được thành lập theo QĐ số 37/QĐ-ĐHDK ngày 27/1/2011[07.02.01] với chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác quy hoạch, xây dựng, mua sắm, quản lý và sửa chữa tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trường [07.02.02].

Tổng dự toán được phê duyệt cho 5 năm giai đoạn 2014-2018 để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động hàng năm của PVU được giao theo kế hoạch là 160,58 tỷ đồng [04.02.01], PVU đã triển khai và hoàn thành công việc với tổng mức đầu tư thực hiện là 144,436 tỷ đồng. [04.03.01], chi tiết triển khai kế hoạch đầu tư các năm theo bảng kê sau:

Bảng 7.3. Chi tiết triển khai kế hoạch đầu tư các năm tại PVU

Năm		Tổng dự toán đầu tư XDCB và mua sắm TTB được phê duyệt (tỷ đồng)	Tổng mức đầu tư thực hiện cho XDCB và mua sắm TTB (tỷ đồng)
2014	Dự toán	42,21	
	Thực hiện		42,21
2015	Dự toán	83,79	
	Thực hiện		80,32
2016	Dự toán	25,44	
	Thực hiện		15,508
2017	Dự toán	7,13	
	Thực hiện		4,623
2018	Dự toán	2,01	
	Thực hiện		1,775
Tổng cộng (05 năm giai đoạn 2014-2018)		160,58	144,436

Bảo trì, bảo dưỡng: Hàng năm, Tập đoàn phê duyệt kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng CSVCS, trang thiết bị của Trường, với tổng kinh phí phê duyệt trong 5 năm giai đoạn 2014-2018 là 2.315,65 triệu đồng. Đối với các máy móc thiết bị mua mới có bảo hành được nhà cung cấp thực hiện và do Phòng QTTB&DA giám sát theo đúng hợp đồng. Hàng năm, Trường có ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp để thực hiện bảo trì hàng năm hệ thống máy tính văn phòng, photocopy, máy scan ...; bảo trì hệ thống thang máy, hệ thống điều hòa nhiệt độ [07.02.03]. Trong quá trình sử dụng, khi xảy ra hỏng hóc tài sản, trang thiết bị, đơn vị sử dụng có trách nhiệm báo cho Phòng QTTB&DA khi xảy ra hỏng hóc thiết bị để kịp thời sửa chữa [07.02.04].

Hàng năm, trên cơ sở các đợt kiểm tra thực tế các phòng học, phòng thí nghiệm, báo cáo hiệu quả sử dụng từ các đơn vị, sổ theo dõi mượn trả thiết bị, sổ theo dõi tần

suất sử dụng và tình trạng trang thiết bị tại các phòng học và PTN, Phòng QTTB&DA thực hiện tổng hợp và đánh giá tình hình quản lý và sử dụng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các PTN, trong đó có đánh giá tình hình quản lý và hiệu quả sử dụng trang thiết bị, tần suất khai thác, cũng như hiệu quả đầu tư kinh tế cho các thiết bị, đồng thời rút ra những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp, kiến nghị [07.02.05] để đảm bảo khai thác hiệu quả CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học.

Ngoài ra, PVU cũng thường xuyên báo cáo PVN, các bộ ngành liên quan (Bộ Công Thương, Bộ GDĐT) về tình hình thực hiện đầu tư theo kế hoạch được giao, trong đó có đánh giá về kết quả đầu tư và tình hình thực hiện công tác đấu thầu, giải pháp thực hiện công tác đầu tư, đấu thầu trong giai đoạn tiếp theo ... [07.02.06].

Trường đã ban hành Quy định Quản lý và sử dụng tài sản và Quy trình phối hợp quản lý và sử dụng tài sản để thống nhất cách thức cũng như trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng tài sản cho các hoạt động quản lý và đào tạo của Trường.[07.02.07]. Phòng QTTB&DA có sổ theo dõi mượn trả thiết bị đối với các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và tổ chức sự kiện của PVU; Các Khoa có sổ theo dõi việc quản lý và sử dụng trang thiết bị tại các PTN; Trung tâm Thông tin Thư viện có sổ theo dõi tình hình quản lý và sử dụng các phòng máy tính [07.02.08]. Cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị của toàn Trường được Phòng QTTB&DA quản lý trên phần mềm quản lý và kiểm kê tài sản và Phòng Kế hoạch Tài chính quản lý trên phần mềm kế toán [07.02.09].

Hàng năm PVU thành lập tổ kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ với nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm kê để theo dõi, đánh giá về số lượng và tình trạng toàn bộ tài sản, trang thiết bị của Trường và lập biên bản kiểm kê thường niên [07.02.10].

Khi mới thành lập, PVU hoạt động tại 02 cơ sở ở Hà Nội và Bà Rịa - Vũng Tàu. Từ năm 2016, PVU tiếp nhận sử dụng và chuyển toàn bộ hoạt động về Tòa nhà 9 tầng tại TP. Bà Rịa với diện tích sàn xây dựng là 10.551 m² và được bàn giao thêm 184 máy tính để bàn, 9 máy in, 1 máy photo, bàn ghế trang bị cho các phòng và nhiều trang thiết bị khác [07.02.11].

Trong giai đoạn năm 2014-2018, PVU đã đầu tư cho xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và quản lý với tổng giá trị là 144,436 tỷ đồng cho các PTN, nâng cấp hệ thống CNTT, phần mềm thư viện, E-learning... các hạng mục được phân bổ các năm như sau:

- Năm 2014: lắp đặt và thi công phòng E-Learning; thi công nền đất thiết bị Slumberger; mua sắm trang thiết bị thí nghiệm cho các PTN chuyên ngành; mua sắm trang thiết bị văn phòng (bao gồm: Máy tính xách tay, máy photo...)

- Năm 2015: thi công mái che để thiết bị trực quan Slumberger tặng PVU phục vụ đào tạo; thi công lắp đặt tạm thời các PTN chuyên ngành (mua sắm năm 2015); mua sắm trang thiết bị thí nghiệm cho các PTN (bao gồm: thiết bị cho PTN Kỹ thuật cơ sở;

thiết bị cho 06 PTN chuyên ngành); mua sắm trang thiết bị văn phòng (bao gồm: máy tính xách tay; máy scan; phần mềm bản quyền...)

- Năm 2016: bổ sung thiết bị PTN Kỹ thuật cơ sở; bổ sung thiết bị PTN Hóa dầu, PTN Địa vật lý Dầu khí, PTN Thạch học – Khoáng vật, PTN Nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo; thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học; Mua sắm thiết bị văn phòng (bao gồm: thiết bị tường lửa; phần mềm bản quyền window; phần mềm quản trị thư viện tích hợp).

- Năm 2017: sửa chữa thi công ống thoát khí PTN; mua sắm và bổ sung thiết bị cho các PTN (PTN sản phẩm dầu mỏ, Dầu mỏ & khí thiên nhiên, lọc hóa dầu, nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo, PTN hóa lý, PTN Công nghệ khoan, PTN Minh giải địa chấn...); bổ sung thiết bị thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học; mua sắm thiết bị văn phòng, thư viện (bao gồm: phần mềm xử lý văn bản; thiết bị lưu trữ mạng; hệ thống đảm bảo an ninh mạng...).

- Năm 2018: thi công vách ngăn PTN; bổ sung sách, giáo trình tài liệu tham khảo; mua sắm trang thiết bị văn phòng, nâng cấp hệ thống CNTT (bao gồm: mua máy photocopy; nâng cấp hạ tầng CNTT...)

Phòng QTTB&DA đã tiến hành khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của SV và CBGD về CSVC và nhận được trên 85% - 90% ý kiến phản hồi tích cực [07.02.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trung tâm Thông tin Thư viện (TTTV) là đơn vị chuyên trách quản trị, triển khai các giải pháp CNTT cho PVU [07.03.01]. Nhiệm vụ của Trung tâm về mảng CNTT là xây dựng các kế hoạch chiến lược về ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Trường; nghiên cứu, đề xuất, triển khai các giải pháp công nghệ và quản lý về công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu quản lý và hoạt động của Trường [07.03.02].

Chiến lược phát triển của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 [04.01.05] xác định các nội dung liên quan đến CNTT gồm: tăng cường ứng dụng CNTT vào quy trình quản lý thông tin chiến lược, đảm bảo thực hiện hiệu quả thu thập thông tin, xử lý thông tin, lưu trữ...; cơ sở hạ tầng CNTT-TT phải được xây dựng đồng bộ, hiện đại hóa để đáp ứng nhu cầu triển khai hệ thống thông tin mới; phát triển các hệ thống mã nguồn mở, theo các tiêu chuẩn hệ thống mở, cho phép dễ dàng mở rộng về quy mô, nâng cấp về công nghệ; đẩy mạnh triển khai đại học số hóa, nâng cấp hệ thống quản trị học tập nhằm hỗ trợ môi trường quản lý học tập tích hợp; xây dựng mô hình tổng thể cơ sở hạ tầng mạng đa dịch vụ đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn, an ninh, thông

suốt; tổ chức đánh giá các hệ thống đã triển khai và rút kinh nghiệm, tổ chức điều chỉnh, cập nhật, thay thế các quy trình nghiệp vụ, các hệ thống phần mềm, phù hợp và đáp ứng yêu cầu quản lý.

Căn cứ Chiến lược phát triển của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025, PVU đã ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển cơ sở vật chất bao gồm kế hoạch xây dựng hệ thống quản trị thông tin phục công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản trị của Nhà trường giai đoạn 2015-2025 [04.01.12]. Kế hoạch đã đánh giá lại hệ thống CNTT của PVU và đề xuất các giải pháp, lộ trình để kiện toàn hệ thống quản lý thông tin bao gồm hạ tầng CNTT và phần mềm nghiệp vụ, tổng với kinh phí ước lượng khoảng 6.072 triệu (2.266 triệu cho hạ tầng CNTT và 3.806 triệu cho phần mềm nghiệp vụ) cho giai đoạn 2015-2020.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch chiến lược và nhu cầu thực tế của các đơn vị, PVU rà soát và xây dựng kế hoạch năm của PVU để trình lên Tập đoàn. Tổng kinh phí kế hoạch đầu tư trình lên Tập đoàn từ năm 2015-2019 cho các hạng mục liên quan đến CNTT là 6.429 triệu (2015: 814 triệu; 2016: 526 triệu ; 2017: 736 triệu ; 2018: 2.940 triệu; 2019: 1.413 triệu) [04.01.11].

Từ năm 2015 đến 2018 tổng kinh phí PVU đã đầu tư mới, nâng cấp hệ thống thông tin như phần mềm, thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ là 3.300 triệu (2015: 496 triệu; 2016: 251 triệu ; 2017: 729 triệu; 2018: 1.768 triệu; 2019: 1.413 triệu) [04.03.01]. Trong năm 2019, PVU cũng được phê duyệt nguồn kinh phí đầu tư hệ thống thông tin PVU là 1.413 triệu [04.02.01].

Về máy tính [07.03.03]:

Tính đến tháng 8/2019, PVU có tổng số máy tính là 310 máy trong đó có 192 máy đầu tư từ năm 2015. Số máy tính bàn giao cho các Khoa và lắp đặt tại 06 phòng máy tính của PVU (phòng máy tính lớn, phòng E-Learning1, phòng E-Learning2, Trung tâm Honeywell, Phòng Slumberger, Phòng PVU-BUGE) phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học là 188; 122 máy tính bàn giao cho các đơn vị phục vụ công tác quản lý, hành chính; còn lại 78 máy lưu tại các kho của Trường. PVU cũng có 15 máy photo, 30 máy in, 10 máy scan, 18 máy chiếu với 12 máy chiếu được lắp đặt tại các phòng học, còn lại phục vụ hội họp, sự kiện.

Về hạng tầng mạng [07.03.03]:

Tính đến 8/2019, PVU có 09 máy chủ (01 máy máy đầu tư năm 2018) trong đó 04 Server để host các ứng dụng CNTT (phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm Elearning...), 02 server để host các dịch vụ mạng (DNS, DHCP, Proxy server...), 03 Server để lưu trữ, quản lý hệ thống camera. Mạng LAN của tòa nhà PVU được chia theo các phân khu theo chức năng để nâng cao tính bảo mật với 02 đường truyền cáp quang ở tòa nhà: 35Mb, 45Mb và có sử dụng Router Draytek để cân bằng tải, VPN, Port restriction. PVU cũng trang bị 01 tường lửa Firewall Checkpoint 5200

(đầu tư năm 2017) với chức năng kiểm soát truy cập, Threat Prevention, IPS..., với 03 thiết bị chuyển mạch trung tâm Cisco switch. Mỗi tầng của toàn nhà PVU được trang bị 02 thiết bị Wifi có bảo mật password để cán bộ và SV sử dụng miễn phí. Nhà trường cũng trang bị 01 thiết bị lưu trữ mạng WD MyCloud (đầu tư năm 2017) để thực hiện việc sao lưu dữ liệu có tổng dung lượng 12TB. Ký túc xá cũng được trang bị 01 đường truyền 34Mb để phục vụ SV miễn phí.

Về phần mềm nghiệp vụ:

Từ năm 2015 đến năm 2018 Nhà trường đã đầu tư, nâng cấp và triển khai nhiều phần mềm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học [04.03.01]. Cụ thể, năm 2015 PVU đầu tư 91 phần mềm Windows 8, và 02 phần mềm Windows Server 2012; năm 2016 PVU đã triển khai phần mềm quản lý thư viện tích hợp để quản trị nguồn học liệu của Thư viện, 04 phần mềm Windows Server 2012 ; năm 2017 triển khai phần mềm xử lý văn bản để hỗ trợ công tác quản lý thông tin, điều hành, và giám sát công việc từ xa, hệ thống Office 365 cũng được đầu tư để trợ công tác trao đổi thông tin, cộng tác, hội thảo trực tuyến, lưu trữ dữ liệu trực tuyến (1000TB mỗi tài khoản),...; năm 2018 phân cấp phần mềm quản lý đào tạo cho các chức năng quản lý thời khóa biểu, quản lý khối lượng giảng dạy, quản lý nghiên cứu khoa học...; Năm 2019, PVU tiếp tục nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo với các phân hệ mới như quản lý tuyển sinh, quản lý nhân sự, quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong...[07.03.04].

Trong các báo cáo tổng kết cuối năm của Trung tâm TTTV [07.03.05], Trung tâm đã đánh giá tình hình sử dụng các thiết bị CNTT, phần mềm và các dịch vụ liên quan để đánh giá hiệu quả đầu tư. Kết quả đánh giá 2015-2018 cho thấy các máy chủ của PVU được sử dụng 24/24 để host các dịch vụ CNTT trong đó 04 Server để host các ứng dụng CNTT (phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm Elearning...), 02 server để host các dịch vụ mạng (DNS, DHCP, Proxy server...), 03 Server để lưu trữ, quản lý hệ thống camera. Đối với các thiết bị mạng, tất cả các thiết bị đều được bố trí để khai thác liên tục của phục vụ hoạt động của Trường. Trong đó gồm 02 đường truyền cáp quang ở tòa nhà PVU (35Mb, 45Mb), Router Draytek để cân bằng tải, 01 tường lửa Firewall Checkpoint 5200, 03 thiết bị chuyển mạch trung tâm Cisco switch, 18 thiết bị Wifi, 01 thiết bị NAS WD MyCloud 12TB để lưu trữ dữ liệu sao lưu. Về phần mềm nghiệp vụ, lịch sử sử dụng phần mềm và tình hình thực tế cho thấy các phần mềm được các đơn vị sử dụng thường xuyên để quản lý thông tin phục vụ công việc như phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý tài chính, phần mềm quản lý tài sản, cổng thông tin của PVU, phần mềm thi trắc nghiệm... [07.03.06]. Đối với phòng máy tính, số theo dõi sử dụng phòng máy cho thấy các máy tính được sử dụng thường xuyên trong dạy học và các kỳ kiểm tra, thi cuối kỳ [Số theo dõi].

Đối với khảo sát người dùng (SV và GV), kết quả khảo sát năm 2017 (35 cán bộ, 87 SV), 2018 (41 cán bộ, 80 SV) và 2019 (40 cán bộ, 98 SV) cho thấy tỷ người sử dụng hài lòng thấp nhất là 86% với hệ thống thông tin của PVU, đáp ứng nhu cầu học tập,

giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và giải trí [07.03.07]. Khi trao đổi trực tiếp, một số cán bộ cũng có ý kiến là hệ thống đôi khi Wifi đôi khi tắt nghẽn, khó truy cập được ghi nhận trong báo cáo tổng kết cuối năm của Trung tâm TT-TV [07.03.05].

Các kết quả khảo sát trực tuyến năm 2019 được lưu trữ trên Microsoft Office 365 để truy xuất nhanh chóng, có thể xem thông tin dạng thô và dạng tổ hợp dạng biểu đồ. [07.03.07]. Đối với các khảo sát trực tiếp năm 2017, 2018 bản cứng được lưu trữ tại Trung tâm Thông tin Thư viện và được lưu trữ trên hệ thống OneDrive có thể truy xuất mọi lúc mọi nơi, và có thể chia sẻ phân quyền truy cập dễ dàng [07.03.08]. Đối với việc theo dõi tình hình sử dụng phòng máy tính, có bản cứng được sử dụng để lưu trữ thông tin và được quản lý bởi đơn vị được bàn giao để quản lý thiết bị. Các báo cáo năm của Trung tâm TT-TV, trong đó có đánh giá tình hình sử dụng của hệ thống thông tin PVU, được lưu trữ dạng bản cứng tại Trung tâm TT-TV và bản mềm cũng được lưu trữ trên hệ thống OneDrive [07.03.08]. Đối với các phần mềm dữ liệu về lịch sử sử dụng được lưu trữ trên hệ CSDL phần mềm, nên có có truy cập nhanh chóng [07.03.06].

Từ năm 2015 đến 2018 tổng kinh phí PVU đã đầu tư mới, nâng cấp hệ thống thông tin như phần mềm, thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ là 3.300 triệu (2015: 496 triệu; 2016: 251 triệu ; 2017: 729 triệu; 2018: 1.768 triệu; 2019: 1.413 triệu) [04.03.01]. Trong năm 2019, PVU cũng được phê duyệt nguồn kinh phí đầu tư hệ thống thông tin PVU là 1.413 triệu [04.02.01].

Số lượng thiết bị mua mới trong giai đoạn 2015-2018 gồm: 192 máy tính , 06 máy in, 03 máy scan và 02 máy photo, 01 máy chủ, 01 thiết bị tường lửa Firewall Checkpoint 5200, 01 thiết lưu trữ mạng WD MyCloud 12TB [07.03.03].

Về đầu tư phần mềm mới, nâng cấp trong giai đoạn 2015-2018 [04.03.01] gồm: năm 2015 đầu tư 91 phần mềm Windows 8, và 02 phần mềm Windows Server 2012; năm 2016 triển khai 01 phần mềm quản lý thư viện tích hợp để quản trị nguồn học liệu của Thư viện, 04 phần mềm Windows Server 2012; năm 2017 triển khai phần mềm xử lý văn bản để hỗ trợ công tác quản lý thông tin, điều hành, và giám sát công việc từ xa, hệ thống Office 365 cũng được đầu tư để trợ công tác trao đổi thông tin, cộng tác, hội thảo trực tuyến, lưu trữ dữ liệu trực tuyến (1000TB mỗi tài khoản)...; năm 2018 phân cấp phần mềm quản lý đào tạo cho các chức năng quản lý thời khóa biểu, quản lý khối lượng giảng dạy, quản lý nghiên cứu khoa học...;

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Thư viện PVU được đặt tại tầng 6 của tòa nhà PVU được trang bị bàn ghế chuyên dụng để phục vụ nhu cầu đọc tài liệu tại chỗ cùng lúc cho khoảng 60 bạn đọc. Bên cạnh đó, Thư viện còn trang bị máy tính có nối mạng internet, máy scan, hệ thống Wifi để hỗ trợ cho bạn đọc tra cứu, scan, tải tài liệu.... Thư viện thuộc Trung tâm Thông tin Thư viện với các nhiệm vụ chính cho mảng thư viện là xây dựng chính sách, định hướng phát triển Thư viện phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn; chủ trì công tác tổ chức xây dựng học liệu; tổ chức và quản lý hệ thống dữ liệu về nguồn tài liệu của Thư viện Đối với các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, Phòng Quản trị Thiết bị và dự án (QTTB&DA) là đơn vị quản lý chung với các thiết bị của toàn Trường.

Các nội quy, quy định hỗ trợ công tác quản trị của Thư viện gồm: nội quy thư viện quy định sử dụng các tài liệu, dịch vụ và thiết bị của Thư viện; quy định sử dụng tài liệu số của Thư viện [07.04.01].

Chiến lược phát triển của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 [04.01.05] xác định các kế hoạch về đầu tư các nguồn học liệu và thiết bị hỗ trợ giảng dạy gồm: xây dựng nguồn tài nguyên phục vụ hiệu quả công tác đào tạo đại học; ưu tiên mua tài liệu liên quan đến CTĐT và nghiên cứu của Trường về dầu khí; phát triển nguồn tài nguyên số nội sinh như đề tài nghiên cứu, luận văn, bài báo khoa học....; tổ chức thư viện thành các phân khu chuyên biệt; ứng dụng hệ thống quản lý thư viện tích hợp để quản lý nguồn tài nguyên thư viện để phục vụ có hiệu quả cho nhiều chuyên ngành khác nhau; triển khai hệ thống quản trị học tập trực tuyến dành cho môn tiếng Anh; cung cấp nền tảng kỹ thuật cho hình thức đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa; triển khai hệ thống e-learning cho tất cả các học phần để tạo ra môi trường học tập trực tuyến hiệu quả...

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch chiến lược và nhu cầu thực tế của các đơn vị, PVU rà soát và xây dựng kế hoạch năm của PVU để trình lên Tập đoàn. Tổng kinh phí được đề xuất cho đầu tư nguồn học liệu, CSDL trực tuyến và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy từ năm 2015 đến năm 2019 là 1.237,2 triệu (2015: 271 triệu; 2016: 370 triệu ; 2017: 209,25 triệu ; 2018: 145,750 triệu; 2019: 241,2 triệu) [04.01.11].

Từ năm 2015 đến 2018 tổng kinh phí PVU đã đầu tư cho nguồn học liệu, CSDL trực tuyến thiết bị hỗ trợ giảng dạy là 828,042 triệu gồm kinh phí mua tài liệu sách [04.03.01] và kinh phí thực hiện thư viện điện tử [07.04.02] để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong năm 2019, PVU cũng được phê duyệt nguồn kinh phí để mua sắm sách và quyền truy cập CSDL điện tử với tổng giá trị là 149 triệu [04.02.01].

Về tài liệu dạng giấy thư viện có 1523 nhan đề với 4071 cuốn [07.04.06]. Về CSDL điện tử, hiện thư viện có trang bị CSDL trực tuyến OnePetro phục vụ việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực Dầu khí. SV và GV Trường có thể truy cập nguồn học liệu trực tuyến và mọi lúc mọi nơi [07.04.02].

Ngoài ra với việc đầu tư phần mềm quản trị thư viện tích hợp năm 2016 [04.03.01] đã giúp việc quản lý nguồn học liệu của Trường thuận tiện hơn. Các báo cáo thông tin về tài liệu, bạn đọc, lưu thông tài liệu được trích xuất nhanh chóng giúp cho việc quản trị thư viện thuận tiện hơn [07.04.04]. Để đánh giá hiệu quả của các nguồn học liệu của thư viện, CSDL trực tuyến, Thư viện cũng thực hiện các khảo sát với người sử dụng là SV và giảng viên.

Đối với SV, kết quả khảo sát năm 2017 (72 SV), 2018 (87 SV) và 2019 (103 SV) cho thấy tỉ lệ hài lòng về cơ sở vật chất của Thư viện như phòng đọc sách, Wifi luôn trên 80%, chỉ có máy tính là khoảng 78%-81% có thể là do số máy tính ở Thư viện chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng vào lúc cao điểm. Về chất lượng nguồn học liệu, đáp ứng tốt và khá tốt về học tập và nghiên cứu cao từ 86% trở lên. Tuy nhiên đối với nguồn học liệu phục vụ cộng đồng thì tỉ lệ hài lòng (khá đáp ứng nhu cầu sử dụng trở lên) chỉ hơn 50% là do hiện tại Trường chú trọng vào đầu tư các nguồn học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu của SV [07.04.05].

Đối với GV, kết quả khảo sát năm 2017 (35 cán bộ), 2018 (41 cán bộ) và 2019 (40 cán bộ) cho thấy tỉ lệ cán bộ hài lòng với cơ sở vật chất của Thư viện khoảng 90%. Nguồn học liệu của Thư viện cũng đáp ứng tốt và khá tốt nhu cầu giảng dạy, và đào tạo của GV với tỉ lệ từ khá đáp ứng đến đáp ứng tốt nhu cầu là hơn 80%. Đối với tài liệu phục vụ cộng đồng, giải trí thì cũng tương tự như khảo sát đối với SV, khoảng hơn 40% cán bộ cho rằng tài liệu phục vụ cộng đồng cần bổ sung trong thời gian tới [07.04.06]. Đối với thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu, sổ theo mượn trả thiết bị cho thấy các thiết bị được khai thác hiệu quả, được sử dụng thường xuyên.

Các kết quả khảo sát trực tuyến được lưu trữ trên Microsoft Office 365 để truy xuất nhanh chóng, có thể xem thông tin dạng thô và dạng tổ hợp dạng biểu đồ gồm khảo sát SV [07.04.05] và GV [07.04.06]. Đối với các khảo sát trực tiếp, bản cứng được lưu trữ tại Trung tâm Thông tin Thư viện và kết quả file mềm được lưu trữ trên hệ thống OneDrive có thể truy xuất mọi lúc mọi nơi, và có thể chia sẻ phân quyền truy cập dễ dàng [07.04.07]. Đối với việc theo dõi tình hình sử dụng thiết bị hỗ trợ dạy học, có bản cứng được sử dụng để lưu trữ thông tin và được quản lý bởi đơn vị được bàn giao để quản lý thiết bị. Đồng thời, bản scan cũng được lưu trên hệ thống OneDrive để đảm bảo dữ liệu được lưu trữ an toàn, và thuận tiện cho việc chia sẻ và kiểm soát truy cập [07.04.08].

Đối phần mềm quản lý thư viện tích hợp, các thông tin, báo cáo về nguồn học liệu, mượn trả, bạn đọc [07.04.04]..... được lưu trữ trên CSDL chuyên dụng MS SQL trên hệ thống Server của hệ thống thông tin PVU, đảm bảo thông tin được lưu trữ an toàn.

Từ năm 2015 đến 2018 tổng kinh phí PVU đã đầu tư cho nguồn học liệu, CSDL trực tuyến thiết bị hỗ trợ giảng dạy là 828, 042 triệu gồm kinh phí mua tài liệu sách [04.03.01], và kinh phí thực hiện thư viện điện tử [07.04.02] để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể, trong giai đoạn trên PVU đã mua 71 cuốn sách tiếng Anh chuyên ngành và đại cương, 159 quyển sách tiếng Anh, và 177 quyển sách chuyên ngành và đại cương tiếng Việt [07.04.09]. Đối với CSDL trong năm 2017, 2018 PVU đã mua quyền truy cập CSDL điện tử OnePetro cung cấp các tài liệu chuyên ngành Dầu khí cho giảng viên và SV [07.04.02]. Trong năm 2019, PVU tiếp tục có kế hoạch gia hạn quyền sử dụng CSDL OnePetro cho SV và giảng viên PVU [04.02.01].

Về phần mềm, thiết bị hỗ trợ các hoạt động của Thư viện, năm 2016, PVU đã trang bị phần mềm quản lý thư viện tích hợp để quản lý nguồn học liệu và nghiệp vụ lưu thông tài liệu, đã giúp việc quản lý và trích xuất các báo cáo thông kê nhanh chóng để phục vụ công tác quản trị [04.03.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Đối với các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và các nhu cầu tiếp cận của các cá nhân có nhu cầu đặc biệt, PVU đã có sự phân công chức năng, trách nhiệm rõ ràng cho từng đơn vị trong trường bao gồm:

- Các công tác về môi trường, vệ sinh công cộng, phòng cháy chữa cháy, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo nhu cầu tiếp cận của các cá nhân có nhu cầu đặc biệt được giao cho Phòng Quản trị Thiết bị và Dự án chịu trách nhiệm [07.02.01].

- Các công tác về sức khỏe, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chính sách đối với CBNV, thực hiện công tác vệ sinh tập vụ văn phòng Trường, tổ chức ăn ca cho cán bộ nhân viên... được giao Phòng Tổ chức Hành chính chịu trách nhiệm thực hiện [07.02.02].

- Tổ chức chế độ chính sách và các công tác cho SV được giao Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện.

Hàng năm, Trường thực hiện lập kế hoạch chi tiết cho từng hạng mục đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, như vệ sinh tòa nhà, khám sức khỏe, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo vệ ...

[04.01.11]. Trên cơ sở đó, Tập đoàn phê duyệt với chi phí cho các hạng mục trên trong giai đoạn 2014-2019 cụ thể như sau [04.02.01]:

Bảng 7.4. Kế hoạch các hạng mục đầu tư của PVU giai đoạn 2014-2019 được Tập đoàn DKVN phê duyệt

Năm	Trích nộp BHXH, BHYT, CPCĐ, BHTN	Chi phí khác cho người lao động	Chi phí trang trí văn phòng	Chi phí khoán việc	Chi phí thuê dịch vụ bảo vệ
Năm 2014	1.303,11	1.754,14	50	3.133,92	
Năm 2015	1.954,48	3.072,27	50	180	36
Năm 2016	1.575,34	2.545,61	100	300	144
Năm 2017	1.575,34	2.545,61			
Năm 2018	1.835,72	2.174,68			
Năm 2019	5.157	3.702			

Sau khi các kế hoạch và phương án đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận [04.02.01], Trường thực hiện triển khai các kế hoạch được giao, cụ thể:

- Môi trường: Để đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp, Trường đã ký hợp đồng thuê khoán tạp vụ để vệ sinh hàng ngày, tổ chức cho SV lao động, làm vệ sinh khuôn viên trường; triển khai mua sắm, chăm sóc cây cảnh, mua tranh trang trí văn phòng; triển khai các biện pháp ngăn chặn như phun thuốc diệt kiến, diệt mối. [07.05.01]. Để đảm bảo điều kiện môi trường làm việc và học tập cho SV và CBNV, Trường còn có hệ thống điều hòa nhiệt độ trang bị cho tất cả các phòng học và phòng làm việc.

- Sức khỏe: Hàng năm Trường đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV [07.05.02]. Tất cả CBNV cơ hữu của Trường đều được đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định [07.05.03]. Ngoài ra, Trường còn mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBNV với mức hỗ trợ đóng cho các CBNV tham gia là 1 triệu đồng/người/tháng từ năm 2015, sau đó nâng lên mức 3 triệu đồng/người/tháng từ năm 2018, và mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care [07.05.04]. Đối với SV, hàng năm Trường cũng thực hiện mua BHYT cho các SV chưa có thẻ bảo hiểm [07.05.05]. Trường có phòng y tế được trang bị 02 giường bệnh, tủ thuốc với thuốc và thiết bị y tế cơ bản nhất để sơ cấp cứu ban đầu cho CBNV và SV khi cần thiết [07.05.06]. Phòng y tế có 1 y tá trực, sổ theo dõi cấp phát thuốc [07.05.07].

- An toàn: Trong 2 năm 2014-2015, Trường sử dụng chung CSVC của Trường Cao đẳng Dầu khí để tổ chức các hoạt động quản lý và giảng dạy. Do đó, công tác bảo vệ an ninh, an toàn do bảo vệ của PVMTC thực hiện. Từ năm 2016 khi tiếp nhận tòa nhà 9 tầng để đưa vào sử dụng, để đảm bảo an toàn, an ninh trong khuôn viên của Trường, PVU đã ký hợp đồng với Công ty bảo vệ để thực hiện công tác trực an ninh, an toàn cho tòa nhà [07.05.08]. Trường còn có hệ thống camera quan sát với tổng số 46 camera lắp đặt ở tất cả các tầng và hệ thống cửa từ để kiểm soát hoạt động ra vào. Ngoài ra, tại khu vực cổng trường và Ký túc xá, Trường còn phối hợp với lực lượng công an phường bố trí lắp thêm 02 camera quan sát an ninh chung [07.05.09]. Cho đến nay chưa xảy ra hiện tượng trộm cắp, mất an ninh, an toàn tại Trường; an toàn, sức khỏe của CBNV và SV đều được đảm bảo. Trường có hệ thống PCCC đáp ứng theo đúng quy định của Phòng

Cảnh sát PCCC Bà Rịa – Vũng Tàu [07.05.10]; định kỳ thay nạp các bình chữa cháy theo quy định và thực hiện bảo trì toàn bộ hệ thống PCCC; mua bảo hiểm cháy nổ cho tòa nhà [07.05.11]. Trường cũng thành lập đội PCCC tại cơ sở và cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn PCCC [07.05.12]. Đối với người có nhu cầu đặc biệt, Tòa nhà có đường dốc và có thang máy hỗ trợ [07.05.13].

Định kỳ, Phòng TCHC thực hiện kiểm tra vấn đề vệ sinh môi trường trong trường của bộ phận tạp vụ; việc thực hiện hợp đồng khoán việc đều được nghiệm thu đánh giá chất lượng [07.05.14]. Công tác bảo vệ cũng được thường xuyên kiểm tra và được nghiệm thu đánh giá hoàn thành công việc [07.05.15]. Định kỳ, Trường thực hiện kiểm tra để thay nạp các bình PCCC, có phương án bảo trì hệ thống PCCC để đảm bảo hệ thống duy trì tình trạng hoạt động tốt. Về công tác khám sức khỏe định kỳ, hàng năm, Trường đều có bản tổng kết tình hình sức khỏe hàng năm của CBNV [07.05.16].

Hàng năm, tại Hội nghị Người lao động, Công đoàn Trường cũng có báo cáo đánh giá về tình hình chăm sóc sức khỏe và chế độ chính sách cho người lao động [07.05.17].

Dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn được các Phòng TCHC, Phòng QTTB&DA và Phòng Đào tạo quản lý ở dạng bản cứng và bản mềm.

Trong giai đoạn 2016-2018, Trường đã lắp hệ thống camera, cửa từ để tăng thêm hiệu quả quản lý an toàn của Trường. Từ 2018, Trường đã thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ cho tòa nhà. Năm 2015, bắt đầu triển khai mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBNV với mức hỗ trợ đóng cho mỗi cán bộ tham gia bảo hiểm là 1 triệu đồng/người/tháng, sau đó nâng mức hỗ trợ lên 3 triệu đồng/người/tháng từ năm 2018.

Trường đã tiến hành khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của CBNV và SV về môi trường, sức khỏe và sự an toàn và nhận được trên 85% ý kiến hài lòng [07.05.18].

Tự đánh giá tiêu chí mức 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Khoản thu do các đơn vị, cá nhân, tổ chức trong và ngoài ngành tài trợ cho PVU và tỉ lệ nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng qua các năm.
- PVU đã quan tâm nhiều hơn tới vấn đề con người khi như tiền lương, các loại bảo hiểm, khen thưởng, phúc lợi.
- Cơ sở vật chất và hệ thống CNTT thường xuyên được nâng cấp để phục vụ nhu cầu người sử dụng.
- Xây dựng được hệ thống CNTT hỗ trợ tốt việc công tác quản trị, học tập và nghiên cứu của Nhà trường, và có khả năng cung cấp các thông tin chiến lược, giúp xây dựng các chính sách, định hướng và ra các quyết định chiến lược.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Tỉ lệ chi cho hoạt động hợp tác quốc tế còn thấp.

- Các đơn vị chưa phối hợp chặt chẽ trong công tác kiểm tra, rà soát nhu cầu sử dụng CSVC và CSHT.

3. Kế hoạch hành động

- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, Phòng Đối ngoại & Khoa học Công nghệ sẽ đầu mối Phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp lập kế hoạch nguồn thu từ hoạt động này; thời hạn hoàn thành: tháng 12/2019.

- Các đơn vị cần kiểm tra, giám sát, rà soát lại nhu cầu, tình trạng CSVC, CSHT của đơn vị mình, lập biên bản bàn giao/xác nhận tình trạng thiết bị cùng Phòng Quản trị thiết bị & Dự án; thời hạn hoàn thành: tháng 12/2019.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 07</i>	4,6
Tiêu chí 7. 1	5
Tiêu chí 7. 2	5
Tiêu chí 7. 3	5
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7. 5	4

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ (Phòng ĐN&KHCHN) có chức năng tham mưu, tư vấn, giám sát và quản lý các hoạt động hợp tác trong nước và Quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-ĐHDK ngày 09/3/2011 về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ của Phòng ĐN&KHCHN. Trong đó nêu rõ nhiệm vụ của Phòng như sau: “xây dựng, trình Hiệu trưởng quyết định và tổ chức thực hiện chủ trương, nội dung, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về quan hệ đối ngoại...” và “giám sát đôn đốc thực hiện các kế hoạch, dự án hợp tác đã ký kết, báo cáo và chủ động đề xuất các biện pháp phù hợp có hiệu quả, tăng cường quan hệ hợp tác” [08.01.01]. Phòng ĐN&KHCHN là đầu mối, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch ngắn hạn dài hạn về hoạt động đối ngoại của PVU và kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện công tác đối ngoại [08.01.02].

Hoạt động đối ngoại của PVU được hiểu là quan hệ của các đơn vị, cá nhân PVU với tổ chức, các nhân trong nước hoặc nước ngoài [08.01.02] cụ thể là quan hệ với các địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp, quan hệ với các cơ sở giáo dục, quan hệ với các cơ sở nghiên cứu, cựu SV [08.01.02].

Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam có quy định các nội dung sau: quản lý đoàn quốc tế vào; quản lý đoàn ra nước ngoài; ký kết các văn kiện hợp tác quốc tế; quản lý các chương trình đào tạo liên kết quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; hợp tác trong nước; tiếp nhận, quản lý và phát triển các quỹ, dự án được tài trợ [08.01.02].

Trong kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2025 ban hành kèm nghị quyết số 1227/NQ-ĐHDK ngày 24/12/2014 [04.01.05] đã xác định các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của trường như: tìm kiếm và ký kết các chương trình hợp tác mới với nhiều trường trong và ngoài nước; đẩy mạnh các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đối với một số ngành; xây dựng cơ chế cử GV, các bộ quản lý ra nước ngoài học tập, giảng dạy; mở rộng việc nhận chuyên gia các nước đến Trường để giảng dạy và nghiên cứu; gia nhập các hiệp hội, mạng lưới giáo dục đại học chuyên nghiệp; xây dựng các mối quan hệ theo chiều sâu thông qua các dự án cùng

tổ chức đào tạo và thực hiện nghiên cứu chung... Các kế hoạch phát triển đối tác này bám sát với sứ mạng của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất kinh doanh và tầm nhìn của PVU “là trường đại học định hướng nghề nghiệp...”[04.01.05].

Cơ chế quản lý trong hoạt động đối ngoại được quy định trong Chương X, Quy chế Quản lý hoạt động đối ngoại như sau: (i) về tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch: “Phòng ĐN&KHCN là đầu mối, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch ngắn hạn dài hạn về hoạt động đối ngoại của PVU và kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện công tác đối ngoại; Trưởng đơn vị trực thuộc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch ngắn hạn dài hạn về hoạt động đối ngoại của đơn vị mình và báo cáo Hiệu trưởng (thông qua Phòng ĐN&KHCN)”; (ii) về báo cáo thực hiện các hoạt động đối ngoại: “Các đơn vị trực thuộc báo cáo Hiệu trưởng về tình hình thực hiện, kết quả thực hiện theo quy định của Quy chế này; Phòng ĐN&KHCN tổng hợp báo cáo của đơn vị, có đề xuất những công việc cần triển khai; thông báo, đôn đốc, giám sát quá trình triển khai tại các đơn vị trực thuộc.” [08.01.02].

Để phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại, Trường đã ban hành quy trình phối hợp đối ngoại trong Quyết định số 492/QĐ-ĐHDK ngày 29/6/2018. Quy trình này đưa ra các lưu đồ hướng dẫn phân cấp từng hoạt động cụ thể liên quan đến từng đơn vị, ví dụ: Phòng KHTC và các Phòng/Khoa/Trung tâm trực thuộc Trường cũng như quy trình cho đoàn vào, đoàn ra và trách nhiệm cho từng phòng ban liên quan [08.01.03].

Việc quản lý CBNV của Trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước được quản lý bởi Phòng TC-HC trong việc ra quyết định cử đi công tác, đào tạo và tiếp nhận về kèm theo kết quả học tập và báo cáo thu hoạch [08.01.04].

Toàn bộ chiến lược phát triển của trường, văn quản lý, hoạt động đối ngoại đều được gửi tới trưởng các đơn vị để xử lý và phổ biến, quán triệt tới các CBNV trong đơn vị [08.01.05] và được đăng tải trên hệ thống phần mềm của trường (link trực tiếp đến các văn bản trên) để mọi CBNV của Trường đều có thể truy cập để khai thác văn bản [08.01.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Đối với hoạt động hợp tác trong nước: (i) Nhà trường ký kết được 18 thỏa thuận hợp tác (TTHT) với 18 doanh nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí, hợp tác trong các lĩnh vực như đào tạo, NCKH, tài trợ cho Nhà trường, tiếp nhận SV thực tập và tuyển dụng. Trong giai đoạn từ 8/2014-8/2019, thông qua những TTHT đã ký kết, Trường đã cử được 39 lượt cán bộ đi đào tạo thực tế tại các đơn vị trong ngành, đào tạo được 69 lượt khoá đào tạo cho 22 doanh nghiệp, cử được khoảng 300 lượt SV đi thực tập nghề nghiệp, nhận được 3,280 tỉ đồng tiền tài trợ [08.02.01]. (ii) PVU có hợp tác với các cơ sở giáo dục trên lĩnh vực trao đổi, hợp tác đào tạo nghiên cứu như Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học tự nhiên TP. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa Vũng Tàu; đã ký 03 TTHT với các Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu (BVU), Trường Cao đẳng Dầu khí Việt Nam (PVMTC) và Trung cấp nghề Quảng Nam. Kết quả đạt được: có 500 lượt thỉnh giảng tham gia giảng dạy tại PVU, 19 đề tài nghiên cứu chung của CBGD với GV đến từ các Trường ĐH, CĐ trong nước, tổ chức 01 hội nghị quốc tế [08.02.02] (iii) PVU có tham dự hội nghị, các khoá tập huấn, gửi SV đến thực tập tại các Viện nghiên cứu, mời các chuyên gia nghiên cứu tham dự hội đồng khoa học, phản biện các đề tài cấp Trường của PVU; ví dụ như: gửi 150 lượt SV tới thực tập tại Viện Dầu khí và Viện NIPI, có 300 lượt thỉnh giảng [08.02.03].

Đối với hoạt động hợp tác quốc tế: Giai đoạn từ 8/2014-8/2019, Trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với các đối tác đến từ các quốc gia Hoa Kỳ, Canada, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc. (i) Nhà trường ký kết thỏa thuận hợp tác (TTHT) với Tập đoàn lớn như Honeywell (Hoa Kỳ), JX NOEX (Nhật Bản), KOGAS (Hàn Quốc). Ví dụ đối với Honeywell, thông qua TTHT, Trường đã cử được 04 lượt cán bộ đi đào tạo kèm cặp tại Hoa Kỳ, 05 lượt SV tham gia thực tập tại trụ sở của Honeywell UOP tại Hoa Kỳ. Liên tục trong 05 năm học, Honeywell trao tặng 25 suất học bổng với tổng giá trị 12.500USD, đào tạo được 04 khoá UOP cho 140 SV Lọc Hoá dầu của PVU [08.02.04]. (ii) PVU có hợp tác với các cơ sở giáo dục trên lĩnh vực trao đổi, hợp tác đào tạo nghiên cứu như Đại học Mỹ Colorado (Hoa Kỳ), Đại học Memorial of Newfoundland (Canada), Đại học Dầu khí Việt Nam Ploiesti (Rumania), Đại học Quốc gia Pusan (Hàn Quốc), Đại

học New Mexico Tech (Hoa Kỳ), Đại học Montepplier (Pháp). Kết quả đạt được: 8 công bố chung, 02 đề tài nghiên cứu chung, tổ chức 01 hội nghị quốc tế [08.02.05].

Về hợp tác đào tạo: (i) Trong nước: PVU có ký kết hợp tác với 18 đối tác là các doanh nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí, 8 cơ sở giáo dục, 3 viện nghiên cứu. Trong 05 năm, Trường tổ chức được 69 khoá học bồi dưỡng nâng cao cho 22 đơn vị. (ii) Quốc tế: Trường đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép thực hiện chương trình liên kết đào tạo Cao học Công trình biển với TU Delft (Hà Lan) theo quyết định số 3885/QĐ-Bộ GDĐT ngày 13/9/2013 trên cơ sở TTHT giữa hai bên. Tính đến năm 2019, đã có 02 khoá đào tạo cho 36 học viên Cao học, trong số đó đã có 20 học viên nhận bằng Thạc sĩ. Trong 5 năm, Trường cử 5 lượt cán bộ đi học nước ngoài, đã có 3 cán bộ hoàn thành chương trình học và trở về làm việc tại PVU (TCHC); có 6 lượt SV nhận học bổng du học nước ngoài. Trường được đối tác Idemitsu tài trợ 08 suất đi đào tạo thực tế tại Nhật Bản trong các năm 2015, 2016, 2017. Trên cơ sở thoả thuận hợp tác đào tạo giữa JX NOEX và PVU [08.02.06], JX NOEX đã tài trợ 03 khoá đào tạo với 01 tuần tại Việt Nam và 01 tuần tại Nhật Bản trong các năm 2015, 2016 và 2017 cho 15 CBGD của PVU [08.02.06].

Về trao đổi học thuật: Trường có tham gia các hoạt động trao đổi học thuật với các cơ sở giáo dục trong nước như Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Đại học Khao học tự nhiên..., tham gia làm cố vấn, tham dự các buổi nói chuyện chuyên đề tại các doanh nghiệp như NIPI, PVEP.... Đối với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và nghiên cứu quốc tế, Trường thực hiện trao đổi học thuật với Tập đoàn Honey UOP: cử 04 lượt CBGD qua trụ sở của Honeywell tại Hoa Kỳ trong 03 tháng; với Trường UPG: cử 01 CBGD qua Rumania trong 02 tháng; với Trường Đại học Montepplier (Pháp): 01 lượt CBGD trao đổi học thuật trong 01 tháng; với Trường New Mexico Tech (Hoa Kỳ): 01 lượt CBGD qua NMT trong vòng 1,5 tháng [08.02.07].

Về trao đổi GV, người học: (i) Về trao đổi GV: Trong giai đoạn 2014-2019 có hơn 500 lượt GV thỉnh giảng tới từ các doanh nghiệp, trường học, cơ sở nghiên cứu như: Vietsov Pretro, ĐH Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh, Đại học KHXH&NV, Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa.... [08.02.08]. Từ năm 2015 đến năm 2019, Trường đã mời 14 lượt chuyên gia Honeywell UOP sang bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn cho cán bộ GV PVU và giảng dạy cho SV chuyên ngành Lọc Hoá dầu của PVU [08.02.09]. Năm 2018, Trường

cử 01 cán bộ tham gia trao đổi chuyên môn tại Đại học Mỏ Colorado (Hoa Kỳ) trong 01 tháng [08.02.10]. (ii) Về trao đổi người học: tính đến tháng 7/2019, đã có 07 lượt SV được tiếp nhận thực tập nghề nghiệp tại Honeywell UOP trụ sở ở Illinois, Hoa Kỳ. Năm 2018 PVU thiết lập mối quan hệ hợp tác với Công ty Haldor Topsoe (HT, Đan Mạch); tháng 5/2019, HT tiếp nhận 02 SV năm cuối tham gia thực tập để thực hiện đề tài đồ án tốt nghiệp tại Đan Mạch [08.02.11]. Bên cạnh đó, Trường cũng tiếp đón một số đoàn SV tới giao lưu, tham quan cơ sở vật chất của Nhà trường, ví dụ: năm 2016, Trường tiếp đón đoàn đến từ Trường Đại học Putra Malaysia gồm 4 giáo sư, 28 SV [08.02.12], [08.02.13].

Về hợp tác NCKH: (i) Đối với hợp tác trong nước: CBGD của 02 Khoa thực hiện 19 đề tài nghiên cứu chung với các đối tác. Đối với hợp tác quốc tế: thực hiện 03 đề tài chung, có 08 công bố chung với các thành viên đối tác [08.02.13].

Về đồng tổ chức hội nghị/hội thảo: Ngày 27-28/10/2016, Trường đã cùng Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức Hội thảo khu vực về công nghệ hóa học (Regional Symposium on Chemical Engineering - RSCE) diễn ra tại TP Vũng Tàu. Hội nghị này có 180 bài báo cáo và 370 người tham dự, trong số đó, chuyên gia đến từ các nước trong khu vực Đông Nam Á là 142 người (chiếm gần 40%) [08.02.14]. Ngày 19- 21/10/2017, Trường phối hợp với Hội KHKT Ăn mòn & Bảo vệ kim loại VN tổ chức Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 5 với chủ đề “Ăn mòn và Bảo vệ kim loại vì sự phát triển năng lượng - Corrosion and Metal Protection for Energy Development”. Hội nghị thu hút 120 người tham dự là các nhà khoa học trong và ngoài nước (Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc) đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau như dầu khí, hóa học, vật liệu và các ngành công nghiệp nặng..., các lãnh đạo và đơn vị ngành Dầu khí, các cơ sở giáo dục và GV, SV PVU; có 03 lớp chuyên đề song song, 80 báo cáo khoa học được đăng trong kỷ yếu. Đặc biệt, 39 bài báo xuất sắc được lựa chọn đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam [08.02.15]. Ngày 17/8/2018, Trường tổ chức Hội thảo chuyên đề về “Process System and Safety Engineering in Oil and Gas Industry” với sự tham gia của các Giáo sư và SV đến từ trường Đại học Chung-Ang (CAU, Hàn Quốc), có 6 báo cáo của GV, SV của PVU và CAU được trình bày tại Hội thảo [08.02.16].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Đối với chương trình hợp tác đào tạo với TU Delft, Phòng Đào tạo thực hiện đánh giá tính hiệu quả vào năm 2017 [08.03.01]. Đối với chương trình hợp tác Honeywell, TT Bồi dưỡng nâng cao đánh giá sau khi dự án kết thúc [08.03.02].

Định kỳ hàng năm, Phòng ĐN&KHCN rà soát, cập nhật tình hình thực hiện hợp tác và báo cáo Ban Giám hiệu các kết quả đối tác, mạng lưới mang lại và kế hoạch phát triển mối quan hệ. Năm 2014, Phòng có báo cáo về kết quả hợp tác với các đối tác trong nước là các đơn vị trong ngành dầu khí [08.03.03]; và các đối tác nước ngoài như Trường Đại học Sejong (Hàn Quốc), Trường Đại học TU Delft (Hà Lan), Trường Đại học TU-Varna...[08.03.04].

Trong biên bản họp giao ban tháng 6/2017, BGH giao cho Phòng KH-TC đơn đốc các đơn vị xây dựng và hoàn thiện dự thảo các Quy trình phối hợp của từng công việc trong từng Phòng/Khoa/Trung tâm [08.03.04]. Tháng 6/2018, Nhà trường đã ban hành 06 Quy trình phối hợp của Phòng ĐN&KHCN trong đó có quy trình phối hợp đối ngoại, Quy trình phối hợp Triển khai các MOU đã ký [08.04.05].

Đến thời điểm này, Nhà trường chưa phát hiện bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 2015-2018.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Từ năm 2014 đến năm 2018, Nhà trường đã ký kết được 20 MoU MoA với các đối tác trong nước, 18 MoU đã được thực hiện (thực hiện được 90% số MoU đã ký kết); với các đối tác nước ngoài, Trường ký kết và triển khai thực hiện được 18 MoU và thực hiện được 12 MoU [08.04.01]. Trường nhận được 3,280 tỉ khoản tài trợ tiền mặt từ các đối tác là doanh nghiệp trong và ngoài nước; SV Lọc Hoá dầu được tài trợ 15,500 tiền học bổng từ UOP và Haldor Topsoe; năm 2018 được đối tác Baker Hughes tài trợ Phòng Địa cơ với tổng trị giá lên tới 5,5 triệu đô [08.04.02].

Về biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, giai đoạn trước năm 2015, các đối tác của PVU là các nước Đông Âu và Liên Xô cũ, Năm 2016, Trường định hướng chương trình đào tạo ABET nên triển khai hợp

tác với các cơ sở giáo dục tại Hoa Kỳ, Canada (CSM, NMT, TU, MUN, UQTR...). Năm 2018, chương trình đào tạo liên kết với Trường Đại học North Dakota (UDN) ko triển khai được nên Trường đã quyết định dừng và chuyển sang đối tác khác, ký hợp đồng đào tạo liên kết với trường Đại học New Mexico Tech (NMT, Hoa Kỳ) chuyên ngành KKT [08.04.03]. Ngoài ra, Quy chế Quản lý hoạt động đối ngoại của PVU có quy định khen thưởng cho cả những bài báo mà cán bộ của PVU phối hợp với các tác giả bên ngoài Trường, cụ thể: 50% cho tác giả chính, 50% chia đều cho đồng tác giả [08.04.04].

Trong Quy chế sửa đổi bổ sung Quy chế Quản lý hoạt động KH-CN ban hành ngày 17/5/2019, Trường đã bổ sung quy định về chủ nhiệm đề tài cơ sở như sau: “Chủ nhiệm đề tài (CNĐT) có thể là người trong trường hoặc ngoài trường. Trong trường hợp CNĐT là người ngoài trường thì phải có cán bộ trong trường làm đồng chủ nhiệm đề tài.”. Điều này khuyến khích CBGV của Trường có những nghiên cứu chung với các đối tác khác.

Tự đánh giá tiêu chí: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hoạch định rõ kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới trong và ngoài nước;
- Có được các đối tác tiềm năng lớn như Honeywell UOP, Haldor Topsoe, MUN, CSM, UPG...
- Tổ chức hội nghị quốc tế và quốc gia với sự tham dự của đa dạng các đối tác từ các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Công tác rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại chỉ được thực hiện 01 lần trong 05 năm;

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện Công tác rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại	Phòng ĐN&KH-CN	Bắt đầu từ Quý IV/2020	02 năm 01 lần

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>4,75</i>
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	4

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Ngay từ buổi đầu thành lập, với quy mô đào tạo nhỏ, Nhà trường đã giao công tác Đảm bảo chất lượng cho Phòng Đào tạo [09.01.01]. Phòng Đào tạo đã giao nhiệm vụ cho 01 Phó trưởng phòng và 02 chuyên viên của Phòng phụ trách công tác ĐBCL [09.01.02]. Bên cạnh đó, các Khoa/Bộ môn, Phòng và Trung tâm đều giao nhiệm vụ ĐBCL cho 01 cán bộ của đơn vị phụ trách. Tất cả Lãnh đạo và chuyên viên của các đơn vị trong Trường đều được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về công tác ĐBCL [09.01.03]. Trong đó, 03 cán bộ của Phòng Đào tạo (01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 01 chuyên viên) đã có chứng chỉ Kiểm định viên, 01 Phó Hiệu trưởng có chứng chỉ Kiểm định viên và 05 cán bộ các đơn vị khác trong Trường có chứng nhận bồi dưỡng Kiểm định viên [09.01.04].

Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ là đầu mối phối hợp với các đơn vị triển khai các công tác ĐBCL trong từng mảng công việc cụ thể (xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT; tuyển sinh; tổ chức đào tạo; thanh, kiểm tra giảng dạy và học tập; lấy ý kiến SV đánh giá GV, tổ chức đánh giá học phần, trang bị cơ sở vật chất, hỗ trợ người học...) [09.01.01]. Cùng với sự phát triển và yêu cầu của công tác kiểm định chất lượng, ngày 23/11/2018, Trường đã thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng với 21 thành viên. Cơ cấu HĐ gồm có Chủ tịch HĐ (ông Phan Minh Quốc Bình, Hiệu trưởng Nhà trường kiêm Phó Bí thư phụ trách Đảng bộ), Phó Chủ tịch (ông Lê Văn Sỹ, Phó Hiệu trưởng), Thư ký HĐ (Bà Ngô Thu Kiều, Phó Trưởng Phòng Đào tạo) và các thành viên đại diện lãnh đạo của tất cả các đơn vị, tổ chức đoàn thể, người học trong trường. Bên cạnh đó, mỗi đơn vị cử 01 cán bộ chuyên trách công tác ĐBCL của đơn vị, tạo thành một mạng lưới ĐBCL của trường [09.01.05].

Hội đồng ĐBCL *”có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng PVU về các vấn đề liên quan đến công tác ĐBCLGD theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học nhằm duy trì, cải tiến liên tục để nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường phù hợp với Chiến lược phát triển, Chiến lược ĐBCLGD PVU”* [09.01.06].

Nhà trường cũng ban hành Quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức làm việc của HĐ ĐBCL. Trong đó, quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và từng ủy viên trong HĐ, đồng thời quy định rõ HĐ sẽ họp định kỳ 6 tháng một lần. Theo quy định các Ủy viên của HĐ ĐBCL phải chịu trách nhiệm về lĩnh vực ĐBCL của đơn vị mình, cụ thể như rà soát đánh giá để hoàn thiện các hoạt động cũng như các văn bản thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình [09.01.06].

Trước 2018, mạng lưới ĐBCL của Trường có nhiệm vụ phối hợp hoạt động về ĐBCL trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị. Từ 2018, để nâng cao hiệu quả

hoạt động ĐBCL, Chiến lược ĐBCL đã quy định rõ trách nhiệm và yêu cầu phối hợp nội bộ giữa các đơn vị chức năng và các cá nhân trong trường để thực hiện nhiệm vụ ĐBCL [09.01.07].

Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành ngày 19/01/2011 đã xác định công tác Quản lý chất lượng và tiến tới đăng ký kiểm định là nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường. Trong đó chỉ rõ Trường phấn đấu đạt tiêu chuẩn chất lượng cho từng giai đoạn; cập nhật các tiêu chuẩn, văn bản hướng dẫn và quy trình kiểm định chất lượng giáo dục nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý, dịch vụ và chuyển giao công nghệ, đồng thời thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc tế, điển hình là Tiêu chuẩn kiểm định ABET.

Chiến lược phát triển PVU ban hành ngày 24/12/2014 đã xác định kế hoạch hành động với các chính sách quản lý và ĐBCL cụ thể cho giai đoạn từ 2015-2025. Trong đó, xác lập thời gian cụ thể tiến hành kiểm định chất lượng đào tạo của trường và kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn ABET.

Để bắt kịp với nhu cầu và định hướng phát triển của trường thì ngày 06/12/2018, hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Chiến lược và kế hoạch thực hiện Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐHDKVN, giai đoạn năm 2019-2020. Chiến lược này đã nêu rõ tầm nhìn về chất lượng, chính sách về chất lượng, đồng thời đưa ra các giải pháp đảm bảo chất lượng của trường cũng như trách nhiệm đảm bảo chất lượng của từng đơn vị, bộ phận và cá nhân GV, SV trong trường về việc xây dựng văn hoá chất lượng của PVU [09.01.07]. Trên cơ sở nhiệm vụ kế hoạch chung của Trường, Nhà trường giao nhiệm vụ chỉ tiêu cho các đơn vị, trong đó có các nhiệm vụ về ĐBCL. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng hoạt động ĐBCL, từ cuối năm 2018, Nhà trường đã ban hành thêm Kế hoạch ĐBCLGD cho từng học kỳ [09.01.08].

Để hỗ trợ công tác quản lý chung của Nhà trường, trường đã bổ sung Sổ tay Đảm bảo chất lượng, trong đó hệ thống hoá tổng quan chính sách đảm bảo chất lượng của trường, hệ thống đảm bảo chất lượng, quy trình đảm bảo chất lượng, các quy trình quản lý các nguồn nhân lực của trường, chương trình đào tạo, hệ thống đo lường – phân tích – cải tiến các hoạt động của trường, cũng như quy định các công cụ giám sát, đánh giá cải tiến đánh giá các hoạt động liên quan đến quá trình đảm bảo chất lượng [09.01.09].

Tất cả Lãnh đạo và các chuyên viên của Phòng Đào tạo (chuyên trách ĐBCL) đều được tập huấn bồi dưỡng kiến thức về ĐBCL và KĐCL. Toàn bộ CBNV và GV đều được tập huấn kiến thức về ĐBCL và KĐCL. Trong đó có 03 cán bộ chuyên trách Phòng Đào tạo (01 tiến sĩ Trưởng phòng, 01 thạc sĩ Phó trưởng phòng và 01 thạc sĩ chuyên viên) có chứng chỉ kiểm định viên, 02 cán bộ đã có chứng chỉ quản lý giáo dục. 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách ĐBCL có chứng chỉ Kiểm định viên, 05 cán bộ là phụ trách các đơn vị có chứng nhận hoàn thành khóa học Kiểm định viên [09.01.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Chiến lược phát triển Trường năm 2014 đã xác định chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động ĐBCL cho giai đoạn 2015-2025. Trong đó, Trường sẽ thực hiện đánh giá ngoài trong năm 2019 và xây dựng kế hoạch kiểm định CTĐT theo chuẩn ABET, phấn đấu đến năm 2022 có 01-03 chương trình đào tạo đạt chuẩn ABET. Bên cạnh đó, Chiến lược cũng xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực của đội ngũ phụ trách ĐBCL.

Để hoàn thiện công tác ĐBCL của trường thì ngày 06/12/2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Chiến lược và kế hoạch thực hiện Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐHDKVN, giai đoạn năm 2019-2020. Chiến lược này đã xác định các mục tiêu cụ thể như: hoàn chỉnh hệ thống ĐBCL nội bộ, hoàn thành công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, xây dựng chương trình đào tạo theo hướng chuẩn ABET, và thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT theo chuẩn ABET [09.01.07].

Chiến lược phát triển Trường năm 2014 đã xác định các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL như: hoàn thiện hệ thống ĐBCL; hoàn thành KĐCL CSGD; xây dựng Hệ thống **BGĐT và NHCHTNKQ**; đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng dạy; nghiên cứu đề xuất, triển khai đánh giá CTĐT theo chuẩn ABET; tăng cường công tác NCKH; tăng cường hợp tác quốc tế về trao đổi GV và SV; chú trọng bổ sung thu hút đội ngũ GV có trình độ cao; tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo đồng bộ và hiện đại.

Chiến lược ĐBCL 2019-2020, tầm nhìn 2030 đã xác định các chính sách ưu tiên cho công tác ĐBCL như: hoàn thiện hệ thống ĐBCL trên cơ sở chuyên môn hoá nhân sự thực hiện công tác này; rà soát đánh giá mức độ đạt chuẩn của các ngành đang được đào tạo; thực hiện công tác chuẩn bị kiểm định 01-03 CTĐT theo chuẩn ABET; đa dạng hoá nguồn lực tài chính cho ĐBCL; mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐBCL... [09.01.07].

Kế hoạch thực hiện ĐBCL của Nhà trường đã xác định ĐBCL sẽ được ưu tiên lồng ghép và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Nhà trường dựa trên cơ sở nguyên lý cải tiến thường xuyên, liên tục cập nhật các tiêu chuẩn chất lượng của Bộ GDĐT, cam kết cung cấp các CTĐT có chất lượng cao trên nguyên tắc liên tục đổi mới và hội nhập trong đào tạo [09.01.07].

Trong quá trình triển khai xây dựng chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2015-2025, trong đó có mục tiêu chiến lược ĐBCL, PVU đã dựa trên bối cảnh thực tiễn hoạt động của trường và khảo sát ý kiến đóng góp của cán bộ trong trường, của Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Khi xây dựng Chiến lược và kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2018, Nhà trường đã có tổ chức họp lấy ý kiến của tất cả CBNV và GV về Chiến lược ĐBCL [09.02.01]. Bên cạnh đó, Chiến lược cũng được đưa ra thảo luận và thống nhất trong Hội đồng ĐBCL [09.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn về ĐBCL trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025, trọng tâm nhất là hai mục tiêu KĐCL CSGD theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT và KĐCL CTĐT theo định hướng kiểm định theo chuẩn ABET. Sau đó, năm 2018, Nhà trường đã ban hành Chiến lược và kế hoạch thực hiện Chiến lược ĐBCL giai đoạn 2019-2020. Trong đó, tiếp tục khẳng định các mục tiêu trong Chiến lược phát triển Trường về công tác ĐBCL. Để thực hiện được kế hoạch dài hạn trên, Nhà trường đã cụ thể hoá thành các kế hoạch hoạt động hàng năm của các đơn vị, trong đó có mục tiêu, chỉ tiêu các hoạt động liên quan đến ĐBCL. Đến năm 2018, Trường đã ban hành các kế hoạch ĐBCL riêng của từng học kỳ cụ thể. Trong đó, đã quy định rõ ràng và cụ thể các mục tiêu chất lượng từng học kì và mốc thời gian thực hiện cũng như phân công chi tiết các đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp để hoàn thành các mục tiêu [09.01.08].

Các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về công tác ĐBCL kể trên đều được công khai trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản của trường để triển khai đến toàn thể CBNV. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban, các kế hoạch ĐBCL đều được quán triệt để các Trưởng đơn vị nắm rõ, sau đó phổ biến lại và triển khai thực hiện tại đơn vị mình.

Đồng thời, Trường đã tổ chức tốt công tác tập huấn nội bộ về công tác ĐBCL cho cán bộ, GV Nhà trường, riêng năm 2018-2019 có 04 đợt tập huấn được tổ chức, cụ thể như sau [09.01.03]:

- Khoá đào tạo "Kiểm định chất lượng giáo dục đại học và chương trình đào tạo", ngày 26/04/2018;
- Khoá đào tạo "Kỹ năng phân tích tiêu chí, viết báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đại học", ngày 28-29/05/2018;
- Khoá tập huấn "Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục", ngày 13/05/2019;
- Khoá tập huấn về "Nhiệm vụ Tự đánh giá để Kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục Đại học", ngày 22-26/7/2019.

Bên cạnh đó, Nhà trường còn cử nhiều đợt cán bộ tham gia các khoá đào tạo kiểm định viên Kiểm định CLGD tại Trung tâm Khảo thí và đánh giá chất lượng đào tạo [09.01.03].

Trong quá trình hoạt động, để đảm bảo chất lượng cho công tác đào tạo, các hoạt động về ĐBCL được Nhà trường thực hiện thường xuyên, cụ thể như: định kỳ khảo sát lấy ý kiến đánh giá của SV về GV phụ trách học phần [09.03.02]; trực tiếp lấy ý kiến của SV trong buổi đối thoại hàng năm giữa Ban giám hiệu và SV toàn trường [09.03.03]; khảo sát SV về cơ sở vật chất của trường như: phòng thí nghiệm, thư viện [09.03.04] [09.03.05]; khảo sát SV trước khi tốt nghiệp và cựu SV về việc làm, thu nhập và chất lượng đào tạo của trường [09.03.06].

Về công tác quản lý, Nhà trường cũng định kì tổ chức khảo sát CBNV để lấy ý kiến về chế độ làm việc, chế độ lương thưởng, quy chế GV cơ hữu, các chính sách phúc lợi, về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho CBNV.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai

Nhà trường xây dựng một hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống và các quy trình ĐBCL: với bản cứng được lưu tại văn thư của Trường, các văn bản sau khi số hoá thì lưu tại hệ thống phần mềm lưu trữ văn bản PVU office, đồng thời có lưu trữ lại tại các phòng ban liên quan [09.03.01].

Các văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của CSGD được lưu trữ trên hệ thống PVU Office, trên hệ thống lưu trữ của các đơn vị, được thường xuyên cập nhật và tiếp cận dễ dàng. Tất cả các cán bộ, nhân viên và GV đều được cấp quyền truy cập hệ thống văn bản để cập nhật thông tin và thực hiện. [09.04.01].

Năm 2014, sau khi rà soát các mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường 2015-2025, trong đó có các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.

Năm 2016, Trường đã tiến hành rà soát, đánh giá Chiến lược phát triển Trường 2015-2025, trong đó có rà soát đánh giá các kế hoạch và chỉ tiêu liên quan đến ĐBCL.

Năm 2018, để hoàn thiện hệ thống ĐBCL nội bộ, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá lại các hoạt động ĐBCL trước đây [09.02.01]. Trên cơ sở đó, Trường đã thành lập HĐ ĐBCL [09.01.05], ban hành Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược ĐBCL [09.01.08] và công bố sổ tay ĐBCL [09.01.09].

Các chính sách, quy trình và thủ tục ĐBCL được Nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn Trường qua các kênh thông tin: Hệ thống văn bản đi đến PVU Office, Hệ thống Email cá nhân, qua các cuộc họp cấp đơn vị, họp giao ban cấp trường, các buổi sinh hoạt lớp... Tuy nhiên, vẫn còn một số CBNV và SV chưa thực sự quan tâm đến các kế hoạch ĐBCL nên chưa nắm rõ các hoạt động ĐBCL của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD

Chiến lược Phát triển Trường 2015-2025 đã xác định các chỉ tiêu (KPIs) phần đầu chính trong nội dung của Kế hoạch hành động của tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, trong đó có công tác ĐBCL. Ví dụ: năm 2019 Trường sẽ thực hiện công tác Đánh giá ngoài; năm 2022 được công nhận 01-03 CTĐT đạt chuẩn ABET [09.01.07]. Năm 2018, Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược ĐBCL giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn 2030 đã điều chỉnh một số chỉ tiêu phần đầu chính trong Chiến lược Phát triển Nhà trường như: giảm số CTĐT đạt tiêu chuẩn kiểm định ABET (01-02 CTĐT), các CTĐT còn lại đạt chuẩn kiểm định của Việt Nam.

Kế hoạch Chiến lược Phát triển Trường được cụ thể hoá bằng các kế hoạch hàng năm của Trường và các đơn vị. Các kế hoạch này thể hiện chỉ số cụ thể về công tác ĐBCL. Ví dụ: chỉ tiêu về số bài báo khoa học, chỉ tiêu về đào tạo CBGD, số lượng BGĐT & NHCHTNKQ phải hoàn thành trong một năm, các khoá đào tạo kiến thức về ĐBCL và KĐCL... Tuy nhiên, bộ chỉ tiêu chưa được chuẩn hoá một cách chuyên nghiệp.

Trên cơ sở các chỉ tiêu nhiệm vụ được Nhà trường giao cho các đơn vị hàng năm, trong đó có các chỉ tiêu nhiệm vụ liên quan đến công tác ĐBCL, hàng quý/năm, PVU tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tập thể và cá nhân trong toàn Trường dựa vào đối sánh với chỉ tiêu trong kế hoạch.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trong giai đoạn đánh giá, năm 2018, để hoàn thiện hệ thống ĐBCL nội bộ, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá lại các hoạt động ĐBCL trước đây [09.02.01]. Trên cơ sở đó, Trường đã thành lập HĐ ĐBCL [09.01.05], ban hành Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược ĐBCL [09.01.07], công bố sổ tay ĐBCL, trong đó có cải tiến các quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL, cải tiến hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan bằng việc ban hành Quy định lấy ý kiến các bên liên quan [09.01.09].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã một lần rà soát các KPIs và các chỉ tiêu phần đầu chính trong Chiến lược Phát triển Trường 2015-2025 và đã điều chỉnh một số chỉ tiêu về ĐBCL. Trường đã điều chỉnh chỉ tiêu số lượng CTĐT phần đầu đạt chuẩn ABET (trong Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược ĐBCL giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn 2030) từ 01-03 xuống còn 01-02, bổ sung chỉ tiêu đạt chuẩn kiểm định Việt Nam các CTĐT còn lại [09.01.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Chiến lược phát triển của Trường đã hoạch định các kế hoạch ĐBCL dài hạn, đồng thời chiến lược ĐBCL đã xác định rõ các kế hoạch ĐBCL cho toàn trường cũng như chỉ tiêu cụ thể về ĐBCL cho từng đơn vị trong trường.

- Tất cả các CBNV và GV của Trường đều được đào tạo bồi dưỡng về ĐBCL một cách hệ thống và chuyên nghiệp.

- Hệ thống lưu trữ, quản lý các văn bản chính sách, hệ thống quy trình về ĐBCL dễ tiếp cận và được cập nhật thường xuyên, kịp thời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa có quy trình riêng cho việc xây dựng và ban hành các KPIs. Tuy Nhà trường có KPIs nhưng chưa được chuẩn hoá.

- Tuy công tác phổ biến ĐBCL được triển khai khá tốt trong nội bộ trường nhưng vẫn có một số cán bộ và SV trường không quan tâm lắm nên chưa nắm rõ.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng quy trình riêng cho ban hành các KPIs và chuẩn hoá bộ KPIs	P.ĐT	12/2019-01/2020	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường các hoạt động tuyên truyền theo nhiều hình thức khác nhau để phổ biến công tác ĐBCL đến các cá nhân	Các đơn vị trong Trường	Tháng 9/2019	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>4,67</i>
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 ban hành theo Nghị quyết số 1227/NQ-ĐHDK ngày 24/12/2014 và Chiến lược ĐBCL và Kế hoạch thực hiện Chiến lược Đảm bảo Chất lượng của trường Đại học Dầu khí Việt Nam Giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn 2030 theo quyết định số 935/QĐ-ĐHDK ngày 06/12/2018 đã xác định Kế hoạch Đảm bảo chất lượng, trong đó có Kế hoạch KĐCLgiáo dục của trường Đại học Dầu khí Việt Nam theo chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Kế hoạch Đảm bảo chất lượng CTĐT theo chuẩn ABET. Theo đó, tháng 4/2018 Nhà trường thành lập HĐ TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách [10.01.01], và ban hành Kế hoạch tự đánh giá CSGD [10.01.02] trong đó có lộ trình cho các hoạt động tự đánh giá chi tiết và phân công công việc cụ thể cho các đơn vị và cá nhân liên quan. Đồng thời trong Nghị quyết về việc Chấp thuận kế hoạch hoạt động năm 2019 của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU) số 906/NQ-DKVN ngày 20/02/2019 và trong Quyết định về việc giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cho các Phòng/Khoa/Trung tâm thuộc Trường theo quyết định số 87/QĐ-ĐHDK ngày 30/01/2019 cũng xác định các công việc của các đơn vị về công tác KĐCL CSGD. Trên cơ sở đó, Nhà trường đề nghị các đơn vị có kế hoạch phổ biến chủ trương TĐG, và ĐGN đến toàn bộ CBNV và người học trong các cuộc họp giao ban quý từ tháng 6/2018 đến nay. Nhà trường đã cử 51 lượt cán bộ tham gia 04 khóa tập huấn về quản lý giáo dục [10.01.03]; cử 21 lượt CB tham gia khóa đào tạo "Nâng cao năng lực phát triển và quản lý trong tổ chức" và "Xây dựng, quản lý và đánh giá CĐR CTĐT" [10.01.04]; cử 17 lượt CB tham gia các Hội thảo về Tự đánh giá và KĐCL CSGD [10.01.05], cử 9 CB tham gia Khóa đào tạo kiểm định viên chất lượng GDĐH và trung cấp chuyên nghiệp [10.01.06] và cử 02 CB tham gia thực tế quan sát công tác đánh giá ngoài [10.01.07]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã cung cấp tài liệu và tổ chức 8 khóa tập huấn liên quan công tác kiểm định tại trường và 01 khóa tập huấn Công tác lưu trữ cho 311 lượt CBNV GV Trường Đại học Dầu khí Việt Nam tham dự [10.01.08], các nhóm chuyên trách xây dựng BC TĐG, HĐ TĐG rà soát báo cáo và công bố dự thảo BC TĐG, nộp BC TĐG cho PVN và Cục quản lý chất lượng và thực hiện việc ĐGN theo Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng CSGD ban hành

ngày 20/04/2018. Theo kế hoạch tự đánh giá này Nhà trường dự kiến sẽ nộp BC TĐG vào tháng 09/2019.

Chiến lược phát triển của PVU giai đoạn 2015-2025 cũng đã xác định rõ lộ trình thực hiện KĐCL CTĐT theo chuẩn ABET vào năm 2022.

Trong quá trình hoàn thiện HĐ ĐBCL, năm 2018 Nhà trường cũng ban hành Chiến lược ĐBCL, trong đó, vẫn khẳng định lộ trình KĐCL CSGD và CTĐT theo chuẩn ABET trong quyết định ban hành Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược ĐBCL giáo dục của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn 2030 số 935/QĐ-ĐHDK ngày 06/12/2018.

Sau khi Hội đồng TĐG thành lập, Chủ tịch HĐ phân công nhiệm vụ cho các nhóm công tác chuyên trách và ban thư ký và trong Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng CSGD số 284/KH-ĐHDK-ĐT ngày 20/04/2018 đã ban hành kèm theo hướng dẫn TĐG. Trong giai đoạn từ 10/2016 đến tháng 07/2019, Nhà trường đã triển khai 9 khóa tập huấn về kỹ năng TĐG cho toàn bộ CBNV và GV của Trường [10.01.08], cử 9 cán bộ tham gia lớp Kiểm định viên [10.01.06], trong đó có 3 cán bộ nhận được chứng chỉ Kiểm định viên [10.01.09], và cử 89 lượt cán bộ tham dự các hội thảo, hội nghị, tập huấn về KĐCL và nâng cao chất lượng [10.01.03], [10.01.04], [10.01.05].

Nhà trường đã phổ biến Kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài cho toàn thể CBNV, các trung tâm và đoàn thể của Trường và SV thông qua nhiều hình thức khác nhau, như: tổ chức các cuộc họp riêng về công tác TĐG, lồng ghép vào nội dung các cuộc họp giao ban, họp quý và họp tổng kết 6 tháng, họp tổng kết năm; GVCN phổ biến kế hoạch TĐG của Nhà trường tới SV thông qua các buổi họp sinh hoạt lớp [10.01.10]. Ngoài ra, trên trang web của Trường cũng cập nhật các nội dung liên quan TĐG để các bên liên quan khác theo dõi [10.01.11]. Nhằm nâng cao nhận thức của CBNV về tầm quan trọng của công tác KĐCL, Công đoàn và Đoàn thanh niên Trường tổ chức cuộc thi cho toàn thể CBNV tìm hiểu về Trường (đặc biệt hiểu rõ tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa PVU) thông qua việc tổ chức cuộc thi "Ngôi trường tôi yêu" [10.01.12].

Để thực hiện công tác TĐG, Nhà trường có QĐ thành lập HĐ TĐG theo quyết định số 282/QĐ-ĐHDK ngày 20/04/2018 trong đó có phân công một Phó Hiệu trưởng thường trực phụ trách về công tác này và phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận

trong kế hoạch Tự đánh giá chất lượng CSGD số 284/KH-ĐHDK-ĐT ban hành ngày 20/04/2018. Ban Thư ký và Nhóm công tác chuyên trách của HĐ TĐG Trường Đại học Dầu khí Việt Nam được thành lập theo quyết định số 283/QĐ-ĐHDK ngày 20/04/2018. Ban Thư ký có nhiệm vụ tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo BC TĐG. Các nhóm công tác chuyên trách có nhiệm vụ phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng, viết các báo cáo của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. CBNV và GV, người học có nhiệm vụ đóng góp ý kiến cho dự thảo BC TĐG của Nhà trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban, Nhà trường cũng chỉ đạo tất cả các đơn vị và các cá nhân liên quan phải có trách nhiệm hỗ trợ cung cấp thông tin minh chứng cho các nhóm chuyên trách để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo tiến độ.

Nhà trường đã triển khai các bước TĐG theo lộ trình của KH TĐG và dự kiến sẽ triển khai đánh giá ngoài theo đúng kế hoạch vào tháng 10 năm 2019 [10.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Trong quá trình thực hiện công tác TĐG và chuẩn bị cho ĐGN, Nhà trường tổ chức nhiều khoá đào tạo và mời chuyên gia về báo cáo chuyên đề, tư vấn về công tác KĐCL và ĐBCL nhằm nâng cao văn hóa chất lượng trong Trường, giúp CBNV nhận thức đúng về KĐCL, hiểu rõ bản chất, quy trình, cách triển khai tự đánh giá, cập nhật thường xuyên, đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp có liên quan đến giáo dục để vận dụng trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Trường đã tổ chức 9 khóa tập huấn nội bộ Trường về ĐBCL và TGD cho 311 lượt CBNV, GV tham dự do các chuyên gia về ĐBCL giảng dạy [10.01.08].

Nhà trường đã đăng ký Đánh giá ngoài CSGD với Trung tâm KĐCLCSGD thuộc Hiệp Hội các Trường Đại học và Cao đẳng Việt Nam [10.01.13]. Theo lộ trình kế hoạch tự đánh giá đến tháng 10/2019, Trường sẽ tiến hành công tác đánh giá ngoài CSGD.

PVU đã cử cử 9 cán bộ tham gia lớp Kiểm định viên trong đó có 1 Phó Hiệu Trưởng [10.01.06], và đã có 3 cán bộ nhận được chứng chỉ Kiểm định viên [10.01.09], có 11 quyết định cử 89 lượt cán bộ tham dự các hội thảo, hội nghị, tập huấn về KĐCL và nâng cao chất lượng [10.01.03], [10.01.04], [10.01.05] từ tháng 10 năm 2016 đến ngày

13 tháng 06 năm 2019, cử 2 CB tham gia quan sát viên đánh giá ngoài CSGD theo quyết định số 461/QĐ-ĐHDK ngày 13/06/2019 [10.01.07]. Nhà trường đã tổ chức 09 khóa tập huấn về ĐBCL, kỹ năng tự đánh giá cho tất cả thành viên HĐ TĐG CSGD, ban thư ký, các nhóm chuyên trách và CBNV tham dự, trong đó có khóa Tập huấn TĐG của Trung tâm KĐCLgiáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam theo thông tư 12/2017/TT-Bộ GDĐT có chứng chỉ [10.02.01].

Hội đồng TĐG của PVU hiện chưa có thành viên nào có thể kiểm định viên, do từ năm 2017 đến nay Bộ GDĐT chưa tổ chức các cuộc thi cấp thẻ Kiểm định viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Trong quá trình tự đánh giá Nhà trường đã rà soát hoạt động của các phòng, ban, trung tâm và được thể hiện trong các cuộc họp giao ban quý và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ từ tháng 04/2018 đến nay. Các nhóm công tác đã thu thập hồ sơ minh chứng, xác định và phân tích các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động như: chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra; giảng dạy và học tập; kiểm tra và đánh giá người học; các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; tỉ lệ tuyển sinh, nhập học, thôi học, học lại và tốt nghiệp; quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước; tổ chức và các chính sách liên quan các hoạt động phục vụ cộng đồng; các chính sách, quy chế về đào tạo, NCKH; chính sách thu hút nguồn nhân lực...

Trong quá trình TĐG, tất cả các đơn vị của Nhà trường đã tiến hành rà soát các hoạt động của đơn vị mình, kết quả phản ánh những điểm mạnh, những điểm tồn tại của từng đơn vị trong quá trình hoạt động và đã triển khai những kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại đã phát hiện. Các tồn tại có thể khắc phục trong thời gian ngắn được Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo các phòng ban chức năng phối hợp đưa ra phương hướng xử lý kịp thời như: Phòng ĐN và KHCN xây dựng Quy chế Quản lý Tài sản Trí tuệ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam theo quyết định số 371/QĐ-ĐHDK ngày 21/5/2019, Phòng tổ chức ban hành Công bố "Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Đại học Dầu khí Việt Nam" và Ban hành "Sổ tay văn hóa Đại học Dầu khí Việt Nam" theo quyết định số 676/QĐ-ĐHDK ngày 10/9/2018, Công đoàn xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng, phòng đào tạo ban hành Sổ tay

Đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam theo quyết định số 937/QĐ-ĐHDK ngày 06/12/2018, Kế hoạch ĐBCL Học kì II năm học 2018-2019 số 925/KH-ĐHDK-ĐBCL ngày 04/12/2018, Trung tâm TTTV hoàn thiện quy định về bảo mật. Các tồn tại lớn được Nhà trường xây dựng lộ trình điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

Việc cải tiến chất lượng được thực hiện ngay trong quá trình tự đánh giá, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện khắc phục đối với những tồn tại nhỏ và có kế hoạch khắc phục những tồn tại lớn. Đồng thời, Nhà trường cũng có kế hoạch cải tiến theo lộ trình đề xuất.

Sau quá trình tự đánh giá, HĐ TĐG đã tổ chức 04 cuộc họp nhằm cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau TĐG, các báo cáo này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBNV và các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD

Ngay trong quá trình thực hiện PVU đã rà soát các hoạt động của các đơn vị, đề cập thời điều chỉnh để phân công lại nhân sự, phân công công việc cho các thành viên trong hội đồng, cho các nhóm chuyên trách như kiện toàn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho Ban Thư ký, Trưởng nhóm công tác và các thành viên ban chuyên trách [10.04.01].

Ngay sau công tác TĐG được hoàn tất, trên cơ sở tổng hợp các ý kiến góp ý về tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài, Nhà trường đã tiến hành họp đề rà soát, đánh giá quy trình TĐG (kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm trong HĐ TĐG, quy trình thực hiện, cách thức thực hiện, xử lý kết quả) để chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD [10.04.02]. Cụ thể: theo quy trình TĐG CSGD chỉ có kế hoạch bồi dưỡng tập huấn "KĐCL giáo dục đại học và chương trình đào tạo" cho 58 CBNV, GV theo quyết định 289/QĐ-ĐHDK ngày 24/4/2019. Tuy nhiên trong quá trình viết dự thảo BC TĐG, Nhà trường nhận thấy cần bổ sung thêm 02 khóa tập huấn về Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục cho 24 CBNV theo quyết định số 319 và 320/QĐ-ĐHDK ngày 08/5/2019 và cử 47 CBNV tham gia khóa đào tạo "Kỹ năng phân tích tiêu chí, viết BC TĐG KĐCL giáo dục đại học" theo quyết định số 356/QĐ-ĐHDK ngày 24/5/2019 [10.01.08]

để các nhóm chuyên trách hiểu sâu về nội hàm các tiêu chuẩn, tiêu chí và mốc chuẩn, góp phần nâng cao chất lượng BC TĐG.

Sau quá trình triển khai TĐG, Nhà trường đã tổ chức họp HĐ TĐG và các đơn vị toàn trường, phân tích các hoạt động của Nhà trường và đề xuất các biện pháp cải tiến, sửa đổi nhằm giảm thiểu tối đa các tồn tại và đưa ra kế hoạch chi tiết cho ĐGN vào tháng 10/2019 [10.04.03]. Đầu tháng 8/2019, Nhà trường đã ban hành kế hoạch chi tiết để thực hiện tốt công tác chuẩn bị ĐGN [10.04.04].

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đã cử 01 Phó hiệu trưởng và 01 cán bộ phụ trách công tác ĐBCL tham dự với tư cách quan sát viên tại trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu vào tháng 07/2019 [10.01.07], đã cử 17 lượt CBNV tham dự 4 Hội thảo về ĐBCL, KĐCLGD từ tháng 09/2018 đến tháng 04/2019 [10.01.05] nhằm trao đổi với các trường bạn đã thực hiện đánh giá ngoài để học hỏi kinh nghiệm, trao đổi với các chuyên gia đến từ các Trung tâm kiểm định cũng như tổ chức họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong và ngoài PVU.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Toàn bộ CBNV đều được tham gia ít nhất 1 trong các khóa tập huấn kiến thức về KĐCL và TĐG.

- Có hình thức sáng tạo để phổ biến về công tác TĐG thông qua cuộc thi cho toàn thể CBNV tìm hiểu về Trường.

- Công tác ĐBCL đã được xác định ngay trong chiến lược phát triển của trường từ năm 2014 và củng cố vào chiến lược đảm bảo chất lượng năm 2018.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa đáp ứng có ít nhất 01 cán bộ có thể kiểm định viên và chưa đủ 05 cán bộ có chứng chỉ kiểm định chất lượng.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cán bộ hoàn thiện chứng chỉ Tin học để được cấp chứng chỉ KDCL	Cán bộ liên quan	08/2019	
		Cán bộ đủ điều kiện chuẩn bị thi để lấy thẻ Kiểm định viên	Cán bộ liên quan	09/2019	
2	Phát huy điểm mạnh 1 (nếu có)	Đưa vào kế hoạch đào tạo hàng năm về công tác ĐBCL	Tổ ĐBCL	08/2019	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	4,6
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	3
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Kể từ khi thành lập trường 2010 đến năm 2014, mặc dù chưa có kế hoạch dài hạn xây dựng hệ thống thông tin, Trường đã từng bước xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong dựa theo báo cáo tư vấn tổng thể Trường Đại học Dầu khí Việt Nam. PVU đã đầu tư hệ thống quản trị thông tin tương đối hoàn chỉnh gồm phần mềm quản lý đào tạo Thiên An, phần mềm thi trắc nghiệm Thiên An, cổng thông tin PVU ESC, phần mềm kế toán Bavo, phần mềm quản lý văn bản eDoc [11.01.01].

Đến năm 2014, PVU ban hành Chiến lược phát triển của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 để phù hợp với tình hình thực tế với mục tiêu xây dựng hệ thống quản trị thông tin có khả năng cung cấp thông tin chiến lược nhanh chóng, kịp thời để xây dựng các chiến lược nhằm tăng cường chất lượng đào tạo, NCKH. Tin học hóa quy trình quản lý thông tin, đảm bảo thực hiện hiệu quả các chức năng bao gồm: thu thập thông tin, xử lý thông tin, lưu trữ, tra cứu, tính toán, và phân phát thông tin [04.01.01].

Dựa trên Chiến lược phát triển 2015-2025 ở trên, trong năm 2014, PVU đã ban hành kế hoạch xây dựng hệ thống quản trị thông tin phục công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản trị của Nhà trường 2015-2025 [11.01.02]. Kế hoạch đã đánh giá lại các phần mềm đã (phần mềm quản lý đào tạo Thiên An, phần mềm thi trắc nghiệm Thiên An, cổng thông tin PVU ESC, phần mềm kế toán Bavo, phần mềm quản lý văn bản eDoc) và đề xuất các giải pháp, lộ trình để kiện toàn hệ thống quản lý thông tin để phục vụ hiệu quả hoạt động của Trường. Kiến trúc của hệ thống quản lý thông tin là hệ thống quản lý thông tin tích hợp, trong đó gồm nhiều phân hệ khác nhau để quản lý thông tin ở các mảng tương ứng như: quản lý đào tạo quản lý các thông tin về đào tạo, quản lý văn bản nội bộ, hệ thống Elearning Các phân hệ này có thể tương tác, trao đổi dữ liệu với nhau để cung cấp các thông tin tổng thể về hoạt động của Nhà trường.

Đến năm 2017, PVU đã đánh giá lại hiện trạng và xây dựng kế hoạch nâng cấp tổng thể hệ thống CNTT giai đoạn 2018-2020 để phù hợp với yêu cầu đào tạo thực tế [11.01.03].

Trong kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin giai đoạn 2015-2025 đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị [11.01.02].

- Phòng Đào tạo: là đơn vị tham gia xây dựng các phân hệ liên quan đến nghiệp vụ đào tạo cung cấp các yêu cầu nghiệp vụ về nâng cấp, bổ sung các chức năng liên quan đến mảng công việc của mình.

- Phòng ĐN&KHCN: là đơn vị tham gia xây dựng các phân hệ liên quan đến nghiệp vụ quản lý hoạt động đối ngoại, và các hoạt động nghiên cứu khoa học để bổ sung các chức năng liên quan đến mảng công việc của mình.

- Phòng Kế hoạch tài chính: tham gia cung cấp các yêu cầu để nâng cấp phần mềm kế toán Bravo, và phân hệ quản lý học phí

- Phòng Tổ chức hành chính: tham gia cung cấp các yêu cầu về quản lý nhân sự, tiền lương, nghỉ phép, đánh giá cán bộ....

- Phòng Quản trị thiết bị và dự án: cung cấp các yêu cầu về quản lý quản lý thiết bị, dự án

- Khoa Dầu khí và Khoa khoa học cơ bản: cung cấp các yêu cầu về hệ thống quản trị học tập trực tuyến

- Trung tâm Thông tin Thư viện: cung cấp yêu cầu về nghiệp vụ quản lý thư viện. Là đơn vị chủ trì xây dựng các giải pháp kỹ thuật để triển khai các giải pháp CNTT bao gồm cơ sở hạ tầng CNTT và các hệ thống phần mềm nghiệp vụ.

- Ngoài ra, căn cứ và chức năng nhiệm vụ của mình, Trung tâm TT-TV là đơn vị chủ trì quản lý, vận hành thống nhất hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin của Trường vận hành thông suốt, hướng dẫn sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông cho CBNV, GV và SV của Trường. Các phòng ban liên quan sẽ thực hiện cho các mảng công việc đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Ngay từ khi thành lập trường để đảm bảo chất lượng đào tạo và quản trị, Nhà trường đã đầu tư hệ thống quản lý thông tin tích hợp ĐBCL như phần mềm quản lý đào tạo Thiên An, phần mềm thi trắc nghiệm Thiên An, cổng thông tin PVU ESC, phần mềm kế toán Bavo, phần mềm quản lý văn bản eDoc [11.01.01]. Đến năm 2014, PVU đã ban hành kế hoạch xây dựng hệ thống quản trị thông tin phục công tác giảng dạy, nghiên

cứu và quản trị của Nhà trường giai đoạn 2015-2025 để phù hợp với tình hình thực tế[11.01.02]. Trong đó giải pháp được chia ra 03 nhóm:

- Về cơ sở hạ tầng CNTT: cần có hệ thống Server máy chủ với 10 máy chủ để host các dịch vụ CNTT, trong đó có 01 máy là nhiệm vụ proxy Server và 01 máy là DNS server.

- Hệ thống mạng LAN cần được quản lý theo các khu vực chức năng và NAS để đảm bảo an ninh mạng. Có ít nhất 02 đường truyền để backup và cân bằng tải với tổng băng thông tối thiểu là 80Mb. Hệ thống Wifif cũng trang bị đầy đủ khu vực làm việc và học tập để cán bộ và sinh viên có thể truy cập miễn phí.

- Về đảm bảo an ninh mạng: Trang bị hệ thống tường lửa để chống lại các cuộc tấn công mạng và các truy trái phép và các hệ thống phần mềm để giám sát mạng. Hệ thống, thiết bị backup dữ liệu để đảm bảo dữ liệu có thể khôi phục khi các sự cố xảy ra.

- Về giải pháp phần mềm: Hệ thống thông tin tích hợp với nền tảng là hệ thống quản lý đào tạo tích hợp sẽ quản lý các thông tin về các hoạt động của Nhà trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý tài sản. Trong đó, phần mềm quản lý chất lượng đào tạo và NCKH sẽ quản lý các thông tin tổng hợp của các hoạt động của Nhà trường, cung cấp một bức tranh tổng thể giúp lãnh đạo ra các quyết định chiến lược. Đối với các phần mềm riêng lẻ không thể tích hợp như một phân hệ của phần mềm tích hợp, thì cần xây dựng các dịch vụ Web Service để các phần mềm có thể trao đổi thông tin.

- Về giải pháp con người: Trung tâm TT-TV là đơn vị chủ trì xây dựng các giải pháp CNTT và Phòng đào tạo và các đơn vị liên quan tham gia vào các mảng công việc liên quan đến đơn vị của mình.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

PVU đã triển khai được hệ thống thông tin ĐBCL để hỗ trợ công tác quản trị và ra quyết định trong các lĩnh vực công tác của Trường [11.02.01]. Cụ thể:

- Về đào tạo: quản lý thông tin lý lịch sinh viên, kết quả học tập, phổ điểm theo lớp, khóa, ngành, thời khóa biểu học và thi, phân công giảng dạy và thi, khối lượng

giảng dạy, thông tin về giảng viên thỉnh giảng, nghỉ dạy và dạy bù, quản lý thi trắc nghiệm, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, điều kiện tốt nghiệp, thông tin tốt nghiệp...

- Quản lý nhân sự: quản lý các thông tin về lý lịch, học vị, kinh nghiệm công tác.....

- Quản lý tài sản: quản lý thông tin về tài sản, khấu hao...

- Quản lý thư viện: biên mục tài liệu, việc mượn trả, các thông kê về tài liệu, thông tin về lưu thông.....

- Quản lý tài chính: các thông tin về tài chính

- Quản lý KHCN: đề tài khoa học, bài báo khoa học, quá trình xét duyệt

- Quản lý văn bản: lưu trữ, luận chuyển chuyển văn bản, chỉ đạo, điều hành từ xa, giao việc theo dõi tiến độ

- Hệ thống Office 365: lưu trữ chia sẻ dữ liệu trực tuyến, khảo sát thông tin, biên mục thông tin sử dụng các công cụ soạn thảo văn bản

Các phần mềm này (trừ Office 365) được triển khai trên các Server của PVU và truy cập thông qua mạng LAN của Trường và mạng Internet [11.02.01].

Hệ thống thông tin của PVU có thể kết xuất nhiều loại báo cáo khác nhau giúp lãnh đạo có cái nhìn tổng quan về các hoạt động của Trường để ra các quyết định chiến lược [11.02.01], như:

- Về đào tạo và quản lý sinh viên: thống kê sinh viên theo độ tuổi, thống kê xếp loại tỷ lệ sinh viên lớp, niên khóa; kế hoạch giảng dạy; các thống kê về khảo sát sinh viên, giảng viên; kế hoạch giảng dạy, thống kê xếp loại học kỳ, phổ điểm, khối lượng giảng dạy... [11.02.02].

- Về nghiên cứu khoa học: Thống kê bài báo khoa học toàn trường, theo năm, theo khoa; thống kê đề tài khoa học toàn trường, theo năm, theo khoa; thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học của từng cán bộ [11.02.02].

- Về cán bộ, giảng viên: báo cáo về khối lượng giảng dạy của từng các bộ, thống kê cán bộ viên chức theo ngạch- trình độ - thâm niên... [11.02.02].

- Về quản lý thông tin: phần mềm quản lý văn bản, cho phép truyền tải thông tin chính xác, kịp thời đúng đối tượng theo các cơ chế phần mềm, cùng với chức năng bút phê, giao việc, nhắc việc. Các thống kê, lịch sử truy cập, xử lý giúp lãnh đạo giám sát việc thực hiện công việc [11.02.02].

- Về nguồn học liệu: thống kê về danh mục và đầu sách, cho phép thống kê và

ngôn ngữ, học phần, lĩnh vực... [11.02.02].

- Về tài chính: cung cấp các thông tin về tình hình chi tiết tài chính, các chỉ số kế hoạch tài chính... [11.02.02].

- Về thiết bị, tài sản: thống kê về số lượng, tình trạng tài sản... [11.02.02].

- Về các hoạt động khác (công đoàn, đoàn thanh niên): các báo cáo thống kê được xây dựng bằng bộ phần mềm Office 365 và được lưu trữ trên hệ thống máy tính cá nhân và hệ thống lưu trữ trực tuyến OnDrive... [11.02.02].

- Về lưu trữ, chia sẻ thông tin: ngoài các CSDL được lưu trên hệ quản trị CSDL chuyên dụng (MS Sql Server) [11.02.01], dữ liệu có thể lưu trữ và chia sẻ trực tuyến trên hệ thống OneDrive với dung lượng 1000TB cho mỗi tài khoản. Các công cụ soạn thảo văn bản Office 365, giúp thu thập, tổng hợp, xử lý và lập các báo cáo từ các thông tin kết xuất trên phần mềm để đáp ứng yêu cầu thực tế về định dạng, loại dữ liệu [11.02.02].

Hệ thống thông tin của PVU sử dụng hệ quản trị dữ liệu chuyên dụng là MS SQL Server để quản lý cơ sở dữ liệu. Đối với phần mềm quản lý đào tạo tích hợp các phân hệ về quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý nghiên cứu khoa học... được lưu trữ trên 01 CSDL và được vận hành trên 01 Server. Những phần mềm khác như phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm kế toán Bravo được vận hành trên các CSDL khác nhau. Khi cần truy xuất các thông tin phục vụ công tác đánh giá, thông tin có thể truy xuất một cách nhanh chóng thông qua hệ thống phần mềm [11.02.01]. Cụ thể: phần mềm quản lý đào tạo tích hợp cung cấp thông tin hoạt động đào tạo, NCKH, nhân sự; phần mềm thi trắc nghiệm cung cấp các thông tin về kiểm tra, ngân hàng câu hỏi; phần mềm quản lý thiết bị cung cấp thông tin về thiết bị của Nhà trường; phần mềm kế toán Bravo cung cấp thông tin về tài chính, kế toán; phần mềm quản lý thư viện tích hợp cung cấp thông tin về nguồn học liệu của Trường; phần mềm xử lý văn bản nội bộ quản lý các văn bản nội bộ của Trường, cung cấp các thông tin về cơ chế, chính sách, quy định...Ngoài ra, các thông tin còn lưu trữ trên hệ thống OneDrive của Microsoft Office 365 giúp người sử dụng có thể truy cập mọi lúc mọi nơi với máy tính có kết nối mạng.

Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của PVU được triển khai trên hạ tầng CNTT với nhiều biện pháp đảm bảo an toàn và bảo mật cho hệ thống [11.02.01]:

- Về hệ thống Server: phần mềm được triển khai trên hệ thống Server quản lý bởi

Trung tâm TT-TV. Các Server được đặt trong phòng máy chủ tầng 06 của tòa nhà, với hệ thống điều hoạt động 24/24. Máy thiết bị lưu điện UPS có thể cung cấp điện cho Server khoảng 60 phút, giúp tránh các vấn đề liên quan đến nguồn điện không ổn định.

- Về bảo mật mạng: hệ thống mạng LAN được quy hoạch thành các khu vực chức năng khác nhau. Kết nối từ ngoài và mạng LAN và ngược lại thông qua một tường lửa X để kiểm soát. Thiết bị này có tính năng IPS, Anti-virus kiểm soát port được truy cập vào hệ thống..... Các thiết bị NAS và SAN với dung lượng 12TB được sử dụng để sao lưu dữ liệu, để đảm bảo dữ liệu được phục hồi khi sự cố xảy ra. PVU cũng triển khai thiết bị cân bằng tải là Router Vigor giúp cho việc truy cập Internet được ổn định với hai được truyền có tổng băng thông là 85000KB. Các Wifi của Nhà trường cũng được thiết lập password để truy cập.

- Về bảo mật lớp ứng dụng: các phần mềm của PVU được cơ chế xác thực và phân quyền. Mỗi cán bộ được cung cấp tài khoản để đăng nhập các phần mềm với quyền truy cập được thiết lập phù hợp cho từng cán bộ. Một số phần mềm cần tính bảo mật cao như phần mềm kế toán, hay phần mềm quản trị thông tin đào tạo thì chỉ được sử dụng trong mạng LAN của Trường. Ngoài ra, một số phần mềm như phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm Elearning có lưu lại vết truy cập, giúp truy lại lịch sử truy cập khi cần thiết.

- Hàng năm Trung tâm TT-TV thực hiện việc bảo trì hệ thống Server và các thiết bị mạng trọng yếu để kiểm tra các sự cố liên quan và thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo an ninh hệ thống [11.02.03].

- Nhân sự trung tâm TT-TV cũng nằm trong nhóm phối hợp ứng cứu các sự cố an ninh an toàn mạng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam [11.02.04]. Khi nhận được các thông báo từ Tập đoàn, PVU thực hiện các rà soát theo hướng dẫn để đảm bảo an toàn cho hệ thống [11.02.05].

PVU đã ban hành Quy định Quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống CNTT của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam quy định rõ Trung tâm TT-TV là đơn vị quản lý mạng PVU và cáo báo định kỳ hàng năm với Ban giám hiệu về tình hình hoạt động của mạng và các vấn đề phát sinh; các đơn vị và cá nhân thuộc PVU có trách nhiệm khai thác, bảo vệ mạng đơn vị và mạng PVU [11.02.06]. Văn bản này đã được đưa lên phần mềm Cổng thông tin của Trường [11.02.07]. Trung tâm TT-TV cũng thông báo đến cán bộ PVU khi có các nguy cơ về an ninh thông tin xảy ra [11.02.08].

Cơ quan chủ quản PVN, thường xuyên gửi các thông báo về các sự cố CNTT về các đơn vị thuộc tập đoàn trong đó có PVU để đề phòng và xử lý các nguy cơ, sự cố về an ninh mạng và an toàn thông tin. Khi tiếp nhận các thông báo này, Trung tâm TT-TV thực hiện rà soát, thông báo cho cán bộ nhân viên của Trường [11.02.08], và thực hiện các báo cáo về kết quả thực hiện lên Tập đoàn [11.02.05].

Khi triển khai các dịch vụ CNTT mới, Trung tâm TT-TV cũng tổ chức các buổi tập huấn giới thiệu các tính năng của phần mềm, trong đó các vấn đề về bảo mật cũng được nhấn mạnh trong quá trình tập huấn. Cụ thể: tập huấn về sử dụng phần mềm quản lý văn bản 2016, tập huấn về sử dụng hệ thống Office 365 2018, Giới thiệu về sử dụng phần mềm quản lý tích hợp 2019 [11.02.09].

Ngoài ra, để sinh viên Nhà trường nắm bắt được các quy định về bảo mật hệ thống thông tin PVU, hàng năm trong tuần lễ sinh hoạt công dân, Trung tâm TT-TV thực hiện các buổi tập huấn cho sinh viên về các quy định sử dụng và khai thác hệ thống CNTT của PVU.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Hàng năm, PVU tiến hành rà soát, bảo trì và đề xuất đầu tư, nâng cấp các thành phần của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong để phù hợp với yêu cầu thực tế, phục vụ công tác quản trị:

Rà soát hệ thống quản lý thông tin		
Năm	Nội dung rà soát	Ghi chú
2015	Rà soát nghiệp vụ xử lý, luân chuyển văn bản nội bộ Rà soát công cụ hỗ trợ quản lý Thư viện	Làm việc với BGH [11.03.01] và đưa kết quả rà soát hệ thống quản lý thư tin vào báo cáo tổng kết cuối năm của TTTV[07.03.03]
2016	Công cụ hỗ trợ trao đổi, chia sẻ, lưu trữ thông tin.	Thực hiện trao đổi với BGH và nhà cung cấp [11.03.02] Và thực hiện đề xuất sử dụng hệ thống Office 365 trong báo cáo tổng kết cuối năm của TTTV[07.03.03]
	Giải pháp CNTT hỗ trợ quản lý các hoạt động của Nhà trường, mời các nhà cung cấp trình bày giải pháp [11.03.03]	Tiếp tục làm việc với các nhà cung cấp để chọn phương án phù hợp nhất [07.03.03]

2017	Giải pháp CNTT hỗ trợ quản lý các hoạt động của Nhà trường thông qua tổ chức họp lấy ý kiến các đơn vị liên quan và mời nhà cung cấp trình bày giải pháp [11.03.04]	Trung tâm TTTV đề xuất đưa kế hoạch nâng cấp hệ thống thông tin vào kế hoạch năm 2018, 2019, 2020 [07.03.03]
2018	Rà soát phần mềm quản trị đào tạo để nâng cấp dựa trên các giải pháp nâng cấp tổng thể hệ thống CNTT PVU cho năm 2018 (giai đoạn 1) [11.03.05]	Đề triển khai nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo trong kế hoạch 2018 (giai đoạn 1)
2019	Rà soát phần mềm quản trị đào tạo để nâng cấp dựa trên các giải pháp nâng cấp tổng thể hệ thống CNTT PVU cho năm 2019 (giai đoạn 2) [11.03.06]	Đề triển khai nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo trong kế hoạch 2019 (giai đoạn 2)

Về thông tin quản lý:

Trong năm 2015, Trung tâm TT-TV thực hiện rà soát về công cụ hỗ trợ xử lý văn bản theo chỉ đạo của BGH [11.03.01]. Trong báo cáo tổng kết cuối năm của Trung tâm TT-TV trình lên BGH [07.03.03], các thông tin được đề xuất bổ sung cho phần mềm xử lý văn bản gồm: các thông tin về lịch sử xử lý, thời gian xử lý, các thông tin về giao việc.... Công cụ quản trị nguồn học liệu cũng được rà soát và đã đề xuất đầu tư phần mềm quản lý thư viện tích hợp để quản lý các thống kê về tài liệu, thông tin mượn trả sách [07.03.03].

Năm 2016, hệ thống thông tin PVU cũng được rà soát. Các thông tin cần được bổ sung như quản lý thời khóa biểu, các thống kê về khối lượng giảng dạy của giảng viên, các báo cáo về nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên [11.03.03].

Trong năm 2017, hệ thống thông tin PVU tiến hành rà soát lại một lần nữa hệ thống thông tin PVU [11.03.04] để xây dựng kế hoạch tổng thể nâng cấp hệ thống thông tin PVU giai đoạn 2018-2020 trong cùng năm [11.01.03].

Trong năm 2018, trước khi thực hiện kế hoạch nâng cấp phần mềm đào tạo giai đoạn 01, PVU cũng tổ chức họp để lấy ý kiến của các bên liên quan về các thông tin cần bổ sung nâng cấp [11.03.05]. Các thông tin được thống nhất bổ sung cập nhật là các báo cáo về khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên, lịch giảng dạy và lịch coi thi của giảng viên, các báo cáo về kết quả xét tốt nghiệp, tiền tốt nghiệp....

Trong năm 2019, trước khi thực hiện kế hoạch nâng cấp phần mềm đào tạo giai đoạn 01, PVU cũng tổ chức họp để lấy ý kiến của các bên liên quan về các thông tin cần bổ sung nâng cấp [11.03.06]. Các thông tin được thống nhất bổ sung cập nhật là thông

tin đảm bảo chất lượng bên trong, các báo cáo về tuyển sinh, quản lý nhân sự, nghỉ phép, đánh giá, quản lý tài sản, thông tin về đối ngoại...

Về hạ tầng CNTT:

Trong năm 2015, Trung tâm TT-TV đã tiến hành rà soát các hệ thống Server của Trường, trong đó có nhận thấy một số phần mềm Windows Server sử dụng bản dùng thử, vận hành không ổn định. Trung tâm đã đưa kết quả rà soát và đề xuất vào các báo tổng kết cuối năm của Trung tâm để trình lên BGH [07.03.03].

Trong năm 2016 đã làm việc với FPT để rà soát hạ tầng mạng CNTT của PVU [11.03.07] và xây dựng đề xuất nâng cấp hạ tầng mạng PVU với tổng chi phí 1.246.581.050 VNĐ, trong đó gồm các nội dung về nâng cấp hệ thống Wireless, Access Point, Firewall... [11.03.08]. Cũng trong cùng năm, Trung tâm TT-TV cũng thực hiện rà soát lại các đề xuất của FPT và kết quả được đưa vào báo cáo cuối năm của Trung tâm để trình lên BGH [07.03.03].

Trong năm 2017, hạ tầng CNTT cũng được rà soát [11.03.04], đồng thời cũng đề xuất giải pháp, lộ trình (2018-2020) và chi phí (2,3 tỷ VNĐ) để thực hiện nâng cấp, gồm nâng cấp Server và hệ thống mạng LAN để nâng cao tốc độ truyền tải và giám sát an ninh mạng [11.01.03].

Trong năm 2018, Trung tâm TT-TV đã thực hiện rà soát hệ thống Wifi của PVU dựa trên các phản hồi của người dùng. Kết quả rà soát được báo cáo cuối năm của Trung tâm [07.03.03] với đề xuất là thay thế các thiết bị Wifi ở các tầng của tòa nhà PVU.

Về chính sách, quy trình:

Trong năm 2019, Trung tâm TT-TV cũng tiến hành rà soát quy định quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống CNTT của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [11.03.09] để phù hợp với tình hình thực tế khi nguy cơ về an ninh mạng và an toàn thông tin càng tăng cao trong những năm qua. Đặc biệt, các kịch bản để xử lý các tình huống bị tấn công mạng chưa được chú trọng và chuẩn bị đầy đủ để đối phó với các sự cố.

Trong năm 2017, trước khi chính thức triển khai chính thức phần mềm xử lý văn bản mới, Trung tâm thông tin thư viện đã tiến hành lấy ý kiến người sử dụng [11.03.10] về phiên bản dùng thử được triển khai năm 2016 [11.03.11]. Các ý kiến về các bất tiện khi login (không có chức năng remember), không xem được lược sử dụng, không sử

dụng được với điện thoại, không có chức năng tìm kiếm... đã được ghi nhận và đưa vào yêu cầu kỹ thuật của phần mềm để thực hiện gói thầu triển khai phần mềm [11.03.12].

Cũng trong năm 2017, PVU triển khai họp để lấy ý kiến [11.03.04] để xây dựng kế hoạch nâng cấp hệ thống thông tin cho giai đoạn 2018-2020. Các ý kiến về bổ sung thông tin về kế hoạch giảng dạy, khối lượng giảng dạy, thông tin về quản lý khoa học... đã được đưa và kế hoạch nâng cấp tổng thể [11.01.03]. Trong năm 2018, khi triển khai hệ nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo giai đoạn 01, các ý kiến này được đưa vào yêu cầu kỹ thuật của gói thầu tương ứng [11.03.13].

Trong năm 2019, PVU cũng tiến hành họp lấy kiến các đơn vị liên quan cho nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo giai đoạn 02 [11.03.06]. Các yêu cầu nâng cấp phần mềm thi trắc nghiệm, bổ sung phân hệ quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, thông tin quản lý về đối ngoại... đã được ghi nhận và đưa vào yêu cầu kỹ thuật của gói thầu nâng cấp phần mềm đào tạo tích hợp cho giai đoạn 02 [11.03.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Về phần mềm nghiệp vụ:

Trong năm 2016, việc phần mềm quản lý thư viện được triển khai đã giúp việc quản lý thông tin và trích xuất các báo cáo về nguồn học liệu của Thư viện thuận tiện để hỗ trợ việc xây dựng các kế hoạch liên quan [11.04.01].

Trong năm 2017, sau khi triển khai phần mềm xử lý văn bản, lãnh đạo trường có thể điều hành, giao việc và giám sát công việc từ xa. Các văn bản, cũng được lưu trữ thống nhất về các cơ chế phân quyền truy cập theo chức năng nhiệm vụ của các bộ [11.04.02]. Cũng trong năm này, hệ thống Office 365 cũng được triển khai giúp cho việc trao đổi và biên tập thông tin được hiệu quả với các phần mềm bản quyền như Outlook, Microsoft Word, Excel, Skype for Business, và OneDrive (1000TB) [11.04.03].

Trong năm 2018 và 2019, PVU cũng tiến hành nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để cập nhật, bổ sung các thông tin mới như thời khóa biểu, khối lượng giảng dạy của giảng viên, nghiên cứu khoa học, thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong.... [11.04.04].

Về hạ tầng CNTT:

Trong năm 2016, PVU đã đầu tư 04 phần mềm Windows Server để thay thế các phần mềm dùng thử để nâng cao tính ổn định và bảo mật. Năm 2017, thiết bị tường lửa chuyên dụng và hệ thống quản lý sao lưu cũng được đầu tư điểm nâng cao an ninh mạng và an toàn dữ liệu của hệ thống. Từ đó đến nay, PVU chưa bị tấn công mạng cũng như xảy ra sự cố mất mát dữ liệu. Năm 2018, 01 thiết bị Server được đầu tư để nâng cao tính đáp ứng của các dịch vụ CNTT. Các ứng dụng Web chạy nhanh hơn và có khả năng host nhiều dịch vụ hơn. Tính đến tháng 08/2019, PVU cũng đã thay thế 06 thiết bị Wifi ở các khu vực làm việc và học tập của toàn nhà PVU để tín hiệu ổn định phục vụ miễn phí cán bộ và sinh viên của Trường [11.04.05].

Trong năm 2019, quy định quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống Công nghệ thông tin của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam được rà soát bổ sung để phù hợp với tình hình mới khi nguy cơ mất an ninh mạng và an toàn dữ liệu ngày càng cao [11.04.06]. Cụ thể, quy định đã bổ sung các nội dung về bảo trì hệ thống mạng, máy chủ với yêu cầu cần bảo trì hệ thống mạng và các Server 02 lần 01 năm để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt và phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến hạ tầng. Các kiến nghị cũng cần được đề xuất trong báo cáo để lãnh đạo Trung tâm TT-TV xem xét và báo cáo lên BGH hoặc đưa vào kế hoạch năm để đầu tư, nâng cấp hệ thống.

Ngoài ra, các kịch bản để xử lý sự cố tấn công mạng cũng được bổ sung để đảm bảo an ninh mạng và an toàn dữ liệu. Kịch bản có phân loại các nguy cơ theo các chủ đề khác nhau với các dấu hiệu nhận biết, mức độ ảnh hưởng và các bước ngăn ngừa, các các biện pháp khắc phục khi các sự cố xảy ra.

Hệ thống thông tin PVU được cải tiến đã cung cấp thêm các thông tin tổng thể về các hoạt động của PVU cũng như hỗ trợ tích cực hoạt động quản trị phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể phần mềm quản lý thư viện tích hợp cung cấp các báo cáo, thống kê về nguồn học liệu của thư viện và việc mượn trả sách của người học [11.04.01]. Phần mềm quản lý văn bản giúp lãnh đạo Trường có thể chỉ đạo từ xa, giao việc và giám sát tiến độ thực hiện một cách trực tuyến. Đồng thời, đây cũng là nơi lưu trữ các văn bản của Trường với các phân cấp quyền truy cập cho CBNV của Trường. Chính nhờ hệ thống này mà các tổ chuyên trách ĐBCL bên trong có thể truy cập các văn bản nhanh chóng [11.04.02]. Hệ thống Office 365 đã giúp việc trao đổi, chia sẻ thông tin và cộng tác trong Trường thuận tiện hơn với các phần mềm bản quyền như

Microsoft Outlook, Word, Excel, Skype for Business....., đồng thời cán bộ cũng có thể lưu trữ dữ liệu trực tuyến với an toàn và bảo mật được đảm bảo với dung lượng lên đến 1000TB cho mỗi tài khoản. Việc nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo đã cung cấp cho lãnh đạo nhiều thông tin hơn mà trước đó cần thực hiện thủ công. Cụ thể báo cáo về khối lượng giảng dạy của giảng viên, báo cáo về nghiên cứu khoa học, báo cáo phổ điểm của sinh viên, báo cáo về nghỉ dạy và dạy bù của giảng viên, báo cáo về tình hình nợ học phí của sinh viên, báo cáo về điểm danh sinh viên.... cung cấp nhiều thông tin mang tính tổng thể hỗ trợ quá trình ra quyết định của lãnh đạo Trường liên quan đến các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của PVU [11.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hầu hết các hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường được quản lý bằng hệ thống quản lý thông tin của PVU.

- Thông qua phần mềm quản lý văn bản và giao việc, lãnh đạo Trường có thể thực hiện chỉ đạo và giám sát từ xa, giúp cho hoạt động của PVU được thông suốt khi Lãnh đạo thường xuyên đi công tác.

- Hệ thống thông tin được đảm bảo an toàn. Kể từ khi thành lập trường đến 08/2019, PVU chưa xảy ra các sự cố nghiêm trọng về an ninh mạng và mất mát thông tin về ĐBCL bên trong.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các phân hệ phần mềm chưa được tích hợp thành một hệ thống thống nhất. Cụ thể là phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý và phần mềm kế toán hoàn toàn độc lập với các phân hệ còn lại. Phần mềm kế toán là đặc thù nên về mặt kỹ thuật, khó có thể có tích hợp. Tuy nhiên phần mềm quản lý thư viện và phần mềm quản lý văn bản có thể tích hợp với hệ thống phần mềm quản lý đào tạo ít nhất ở mức độ trao đổi dữ liệu để hệ thống được hoạt động đồng bộ và hiệu quả hơn.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp hệ thống CNTT để phân hệ phần mềm tích hợp	Trung tâm TT-TV	Tháng 12/2021	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		thành một hệ thống thống nhất			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý hệ thống CNTT để hỗ trợ các công việc liên quan đến quản lý minh chứng phục vụ công tác ĐBCL bên trong	Trung tâm TT-TV	Tháng 12/2020	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	5
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Chiến lược phát triển trường 2015-2025 đã xác định mục tiêu, chiến lược để nâng cao chất lượng với chính sách cụ thể trong đó định hướng, kế hoạch cho từng lĩnh vực về đào tạo, NCKH và PVCĐ [04.01.05].

Về đào tạo, chính sách xác định *“nghiên cứu, điều chỉnh CTĐT...; xây dựng BGĐT nâng cao ...; NHCHTNKQ; ... triển khai hệ thống quản trị học tập trực tuyến, phần mềm quản lý tích hợp ...”*. Nguồn lực thực hiện *“mời cán bộ có kinh nghiệm thực tế tham gia thỉnh giảng, NCKH, trao đổi học thuật với GV và SV của trường; đảm bảo kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho SV; ... các phong trào thi đua, sáng kiến, cải tiến nhiệm vụ học tập ...”*. *“Hợp tác tổ chức đào tạo quốc tế để trao đổi GV; xây dựng mạng lưới GV quốc tế chất lượng cao; tổ chức đào tạo trực tuyến” ... “Xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm mô hình, mô phỏng; thực hiện đào tạo kèm cặp trong lĩnh vực dầu khí” ... “Tìm học bổng, cử cán bộ giảng dạy tham gia học tập, nâng cao kiến thức ở nước ngoài”*. Về nguồn học liệu *“Ưu tiên tài liệu liên quan đến CTĐT và nghiên cứu về dầu khí, ... Phát triển nguồn tài nguyên số nội sinh...”*

Về NCKH: chính sách *“PVU phấn đấu trở thành một trường đại học có định hướng NCKH ứng dụng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.”* Giải pháp thực hiện *“nhận nhiệm vụ NCKH, ký HĐ thực hiện NCKH với các đơn vị trong tập đoàn, các tổ chức quốc tế ...; quy định GV phải có ít nhất 01 bài báo NCKH/đề tài trong 1 năm ... Hướng dẫn SV tham gia NCKH ...”*

Về PVCĐ: Chính sách *“Gắn kết chặt chẽ với xã hội và các đối tác, duy trì mối liên hệ với các đối tác truyền thống, giữ vững, ổn định và mở rộng thị trường trên cơ sở tôn trọng lợi ích cùng có lợi của Trường với các đối tác”*. Giải pháp *“Tạo lập các đơn vị, hoạt động phục vụ xã hội cụ thể, tổ chức hướng tới hoạt động vì người dân”...*

Từ chính sách và các giải pháp cụ thể trong Chiến lược, KH hành động đã xác định rõ khung thời gian và chỉ số thực hiện cho từng hoạt động nâng cao chất lượng. Về đào tạo, ví dụ như *“Hoàn thiện và phát triển chương trình đào tạo: giai đoạn 2017-2015 mở*

ngành đào tạo tạo ThS, Văn bằng 2; Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, đánh giá kết quả đào tạo thông qua định kỳ tập huấn về phương pháp giảng dạy cho tất cả các GV hoặc cử GV tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, tập huấn; tổ chức các khóa nâng cao kỹ năng tự học, NCKH cho SV, phát triển tư duy sáng tạo”... Về KHCN “Tăng cường và đa dạng hóa nghiên cứu khoa học: Tăng tỉ lệ GV cơ hữu tham gia NCKH, chú trọng triển khai nghiên cứu ứng dụng (2015: 80% GV cơ hữu tham gia NCKH. 2019-2025: 100% GV cơ hữu tham gia NCKH)”. ... Về PVCĐ “Tạo lập các đơn vị phục vụ cộng đồng cụ thể : 2015-2025, thành lập các CLB, tổ chức hướng tới hoạt động vì cộng đồng (CLB Gia sư, CLB tình nguyện, Bộ phận/Hội khuyến học...)”...

Trên cơ sở các chính sách, các giải pháp và KH hành động của chiến lược, hàng năm Nhà trường giao nhiệm vụ chỉ tiêu cụ thể cho các đơn vị với khung thời gian thực hiện theo từng tháng [04.02.02]. Ví dụ, về đào tạo nguồn lực, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch, trong đó bao gồm các nội dung: hình thức đào tạo (Tiến sĩ, Thạc sĩ, chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập công việc,...), thời gian thực hiện, địa điểm tổ chức, tổng số lượt người, chi phí thực hiện. Về NCKH, có các chỉ tiêu về Biên soạn BGĐT mức 2, Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, đề tài/nhiệm vụ NCKH của GV và SV, viết và đăng bài báo khoa học, báo cáo hội nghị/hội thảo khoa học... Về PVCĐ, các kế hoạch của ĐTN, CĐ, Trung tâm BDNC thể hiện tên hoạt động/khoá học, số lượt người, thời gian/kinh phí thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Ngay giai đoạn thành lập Ban QLDA thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn đã mời thầu quốc tế và ký hợp đồng [14.01.05] với các chuyên gia từ TIEC (Texas International Education Consortium- Hiệp hội Đào tạo quốc tế bang Texas, Hoa Kỳ) thực hiện tư vấn tổng thể về các vấn đề liên quan đến đào tạo và quản lý chất lượng đào tạo của PVU. Nội dung “Tư vấn tổng thể thành lập PVU” nhằm xây dựng PVU thành một trường đại học định hướng nghề nghiệp và ứng dụng tiến tới đẳng cấp trong khu vực và đạt tiêu chuẩn quốc tế về đào tạo đại học và sau đại học, phục vụ chiến lược phát triển của Ngành dầu khí và xã hội. Theo đó, CTĐT, CĐR, đề cương chi tiết học phần và giáo trình giảng dạy được xây dựng có tham khảo từ các Trường đại

học uy tín của Hoa Kỳ đào tạo các ngành dầu khí, được kiểm định chất lượng ABET, các học phần chuyên ngành được lựa chọn đảm bảo phù hợp với yêu cầu và điều kiện Việt Nam. Những tiêu chí trên đã được nêu rõ trong Đề án khả thi thành lập PVU vào tháng 10/2010 gửi Bộ GDĐT [12.02.01].

Khi trường được thành lập, PVU một lần nữa đã khẳng định sử dụng tiêu chí lựa chọn đối tác là các trường của Hoa Kỳ đạt chuẩn ABET để xây dựng và phát triển các CTĐT của PVU, điều này được thể hiện trong báo cáo gửi Tập đoàn về việc sử dụng kết quả TVTT [12.02.02] và trong nội dung của hồ sơ mở 3 ngành đào tạo của PVU [12.02.03].

Sau khi triển khai đào tạo, 2 năm/lần, căn cứ tình hình thực tế, Nhà trường đã điều chỉnh CTĐT, với mục tiêu đào tạo của PVU hướng theo chuẩn ABET, các CTĐT sau điều chỉnh vẫn đảm bảo CDR và khối kiến thức cốt lõi của các Trường ĐH đào tạo về dầu khí của Hoa Kỳ.

Kết quả TVTT được cụ thể hoá trong Hồ sơ mở 3 ngành đào tạo, trong đó tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng là: CTĐT, CDR, đề cương chi tiết học phần và giáo trình giảng dạy được xây dựng tham khảo từ các trường đại học uy tín của Hoa Kỳ, được kiểm định chất lượng ABET.

Kết quả TVTT và Hồ sơ mở ngành cũng thể hiện các hướng dẫn để các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng về CTĐT, CDR, ĐCCT, trang thiết bị PTN, thư viện....

Về CTĐT: Các ngành đào tạo của PVU sẽ được xây dựng trên nền tảng các ngành đào tạo dầu khí của các Trường đại học Hoa Kỳ và chương trình khung của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Về CDR: Trên cơ sở mục tiêu đào tạo của ngành Kỹ thuật theo tiêu chuẩn kiểm định ABET, các yêu cầu của ngành dầu khí và điều kiện Việt Nam, PVU xác định các chuẩn đầu ra cho 3 ngành đào tạo của Trường [14.02.01].

Về ĐCCT: Trên cơ sở đề cương các học phần do TIEC cung cấp, PVU đã điều chỉnh các đề cương trong CTĐT của PVU cho phù hợp với điều kiện của ngành Dầu khí Việt Nam, nhưng vẫn đảm bảo các kiến thức cốt lõi của các đề cương do TIEC đề nghị [12.02.04].

Các yêu cầu khác như điều kiện GV, CSVC, Phòng TN thì Nhà trường cũng tham khảo để đưa vào kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hàng năm và các chính sách nâng cao chất lượng.

Về NCKH và PVCĐ, trên cơ sở nội dung chiến lược phát triển của Trường, trong quá trình hoạt động, PVU chỉ thực hiện so chuẩn, đối sánh nội bộ PVU qua các năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Năm 2011, trên cơ sở kết quả TVTT, PVU đã thực hiện xây dựng CTĐT trên cơ sở đối sánh và so chuẩn với đề xuất của TIEC, được phê duyệt và triển khai đào tạo [12.03.01]. Năm 2013, trên cơ sở Bộ GDĐT bỏ chương trình khung và phản hồi của các đơn vị/chuyên gia trong ngành dầu khí [12.03.02] về CTĐT đầu tiên, Trường tiếp tục so chuẩn, đối sánh chất lượng với 5 Trường ĐH của Hoa Kỳ (Texas A&M University, University of Tulsa, University of Oklahoma, University of Texas at Austin, Texas Tech University) và đã điều chỉnh CTĐT lần thứ nhất. Năm 2016, với chủ trương cho phép rút thời gian đào tạo bậc đại học của Nhà nước, PVU đã điều chỉnh CTĐT của 3 ngành để rút ngắn thời gian đào tạo còn 4 năm, quá trình thực hiện cũng lấy ý kiến của các bên liên quan [12.03.03], so chuẩn và đối sánh với 5 trường trên.

Trong 2 lần điều chỉnh CTĐT, với mục tiêu đào tạo của PVU hướng theo chuẩn ABET, các CTĐT sau điều chỉnh vẫn đảm bảo khối kiến thức cốt lõi và CDR của CTĐT đầu tiên theo kết quả TVTT của TIEC.

Trong quá trình điều chỉnh CTĐT trên cơ sở so chuẩn và đối sánh, trong giai đoạn 2014-2019, PVU đã tăng cường liên tục các hoạt động ĐBCL, cụ thể như: đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua các khoá tập huấn hàng năm, tăng cường mời GVTG từ các cơ sở sản xuất, tăng cường GV đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, cơ sở nghiên cứu, trường ĐH trong và ngoài nước, đầu tư thêm PTN, xây dựng các phần mềm E-Learning... các kết quả này được thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm của Nhà trường [04.03.01].

Với định hướng tiếp cận các CTĐT tiên tiến của Hoa Kỳ thông qua kết quả TVTT, Nhà trường đã khuyến khích đổi mới, sáng tạo đối với GV thông qua nhiều giải pháp

nghệ: hỗ trợ tài chính cho GV xây dựng bài giảng điện tử đa phương tiện và NHCH trải nghiệm khách quan [12.03.04], áp dụng hệ số tiết quy đổi 1,5 đối với các HP giảng dạy bằng tiếng Anh, tăng định mức cho các đề tài NCKH, thưởng các bài báo NCKH đạt tiêu chuẩn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, phụ cấp cho các GV có học hàm PGS trở lên hoặc TS có chứng chỉ IELTS 6.5 trở lên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Từ năm 2011 đến nay, PVU đã 2 lần thực hiện lựa chọn sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng về CTĐT, kết quả đã ban hành điều chỉnh 2 khung CTĐT (2013, 2016) [12.04.01].

Về CTĐT, với định hướng ban đầu, PVU là một trong những trường chọn đối tác để đối sánh là các trường ĐH của Hoa Kỳ vì vậy không đối chiếu với các trường đại học trong nước, sử dụng thang đo chuẩn là chuẩn ABET. Về tuyển sinh, PVU thực hiện đối sánh hàng năm với các trường đại học trong nước có cùng đào tạo ngành dầu khí.

Về đội ngũ CBGD thì PVU thực hiện đối sánh về tiêu chuẩn chuyên môn, bằng cấp, trình độ ngoại ngữ với các trường đại học trong nước có cùng đào tạo ngành dầu khí.

Về NCKH, PVU thực hiện đối sánh về tiêu chuẩn số lượng bài báo NCKH các loại trên tổng số GV qua các năm và số lượng bài báo ISI trong năm.

Về hoạt động PVCD, PVU thực hiện đối sánh nội bộ qua từng năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trong hai lần điều chỉnh CTĐT (2013, 2016), PVU đã sử dụng thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp, các chuyên gia trong ngành [12.03.02], từ CSV, SV và GV [12.03.03], kết quả được thể hiện rõ nét trong các CTĐT đã điều chỉnh: tăng cường các học phần thực hành, thực tập, kiến tập và các học phần chuyên ngành đặc thù Việt Nam;

tăng cường các đồ án chuyên ngành; thí điểm giảng dạy một số HP chuyên ngành bằng tiếng Anh; biên soạn BGĐT bằng tiếng Anh; giảm thời gian đào tạo còn 4 năm để phù hợp với xu hướng thế giới, tăng cường các hoạt động ngoại khoá....

Về NCKH, các thông tin của các bên liên quan đã được sử dụng để điều chỉnh các chính sách về NCKH, ví dụ như: Quy định số bài báo NCKH và đề tài của GV hàng năm phải thực hiện; nâng định mức tài chính cho các đề tài; khen thưởng các bài báo ...

Về PVCD, thông tin phản hồi từ cộng đồng, CBNV và SV được sử dụng để tăng cường chất lượng các hoạt động cộng đồng hàng năm, ví dụ tăng cường các hoạt động tình nguyện như mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, đa dạng cái loại hình an sinh xã hội ...

Về đào tạo, kết quả về đào tạo được phản ánh về tỉ lệ SV khá, giỏi; thôi học giảm, tỉ lệ tốt nghiệp cao hơn, tỉ lệ có việc làm tăng lên, số lượng học bổng của SV, ...

Về NCKH: có nhiều bài báo NCKH, đa dạng các loại hình, số lượng và kinh phí của các đề NCKH.

Về PVCD: Đa dạng hơn về loại hình và chất lượng của các hoạt động PVCD (của Trung tâm BDNC, Công đoàn, ĐTN)

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Chiến lược phát triển trường đã hoạch định rõ kế hoạch nâng cao chất lượng với các chính sách, giải pháp với các mốc thời gian để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH để nâng cao các nguồn lực.

- Thang đo chuẩn để so chuẩn trong đào tạo của Trường là tiêu chuẩn kiểm định của ABET, đối tác so chuẩn là các trường ĐH của Hoa Kỳ có đào tạo ngành nghề tương đương và đã đạt chuẩn kiểm định ABET.

2. Tóm tắt các tồn tại

- Về NCKH: mới đối sánh với 1 trường đại học (ĐH mở địa chất)

- Phục vụ cộng đồng chỉ đối sánh được trong nội bộ Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Lựa chọn thêm đối tác trong nước để đối sánh về NCKH trên cơ sở các thông tin công khai của CSGD	ĐN&KHCN	Tháng 09/2019	
2	Khắc phục tồn tại 2	Lựa chọn đối tác trong nước để đối sánh về PVCD trên cơ sở các thông tin công khai của CSGD	Công đoàn	Tháng 09/2019	
3	Phát huy các điểm mạnh	Cử cán bộ đi công tác tại ĐH New Mexico Tech (Hoa Kỳ) để thực hiện đối sánh về CTĐT theo chuẩn ABET, khảo sát các điều kiện để đảm bảo kiểm định chất lượng ABET	TS. Nguyễn Văn Hùng, Trưởng BM Khoan – Khai thác dầu khí	Tháng 09/2019	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>4,80</i>
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	5

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của CSGD

Hiện nay, PVU đang tuyển sinh các trình độ (i) đại học và (ii) sau đại học.

(i) Tuyển sinh đại học:

Trước năm 2016, khi chưa có kỳ thi THPT Quốc gia, Trường thực hiện xét tuyển sinh trên cơ sở các thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào Trường và thi nhò tại các đơn vị tổ chức thi. Vì vậy, công tác tuyển sinh được tuân thủ theo các văn bản quy định về tuyển sinh của Bộ GDĐT. Thông báo tuyển sinh của Nhà trường năm 2014 đã thể hiện các chính sách tuyển sinh cụ thể như: quy định về đối tượng tuyển sinh trong cả nước, chỉ tiêu, học phí... [13.01.01]. Năm 2015, do điều kiện tái cơ cấu của Tập đoàn DKVN, Trường tạm dừng tuyển sinh đại học chính quy [13.01.02].

Từ năm 2016, Trường xây dựng đề án tuyển sinh đại học chính quy theo quy định của Bộ GDĐT trên cơ sở xét tuyển thí sinh tham dự kỳ thi THPT Quốc gia, và không xây dựng đề án tuyển sinh theo hình thức riêng. Trong đề án đã quy định rõ các chính sách tuyển sinh như: chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, phương thức xét tuyển, đối tượng tuyển sinh, chính sách tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng, các thông tin về mã ngành tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, học phí, chính sách về học bổng và các thông tin khác [13.01.03].

(ii) Tuyển sinh sau đại học:

Năm 2014, Bộ GDĐT cho phép Nhà trường liên kết với Trường Đại học Kỹ thuật TU Delft - Hà Lan tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công trình biển [13.01.04]. Căn cứ vào đề án đào tạo được Bộ GDĐT phê duyệt, Trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo khóa đầu tiên theo đúng nội dung của đề án, trong đó, có các thông tin về chính sách tuyển sinh như: chỉ tiêu, đối tượng tuyển sinh, chính sách hỗ trợ tài chính cho các học viên là cán bộ làm việc trong Tập đoàn DKVN ... [13.01.05].

Năm 2018, Nhà trường được Bộ GDĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ ba ngành (Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, và Kỹ thuật Hóa học) [13.01.06]. Nhà trường đã thông báo tuyển sinh thạc sĩ tới các đơn vị, doanh nghiệp và các cá nhân có nhu cầu trên cơ sở các nội dung của đề án đã được Bộ GDĐT phê duyệt, trong đó có nêu rõ các chính sách cụ thể như: chỉ tiêu, đối tượng tuyển sinh, môn thi tuyển sinh, học phí, lệ phí thi tuyển và các đợt tuyển sinh trong năm (2 lần/ năm) [13.01.05].

Để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh hàng năm, Phòng Đào tạo đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh gồm: kế hoạch quảng bá tuyển sinh, kế hoạch xét tuyển, chuẩn bị tuyển sinh và kinh phí tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị và cá nhân liên quan và xác định các mốc thời gian cụ thể liên quan tới các đầu mục công việc trong kế hoạch tuyển sinh [13.01.07].

Hàng năm, để chuẩn bị cho tuyển sinh, PVU luôn lập kế hoạch quảng bá truyền thông về tuyển sinh cho hệ đại học chính quy [13.01.07]. Trong đó, sử dụng nhiều hình thức quảng bá và truyền thông như: tham gia các hội chợ tuyển sinh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. HCM và Cần Thơ [13.01.08]; gửi thông báo tuyển sinh đến các trường PTTH trên toàn quốc, các Sở GDĐT, các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí... [13.01.09], quảng bá trên mạng xã hội (fanpage, group tư vấn tuyển sinh trên facebook) [13.01.10], quảng bá trên website PVU [13.01.11], đăng thông tin tuyển sinh trên trang điện tử của báo Petrotimes [13.01.12], và tư vấn qua điện thoại, email. Nội dung quảng bá tuyển sinh (trên tờ rơi tuyển sinh) bao gồm các thông tin: đối tượng tuyển sinh, quy trình thi và xét tuyển; đối tượng ưu tiên; và các chính sách hỗ trợ người học của Nhà trường ... [13.01.13].

Đối với hệ cao học, do đối tượng tuyển sinh chủ yếu là các CBNV đang làm việc trong ngành Dầu khí, vì thế, PVU lập kế hoạch truyền thông và quảng bá tuyển sinh riêng cho hệ cao học [13.01.14]. Trong đó, chú trọng đến các hoạt động phù hợp như: gửi thông báo tuyển sinh tới tất cả các đơn vị trong ngành Dầu khí, các trường đại học kỹ thuật khác, thông báo cho cựu SV của PVU, quảng bá trên mạng xã hội [13.01.15], quảng bá trên website PVU, và tư vấn qua điện thoại, email. Nội dung quảng bá tuyển sinh (thông báo tuyển sinh) bao gồm đầy đủ các thông tin như: đối tượng tuyển sinh, môn thi tuyển, quy trình thi và xét tuyển; học phí; lệ phí thi và các chính sách hỗ trợ người học của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ... [13.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT

(i) Đào tạo Đại học:

Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh được Tập đoàn DKVN giao, Nhà trường đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ GDĐT dựa trên hướng dẫn về căn cứ các điều kiện đảm bảo chất lượng như: số lượng GV, điều kiện cơ sở vật chất.

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm từ năm 2014 đến 2019: là 2014: 80, 2015 không tuyển sinh; 2016 là 60 SV, từ 2017 đến 2019 là 100 SV [13.02.01] [13.01.03].

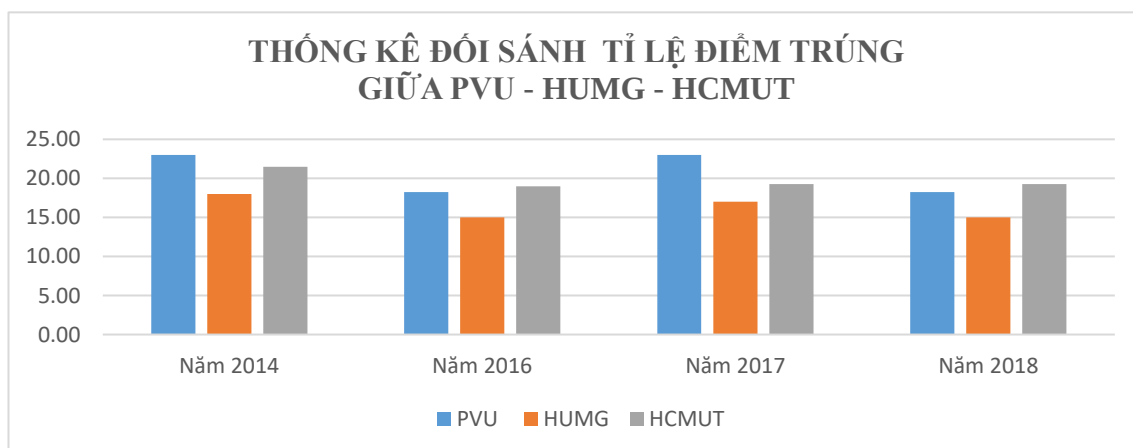
Để đảm bảo chất lượng đồng đều của SV, Nhà trường tổ chức tuyển sinh chung cho ba CTĐT. Trước năm 2016, việc phân ngành học thực hiện sau năm thứ 2 dựa trên kết quả học tập, chỉ tiêu từng ngành và nguyện vọng SV. Từ năm 2016, việc phân ngành học thực hiện sau năm thứ 1, dựa trên nguyện vọng của SV [13.02.02].

Các tiêu chí khác như: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ... thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và được công bố [13.01.01].

Trong những năm qua, PVU đã tuyển được SV với chất lượng đầu vào cao, thể hiện qua điểm chuẩn xét tuyển luôn đứng vị trí cao trong các Trường khối kỹ thuật có đào tạo ngành Dầu khí (HUMG và HCMUT) [13.02.07]. Điều này được thể hiện trong bảng 13.1 và hình 13.1 bên dưới.

Bảng 13.1. Thống kê đối sánh tỉ lệ điểm trúng tuyển trong 04 năm từ 2014-2018 giữa PVU-HUMG-HCMUT

Năm	PVU	HUMG	HCMUT
Năm 2014	23,00	18,00	21,50
Năm 2016	18,25	15,00	19,00
Năm 2017	23,00	17,00	19,25
Năm 2018	18,25	15,00	19,25



Hình 13.1. Biểu đồ đối sánh tỉ lệ điểm trúng tuyển giữa PVU, HUMG và HCMUT

(ii) Đào tạo sau đại học:

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các chương trình thạc sĩ được phê duyệt bởi Tập đoàn DKVN và Bộ GDĐT. Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ không vượt quá chỉ tiêu cho từng ngành được xác định trong đề án đào tạo cao học đã được Bộ GDĐT phê duyệt [13.02.03].

Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2017 là 20 học viên ngành Công trình biển, năm 2018 và 2019 chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ là 15 học viên cho mỗi ngành (Kỹ thuật Hóa học, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa chất, Công trình biển) [13.01.05].

Các tiêu chí tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ như: đối tượng tuyển sinh, điều kiện dự tuyển chung, điều kiện dự tuyển riêng cho từng ngành, môn thi tuyển sinh ... tuân thủ theo quy định trong đề án đào tạo trình độ thạc sĩ đã được Bộ GDĐT được phê duyệt [13.01.05].

Đối với hệ đại học chính quy, do đặc thù về quy mô tuyển sinh nhỏ, trước năm 2014, Nhà trường không tổ chức thi tuyển sinh, mà chỉ tổ chức xét tuyển các thí sinh khối A, đăng ký nguyện vọng 1 vào trường và thi nhò tại các cơ sở giáo dục đại học khác. Từ năm 2016 trở đi, PVU tổ chức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia tổ hợp A00 của các thí sinh đăng ký nguyện vọng vào trường. Tất cả các bước trong quy trình xét tuyển, lọc ảo, xét tuyển chính thức, công nhận và công khai thí sinh trúng tuyển, triệu tập thí sinh trúng tuyển tuân thủ lịch trình tuyển sinh và các quy định tuyển sinh của Bộ GDĐT [13.02.04] [13.02.05].

Đối với hệ cao học, Nhà trường tổ chức tuyển sinh hai lần trong năm. Các công tác ôn thi tuyển, thi tuyển, các môn thi tuyển sinh, xét tuyển, công nhận trúng tuyển và triệu tập trúng tuyển tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các đề án mở ngành đào tạo cao học đã được Bộ GDĐT phê duyệt [13.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 13.3. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực

hiện

Do chỉ tiêu tuyển sinh hệ đại học chính quy nhỏ và chủ yếu thực hiện công tác xét tuyển, công tác giám sát tuyển sinh được giao nhiệm vụ cho một thành viên của Hội đồng Tuyển sinh với chức danh là Thanh tra, ngoài nhiệm vụ thanh tra còn có nhiệm vụ giám sát công tác tuyển sinh. Đối với tuyển sinh cao học, do số thí sinh dự thi tuyển sinh của từng đợt thi nhỏ, nên công tác thanh tra cũng được giao cho một thành viên của Hội đồng Tuyển sinh đảm nhận. Thành viên phụ trách thanh tra cũng sẽ làm nhiệm vụ giám sát các công tác chuẩn bị thi, coi thi, ra đề, chấm thi, xét tuyển (thành lập Hội đồng Tuyển sinh, ban giúp việc, cơ sở vật chất, xét tuyển) và gọi nhập học [13.03.01]. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát toàn bộ các hoạt động của kỳ tuyển sinh. Chủ tịch/Hiệu trưởng có thiết lập đường dây nóng để trực tiếp tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh. Các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh ngoài được giám sát của Hội đồng, còn thực hiện cơ chế tự giám sát.

Đối với công tác nhập học, Nhà trường thành lập Ban Đón tiếp SV, trong đó có thành phần Ban Giám hiệu, CBNV Phòng Đào tạo, CBNV các đơn vị liên quan thực hiện công tác đón tiếp và được giám sát trực tiếp bởi Trưởng ban [13.03.02]. Bên cạnh đó, Trưởng Phòng Đào tạo cũng phải thực hiện giám sát nhập học theo chức năng và nhiệm vụ của mình [09.01.01].

Đối với công tác tuyển sinh, quy trình thanh tra, giám sát đã được quy định trong các quy chế tuyển sinh đại học và thạc sĩ và Quy định về tổ chức & hoạt động thanh tra các kỳ thi (ban hành kèm theo Thông tư 23/2016/TT-Bộ GDĐT) do Bộ GDĐT ban hành. Bên cạnh đó, công tác tuyển sinh đại học chính quy của PVU chủ yếu là công tác xét tuyển, mà không tổ chức thi tuyển. Hệ cao học có tổ chức thi tuyển với quy mô rất nhỏ (dưới 10 học viên/lần tổ chức thi). Vì vậy, Nhà trường tuân thủ các quy định, và quy trình thanh tra giám sát về thi tuyển sinh, xét tuyển và gọi nhập học của Bộ GDĐT mà không ban hành văn bản quy định về thanh tra, giám sát riêng [13.03.03].

Đối với công tác nhập học, Nhà trường thành lập Ban Đón tiếp SV và ban hành kế hoạch đón tiếp SV mới và tổ chức tuần sinh hoạt công dân (nội dung tuần sinh hoạt công dân theo quy định hàng năm của Bộ GDĐT). Trong đó, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân trong Ban Đón tiếp và các hướng dẫn các bước tiến hành thủ tục nhập học. Tất cả các hoạt động của các thành viên trong Ban sẽ được giám sát bởi Trưởng

ban [13.03.02]. Bên cạnh đó, Trưởng Phòng Đào tạo sẽ thực hiện quá trình giám sát trực tiếp các công việc của quá trình nhập học và báo cáo công tác đón tiếp cho Ban Giám hiệu [13.03.04].

Đối với tuyển sinh hệ đại học chính quy, với chỉ tiêu nhỏ và chủ yếu thực hiện công tác xét tuyển, một thành viên của Hội đồng Tuyển sinh phụ trách công tác thanh tra, có nhiệm vụ thanh tra và giám sát công tác tuyển sinh. Việc giám sát công tác xét tuyển bao gồm: giám sát công tác chuẩn bị các văn bản xét tuyển, chuẩn bị cơ sở vật chất cho xét tuyển, tiếp nhận thông tin thí sinh, quy trình xét tuyển, lọc ảo, công khai kết quả xét tuyển, gửi giấy báo nhập học và triệu tập thí sinh trúng tuyển. Ngoài giám sát từng hoạt động như trên, còn thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động của Hội đồng Tuyển sinh, ban thư ký (không thành lập các ban giúp việc khác vì không tổ chức thi tuyển) trong quá trình thực hiện xét tuyển. Tất cả các thông tin sẽ báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh/Hiệu trưởng thông qua đường dây nóng tuyển sinh. Thành viên thanh tra lập báo cáo công tác thanh tra, giám sát [13.03.05].

Đối với tuyển sinh cao học, công tác thanh tra và giám sát cũng được giao cho thành viên của Hội đồng Tuyển sinh phụ trách. Ngoài thực hiện nhiệm vụ thanh tra, thì còn thực hiện nhiệm vụ giám sát các công tác chuẩn bị thi (hồ sơ thí sinh, cơ sở vật chất phục vụ thi), công tác ra đề và bảo mật đề thi, công tác coi thi, công tác chấm thi, bảo mật phách, quản lý và giao nhận bài thi, công tác xét tuyển (thành lập Hội đồng Tuyển sinh, ban giúp việc, cơ sở vật chất, xét tuyển) và gọi nhập học [13.03.06]. Ngoài giám sát từng hoạt động như trên, còn thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động của Hội đồng Tuyển sinh, các ban thư ký, ban đề thi và ban coi thi trong quá trình tuyển sinh. Các ban giúp việc phản ánh thông tin cho thanh tra. Tất cả thông tin sẽ được báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh/Hiệu trưởng qua đường dây nóng tuyển sinh. Thanh tra lập báo cáo công tác thanh tra, giám sát từng công đoạn [13.03.07]. Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát toàn bộ các hoạt động của kỳ tuyển sinh. Các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh ngoài được giám sát của Hội đồng, còn thực hiện cơ chế tự giám sát.

Đối với công tác nhập học, Nhà trường thành lập Ban Đón tiếp SV, trong đó có thành phần Ban Giám hiệu, CBNV Phòng Đào tạo, CBNV các đơn vị liên quan và ĐTNCSHCM thực hiện công tác đón tiếp và kế hoạch đón tiếp SV mới và tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho SV mới. Trong đó, phân công công việc cụ thể cho từng cá nhân

và quy trình đón tiếp SV. Trong quá trình đón tiếp, từng cá nhân có trách nhiệm thực hiện công việc được phân công và được giám sát trực tiếp bởi Trưởng ban [13.03.02]. Bên cạnh đó, Trưởng Phòng Đào tạo cũng sẽ thực hiện quá trình giám sát trực tiếp các công việc như: số lượng SV nhập học, các nhu cầu cá nhân, quá trình chuẩn bị đón tiếp người học, tình hình của buổi đón tiếp, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình đón tiếp (thí sinh nhập học muộn, thiếu thủ tục nhập học).

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

(i) Tuyển sinh đại học: Do không tổ chức thi tuyển sinh, nên công tác tuyển sinh chỉ chủ yếu là công tác xét tuyển nên biện pháp giám sát công tác xét tuyển bao gồm:

Giám sát các điều kiện đảm bảo xét tuyển: sử dụng biện pháp kiểm tra trực tiếp và đối sánh (có thể kết hợp kiểm tra đột xuất và ngẫu nhiên) với Quy chế tuyển sinh xem thành phần Hội đồng, Ban thư ký đã tuân thủ đúng quy định hay không; các văn bản xét tuyển, ưu tiên xét tuyển hay xét tuyển thẳng phù hợp với tiêu chuẩn hay không; kiểm tra trực tiếp cơ sở vật chất, phòng dành cho xét tuyển hay họp Hội đồng có đảm bảo các điều kiện bảo mật và an toàn quy định [13.03.05].

Giám sát các công tác xét tuyển: sử dụng biện pháp giám sát liên tục và quan sát trực tiếp cách nhập ngưỡng đầu vào, tải dữ liệu tuyển sinh của Bộ GDĐT, tiến hành các bước xét tuyển trên phần mềm, quá trình lọc ảo, số lần lọc ảo, tải danh sách trúng tuyển từ phần mềm, in ấn giấy báo nhập học...tất cả phải theo đúng quy định về các bước xét tuyển của Bộ GDĐT [13.04.01].

Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh/Hiệu trưởng thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các thông tin phản ánh [13.01.07].

(ii) Tuyển sinh sau đại học: Công tác tuyển sinh sau đại học gồm hai giai đoạn: Thi tuyển sinh và xét tuyển.

Giám sát công tác chuẩn bị thi tuyển sinh: sử dụng biện pháp kiểm tra trực tiếp và đối sánh (có thể kết hợp kiểm tra đột xuất và ngẫu nhiên) với các quy định của quy chế tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GDĐT và PVU xem thành phần Hội đồng, Ban thư ký, Ban đề thi, Ban coi thi đã tuân thủ đúng quy định hay không. Cơ sở vật chất như:

phòng thi, bàn ghế, giấy thi... theo yêu cầu hay không. Đề thi bảo mật, công tác in sao, giao nhận đề có đúng quy chế không [13.03.07].

Giám sát công tác coi thi: sử dụng biện pháp giám sát và kiểm tra trực tiếp việc thực hiện đúng quy chế của cán bộ coi thi, thí sinh trong giờ thi [13.03.07].

Giám sát công tác chấm thi: sử dụng biện pháp giám sát hàng ngày và kiểm tra trực tiếp công tác rọc phách, bảo mật phách, chấm thi hàng ngày, quản lý bài thi và giao nhận bài thi [13.03.07].

Giám sát các công tác xét tuyển: sử dụng biện pháp giám sát liên tục và quan sát trực tiếp cách sử dụng thông tin điểm thi sinh, sử dụng các điều kiện trúng tuyển, tiến hành các bước xét tuyển, công bố danh sách trúng tuyển, in ấn giấy báo nhập học...tất cả phải theo đúng quy định về các bước xét tuyển của Bộ GDĐT và của PVU [13.04.02].

Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh/Hiệu trưởng thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các thông tin phản ánh.

Để chuẩn bị cho quá trình nhập học của SV mới, Phòng Đào tạo chuẩn bị kế hoạch đón tiếp SV mới, trong đó có thành lập Ban Đón tiếp SV mới gồm có đại diện Ban Giám hiệu, CBNV Phòng Đào tạo và CBNV các đơn vị liên quan và ĐTN. Mỗi thành viên của có trách nhiệm tự giám sát công việc được phân công. Trưởng ban trực và giám sát trực tiếp việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên. Trong quá trình nhập học, Trưởng Phòng Đào tạo có nhiệm vụ giám sát trực tiếp các hoạt động nhập học, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình đón tiếp (thí sinh nhập học muộn, thiếu thủ tục nhập học), và báo cáo công tác đón tiếp [13.04.03] [13.03.02].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Trường có tổ chức họp tổng kết về công tác tuyển sinh hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình tuyển sinh và tình hình nhập học [13.04.04], trong đó phân tích kết quả tuyển sinh tại các vùng miền khác nhau, tỉ lệ chọi tuyển sinh, đối sánh điểm trúng tuyển với các trường đại học khác có cùng ngành, số lượng học viên cao học từ các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí, tuyển sinh để có thể điều chỉnh kế hoạch truyền thông và quảng bá tuyển sinh [13.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính

phù hợp và hiệu quả

Hàng năm, sau khi có kết quả tuyển sinh của cả đại học và cao học, PVU có tổng hợp báo cáo kết quả tuyển sinh và tình hình nhập học của thí sinh cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Bộ GDĐT [13.04.04]. Trên cơ sở đó, cùng với nhu cầu nhân lực của ngành Dầu khí, PVU tiến hành điều chỉnh chiến lược tuyển sinh như: thay đổi chỉ tiêu tuyển sinh: 2014: 80 SV, 2016: 60 SV, 2017-2019: 100 SV [13.01.01], đổi mới hình thức truyền thông quảng bá tuyển sinh như sử dụng các mạng xã hội [13.01.07], cải tiến phương thức đón tiếp SV và các hoạt động của tuần sinh hoạt công dân cho SV mới [13.03.02].

Công tác tuyển sinh được cải tiến chủ yếu tập trung vào phương thức truyền thông và quảng bá tuyển sinh. Mỗi năm, Nhà trường bổ sung thêm các hình thức quảng bá mới, phù hợp với tuổi trẻ như: quảng bá trên mạng xã hội (fanpage, group tư vấn tuyển sinh trên facebook) [13.05.01], tổ chức các buổi trực tiếp giới thiệu về chương trình đào tạo cao học tại một số đơn vị trong ngành Dầu khí [13.05.02], cho phép tiến hành đăng ký hệ cao học bằng hình thức trực tuyến [13.05.03]. Tuy nhiên, kinh phí cho hoạt động quảng bá tuyển sinh trên mạng xã hội còn hạn chế.

Công tác nhập học cũng được cải tiến. Nhà trường đã áp dụng hình thức thi trực tuyến- sử dụng hệ thống thi E-Test của PVU thay cho bài thi trên giấy như trước đây để phân loại trình độ tiếng Anh và xếp lớp cho các tân SV. So với hình thức thi trên giấy như trước đây, bài thi trực tuyến E-test giúp tiết kiệm thời gian cho ban tổ chức kỳ thi và giúp các tân SV nhận được kết quả thi nhanh và chính xác [13.05.04]. Nhà trường còn tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề về chuẩn bị tâm lý cho tân SV, giúp trang bị những kiến thức cần thiết tạo điều kiện cho tân SV có thể hòa nhập môi trường học đại học [13.03.02].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Điểm tuyển sinh ở mức cao so với các CSGD khác có cùng CTĐT.
- SV được phép tự chọn ngành theo nguyện vọng cá nhân sau khi đi thực tế tại các đơn vị sản xuất của ngành dầu khí, giúp tạo động lực cho SV khi được học ngành mình yêu thích

- Có sự cải tiến công tác nhập học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, giúp giảm thời gian tổ chức thi và xếp lớp theo trình độ tiếng Anh của SV mới.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Kinh phí cho truyền thông và quảng bá tuyển sinh trên mạng xã hội còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất tăng kinh phí truyền thông, quảng bá tuyển sinh trên mạng xã hội	Phòng Đào tạo	2020	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	5
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các học phần/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Theo quyết định số 150 ngày 09/3/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc Phê duyệt và ban hành Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo có nêu rõ Phòng Đào tạo có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức quản lý và thực hiện công tác đào tạo bậc đại học và sau đại học [14.01.01], bao gồm chủ trì và xây dựng CTĐT, kế hoạch giảng dạy, học tập, chủ trì và phối hợp với các khoa xây dựng đề án xin mở ngành/chuyên ngành đào tạo đại học và sau đại học, phối hợp với đoàn đánh giá ngoài trong việc thực hiện công tác kiểm định chất lượng đào tạo và kiểm tra hoạt động giảng dạy của các khoa và bộ môn. Ngoài ra, Hội đồng Khoa học và Đào tạo cũng được thành lập theo quyết định số 446 ngày 23/5/2012 [14.01.02] với nhiệm vụ tư vấn xây dựng và sửa đổi các quy chế, quy định về đào tạo và trọng tâm đào tạo, đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo, đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các đơn vị trong Trường.

Trong giai đoạn đánh giá 2014-2019, PVU có 02 chương trình đào tạo được rà soát và điều chỉnh: Chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2013 được ban hành theo quyết định số 1052 ngày 13/11/2013 [14.01.03] và CTĐT khóa tuyển sinh 2016 theo quyết định số 874 ngày 31/8/2016 [14.01.04]. Cả hai CTĐT trên đều được rà soát và điều chỉnh dựa trên khung chương trình mà Nhà trường đã thuê Hiệp hội giáo dục quốc tế bang Texas (TIEC – Texas International Education Consortium) xây dựng theo hợp đồng Tư vấn tổng thể giữa Ban Quản lý thành lập trường Đại học Dầu khí Việt Nam và Hiệp hội giáo dục quốc tế bang Texas được ký kết ngày 28/5/2010 [14.01.05], khung chương trình đào tạo của 03 chuyên ngành được bàn giao lại cho Nhà trường từ trang 270 của báo cáo [14.01.06].

Đối với chương trình đào tạo ban hành năm 2013, ngoài vai trò của Phòng Đào tạo chủ trì, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng cấp trường và các Tiểu ban chuyên môn xây dựng CTĐT đại học hệ chính quy Trường Đại học Dầu khí Việt Nam theo quyết định

số 590 ngày 01/8/2013 [14.01.07]. Trưởng các Tiểu ban chuyên môn là các chuyên gia đầu ngành trong từng lĩnh vực như Phó Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Trọng Tín là Trưởng tiểu ban ngành Địa chất – Địa vật lý; Phó Giáo sư Tiến sĩ Lê Phước Hảo là Trưởng tiểu ban ngành Kỹ thuật Dầu khí; Tiến sĩ Nguyễn Anh Đức là Trưởng tiểu ban ngành Lọc – Hóa dầu. Nội dung quyết định quy định Hội đồng cấp trường có trách nhiệm thẩm định khung CTĐT để làm cơ sở cho các Tiểu ban chuyên môn xây dựng CTĐT; đọc, nhận xét, đánh giá CTĐT của các Tiểu ban đối với từng ngành đào tạo; đánh giá và kết luận đối với từng chương ngành để HĐ KH&ĐT thông qua, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Đối với các Tiểu ban chuyên môn, trên cơ sở khung CTĐT được Hội đồng xây dựng CTĐT thông qua, các Tiểu ban tiến hành xây dựng CTĐT theo các tiêu chí về mục tiêu, cấu trúc, tính hợp lý và nội dung của CTĐT, ĐCCT học phần; phản biện trước khi đưa lại Hội đồng cấp trường. *CTĐT được Hội đồng đọc, nhận xét, đánh giá và báo cáo các kết quả đến Hội đồng Khoa học và Đào tạo.* Khung chương trình sau đó được Hội đồng khoa học thông qua theo biên bản họp HĐ KH&ĐT số 2 ngày 07/11/2013 [14.01.08] trước khi ban hành chính thức ngày 13/11/2013.

CTĐT ban hành năm 2016 được xây dựng dựa trên sự phối hợp của Hội đồng khoa học, phòng Đào tạo và các Khoa theo hướng dẫn ở Thông tư số 07/2015 ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT về “... quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ” [14.01.09]. HĐ KH&ĐT được thành lập mới theo quyết định số 582 ngày 17/6/2016 [14.01.10], được kiện toàn theo quyết định số 945 ngày 16/9/2016 [14.01.11]. Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐ KH&ĐT theo quyết định số 306 ngày 01/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng Trường trong đó có chức năng tư vấn về nội dung chương trình các chuyên ngành [14.01.12] cho Hiệu trưởng. Biên bản họp giao ban số 583 ngày 17/6/2016, Hiệu trưởng cũng phân công cho Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa tiếp tục thực hiện sửa đổi CTĐT mới; Khoa Dầu khí và Khoa Cơ bản tập trung hoàn thiện CTĐT mới [14.01.13]. CTĐT được thẩm định bởi các chuyên gia trong từng ngành học như ý kiến của Tiến sĩ khoa học Trần Lê Đông về CTĐT ngành Địa chất – Địa vật lý Dầu khí [14.01.14], Tiến sĩ Nguyễn Văn Minh, phó Chủ tịch Hội Dầu khí Việt Nam về CTĐT ngành Kỹ thuật Dầu khí [14.01.15]. Giáo sư Tiến sĩ khoa học Hồ Sĩ Thoảng về CTĐT ngành Lọc - Hóa dầu [14.01.16]. Khung chương trình đào tạo được HĐKH&ĐT họp thông qua theo biên bản họp số 01 ngày 27/5/2016 [14.01.17] trước khi ban hành chính thức ngày 31/8/2016.

Hiệu trưởng ban hành hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết theo quyết định số 198 ngày 27/3/2013 để làm tài liệu cho GV hoặc nhóm GV xây dựng ĐCCT học phần [14.01.18].

Tất cả các ĐCCT của cả 03 CTĐT của PVU ban đầu được xây dựng dựa trên kết quả của Hợp đồng Tư vấn tổng thể giữa PVU và Hiệp hội giáo dục quốc tế bang Texas [14.01.05] được bàn giao lại cho Nhà trường từ trang 295 của báo cáo [14.01.06]. Theo quyết định về việc thành lập Hội đồng cấp Trường và các Tiểu ban chuyên môn xây dựng CTĐT đại học hệ chính quy số 590/QĐ-ĐHDK ngày 01/8/2013, bên cạnh nhiệm vụ rà soát và điều chỉnh CTĐT, các Tiểu ban cũng có trách nhiệm rà soát và xây dựng ĐCCT cho các CTĐT này [14.01.07]. Bộ đề cương chi tiết học phần của các CTĐT năm 2013 được ban hành chính thức theo quyết định số 1244 ngày 30/12/2014 [14.01.19]. Đối với CTĐT khóa 2016, BGH giao cho các Khoa xây dựng đề cương chi tiết học phần theo biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo số 01/BB-KHĐT ngày 25/7/2016 [14.01.17]. ĐCCT được gửi đến Hội Dầu khí Việt Nam thẩm định và phản biện [14.01.14-16]. ĐCCT cho CTĐT 04 năm được ban hành theo quyết định số 903 ngày 09/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [14.01.20].

Việc lấy ý kiến của các chuyên gia ngoài trường đối với CTĐT và ĐCCT năm 2013 được cụ thể ở phương thức làm việc ban hành cùng quyết định Hội đồng cấp trường và các Tiểu ban chuyên môn là lấy ý kiến tập trung thông qua các cuộc họp và bằng văn bản của các chuyên gia đầu ngành như GS.TSKH Lưu Cẩm Lộc, TSKH. Trần Xuân Đào, TS Nguyễn Anh Đức, TS. Hoàng Ngọc Đang, TS. Nguyễn Văn Minh, PGS. TS Nguyễn Trọng Tín [14.01.21]. Chương trình. Đối với CTĐT và ĐCCT năm 2016, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến đóng góp GV thông qua các biên bản họp rà soát [14.01.22 – BB họp bộ môn về CTĐT 4 năm], họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo biên bản họp số 01 ngày 27/5/2016 và ý kiến chuyên gia từ bên ngoài như GS.TSKH Hồ Sĩ Thoảng – UVTV Hội Dầu khí Việt Nam, TSKH chuyên ngành Địa chất và khai thác dầu khí Trần Lê Đông – Hội Dầu khí Việt Nam, TS Nguyễn Văn Minh – Phó Chủ tịch Hội Dầu khí Việt Nam.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các học phần/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Chuẩn đầu ra của từng ngành học được Hiệu trưởng ban hành chính thức theo quyết định số 361 ngày 12/5/2011 [14.02.01]. Quá trình xây dựng CĐR cho CTĐT và học phần được thực hiện theo hợp đồng với TIEC [14.01.05]. Kết quả tư vấn trong đó có khung yêu cầu CĐR đối với SV tốt nghiệp, CĐR từng học phần [14.01.06]. Trong giai đoạn 2014-2019, CĐR đối với SV tốt nghiệp các ngành học chỉ có một thay đổi là yêu cầu tiếng Anh giảm từ IELTS 6.0 xuống IELTS 5.5 hoặc tương đương. Việc điều chỉnh này được Ban Giám Hiệu giao cho Bộ môn Tiếng Anh rà soát theo biên bản họp giao ban số 583 ngày 17/6/2016 [14.01.13]. Trước kỳ họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Bộ môn Tiếng Anh thống nhất đề xuất CĐR tiếng Anh từ IELTS 6.0 xuống IELTS 5.5 hoặc tương đương theo biên bản họp [14.02.02]. Hội đồng Khoa học và Đào tạo thống nhất thông qua việc điều chỉnh chuẩn tiếng Anh trong biên bản họp số 01 ngày 25/7/2016 [14.01.17].

CĐR ban hành năm 2011 [14.02.01] là kết quả tư vấn của các chuyên gia từ TIEC theo chuẩn ABET. Ngoài việc thông qua thay đổi CĐR tiếng Anh năm 2016 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo [14.01.17] thì Nhà trường không có điều chỉnh các chuẩn đầu ra còn lại. Quá trình lấy ý kiến thay đổi CĐR tiếng Anh thể hiện ở biên bản họp của Bộ môn Tiếng Anh [14.02.02] và biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường [14.01.17].

Chuẩn đầu ra của từng ngành học được Hiệu trưởng ban hành chính thức theo quyết định số 12/5/2011 [14.02.01]. CĐR học phần được ban hành chính thức cùng với bộ đề cương chi tiết học phần theo quyết định số 1244 ngày 30/12/2014 [14.01.19] và 903 ngày 09/6/2017 [14.01.20]. Việc rà soát CĐR CTĐT được thực hiện trong cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo; CĐR học phần được BGH giao cho Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa và Tiểu ban chuyên môn để rà soát trước khi ban hành bộ đề cương chi tiết theo biên bản số 101 ngày 21/2/2014 [14.02.03]. Theo đó, CĐR CTĐT vẫn giữ nguyên. Năm 2016, Hội đồng Khoa học và Đào tạo rà soát và thống nhất điều chỉnh CĐR tiếng Anh [14.01.17]. Cuộc họp giao ban giao cho hai Khoa rà soát và điều chỉnh các

CĐR học phần để chuẩn bị ban hành bộ đề cương chi tiết cho chương trình đào tạo 04 năm theo biên bản số 583 ngày 17/6/2016 [14.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương học phần/học phân, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các học phần/học phân được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Trong giai đoạn từ tháng 8/2014 đến tháng 9/2019, Nhà trường ban hành và công bố chính thức 02 bộ đề cương chi tiết học phần của 02 chương trình đào tạo năm 2013 và 2016 được ban hành chính thức theo quyết định số 1244 ngày 30/12/2014 [14.01.19] và 903 ngày 09/6/2017 [14.01.20].

Kế hoạch học tập hàng năm cũng được Nhà trường ban hành chính thức theo các quyết định số 616/QĐ-ĐHDK ngày 01/7/2015 cho năm học 2015-2016 [14.03.01]; Kế hoạch học tập năm học 2016-2017 theo quyết định số 770/QĐ-ĐHDK ngày 01/8/2016; Kế hoạch học tập năm học 2017-2018 quyết định số 788/QĐ-ĐHDK ngày 01/8/2017 là một bước giao thoa áp dụng đồng thời 02 bộ đề cương chi tiết trong giai đoạn chuyển tiếp chương trình đào tạo 5 năm và 4 năm [14.03.02], [14.03.03]. Kế hoạch học tập năm học 2018-2019 được ban hành theo quyết định số 570/QĐ-ĐHDK ngày 08/3/2018 áp dụng cho SV khóa V, VI, VII (tuyển sinh năm 2016, 2017, 2018) [14.03.04].

Đề cương chi tiết học phần được phổ biến đến người học bằng 02 hình thức chính là thông tin trực tiếp đến SV trước khi bắt đầu học phần và giới thiệu trên website của Nhà trường (<http://www.pvu.edu.vn/dao-tao/dao-tao-dai-hoc/khung-chuong-trinh-dao-tao>) như hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần theo hệ thống tín chỉ theo quyết định số 198 ngày 27/3/2013 [14.01.18]. Kế hoạch giảng dạy được thể hiện ở hai nhóm văn bản bao gồm kế hoạch học tập hàng năm và thời khóa biểu mỗi đầu học kỳ. Kế hoạch học tập hàng năm [14.03.01-04] được chuyên viên của Phòng Đào tạo gửi đến SV thông qua email [14.03.05]. Thời khóa biểu đầu mỗi học kỳ được Phòng đào tạo thiết kế và cung cấp đến tất cả SV qua email [14.03.06] và lưu bản cứng tại Phòng Đào tạo. Trong đó cung cấp cụ thể thông tin các học phần tổ chức trong học kỳ, ngày giờ học, phòng học.

Theo các kế hoạch học tập đã ban hành cho từng năm học và từng học kỳ, Nhà trường triển khai hoạt động dạy học theo kế hoạch được đề ra cụ thể bằng việc lên lớp của GV theo thời khóa biểu, triển khai các hoạt động tại phòng thí nghiệm, và các hoạt động thực tập, thực tế ngoài trường.

Quá trình lên lớp theo thời khóa biểu của GV được chuyên viên Phòng Đào tạo kiểm tra để bảo đảm quá trình lên lớp được thực hiện đúng [14.03.07]. Kết quả hoạt động ghi chép này được lưu bản cứng ở Phòng Đào tạo. Đối với việc giám sát hoạt động học tập của SV, GV mỗi học phần được giao Sổ giảng dạy đầu học kỳ trong đó có kiểm tra hiện diện của SV trong mỗi giờ giảng [14.03.08].

Các học phần được thực hiện tại phòng thí nghiệm có các ghi chép ngày, giờ và mục đích sử dụng vào sổ theo dõi từng phòng thí nghiệm tương ứng [14.03.09].

Các hoạt động thực hành, thực tập ngoài trường được thể hiện bằng các quyết định cử SV đi thực tập ở từng công ty cụ thể [14.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Việc rà soát quy trình thiết kế và đánh giá CTĐT được Nhà trường thực hiện theo thông tư 07 ngày 16/4/2015 của Bộ GDĐT về “...quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ” [14.01.09] nên Nhà trường chưa ban hành chính thức quy trình thiết kế và đánh giá CTĐT riêng. Do đó, công tác rà soát các quy trình này chưa được thực hiện. Tuy nhiên, nhận thấy được vai trò của các quy trình này trong quá trình đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành các quy trình phối hợp của Phòng Đào tạo theo quyết định số 494 ngày 29/6/2018 [14.04.01] trong đó có quy trình phối hợp của Phòng Đào tạo xây dựng đề án mở ngành. Quy trình thiết kế và đánh giá CTĐT đại học nằm trong kế hoạch cải tiến trong thời gian tới.

Chương trình đào tạo ban hành năm 2013 được rà soát và điều chỉnh dựa trên rà soát CTĐT do TIEC [14.01.06] tư vấn và khung chương trình sửa đổi theo thông tư 57 ngày 27/12/2012 về “sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học ...” [14.04.02]. Nhà trường thực hiện đối sánh với các chương trình đào tạo cùng ngành của

Ngoài ý kiến của các chuyên gia TIEC trong báo cáo tư vấn tổng thể, Nhà trường còn lấy ý kiến của các chuyên gia trong ngành, là thành viên trong các Tiểu ban chuyên môn như PGS.TS. Nguyễn Trọng Tín, PGS.TS. Lê Phước Hảo, TSKH. Trần Xuân Đào, GS.TSKH. Hồ Sĩ Thoảng, GS.TSKH. Lưu Cẩm Lộc [14.01.07] .

Chương trình đào tạo ban hành năm 2016 vẫn cơ bản dựa trên chương trình khung do TIEC đề xuất, Nhà trường thực hiện đối sánh để lựa chọn mô hình xây dựng trên cơ sở tham khảo và sử dụng CTĐT của một trường đại học đã bảo đảm các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế. Cụ thể là chuyên ngành Địa chất – Đại Vật lý dầu khí tham khảo trường Đại học Tulsa, chuyên ngành Kỹ thuật Dầu khí tham khảo trường Đại học Texas A&M, chuyên ngành Lọc – Hóa dầu tham khảo Đại học Tulsa [14.04.03] .

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Các chương trình đào tạo của PVU được thiết kế xây dựng đầu tiên theo hợp đồng tư vấn tổng thể với TIEC [14.01.05] và kết quả tư vấn [14.01.06]. Chương trình đào tạo ban hành năm 2013 [14.01.03] và 2016 [14.01.04] đều là các điều chỉnh dựa trên kết quả tư vấn và tham khảo CTĐT của một trường đại học đã bảo đảm các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế. Quy trình thiết kế và đánh giá thực hiện theo thông tư 07 ngày 16/4/2015 của Bộ GDĐT về “...quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ” [14.01.09] nên Nhà trường chưa ban hành chính thức quy trình thiết kế và đánh giá chương trình đào tạo sau khi cập nhật. Tuy nhiên, nhận thấy được vai trò của các quy trình này trong quá trình đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành các quy trình phối hợp của Phòng Đào tạo theo quyết định số 494 ngày 29/6/2018 [14.04.01] trong đó có quy trình phối hợp xây dựng đề án mở ngành đã áp dụng để xây dựng chương trình đào tạo cao học. Quy trình thiết kế và đánh giá CTĐT đại học sau khi cập nhật nằm trong kế hoạch cải tiến trong thời gian tới.

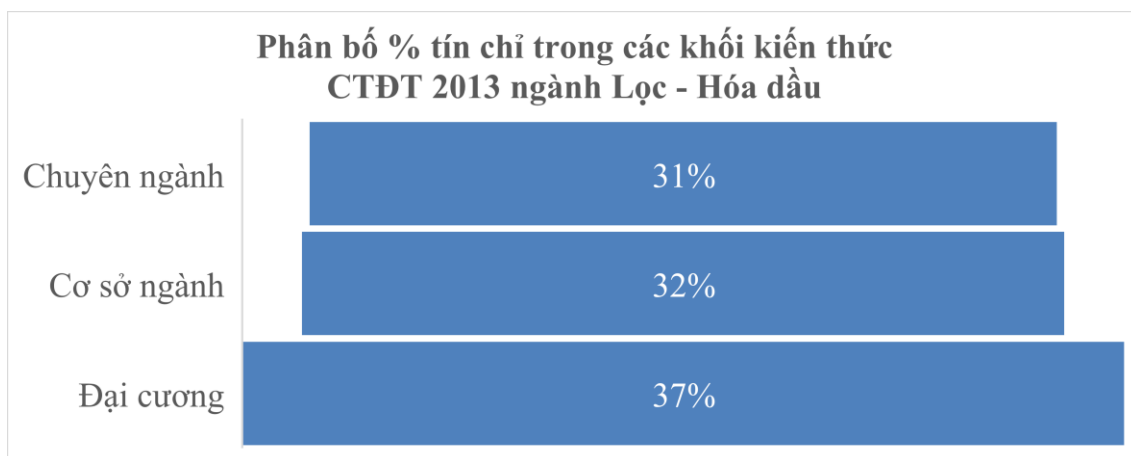
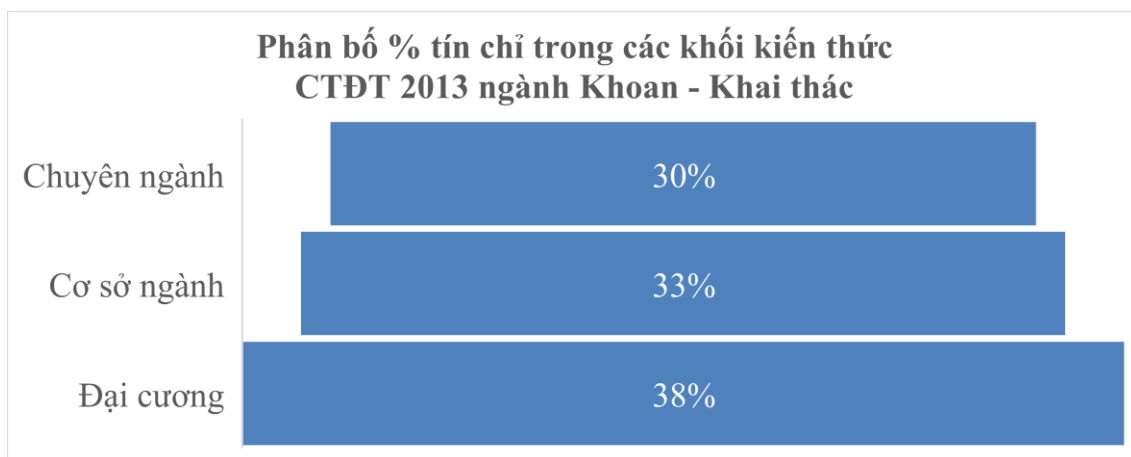
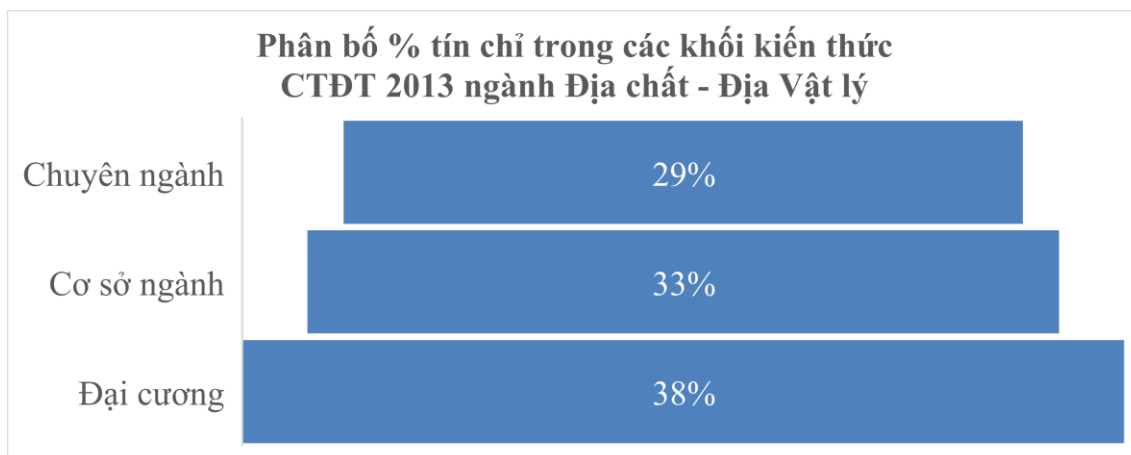
Nhà trường ban hành và công bố chương trình đào tạo cho khóa tuyển sinh 2013 và 2014 theo quyết định số 1052 ngày 13/11/2013 [14.01.03] sau khi được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua theo biên bản họp số 02 ngày 07/11/2013 [14.01.08]. Tương tự, CTĐT cho khóa tuyển sinh 2016 cũng được ban hành và công bố chính thức

theo quyết định số 874 ngày 31/8/2016 [14.01.04] sau khi được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua theo biên bản họp số 01 ngày 25/7/2016 [14.01.17]

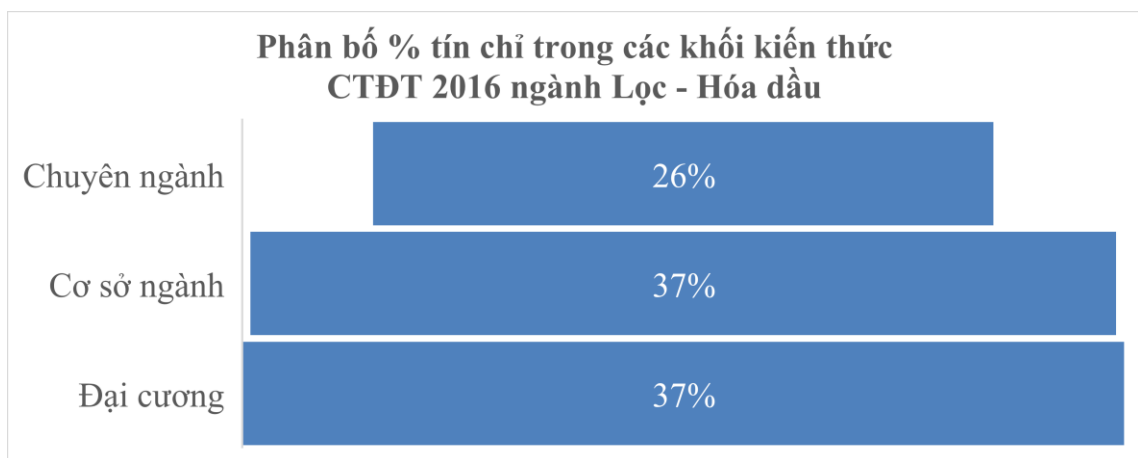
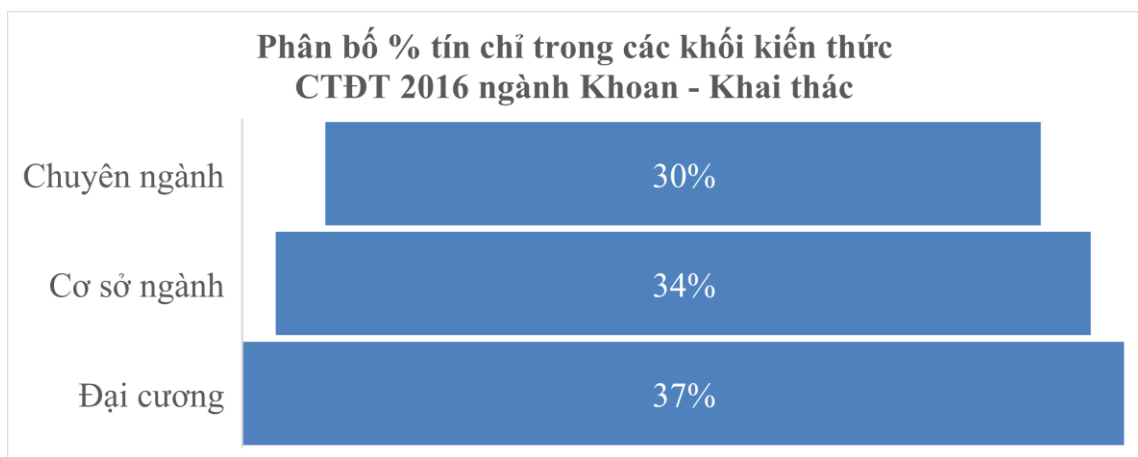
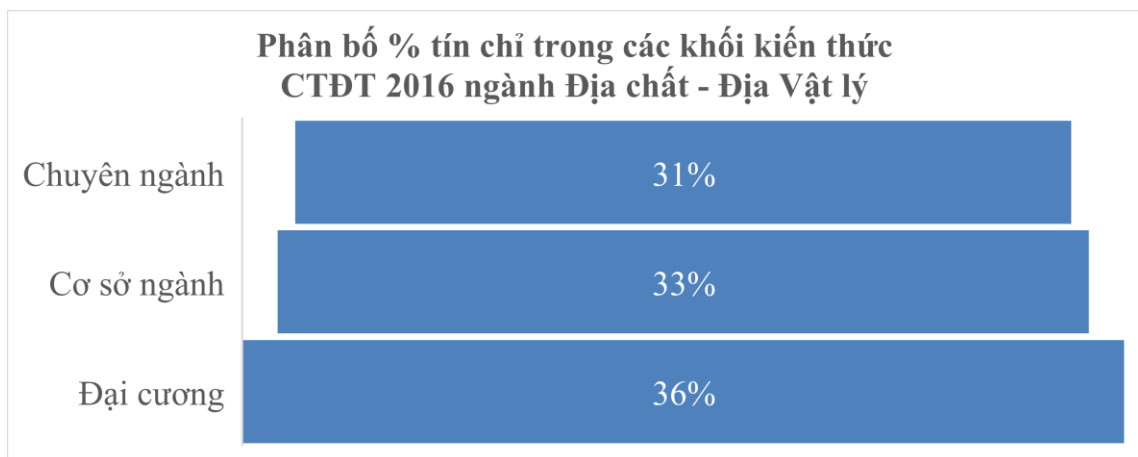
CTĐT của PVU tổ chức theo trình tự từ khối kiến thức Đại cương đến Khối kiến thức Cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành bảo đảm cho SV có đủ các kiến thức cần thiết trước khi tiếp cận các kiến thức mức độ cao hơn theo khung CTĐT [14.01.03-04]. Phân bố tín chỉ trong các khối kiến thức được thể hiện ở hình 14.1 và 14.2 Nhà trường cũng quy định về các học phần trước, song hành, tiên quyết cụ thể trong các đề cương chi tiết đã ban hành [14.01.19-20] ví dụ như học phần “Công nghệ hóa dầu” đòi hỏi cùng lúc 03 học phần bao gồm Hóa Hữu cơ – HP tiên quyết, Công nghệ lọc dầu – HP học trước, Công nghệ chế biến khí – HP song hành (<http://www.pvu.edu.vn/images/cac-don-vi/Phong-Dao-Tao/Khung-CT-DaoTao-2016/all/CongNgheHoaDau.docx>).

Tỉ lệ % tín chỉ của các ngành được thể hiện ở hình 14.3 cho CTĐT năm 2013 và hình 14.4 cho CTĐT năm 2016.

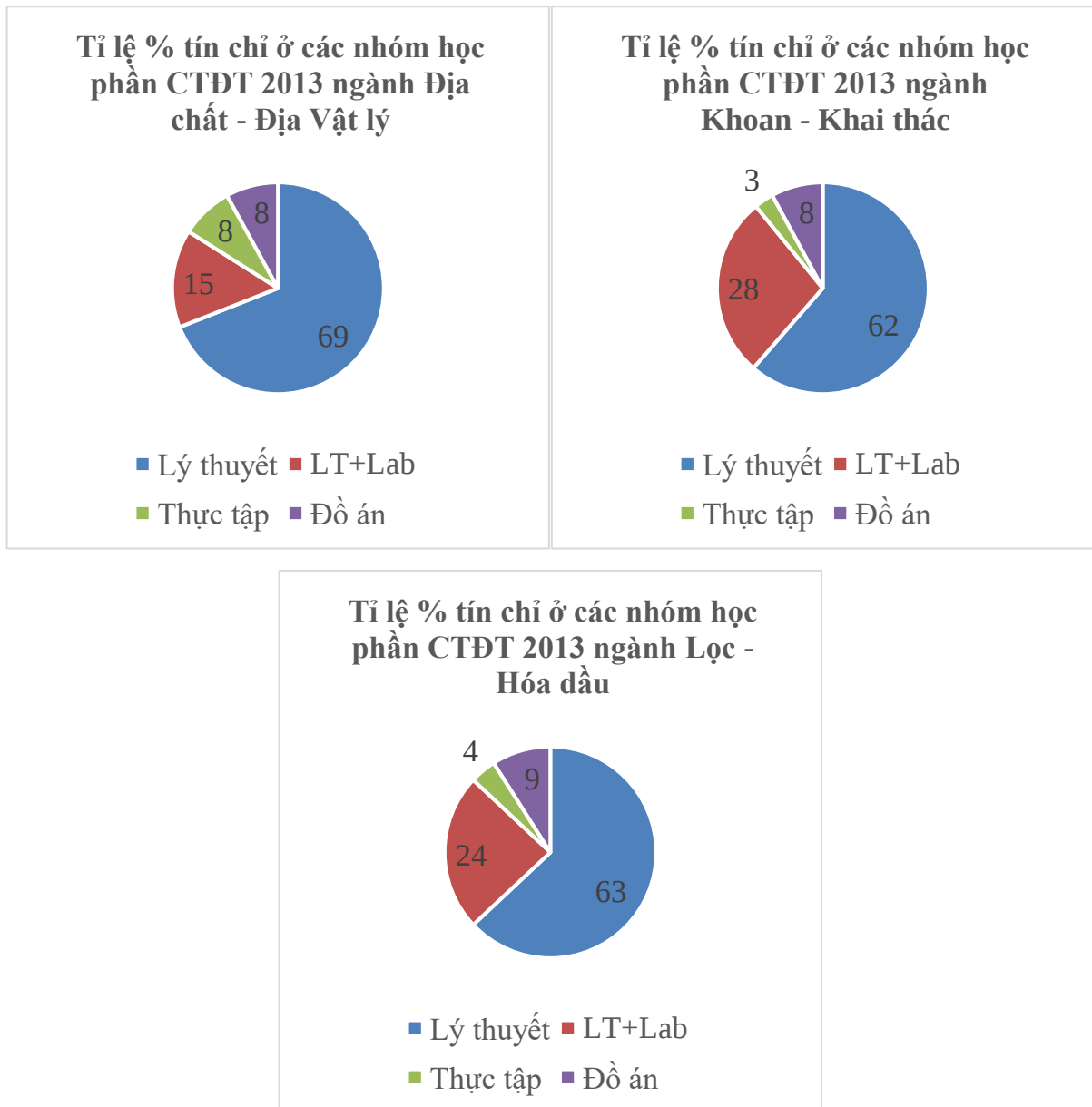
Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành khoảng 62%-63% tổng số tín chỉ ở cả 03 chuyên ngành mà PVU ban hành năm 2013 và 2016 bảo đảm cung cấp cho SV đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết khi tốt nghiệp [14.05.01].



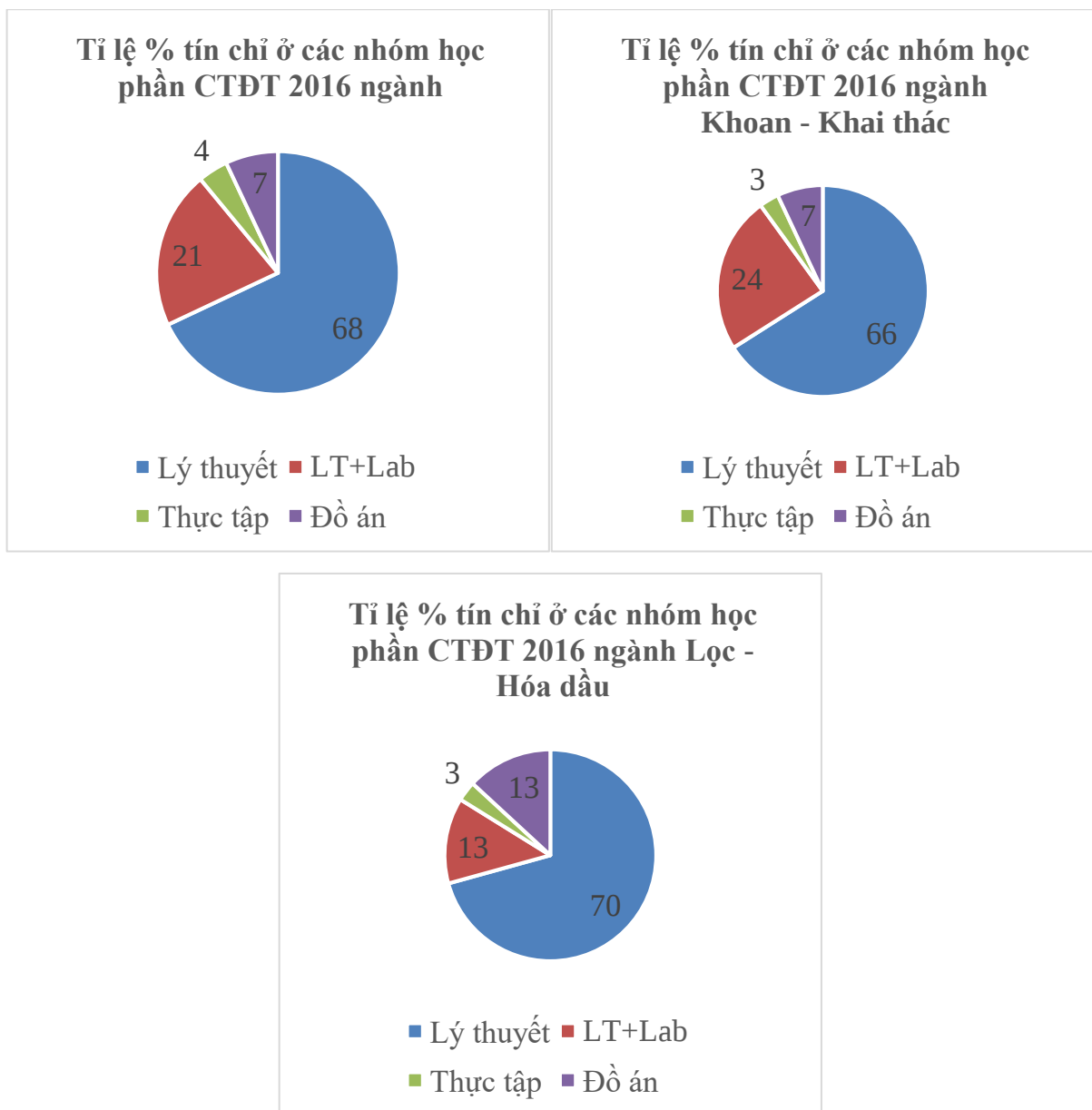
Hình 14.1. Phân bố tín chỉ trong các khối kiến thức của CTĐT năm 2013



Hình 14.2. Phân bố tín chỉ trong các khối kiến thức của CTĐT năm 2016



Hình 14.3. Tỉ lệ % tín chỉ trong các nhóm học phần CTĐT 2013



Hình 14.4. Tỉ lệ % tín chỉ trong các nhóm học phần CTĐT 2016

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết được lấy ý kiến từ kết quả tư vấn của TIEC theo chương trình đào tạo đủ chuẩn ABET và ý kiến đóng góp của các chuyên gia đầu ngành trong các ngành học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa có Ban hành chính thức các văn bản quy định và hướng dẫn quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định và phê duyệt chương trình dạy học, đề cương chi tiết và chuẩn đầu ra.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành văn bản quy định và hướng dẫn quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định và phê duyệt chương trình dạy học, đề cương chi tiết và chuẩn đầu ra	Phòng Đào tạo	9-12/2019	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	<i>4,80</i>
Tiêu chí 14.1	6
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	4

Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống để lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và nhằm đạt được chuẩn đầu ra

Trước năm 2018, Nhà trường chưa có công bố chính thức về TLGD. Tuy nhiên, theo tờ trình số 19, 20, 21/TTr-ĐHDK ngày 20/01/2011 của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam gửi Bộ GDĐT, và Vụ Giáo dục Đại học về đề nghị cho phép mở ngành đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật Dầu khí [15.01.01], Kỹ thuật Địa chất [15.01.02] và Kỹ thuật Hóa dầu [15.01.03] thì các mục tiêu đào tạo của Nhà trường đều hướng đến đào tạo SV tốt nghiệp có các đặc điểm phù hợp với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và của đất nước, cụ thể là:

- Có bản lĩnh chính trị, đạo đức, học vấn, và sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp dầu khí hiện đại của Việt Nam.
- Có kiến thức nền tảng vững chắc, có kiến thức và kỹ năng về từng ngành học.
- Có năng lực thiết kế, thi công sản xuất, nghiên cứu và sáng tạo khoa học, quản lý sản xuất trong lĩnh vực được đào tạo.
- Có thể đảm nhiệm công tác tại các đơn vị thuộc Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam, các công ty dầu khí và dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí trong và ngoài nước, các trường đại học và viện nghiên cứu theo các chuyên ngành liên quan.

Năm 2018, Nhà trường ban hành quyết định số 676/QĐ-ĐHDK ngày 10/9/2018 công bố "Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Đại học Dầu khí Việt Nam" và Ban hành "Sổ tay văn hóa Đại học Dầu khí Việt Nam" với TLGD là một nội dung thuộc sổ tay [15.01.04]. TLGD nêu rõ “PVU xác định mọi hoạt động Đào tạo và Giáo dục phải tạo ra được những người lao động mới - Nhân tài cho phát triển của Đất Nước và Thế giới. ...” theo xu hướng công dân toàn cầu.

Chuẩn đầu ra của các CTĐT được ban hành theo quyết định số 361/QĐ-ĐHDK ngày 12/5/2011 đề cập 10 tiêu chí chung cho các ngành đào tạo của Nhà trường, có thể được chia thành 03 nhóm chính gồm trình độ – kiến thức – năng lực chuyên môn; kỹ năng làm việc – giao tiếp – học tập – nghiên cứu – ngoại ngữ; và thái độ – phẩm chất đạo đức [15.01.05]. Các CĐR chung của 03 CTĐT này phù hợp với mục tiêu đào tạo

của Nhà trường từ năm 2011 là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và của đất nước [15.01.01-03]; và TLGD ban hành chính thức năm 2018 là phải tạo ra được những người lao động mới - Nhân tài cho phát triển của Đất Nước và Thế giới [15.01.04].

Căn cứ theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” của Bộ GDĐT ban hành tại quyết định số 43/2007 ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, ngày 03/5/2013 Nhà trường đã ban hành Quyết định số 298/QĐ-ĐHDK về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [15.01.06]. Trước đó, ngày 27/3/2013 Nhà trường cũng ban hành Quyết định số 197/QĐ-ĐHDK về việc hướng dẫn phương pháp dạy và học theo hệ thống tín chỉ [15.01.07] nhằm nâng cao ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học – tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, nâng cao kỹ năng làm việc – tìm kiếm – xử lý thông tin – trình bày – thảo luận. Đồng thời Nhà trường cũng ban hành Quyết định số 198/QĐ-ĐHDK hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần theo hệ thống tín chỉ [15.01.08] nhằm đẩy mạnh khâu tự học, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của SV. Cũng trong thời gian này Nhà trường tiếp tục ban hành Quyết định số 199/QĐ-ĐHDK hướng dẫn xây dựng bài giảng điện tử phải “phù hợp với thực tiễn và cập nhật những tri thức mới nhất của khoa học và công nghệ”. Các văn bản hướng dẫn hoạt động dạy và học trên luôn bám sát định hướng tạo ra được những người lao động mới - Nhân tài cho phát triển của đất nước và thế giới.

Quy chế dạy và học theo hệ thống tín chỉ của PVU [15.01.06] đảm bảo cho SV tốt nghiệp tại Trường và được cấp bằng phải hoàn thành toàn bộ CTĐT của ngành và có số điểm TBCTL không dưới 5 để đạt chuẩn đầu ra của từng học phần. Đồng thời Trường có các văn bản hướng dẫn như hướng dẫn dạy và học theo hệ thống tín chỉ [15.01.07]; hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần theo hệ thống tín chỉ [15.01.08]; hướng dẫn xây dựng bài giảng điện tử [15.01.09]; hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan [15.01.10] đều đưa ra các yêu cầu chung là nội dung phải phù hợp với mục tiêu, chương trình đào tạo, đảm bảo cung cấp kiến thức, kỹ năng và chuẩn đầu ra đã ban hành. Tiếp đó, để nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV theo chuẩn đầu ra, ngày 15/3/2016 Nhà trường đã ban hành quyết định số 238/QĐ-ĐHDK hướng dẫn tổ chức – thực hiện đồ án học phần và đồ án tốt nghiệp [15.01.11]. Như vậy với tất

cả các quy định, hướng dẫn hiện hành đảm bảo các hoạt động dạy và học đạt được chuẩn đầu ra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Chiến lược phát triển đội ngũ GV và các giải pháp được cụ thể hóa ở Nghị quyết số 1227/NQ-ĐHDK ngày 24/12/2014 [15.02.01] về chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025. Kế hoạch chú trọng bổ sung, thu hút đội ngũ GV có trình độ từ tiến sĩ trở lên tốt nghiệp ở nước ngoài; xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp của từng cán bộ, GV; bố trí, sắp xếp, tuyển dụng nhân sự phù hợp.

Ban đầu khi chuẩn bị thành lập Trường, chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ GV chất lượng cao làm việc tại PVU do Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên) của Tập đoàn phê duyệt theo quyết định số 3281/QĐ-DKVN ngày 12/11/2009 [15.02.02] với nhiều ưu đãi vượt trội như hỗ trợ nhà ở; phương tiện đi lại, đồng phục, phụ cấp thu hút, chế độ đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và phúc lợi. Quy định này cũng đưa ra mức phụ cấp trình độ cao thêm 20% hoặc 30% lương chức danh cho GV đạt chuẩn Tiếng Anh IELTS 6.5 hoặc 7.0. Đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ, thăm hỏi, khen thưởng đột xuất cũng được quy định trong quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi ban hành kèm quyết định số 328/QĐ-ĐHDK ngày 12/4/2012 [15.02.04]. Đối với GV thỉnh giảng là cán bộ trong ngành, chính sách của Trường từ năm 2009 cũng nêu rõ các định mức thù lao cao hơn 10% so với cán bộ cơ hữu cùng chức danh.

Hiện nay, hầu hết các chế độ này vẫn được duy trì như trong quy chế trả lương, thưởng của Trường ban hành theo quyết định số 50/QĐ-ĐHDK ngày 23/01/2017 [15.02.03]. Trong thông báo tuyển dụng trên website của Nhà trường (<http://www.pvu.edu.vn/tuyen-dung/thong-bao-tuyen-dung-can-bo-giang-day-nam-2019>) cũng nêu rõ các đãi ngộ mà ứng viên trúng tuyển sẽ nhận được [15.02.05]. Từ 01/9/2014 đến tháng 31/8/2019, đã có 06 cán bộ được nhận phụ cấp trình độ cao trong đó có nguyên Hiệu trưởng PGS. TS. Lê Phước Hảo, Phó Hiệu trưởng TS. Hoàng Hùng, Phó Hiệu trưởng PGS. TS. Lê Văn Sỹ và PGS. TS. Phạm Hồng Quang [15.02.06]. Tất

cả cán bộ có hộ khẩu ngoài tỉnh BRVT được hưởng phụ cấp nhà ở với mức 3.000.000 đồng/người/tháng [15.02.07]; 100% cán bộ được hưởng phụ cấp đi lại [15.02.08] và 100% cán bộ được mua bảo hiểm PVICare [15.02.09]. Một chế độ phúc lợi đặc biệt khác là Nhà trường hỗ trợ cán bộ mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện VPI Sunlife với mức 1 triệu đồng/người/tháng từ 01/01/2015 [15.02.10] và được nâng lên mức 3,0 triệu đồng/người/tháng từ năm 2018 [15.02.11].

Với tất cả các chế độ đãi ngộ hấp dẫn như trên, Trường đã tuyển dụng được hơn 20 GV có trình độ tiến sĩ tốt nghiệp từ nhiều trường đại học uy tín ở nước ngoài góp phần thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Ngành Dầu khí.

Nhà trường phân công nhiệm vụ giảng dạy cho từng GV theo kế hoạch học tập hàng năm [15.02.12], trong đó giao nhiệm vụ giảng dạy từng học phần cho GV có chuyên môn phù hợp trên cơ sở đề xuất từ các Bộ môn và Khoa. Một số nhiệm vụ quan trọng như hướng dẫn và bảo vệ đồ án tốt nghiệp, Nhà trường sẽ ban hành quyết định phân công theo đề xuất của các Bộ môn dựa trên chuyên môn của GV và lĩnh vực nghiên cứu của đồ án [15.02.13]. Tùy theo vị trí chức danh, kinh nghiệm làm việc và học vị, mỗi GV sẽ được giao hướng dẫn số lượng đồ án khác nhau và được quy định trong Hướng dẫn tổ chức – thực hiện đồ án học phần và đồ án tốt nghiệp theo Quyết định số 238/QĐ-ĐHDK ngày 15/3/2019 [15.01.10]. Thành phần hội đồng bảo vệ các đồ án cũng được thành lập theo chuyên môn bảo đảm phù hợp với từng chuyên ngành [15.02.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Môi trường học tập ở PVU được tổ chức đa dạng giúp SV có thể học tốt tại Trường, tự học tại nhà, học tại đơn vị sản xuất và học cả trên nền internet.

Ngoài việc học tập trên giảng đường và làm thực hành, thí nghiệm trên các thiết bị hiện đại theo kế hoạch học tập và thời khóa biểu được ban hành trước mỗi học kỳ [15.03.01], PVU còn có hệ thống phòng tự học, trung tâm thư viện với tài khoản truy xuất nguồn tài liệu học thuật online, sân vận động, phòng gym, câu lạc bộ Tiếng Anh và các câu lạc bộ ngoại khóa [15.03.02]. SV PVU được đào tạo ở các trung tâm kỹ thuật hiện đại gần gũi với thực tiễn sản xuất như trung tâm mô phỏng kỹ thuật dầu khí Schlumberger, trung tâm tự động hóa Honeywell, phòng mô phỏng Khoan, phòng mô

phòng khai thác dầu khí và phòng mô phỏng vận hành nhà máy lọc dầu [15.03.03]. Các đào tạo này không những cung cấp kiến thức chuyên môn cho SV mà còn giúp SV hình thành các kỹ năng để tiếp cận công việc thực tế.

Trong kế hoạch đào tạo, SV PVU còn được thực tập ngắn hạn tại các đơn vị sản xuất là các công ty lớn trong Ngành Dầu khí như PVEP, Biển Đông POC, Đạm Cà Mau, thực địa tại Tuy Hòa, Đà Lạt [15.03.04] nhằm tạo thuận lợi cho SV cập nhật kiến thức và nghiên cứu khoa học, cũng như gắn lý thuyết với thực tiễn. Các SV xuất sắc của Trường được lựa chọn tham gia các chương trình học ở nước ngoài như Nga, Hoa Kỳ [15.03.05].

Các hoạt động học tập được PVU triển khai phong phú. Song song với việc học tập trên giảng đường, hầu hết các học phần liên quan đến kỹ thuật sẽ được thực hành, thực tập với thời lượng phù hợp [15.03.01]. Trong chương trình đào tạo SV PVU còn có các học phần đồ án chuyên ngành nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn [15.03.06]. Nội dung đồ án là các vấn đề mà đơn vị sản xuất trong ngành đã và đang thực hiện giúp SV nâng cao khả năng tự học và tự nghiên cứu. Hàng năm, SV chuyên ngành sẽ được thực tập tại đơn vị sản xuất trong thời gian từ 2-4 tuần [15.03.04] giúp SV rèn luyện các kỹ năng công việc và thích nghi với môi trường thực tế.

Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề với các chuyên gia trong Ngành Dầu khí hoặc các lãnh đạo từ các đơn vị sản xuất [15.03.07]. Các SV cũng thường xuyên được tham gia các hoạt động học thuật chuyên môn bao gồm trao đổi nghiên cứu, thuyết trình tại câu lạc bộ chuyên ngành [15.03.08].

Nhà trường đã ứng dụng nhiều công nghệ và phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra. Học phần ngoại ngữ ứng dụng phương pháp Blended – Learning Method kết hợp giữa cách học truyền thống trên lớp và cách học hiện đại E-learning (Mobile Learning và Internet Learning) [15.03.09]. Trường cũng có một hệ thống các phòng thí nghiệm chuyên ngành hiện đại [15.03.03] và được vận hành hiệu quả nhằm đào tạo kỹ năng cho SV như phòng mô phỏng khoan, khai thác, vận hành nhà máy lọc dầu. Các phòng thí nghiệm này có các giả lập hoạt động vận hành như thực tế. Các đồ án học phần và đồ án tốt nghiệp được lựa chọn gắn với hệ thống phòng thí nghiệm, mô phỏng hoặc thực tiễn [15.03.06]. Hầu hết ĐCCT các học phần đều có việc trao đổi, thảo luận và làm việc nhóm kết hợp với báo cáo bằng trình chiếu [15.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Hoạt động dạy và học được Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo giám sát bằng nhiều công cụ khác nhau. Ngay từ khi mới thành lập Trường công tác dự giờ đã được chú ý và quy định thành văn bản tại Quyết định số 503/QĐ-ĐHDK ngày 29/6/2011 [15.04.01]. Hàng năm Nhà trường cũng lập kế hoạch dự giờ với sự tham dự của đại diện bộ môn, khoa và Phòng Đào tạo [15.04.02]. Hơn nữa, Phòng Đào tạo cũng phân công nhiệm vụ cho một chuyên viên giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy của giảng viên hằng ngày [15.04.03]. Đối với việc giám sát hoạt động học tập của SV, GV giảng dạy học phần sẽ trực tiếp theo dõi và ghi vào một sổ giảng dạy do Phòng Đào tạo ban hành [15.04.04]. Trong đó ghi rõ số SV vắng mặt, tình trạng lớp học và một số ghi chú về hoạt động trên lớp của SV.

Trường thực hiện nhiều hình thức đánh giá GV để đảm bảo sự khách quan và công bằng. Sau khi kết thúc mỗi học phần, SV được yêu cầu đánh giá GV thông qua một giao diện phần mềm đơn giản, thân thiện với người dùng trên internet [15.04.05]. Nội dung đánh giá bao gồm việc chuẩn bị bài của GV (đề cương chi tiết, tài liệu tham khảo, bài giảng trình chiếu, phương pháp học và cách đánh giá), khả năng quản lý lớp, khả năng thuyết trình và truyền đạt, khả năng giải quyết vấn đề phát sinh, các hoạt động dạy và học trên lớp, công tác thi. GV cũng được đánh giá qua hoạt động dự giờ, nội dung đánh giá tập trung vào kỹ năng thuyết trình, phương pháp giảng dạy, cách tiếp cận và truyền đạt kiến thức đến SV [15.04.06]. Đồng thời các bộ môn, khoa cũng thực hiện đánh giá hàng quý, bao gồm cả việc đánh giá khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV để Trường có căn cứ xếp loại thi đua và phân bổ lương khuyến khích [15.04.07]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng TCHC phối hợp với Phòng Đào tạo thực hiện công tác thống kê toàn bộ hoạt động của GV [15.04.08] bao gồm dạy trên lớp, hướng dẫn đề tài, đồ án, luận văn, đội tuyển Olympic, bài báo khoa học, đề tài khoa học, tham gia các hội đồng và công tác thi. Trên cơ sở đó Phòng TCHC sẽ đưa ra cảnh báo đối với các CBGD không đạt chuẩn chức danh.

Hàng năm Nhà trường đều lấy phiếu khảo sát ý kiến từ người học [15.04.09] với các nội dung về mục tiêu và chương trình đào tạo, đội ngũ GV, quản lý đào tạo, cơ sở

vật chất, hoạt động hỗ trợ người học, sinh hoạt và đời sống. Phần lớn các ý kiến đều đồng thuận rằng mục tiêu ngành học rõ ràng, nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo, SV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, tỉ lệ phân bố giữa thời lượng học lý thuyết và thực hành hợp lý, đào tạo Tiếng Anh với chuẩn đầu ra IELTS 5.5 là phù hợp với yêu cầu của xã hội, đội ngũ GV có kiến thức chuyên môn tốt, có kinh nghiệm thực tế, GV có phương pháp giảng dạy sinh động, thu hút người học và khuyến khích người học tự học. Đồng thời Nhà trường cũng lấy ý kiến khảo sát của cựu SV PVU về các chương trình đào tạo [15.04.10]. Hầu hết các SV đã tốt nghiệp trong 3 năm gần đây đều đánh giá đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc thực tế.

Để cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, các bộ môn/khoa đều có các cuộc họp rà soát sau mỗi học kỳ. Căn cứ vào phiếu khảo sát phản hồi của SV về từng học phần [15.04.05] các GV sẽ điều chỉnh lại phương pháp giảng dạy và các hoạt động trên lớp cho phù hợp. Đồng thời bộ môn/khoa cũng phân tích các báo cáo tổng hợp về đối sánh đề thi [15.04.011] và phổ điểm thi của từng học phần [15.04.12] để có các cải tiến kịp thời. Cụ thể, Bộ môn Tiếng Anh đã triển khai phương pháp Blended learning [15.03.09]; một số học phần đã thay đổi cách kiểm tra, đánh giá từ hình thức trắc nghiệm sang tự luận, thiết kế trên máy hoặc vấn đáp [15.04.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

TLGD được Nhà trường ban hành lần đầu năm 2018 [15.01.04] nên trong giai đoạn đánh giá 2014-2019 Nhà trường chưa có điều chỉnh nào. Tuy nhiên việc điều chỉnh TLGD theo nội dung phù hợp với chuẩn đầu ra và tiếp cận xu hướng mới nằm trong kế hoạch điều chỉnh cải tiến giai đoạn sắp tới.

Trong 5 năm qua, Trường đã 2 lần điều chỉnh CTĐT, lần đầu vào năm 2014 [15.05.01] và gần đây nhất là năm 2016 chương trình đại học được điều chỉnh xuống còn 4 năm theo hướng hội nhập với các trường đại học của Hoa Kỳ [15.05.02]. CTĐT điều chỉnh lần này bổ sung một số học phần mới theo xu hướng phát triển khoa học công nghệ và cũng đang được giảng dạy tại các trường đại học chuyên ngành dầu khí hàng

đầu của Hoa Kỳ [15.05.03]. Chương trình đào tạo năm 2016 cũng đã điều chỉnh tăng thời lượng thực hành, thí nghiệm, thảo luận và thực tập ngắn hạn để SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho một kỹ sư tương lai [15.05.04]. Cũng bắt đầu từ năm 2016 các hoạt động dạy và học đã được cải tiến đáng kể khi phần lớn các bài giảng điện tử được soạn bằng Tiếng Anh [15.05.05] và nhiều học phần đã được giảng dạy bằng Tiếng Anh [15.05.06] nhằm đạt được yêu cầu hội nhập quốc tế. Bộ môn Tiếng Anh cũng tăng cường các lớp phụ đạo vào hè nhằm hỗ trợ SV đạt chuẩn đầu ra IELTS 5.5 [15.05.07].

Để SV ra trường thích nghi ngay với thực tiễn công việc, Trường cũng đã bổ sung thêm học phần kỹ năng nghề nghiệp [15.05.04] trang bị các kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức công việc thực tế như một kỹ sư, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đàm phán và kỹ năng xử lý văn bản trong các doanh nghiệp. Các kỹ năng này giúp cho SV có thể dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc thực tế.

Định kỳ hàng năm Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm của SV, cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng để phân tích, đánh giá, từ đó có những đề xuất cải tiến phù hợp. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV hài lòng với mục tiêu và chương trình đào tạo tại Trường, đánh giá cao về đội ngũ GV, công tác quản lý đào tạo hợp lý, chặt chẽ, cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ người học đều đáp ứng yêu cầu, các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt và đời sống tương đối phong phú, đa dạng [15.04.09]. Các cựu SV đều có chung ý kiến phản hồi chương trình đào tạo của Trường cung cấp khá đầy đủ những kiến thức và kỹ năng cho yêu cầu công việc [15.04.10]. Khảo sát từ các nhà tuyển dụng cũng đánh giá SV PVU có thể đáp ứng yêu cầu công việc và sử dụng được ngay [15.05.08]. Các GV cũng thường xuyên nhận được các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng thông qua các đợt đi làm việc thực tế, dẫn SV đi thực tập, các buổi họp trao đổi công việc, các hội thảo, hội nghị trong Ngành Dầu khí và các dịp tiếp xúc khác. Qua đó các nhà tuyển dụng đã đánh giá khá cao kỹ năng và kiến thức của SV PVU, và đều đồng quan điểm hầu hết SV PVU có thể đáp ứng ngay yêu cầu công việc [15.05.09]. Một số nhà tuyển dụng ý kiến SV PVU hạn chế về thể chất nhưng lại rất nhiệt tình trong các hoạt động phong trào và thể thao.

Để có cơ sở điều chỉnh TLGD ở kỳ đánh giá tiếp theo, Trường cũng đã gửi công văn xin ý kiến của các nhà tuyển dụng, thông báo nhận phản hồi từ SV, cựu SV và toàn thể cán bộ nhân viên của Trường [15.05.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Đã có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục; nội dung triết lý phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của Trường; chuẩn đầu ra của các CTĐT cũng phù hợp với triết lý giáo dục;

- Có các quy định, hướng dẫn về hoạt động dạy và học, cũng như các công cụ giám sát, đánh giá hoạt động dạy và học;

- Thực hiện thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm SV, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng về các hoạt động của Trường;

- Trường có chiến lược, chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển, bồi dưỡng đội ngũ GV nên hiện nay đã hình thành được một đội ngũ GV có trình độ cao và tâm huyết với nghề.

- Trường có đội ngũ GV thỉnh giảng là các chuyên gia đầu Ngành Dầu khí và chuyên gia nước ngoài đáp ứng yêu cầu giảng dạy gắn liền với thực tiễn và mang tính hội nhập quốc tế;

- Trường được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành, thí nghiệm rất hiện đại, đầy đủ giúp SV không những nắm chắc kiến thức mà còn vững các kỹ năng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc tuyển dụng chưa được thực hiện đều đặn do các yếu tố khách quan từ tình hình giá dầu thế giới và quy mô tuyển sinh được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt;

- Phiếu khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng còn tương đối sơ sài.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Căn cứ vào kế hoạch hàng năm được Tập đoàn phê duyệt, có kế hoạch đăng tuyển thường xuyên trên website của PVU	Phòng TCHC	9/2019	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng lại phiếu khảo sát ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng sao cho đánh giá đầy đủ các mặt về kiến thức, kỹ năng, thái độ, khả năng thích nghi với công việc và khả năng làm việc được ngay.	Phòng Đào tạo	9/2019	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	5
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Trước tháng 8/2019, Trường chưa có quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch đánh giá người học nhưng vẫn thực hiện theo các bước phù hợp trong quá trình học tập. Trước hết, tháng 8 hàng năm, Phòng Đào tạo lập và trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch học tập cho cả năm học, trong đó có kế hoạch đánh giá người học như kiểm tra giữa kì (vào tuần thứ 8), thi kết thúc học phần (từ tuần 18-21), bảo vệ đề cương đồ án tốt nghiệp (tuần 28), bảo vệ đồ án tốt nghiệp (tuần 47, 48) [16.01.01]. Kế hoạch học tập năm học đó được ban hành kèm theo quyết định giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp với các đơn vị chức năng để triển khai thực hiện. Cụ thể, Phòng Đào tạo có nhiệm vụ lập phương án kiểm tra giữa kì, kết thúc học phần và phương án thanh kiểm tra cho các kì thi, kiểm tra; Khoa KHCB và Khoa Dầu khí có nhiệm vụ lập kế hoạch phân công biên soạn, tổ hợp và duyệt đề thi [16.01.02]; và phối hợp với Phòng Đào tạo thực hiện công tác coi thi. Tiếp theo, đến giữa kì và cuối mỗi học kì, Phòng Đào tạo tiếp tục lập và trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch đánh giá cụ thể cho các học phần, đồ án học phần và đồ án chuyên ngành [16.01.03]. Trách nhiệm này của phòng Đào tạo được thể hiện rõ trong *Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo* [14.01.01] và *Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam*. Theo điều 24 của quy chế, việc tổ chức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần phải được Phòng Đào tạo lập kế hoạch, Tổ ĐBCL phối hợp với các Khoa/Trung tâm/Bộ môn tổ chức thực hiện, giám sát, thanh và kiểm tra để đảm bảo kỳ kiểm tra/thi diễn ra nghiêm túc, tuân thủ đúng thời gian và quy chế.

Trên cơ sở rà soát các văn bản đã có và trong quá trình tự đánh giá, nhận thấy tầm quan trọng của quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch đánh giá người học, đến tháng 8/2019, Nhà trường đã văn bản hoá và ban hành quy trình này làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện đánh giá người học về sau [16.01.04].

Đối với quy trình lựa chọn các loại hình đánh giá người học, trước tháng 8/2019, PVU cũng chưa có văn bản cụ thể hướng dẫn mà thực hiện theo quy trình xây dựng Đề cương chi tiết của Bộ GDĐT, trong đó nêu rõ các bước lựa chọn các hình thức đánh giá trong ĐCCT. Cụ thể, Trường đã thực hiện như sau: căn cứ vào các Quyết định về việc

giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 và 2017 [04.02.02] và các biên bản họp giao ban, các Khoa và phòng Đào tạo có trách nhiệm trong việc xây dựng đề cương chi tiết học phần theo khung Chương trình đào tạo đã ban hành. Đối với bộ ĐCCT năm 2014, Nhà trường đã thành lập Hội đồng cấp Trường và các Tiểu ban chuyên môn xây dựng Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, theo đó, các tiểu ban chuyên môn (danh sách cụ thể) có trách nhiệm xây dựng ĐCCT và Hội đồng cấp trường nhận xét và đánh giá [14.01.07]. Đối với bộ ĐCCT năm 2017, các CBGD của Trường chịu trách nhiệm biên soạn nội dung và lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp với đặc thù mỗi học phần đảm nhận, theo *Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần theo hệ thống tín chỉ* [14.01.18]. Sau đó, ĐCCT được Khoa/Bộ môn xem xét và thông qua. Cuối cùng, các ĐCCT được trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành, trong đó có các hình thức đánh giá phù hợp cho từng học phần [14.01.19, 14.01.20].

Nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng trong đánh giá năng lực của SV và khắc phục những hạn chế của hình thức kiểm tra và tự luận, Nhà trường lựa chọn hình thức thi trắc nghiệm khách quan cho hầu hết các học phần, áp dụng cho cả kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần. Đối với những học phần đặc thù, PVU cũng khuyến khích sử dụng thêm các hình thức đánh giá khác (như bài tập nhóm, bài tập định kì, báo cáo chuyên đề, tiểu luận, tự luận, vấn đáp...) trong đánh giá quá trình học, kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần, và phải được Hiệu trưởng phê duyệt.

Dựa vào quá trình rà soát, đánh giá các văn bản đã ban hành và quá trình tự đánh giá cơ sở giáo dục, nhận thấy sự cần thiết PVU đã tiến hành biên soạn và ban hành quy trình lựa chọn các loại hình đánh giá người học vào tháng 8/2019, để làm cơ sở thực hiện [16.01.05].

Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam có các nội dung liên quan đến việc đánh giá người học, cụ thể như sau: quy định các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV (điều 5, chương I); quy định về cách tính điểm tổng hợp của mỗi học phần (điều 23 và điều 26, chương IV); hướng dẫn việc tổ chức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần, các hình thức đánh giá được áp dụng, điều kiện dự thi (điều 24, chương IV); các hoạt động ra đề thi, chấm thi (điều 25, chương IV); bảo vệ đồ án tốt nghiệp (điều 29, chương V).

Để thực hiện các bước cụ thể trong quy trình đánh giá người học, Nhà trường đã

ban hành các văn bản sau: *Quy trình tổ chức kiểm tra giữa học kì và thi kết thúc học phần* [16.01.06]; *Kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần* [16.01.03]; *Quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra và kiểm tra trong Kiểm tra và Thi kết thúc học phần* [16.01.07]; *Hướng dẫn biên soạn Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan* [16.01.08]; *Hướng dẫn tổ chức, thực hiện Đồ án học phần và Đồ án tốt nghiệp trình độ đại học hệ chính quy* [16.01.09].

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra giữa học kì và thi kết thúc học phần, các nhiệm vụ được phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng Đào tạo; Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm, Trưởng Bộ môn; Bộ phận quản lý phòng máy; GV và Cán bộ coi thi. Ví dụ, nhiệm vụ của phòng Đào tạo gồm: (1) phối hợp với bộ phận quản lý phòng máy lên lịch kiểm tra/thi; (2) quản lý ngân hàng câu hỏi thi/đề thi; (3) tổ chức thi (coi thi, theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thi); (4) tổ chức giải quyết các sự cố trong quá trình thi [16.01.06]. Đối với việc tổ chức, hướng dẫn và bảo vệ đồ án học phần và đồ án tốt nghiệp cũng được phân công cho Khoa/Bộ môn có trách nhiệm lập danh sách phân công đề tài và GVHD; lập danh sách phân công phản biện, đề xuất danh sách Hội đồng bảo vệ đồ án. Trong khi đó, Phòng Đào tạo tiến hành làm thủ tục trình phê duyệt tên đồ án và GVHD; thủ tục thành lập Hội đồng bảo vệ đồ [16.01.09].

Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, các quy định và hướng dẫn về việc đánh giá người học được đề cập trong *Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam*, cụ thể gồm các nội dung như đánh giá học phần, công tác ra đề thi, tổ chức thi và chấm thi, cách tính điểm (mục 9-12, điều 36, chương IV); quy định về đánh giá luận văn thạc sĩ (điều 41, chương IV) [16.01.10].

Ngoài các quy định, hướng dẫn và kế hoạch đánh giá kiến thức của người học như trên, PVU cũng ban hành *Quy trình thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của SV* và *Quy định Tổ chức và đánh giá Hoạt động ngoại khoá cho SV trình độ đại học chính quy của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam*. Trách nhiệm thực hiện công việc đánh giá kết quả rèn luyện thuộc về giảng viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập dưới sự tổ chức của Phòng Đào tạo; quy trình, tiêu chí và phiếu đánh giá được quy định cụ thể trong Quy trình [16.01.11]. Đối với việc đánh giá các hoạt động ngoại khoá, trách nhiệm thuộc về Phòng Đào tạo, Đoàn Thanh niên, GVCN, Ban Cán sự lớp và BCH chi đoàn; nội dung và quy trình đánh giá cũng được nêu rõ trong Quy định [16.01.12].

Trong chương trình đào tạo của PVU, các học phần được chia thành các nhóm như sau: học phần lý thuyết, học phần lý thuyết kết hợp với thí nghiệm/thực hành, học phần thí nghiệm/thực hành. Đối với mỗi nhóm học phần nói trên, PVU đều có các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp riêng; và được mô tả cụ thể trong đề cương chi tiết. Ví dụ đối với môn *Phân tích bề trầm tích dầu khí*, các hình thức đánh giá áp dụng bao gồm: hoàn thành bài tập lớn, chuyên đề (đối với điểm quá trình); thi vấn đáp hoặc tiểu luận (kiểm tra giữa kỳ); và vấn đáp hoặc trắc nghiệm (thi cuối kỳ) [16.01.13]. Đối với học phần *Xử lý minh giải tài liệu địa chấn* thì ngoài bài tập, chuyên đề và trắc nghiệm còn áp dụng hình thức thi thực hành trên máy tính cài đặt phần mềm chuyên ngành hiện đại trong ngành Dầu khí để xử lý, minh giải tài liệu địa chấn cho một bề trầm tích cụ thể [16.01.13]. Trong khi đó, đối với các môn chỉ có phần thí nghiệm như môn *Thí nghiệm Hoá hữu cơ 1* thì Nhà trường áp dụng hình thức đánh giá thông qua các bài thí nghiệm và thi trắc nghiệm khách quan [16.01.13]. Riêng đối với các học phần tiếng Anh, do chuẩn đầu ra cho SV của PVU là đạt trình độ tương đương với IELTS 5,5 nên mỗi học phần tiếng Anh đều áp dụng các hình thức đánh giá khác nhau (trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp) cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết [16.01.13].

Đối với các đợt thực tập nghề nghiệp, các bộ môn tiến hành đánh giá thông qua các phiếu nhận xét, đánh giá của cán bộ hướng dẫn tại đơn vị thực tập [16.01.14]; báo cáo thực tập [16.01.15] và kết quả đánh giá trong buổi báo cáo tại PVU (là điểm trung bình của các CBGD). Đối với các đồ án học phần, đồ án tốt nghiệp và luận văn thạc sĩ, người học phải tiến hành bảo vệ đồ án/luận văn trước Hội đồng đánh giá; kết hợp với các đánh giá, nhận xét cả quá trình thực hiện đồ án/luận văn của GV hướng dẫn [16.01.09] và đánh giá về nội dung, kết quả của GV phản biện [16.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Các hoạt động đánh giá kết quả người học được thực hiện theo đúng *Quy trình tổ chức kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần* [16.01.06] và Kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần [16.01.03]. Để có cơ sở ban hành kế hoạch này, các Bộ môn lập kế hoạch phân công biên soạn, tổ hợp, duyệt đề kiểm tra/thi và đăng ký hình thức thi một cách cụ thể và rõ ràng [16.01.02]. Nhà trường thực hiện các bước trong

quy trình đánh giá người học rất rõ ràng với thời gian thực hiện cụ thể, gồm công tác ra đề, nộp đề cho phòng Đào tạo, công tác chuẩn bị phòng thi, biểu mẫu, đề thi, nhân bản đề thi và tổ chức phân công cán bộ coi thi cho từng học phần [16.01.03]. Đề thi của mỗi học phần đều được CBGD thực hiện phân tích và đối sánh với chuẩn đầu ra trong ĐCCT trước khi nộp Phòng Đào tạo [16.02.01]. Yêu cầu của việc đánh giá kết quả người học phải đạt chuẩn đầu ra cũng được nêu rõ trong Kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa học kì và thi kết thúc học phần. Theo đó, đề kiểm tra/thi phải bám sát các nội dung của học phần nêu trong ĐCCT, bám sát chương trình giảng dạy, đồng thời phải đạt yêu cầu phân loại trình độ học lực, phát huy khả năng tư duy áp dụng, phân tích, đánh giá sự sáng tạo của SV [16.02.03].

Kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa học kì và thi kết thúc học phần được lập, phê duyệt và công bố công khai và rộng rãi đến Khoa/Bộ môn để thực hiện thông qua hình thức gửi văn bản và qua hòm thư điện tử [16.02.02]. Đối với SV, CBGD có trách nhiệm phổ biến các hình thức đánh giá học phần cũng như kế hoạch dự kiến kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần ngay từ buổi học đầu tiên. Ngay sau khi kế hoạch kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần được phê duyệt, Nhà trường tiến hành thông báo trên cổng thông tin đào tạo để SV nắm được một cách rộng rãi và kịp thời [16.01.03].

Nhằm đạt được chuẩn đầu ra PVU đã thực hiện nhiều phương pháp đánh giá, như mô tả trong các đề cương chi tiết [16.01.13] cũng như trong Kế hoạch kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học kì được Hiệu trưởng phê duyệt hàng năm [16.01.03].

Để đánh giá kết quả chuẩn đầu ra của mỗi học phần của SV, điểm tổng hợp của học phần được căn cứ vào các điểm bộ phận với trọng số khác nhau, bao gồm: điểm đánh giá quá trình (không quá 25%), điểm kiểm tra giữa kì (25%) và điểm thi kết thúc học phần (không dưới 50%). Trong đó, điểm đánh giá quá trình được thể hiện thông qua nhiều hình thức và phương pháp đánh giá như điểm chuyên cần, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm tiểu luận, điểm đánh giá phần thực hành (đối với các môn có phần thực hành), bản thu hoạch, báo cáo chuyên đề [điều 23, Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam]. Đối với đợt kiểm tra giữa kì, tùy thuộc vào đặc thù của mỗi học phần, CBGD có thể áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan hoặc hình thức thi vấn đáp, tự luận. CBGD có trách nhiệm đề xuất hình thức thi phù hợp, nếu được Hiệu trưởng phê duyệt sẽ ban hành

theo Kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa kì. Ví dụ như trong đợt kiểm tra giữa học kì II, năm học 2016-2017 và giữa học kì II, năm học 2018-2019; ngoài hình thức thi trắc nghiệm khách quan, một số học phần được áp dụng hình thức khi khác như tự luận, vấn đáp và thực hành trên máy tính (Phòng xử lý) [16.01.03]. Đối với kì thi kết thúc học phần, Nhà trường chủ yếu áp dụng hình thức thi trắc nghiệm trên máy để đảm bảo tính minh bạch và khách quan; hình thức này áp dụng đồng thời với các hình thức đánh giá nói trên sẽ cho kết quả đánh giá người học được chính xác hơn.

PVU cũng tiến hành các phương pháp đánh giá người học dựa trên kết quả của đợt thực tập nghề nghiệp, thành lập Hội đồng để đánh giá đồ án học phần, đồ án tốt nghiệp và luận văn thạc sĩ. Kết quả đợt thực tập nghề nghiệp được cả cán bộ hướng dẫn trực tiếp tại đơn vị thực tập đánh giá [16.02.04] và Khoa/Bộ môn tổ chức chấm báo cáo và người học báo cáo kết quả [16.02.05]. Trước tháng 8/2016, điểm cuối cùng của đồ án là điểm trung bình chung của điểm của GVHD, điểm của phản biện và điểm bảo vệ (trung bình chung điểm của các thành viên Hội đồng) (tính theo văn bản *Hướng dẫn tổ chức, thực hiện ĐAMH và DATN trình độ đại học hệ chính quy* [16.01.09]. Từ 8/2016 đến nay, điểm cuối cùng của đồ án được điều chỉnh như sau: đối với ĐAMH, tỉ lệ đánh giá của hướng dẫn : phản biện : hội đồng là 30% : 30% : 40%; đối với DATN, tỉ lệ đánh giá của hướng dẫn : phản biện : hội đồng là 25% : 25% : 50% [16.02.06], [16.02.07-16.02.16].

Đối với CĐR về thái độ, PVU thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện và các hoạt động ngoại khoá của SV. Tiêu chí/nội dung thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của SV bao gồm: đánh giá về ý thức học tập (khung điểm đánh giá từ 0-30 điểm); về ý thức và việc chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường (khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm); về ý thức và việc tham gia các hoạt động về chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội (khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm); về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng (khung điểm đánh giá từ 0-15 điểm); và về ý thức và việc tham gia sinh hoạt tổ, lớp, Đảng, Đoàn, Hội và các tổ chức hợp pháp khác trong Nhà trường hoặc đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của SV (khung điểm đánh giá từ 0-10 điểm). Các tiêu chí đánh giá này được SV tự đánh giá thông qua *Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện* trong *Quy trình thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của SV*; tiếp đó, GVCN/CVHT tổ chức họp lớp trao đổi, đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV và tổng hợp kết quả đánh giá theo lớp, gửi lên Phòng Đào tạo trình

Hiệu trưởng công nhận kết quả rèn luyện [16.01.17]; cuối cùng, Phòng Đào tạo công bố kết quả và nhập kết quả vào phần mềm quản lý [16.01.11]. Đối với các hoạt động ngoại khoá của SV, Trường đánh giá trên cơ sở chia 2 nhóm gồm các HĐNK do PVU, ĐTN, lớp tổ chức có tính chất bắt buộc và HĐNK SV tự nguyện tham gia hoặc tổ chức, cũng chia thành các khung điểm khác nhau cho các năm học. Sau mỗi HĐNK, SV làm báo cáo theo Mẫu 03; GVCN và BCS thống kê số liệu và các minh chứng thực hiện trên cơ sở báo cáo của SV, kiểm tra và đánh giá theo Mẫu 04; cuối cùng Phòng ĐT chủ trì tổ chức đánh giá và xác nhận kết quả HĐNK của SV theo Mẫu 05 (các mẫu theo Quy định tổ chức và đánh giá hoạt động ngoại khoá cho SV) [16.01.12].

Bằng việc áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì cũng như đánh giá quá trình như trên, Nhà trường đã đo lường được mức độ chuẩn đầu ra của SV một cách toàn diện. Ngoài ra, ngay trong *Hướng dẫn phương pháp dạy và học theo tín chỉ* đã hướng dẫn CBGD phải có nhiệm vụ chuẩn bị các câu hỏi (tình huống, trắc nghiệm), nội dung thảo luận, bài tập, bài kiểm tra trên lớp, báo cáo chuyên đề cùng với các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đo lường được các chuẩn đầu ra trong suốt quá trình học.

Thông qua đề cương chi tiết mỗi học phần đều mô tả cụ thể các chuẩn đầu ra cho từng chương [16.01.13], từ đó các ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và các dạng đề thi/kiểm tra đều phải được biên soạn nhằm kiểm tra, đánh giá được các chuẩn đầu ra tương ứng cho từng chương [16.01.08]. Với mỗi đề thi, gồm cả trắc nghiệm khách quan, vấn đáp hay tự luận, nội dung kiểm tra, đánh giá học phần được CBGD phân tích cụ thể về mục tiêu đo lường, mức độ khó/dễ và đối sánh với chuẩn đầu ra tương ứng [16.02.01]; sau đó Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt trước khi đề thi được đưa vào áp dụng chính thức. Riêng các học phần Tiếng Anh, cấu trúc đề thi, biểu điểm và các tiêu chí đánh giá mỗi kĩ năng nghe, nói, đọc, viết đều bám sát chứng chỉ quốc tế IELTS, nhằm đo lường được chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp SV có trình độ tương đương IELTS 5.5 [16.01.13].

Nhằm đo lường được CĐR, Nhà trường đã chú trọng việc đánh giá người học qua các đợt thực tập nghề nghiệp trên cơ sở lấy phiếu đánh giá kết quả thực tập của SV từ các cơ sở thực tập, qua đó vừa đánh giá được các kiến thức và kĩ năng chuyên môn, vừa đánh giá được các kĩ năng mềm khác và thái độ [16.02.04]. Đồng thời, Khoa/Bộ môn

cũng tiến hành đánh giá Báo cáo thực tập của SV thông qua phần trình bày nội dung báo cáo và mức độ trả lời các câu hỏi của CBGD [16.01.15]. Việc đánh giá ĐAMH và ĐATN cũng là cơ sở quan trọng để đo lường được mức độ đáp ứng CDR của người học. Các tiêu chí đánh giá về nội dung chuyên môn bao gồm sự phù hợp của các phương pháp nghiên cứu và kết quả đạt được (được cả người phản biện, người hướng dẫn và các thành viên Hội đồng đánh giá [16.02.08, 16.02.09, 16.02.10]); mà còn cả về tinh thần, thái độ làm việc và nghiên cứu của người học (người hướng dẫn đánh giá [16.02.08]).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt chuẩn đầu ra

Bắt đầu từ năm học 2016-2017 đến nay, các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học được các Bộ môn rà soát, đánh giá định kỳ sau mỗi học kỳ để kiểm định sự phù hợp và hiệu quả của các hình thức đánh giá cho các học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt CDR. Ngay từ đầu học kỳ, các Khoa tiến hành họp phổ biến kế hoạch thực hiện công việc, trong đó có giao nhiệm vụ rà soát tính hiệu quả của các phương pháp kiểm tra, đánh giá cho các Bộ môn; đề xuất thay đổi/điều chỉnh hình thức kiểm tra, đánh giá nếu thấy cần thiết [16.03.01]. Sau khi kết thúc kỳ thi cuối kỳ, các trưởng BM tổng hợp các ý kiến rà soát, đánh giá và đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá của các CBGD thông qua Báo cáo công tác kiểm tra, đánh giá [16.03.02]. Ví dụ, trong Báo cáo công tác kiểm tra đánh giá học kỳ I, năm học 2018-2019 của Bộ môn Khoan – Khai thác dầu khí đã đề xuất áp dụng hình thức thi vấn đáp cho học phần Công nghệ khoan và vưon xa và Hệ thống khai thác dầu khí trong đợt kiểm tra giữa kỳ của năm học tới [16.03.02].

Cũng từ năm học 2016-2017 đến nay, các CBGD được Khoa/Bộ môn giao nhiệm vụ thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá người học sau khi kết thúc mỗi học kỳ [16.03.01]. Các CBGD dựa vào kết quả thống kê số câu trả lời đúng của thí sinh theo đề thi và kết quả tổng hợp điểm [16.03.03] để thực hiện việc nghiên cứu, thống kê phổ điểm và phân tích, đánh giá kết quả kiểm tra/thi [16.03.04]. Các số liệu thống kê kết quả này của SV do Phòng Đào tạo tổng hợp và các CBGD tiến hành phân tích trên các phần mềm thống kê. Qua số liệu thống kê, CBGD sẽ nắm được cụ thể số SV trả lời đúng/sai cho mỗi câu hỏi, nắm được phổ điểm chung; từ đó đánh giá được mức độ đáp

ứng được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng của SV; đồng thời CBGD đánh giá lại mức độ khó/dễ của mỗi câu hỏi, nhằm điều chỉnh cho phù hợp với mỗi đề thi. Tất cả các nội dung này được các Trưởng Bộ môn tổng hợp trong Báo cáo công tác kiểm tra đánh giá mỗi học kỳ [16.03.02]. Ví dụ, trong Báo cáo công tác kiểm tra đánh giá học kỳ I, năm học 2018-2019 của Bộ môn Lọc – Hoá dầu đã kiến nghị học phần Công nghệ chế biến khí và Hoá hữu cơ cần điều chỉnh một số câu hỏi bám sát CDR hơn; học phần Phụ gia cho sản phẩm dầu, Vận hành bảo dưỡng thiết bị lọc – hoá dầu, Nhận diện và giải quyết sự cố, Tự động hoá trong công nghệ chế biến dầu khí cần nâng mức độ khó của câu hỏi lên [16.03.02].

Do PVU đang áp dụng chủ yếu hình thức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính, do đó sau khi kết thúc bài thi SV đã nhận được ngay kết quả của mình. Đối với các hình thức đánh giá khác như tự luận và vấn đáp, sau khi chấm bài CBGD cũng tiến hành thông báo kết quả đánh giá kịp thời cho SV. Phòng Đào tạo có nhiệm vụ công bố kết quả đánh giá này một cách công khai và kịp thời trên Cổng thông tin đào tạo [16.03.05]. Trong những năm học vừa qua, tại PVU không xảy ra các trường hợp SV, học viên khiếu nại và phúc tra kết quả kiểm tra/đánh giá. Điều này là một trong những minh chứng rõ ràng cho mức độ chính xác của hoạt động đánh giá trong Nhà trường.

Từ năm 2013 đến nay, PVU đã thực hiện khảo sát/lấy ý kiến của người học về các nội dung liên quan đến công tác đánh giá người học thông qua hình thức khảo sát online. Nội dung khảo sát tiêu biểu như sau: (1) trong buổi học đầu tiên, CBGD có giới thiệu đầy đủ cách đánh giá học phần không; (2) CBGD có đưa ra các tiêu chí và yêu cầu để đánh giá điểm quá trình (25%) của học phần không; (3) để tăng mức độ chính xác trong đánh giá, nhiều hình thức kiểm tra kiến thức linh hoạt khác nhau (như bài tập về nhà, kiểm tra nhanh, thảo luận nhóm, trình bày báo cáo,...) có được CBGD chú ý áp dụng thường xuyên không; (4) theo em, đề kiểm tra/thi của học phần có đáp ứng được mục tiêu đánh giá năng lực, kết quả học tập và phân loại SV không; (5) cho ý kiến về sự công bằng của CBGD trong kiểm tra đánh giá quá trình và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV [16.03.06]. Sau đó, Phòng Đào tạo sẽ tổng hợp và gửi phản hồi cho các CBGD để các CBGD rà soát, xem xét, điều chỉnh và cải thiện hình thức và nội dung đề thi (nếu cần). Qua những lần khảo sát, lấy ý kiến và điều chỉnh như vậy, các hình thức đánh giá áp dụng sẽ cho kết quả chính xác hơn, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt CDR. Không chỉ vậy, từ năm học 2017-2018, Nhà trường còn thực hiện lấy ý kiến khảo sát về phương

pháp đánh giá và độ tin cậy, công bằng của kết quả đánh giá thông qua ý kiến của cựu người học thông qua *Phiếu khảo sát chất lượng đào tạo dành cho SV tốt nghiệp*. Cụ thể, nội dung khảo sát như sau: (1) SV có đồng ý với các hình thức đánh giá kết quả học tập của GV không; (2) hình thức đánh giá này có được công bố công khai và cho kết quả tin cậy không; (3) các phương pháp đánh giá học phần (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, ...) có hợp lý không; (4) các công tác tổ chức thi cử có chặt chẽ không, giám thị coi thi có nghiêm túc, khác quan không [16.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Trong những năm vừa qua, PVU áp dụng chủ yếu hình thức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính (trừ học phần tiếng Anh vẫn áp dụng hình thức trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp). Tuy hình thức thi này có ưu điểm vượt trội là thể hiện tính minh bạch và khách quan trong đánh giá; nhưng đối với một số học phần chuyên ngành đòi hỏi SV phải hiểu rõ bản chất, phải phân tích và lập luận để diễn giải sự hiểu biết sâu sắc; hay những học phần có thực hành, thí nghiệm thì hình thức thi này chưa đáp ứng được. Nhận thấy sự bất cập này, các Khoa/Bộ môn đã chủ động đề xuất thay đổi và cải tiến các hình thức đánh giá để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt chuẩn đầu ra. Các Bộ môn lập Danh sách đề xuất hình thức kiểm tra/thi phù hợp gửi lên phòng Đào tạo để trình phê duyệt [16.04.01]. Sau khi được BGH phê duyệt thực hiện, các hình thức đánh giá đề xuất được chính thức áp dụng thông qua ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa kì/thi kết thúc học phần [16.01.03]. Ví dụ, học kì I, năm học 2016-2017, các Bộ môn thuộc Khoa Dầu khí lập danh sách đề xuất hình thức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần; ví dụ Bộ môn ĐC-ĐVL DK đề xuất môn *Xử lý minh giải tài liệu địa chấn* áp dụng hình thức thi tự vấn đáp (cho cả giữa kì và cuối kì); môn *Địa chấn áp dụng hình thức thi tự luận* (giữa kì) và vấn đáp (cuối kì); môn *Địa chất Việt Nam* áp dụng thi tự luận (giữa kì) và vấn đáp (cuối kì); Bộ môn KKT đề xuất môn *Công nghệ mỏ* áp dụng hình thức thi trắc nghiệm trên giấy và tự luận (cả giữa kì và cuối kì) [16.04.01]. Sau đó, Khoa gửi danh sách đề xuất lên Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng xét duyệt cùng với Kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa kì/thi kết thúc học phần. Khi được Hiệu trưởng phê duyệt, các hình thức thi thay đổi đó được ban hành để thực hiện [16.01.03].

Để có được những thay đổi/cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá kết quả của người học, các Bộ môn đã tổ chức họp tổng kết sau khi kết thúc đợt thi mỗi học kỳ, nhằm đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các loại hình/phương pháp thi/kiểm tra đã và đang áp dụng [16.03.02]. Kết quả đánh giá định kỳ cho thấy, một số học phần vẫn được áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính và một số học phần được đề xuất cải tiến, thay đổi từ thi trắc nghiệm sang thi vấn đáp và tự luận [16.01.03].

Trước tháng 8/2019, PVU vẫn chưa ban hành chính thức quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá; nhưng trên thực tế, PVU đã thực hiện các bước đánh giá độ tin cậy, chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học một cách cụ thể và rõ ràng như sau:

Trước tiên, trong quá trình giảng dạy và đánh giá người học, các CBGD được Khoa/Bộ môn giao nhiệm vụ đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra sau khi kết thúc mỗi học kỳ [16.03.01]. Việc đánh giá dựa trên cơ sở các ý kiến phản hồi của SV [16.03.06], các kết quả thống kê mức độ trả lời các câu hỏi của SV [16.03.03], và các kết quả phân tích kết quả thi [16.03.04]. Từ đó, CBGD đề xuất cải tiến các phương pháp kiểm tra, đánh giá (nếu cần), Bộ môn tổng hợp trong Báo cáo công tác kiểm tra đánh giá học kỳ [16.03.02].

Bước tiếp theo, Khoa/Bộ môn lập danh sách đề xuất các hình thức kiểm tra/thi trong đó có bao gồm các hình thức thi cần được cải tiến kèm theo lý do cải tiến [16.04.01], gửi lên phòng Đào tạo trước khi Phòng lập kế hoạch tổ chức kiểm tra giữa kỳ/thi kết thúc học phần.

Phòng Đào tạo tiến hành làm tờ trình, xin phê duyệt của Ban Giám hiệu để thực hiện. Khi được phê duyệt, Phòng Đào tạo sẽ lập kế hoạch tổ chức thi/kiểm tra, trong đó nêu rõ các hình thức thi áp dụng [16.01.03] và phổ biến đến các Khoa/Bộ môn biết để thực hiện. Các Bộ môn có trách nhiệm thông báo đến các SV.

Trong quá trình tự đánh giá, nhận thấy tầm quan trọng của quy trình này, Trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo thực hiện biên soạn và trình BGH phê duyệt quy trình. Tháng 8/2019, PVU chính thức ban hành Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá [16.04.02].

Trong nội dung lấy ý kiến phản hồi của các SV PVU sau khi kiểm tra giữa kì và cuối kì có phần đánh giá của SV về hình thức đánh giá cũng như mức độ phù hợp, bám sát nội dung học của đề thi/kiểm tra [16.03.06]. Qua việc tổng hợp các ý kiến cho thấy, các SV không có ý kiến tiêu cực nào về vấn đề này, thể hiện qua việc không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự bất hợp lý, thiếu công bằng, minh bạch của các phương pháp đánh giá đã và đang sử dụng. Bên cạnh đó, các ý kiến của SV tốt nghiệp về mức độ tin cậy của hình thức đánh giá, về tính hợp lý của các phương pháp đánh giá mà Nhà trường đang áp dụng cũng như sự nghiêm túc, khách quan và minh bạch trong các hoạt động tổ chức thi đều nhận được các ý kiến ủng hộ và hài lòng [16.03.07].

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường kết hợp đa dạng các hình thức đánh giá như vấn đáp, tự luận và trắc nghiệm khách quan trên máy tính, các hình thức này bổ trợ lẫn nhau và đảm bảo được tính chính xác, công bằng và khách quan trong đánh giá kết quả của người học.

- Từ năm học 2016-2017 đến nay, nhằm bám sát CĐR của mỗi học phần, đề thi của các học phần đều được cán bộ ra đề phân tích và đối sánh với CĐR trong ĐCCT, và được Khoa/Bộ môn thông qua. Điều này góp phần rà soát đề thi phải bao quát được các CĐR trước khi chuyển lên Phòng Đào tạo để tổ chức thi.

- Việc rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học được thực hiện đều đặn mỗi học kì từ năm học 2016-2017 đến nay đã góp phần thực hiện các điều chỉnh, cải tiến các hình thức đánh giá một cách kịp thời và hiệu quả.

- Việc khảo sát/lấy ý kiến trực tiếp của người học được thực hiện online sau mỗi học kỳ từ năm học 2013-2014 đến nay đã khuyến khích SV nêu ra những mong muốn học tập, trao đổi những ý kiến để giúp CBGD hoàn thiện phương pháp giảng dạy cũng như hình thức và nội dung đánh giá các học phần phù hợp và chính xác hơn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa có phiếu nhận xét với các tiêu chí đánh giá cụ thể dành riêng cho thành viên hội đồng trong các buổi bảo vệ ĐAMH, ĐATN và LV thạc sĩ.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thực hiện soạn mẫu phiếu nhận xét dành riêng cho các thành viên trong hội đồng bảo vệ ĐAMH, ĐATN, LV thạc sĩ	Khoa/Bộ môn	Tháng 09/2019	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	4
Tiêu chí 1.1	4
Tiêu chí 1.2	4
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	4

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học

Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác SV vào năm 2011, trong đó quy định tất cả các hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV trong quá trình nhập học, ăn ở, học tập, tốt nghiệp, kèm theo đó là hệ thống tổ chức quản lý SV, các hình thức khen thưởng để động viên SV [17.01.01]:

- Được sử dụng thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;
- Được tham gia nghiên cứu khoa học, thi Olympic các học phần, thi sáng tạo tài năng trẻ;
- Được hưởng chế độ miễn giảm học phí toàn phần hay một phần;
- Được xét nhận học bổng do PVU, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ.

Cũng trong năm 2011, Nhà trường ban hành Quy định về nội, ngoại trú của SV trong đó nêu rõ SV nội trú được quyền ăn, ở, tự học, sinh hoạt trong khu ký túc xá và được sử dụng các thiết bị do ký túc xá cung cấp [17.01.02].

Nhằm tạo điều kiện cho SV tham gia vào các hoạt động học tập nâng cao chuyên môn, Nhà trường ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ thuộc Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, trong đó quy định rõ tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ (CLB) tiếng Anh, CLB chuyên ngành G&G, Chi hội Dầu khí SPE [17.01.03].

Năm 2012, Nhà trường ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn kinh phí tài trợ phát triển SV PVU với mục đích hỗ trợ cho đề tài nghiên cứu của SV/nhóm SV, xét cấp học bổng cho SV nghèo, SV thuộc diện gia đình chính sách có thành tích học tập tốt hoặc kết quả cao trong các kỳ thi. [17.01.04]

Song song đó, Nhà trường đã phê duyệt và ban hành “Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học của SV Trường Đại học Dầu khí Việt Nam” nhằm hỗ trợ tài chính cho SV tham gia nghiên cứu khoa học với nguồn kinh phí cho đề tài SV có thể lấy từ kinh phí

hàng năm PVN giành cho hoạt động của GV và SV hoặc từ Quỹ tài trợ phát triển SV PVU [17.01.05].

Năm 2013, Nhà trường đã cập nhật Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam. Theo đó, người học trong quá trình học tập tại Trường được các giáo sư, GV, các nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trực tiếp giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học; được cung cấp hoặc sử dụng miễn phí phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, thư viện và hệ thống Internet phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học. [17.01.06]

Đối với SV theo học tại Trường, Nhà trường có những kế hoạch cụ thể nhằm phục vụ và hỗ trợ cụ thể như sau:

Trong giai đoạn SV nhập học:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch chi tiết để đón tiếp SV mới, trong đó có thành lập Ban Đón tiếp SV, có các đơn vị liên quan..., bố trí chỗ ăn ở tại KTX hoặc hỗ trợ tìm kiếm các phòng trọ tại khu vực lân cận Trường cho SV có nhu cầu; tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho SV mới, và hướng dẫn thủ tục, quy định, quy chế; mời chuyên gia tâm lý chia sẻ với SV nhằm giúp SV thích nghi với môi trường học tập mới. Bên cạnh đó, bộ môn ngoại ngữ xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra tiếng Anh đầu vào để xếp lớp Anh văn theo trình độ của SV.

Trong quá trình học tập:

- Do thay đổi chương trình đào tạo, Nhà trường có kế hoạch và giao nhiệm vụ cho Bộ môn ngoại ngữ lên kế hoạch tổ chức các lớp phụ đạo tiếng Anh cho sv nhằm cải thiện khả năng ngôn ngữ, đồng thời, thuê GV nước ngoài để giúp SV cải thiện về kỹ năng nghe và nói;

- Khoa mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề hàng năm, quản lý các CLB học thuật, đề xuất bố trí xe đưa đón SV kiến tập, chịu trách nhiệm liên hệ với các công ty cho SV thực tập nghề nghiệp, tổ chức ôn luyện đội tuyển thi olympic, phụ trách các hoạt động của chi hội Dầu khí SPE;

- Thư viện, phòng quản trị thiết bị chịu trách nhiệm hỗ trợ cho SV mượn/trả sách, mượn các trang thiết bị như máy chiếu, micro, loa, bút trình chiếu.

- Ngoài ra, SV còn được hỗ trợ về cơ sở vật chất, được sử dụng phòng e-learning để học tiếng Anh, phòng thí nghiệm các chuyên ngành, phòng mô phỏng UOP-Honeywell dành cho SV chuyên ngành Lọc-Hóa Dầu, phòng mô hình hóa mô phỏng Schlumberger-PVU và Phòng Baker-Hughes dành cho các SV chuyên ngành Khoan-Khai thác. Song song đó, SV được sử dụng wifi, ở KTX miễn phí (thông báo nhập học hàng năm), sử dụng sân bóng đá, phòng tự học, phòng tập gym, và hệ thống nước nóng lạnh được trang bị bên trường và KTX.

Đối với SV năm cuối, Nhà trường tiến hành các kế hoạch và hoạt động giúp SV chuẩn bị hành trang khi tốt nghiệp:

- Khoa Dầu khí chủ trì và tổ chức sự kiện Company Day, liên hệ các công ty và giới thiệu SV đi thực tập tốt nghiệp, bổ sung môn kỹ năng nghề nghiệp vào chương trình đào tạo (khung chương trình), tổ chức các khóa viết CV, kỹ năng mềm (TT bồi dưỡng)

Để triển khai các hoạt động đã được lên kế hoạch, mỗi lớp SV đều có một giảng viên chủ nhiệm do Trưởng khoa chỉ định và Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, giảng viên chủ nhiệm sẽ là cầu nối giữa Nhà trường với SV; vai trò và trách nhiệm của giảng viên chủ nhiệm được quy định rõ trong Quy chế công tác SV của PVU.

Để giám sát người học, Nhà trường xây dựng hệ thống quản lý, bao gồm:

- Phòng đào tạo chịu trách nhiệm chính thanh tra giám sát quá trình học tập của SV (quy định chức năng của PĐT). Bên cạnh đó, GV kiểm tra và giám sát tình hình học tập của SV bằng sổ giảng dạy, đồng thời, GVCN chịu trách nhiệm theo dõi và quản lý tình hình SV của lớp, các tâm tư nguyện vọng của SV, hàng tháng GVCN tổ chức họp lớp để cập nhật tình hình

- Phần mềm quản lý đào tạo sẽ lưu trữ dữ liệu về quá trình học tập của SV như: kết quả thi, điểm rèn luyện, điểm tổng kết học phần, phần mềm quản lý thư viện. Kỳ thi cuối kỳ được thực hiện trên máy tính, kết quả được lưu trữ riêng trên hệ thống phần mềm do Phòng Đào tạo quản lý.

- Trong quá trình học tập, phòng Đào tạo giao nhiệm vụ thanh tra cho một chuyên viên nhằm giám sát tiến trình học tập của SV đột xuất hoặc thường xuyên. Đồng thời, trong kỳ thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ, chuyên viên phụ trách thanh tra cũng có nhiệm vụ

kiểm tra tình hình dự thi của SV. (Minh chứng là bảng phân công của phòng đào tạo, văn bản phân công nhiệm vụ trong phòng).

Để đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, Nhà trường thực hiện thông qua phiếu đánh giá quý của cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy [17.01.07]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Đối với công tác tuyển sinh, nhập học: Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm là đầu mối triển khai các hoạt động đón tiếp SV. Theo đó, nội dung được phân công cụ thể cho các phòng ban như Thư viện, Kế hoạch tài chính cũng tham gia vào quá trình phục vụ và hỗ trợ SV, ngoài ra bộ môn Ngoại ngữ cũng tham gia tư vấn tiếng Anh cho SV mới [17.02.01].

Trong các kỳ thi Olympic như Toán, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh..., SV được các GV ôn luyện và Nhà trường hỗ trợ kinh phí tham gia [17.02.02].

Nhằm hỗ trợ SV đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, thi tiếng Anh điều kiện, Bộ môn Tiếng Anh phối hợp với Phòng Đào tạo hỗ trợ, mở các lớp ôn luyện theo nhu cầu của SV có thu một phần kinh phí, cuối khóa có tổ chức thi tiếng Anh điều kiện để giảm bớt một phần chi phí thi tiếng Anh IELTS cho SV [17.02.03].

Phòng Đào tạo tổ chức các đợt hỗ trợ, phối hợp với Khoa Dầu khí tổ chức các buổi bổ túc cho SV năm cuối với các hình thức cụ thể: các Bộ môn mời cựu SV đến để hỗ trợ, chia sẻ kiến thức và các kinh nghiệm học tập cho SV năm cuối [17.02.04].

Ngoài ra, Nhà trường đã thành lập Chi hội Dầu khí (SPE) nhằm tăng cường kiến thức chuyên ngành cho SV, ban chủ nhiệm SPE là những SV năm cuối, giảng viên cố vấn là GV của Khoa Dầu khí nhằm định hướng và giám sát các hoạt động của chi Hội theo đúng yêu cầu của SPE quốc tế [17.02.05].

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được triển khai theo từng giai đoạn:

Giai đoạn nhập học:

- Hướng dẫn, đón tiếp, tiến hành các thủ tục nhập học cho SV.

- Bố trí chỗ ở cho SV tại KTX hoặc liên hệ giúp SV các phòng trọ tại khu vực xung quanh Trường.

- Tại tuần sinh hoạt công dân, Nhà trường hướng dẫn thủ tục, quy định/quy chế, mời chuyên gia tham gia buổi nói chuyện tâm lý giúp SV mới hòa nhập được môi trường mới trong quá trình học ĐH.

- Bộ môn Ngoại ngữ kiểm tra tiếng Anh đầu vào để xếp lớp theo trình độ.

Trong quá trình học tập:

- Bộ môn Ngoại ngữ đề xuất phụ đạo tiếng Anh cho SV, thuê GV nước ngoài để giúp SV cải thiện về kỹ năng nghe và nói.

- Khi đã phân ngành, Nhà trường tổ chức mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề hàng năm, hỗ trợ xe đưa đón các buổi kiến tập và liên hệ công ty để SV tham gia thực tập nghề nghiệp tại công ty.

- Khoa cơ bản tiến hành ôn luyện đội tuyển SV để tham gia các kỳ thi Olympic.

- Chi hội Dầu khí SPE tổ chức các cuộc thi học thuật Mini PetroBowl, tham gia các buổi Tech Talk do SPE VN tổ chức.

- Trung tâm Thư viện và Phòng Quản trị Thiết bị hỗ trợ SV trong việc cho mượn/trả sách và các thiết bị phục vụ học tập.

- SV còn có thể học tập tại các phòng e-learning, phòng thí nghiệm các chuyên ngành như phòng mô phỏng UOP-Honeywell, phòng mô hình hóa mô phỏng Schlumberger-PVU và Phòng Baker-Hughes.

- Phòng Đối ngoại và Khoa học công nghệ tổ chức các đợt đăng ký đề tài NCKH và có nhiều đề tài được thông qua và được bảo vệ.

- Các CLB học thuật tổ chức các sinh hoạt định kỳ.

Đối với SV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp:

- Company Day được Nhà trường giao cho Khoa Dầu khí tổ chức với mục đích giúp SV làm quen với môi trường doanh nghiệp cũng như nâng cao kỹ năng phỏng vấn xin việc.

- Nhà trường liên hệ các công ty cho SV tham gia thực tập tốt nghiệp; bổ sung môn kỹ năng nghề nghiệp và chương trình học.

- Tiến hành tổ chức các lớp viết CV, kỹ năng mềm.

Để giám sát người học, Nhà trường xây dựng hệ thống quản lý, bao gồm:

- Giám sát việc học tập: GV giám sát SV trong tiết học thông qua sổ giảng dạy, bài kiểm tra trên lớp; GVCN họp lớp 1 tháng 1 lần; Phòng Đào tạo tổ chức và giám sát kỳ thi cuối kỳ và giữa kỳ

- Giám sát thực hiện ĐATN: biên bản họp Bộ môn liên quan đến việc hướng dẫn ĐATN.

- Trên cơ sở các kết quả học tập được xuất ra từ phần mềm quản lý đào tạo, Phòng Đào tạo sẽ rà soát, đánh giá và đưa ra các cảnh báo học tập cho những SV, số học phần chưa đạt, từ đó có thể lập kế hoạch cho SV học lại. Kết quả thi sẽ được đưa vào phần mềm quản lý đào tạo để lưu trữ dữ liệu về quá trình học tập của SV.

Việc giám sát được thực hiện định kỳ, cụ thể:

- Sổ giảng dạy học phần được Nhà trường phát cho các CBGD học phần vào đầu mỗi học kì. Trong Sổ này bao gồm thông tin liên quan đến SV tham gia lớp học phần đó để GV điểm danh và ghi lịch trình giảng dạy thông qua sổ giảng dạy học phần, GV phụ trách theo dõi tình hình học tập của SV.

- Phòng Đào tạo theo dõi tiến trình học tập của SV, căn cứ vào tình hình thực tế, sẽ có các hình thức xử lý học vụ như cảnh báo học tập, thôi học và bị buộc thôi học đối với những SV vi phạm quy chế học vụ. Kết quả giám sát tiến trình học tập của Nhà trường do Phòng Đào tạo thực hiện, Nhà trường hàng năm đã ra các hình thức cảnh cáo học vụ.

Việc giám sát này không chỉ có Phòng Đào tạo, các Khoa/Bộ môn cũng tham gia hoạt động giám sát thông qua gGVCN, họp lớp 1 tháng 1 lần.

Nhà trường tổ chức buổi đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám Hiệu và SV, thông qua đó, SV đưa ra nhận xét, góp ý về những hoạt động Nhà trường đã tổ chức liên quan đến học tập.

Trong buổi đối thoại, Nhà trường tiếp thu ý kiến của SV về hiệu quả các hoạt động phục vụ hỗ trợ và giám sát tiến trình học tập.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Sau các chương trình đón tiếp, tiến hành các thủ tục nhập học, KTX, tuần sinh hoạt công dân hướng dẫn thủ tục, quy định quy chế, mời chuyên gia tham gia buổi nói chuyện tâm lý trong khi học ĐH, các phòng ban phụ trách sẽ tiến hành họp để rút kinh nghiệm [17.03.01].

Trong quá trình học tập, Nhà trường rà soát kết quả đào tạo tiếng Anh cho SV, dựa vào kết quả học tiếng Anh, Nhà trường có đề xuất phụ đạo tiếng Anh cho SV, thuê GV nước ngoài dạy tiếng Anh, đối với khối kiến thức chuyên ngành Nhà trường mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề hàng năm, giao nhiệm vụ tổ chức cho các CLB học thuật, ôn luyện đội tuyển SV thi olympic, các hoạt động SPE được họp sau mỗi lần tổ chức [17.03.02].

Trong quá trình tốt nghiệp: Nhà trường tổ chức Company Day và họp sau đó để rút kinh nghiệm, thực tập tốt nghiệp, tổ chức các lớp viết CV [17.03.03]. Thay đổi phần mềm quản lý đào tạo sau quá trình rà soát để cải tiến hệ thống [17.03.04]. Quy chế công tác SV hoạt động tốt sau khi rà soát, do đó không thay đổi [17.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trên cơ sở rà soát đánh giá kết quả đào tạo tiếng Anh, bộ môn Ngoại ngữ đề xuất phụ đạo tiếng Anh cho SV [17.04.01]. Kết quả đối sánh giữa số lượng và thời gian SV tham gia tự học tại thư viện giữa các năm tăng lên đến 60% [17.04.02]. Số lượng SV tham gia clb học thuật tăng lên giữa các năm (CLB tiếng Anh, SPE), số lượng thành viên hiện thời của cả 3 câu lạc bộ học thuật là 132 thành viên [17.04.03]. Giảm số lượng thôi học, bảo lưu, bị buộc thôi học qua từng năm [17.04.04]. Theo khảo sát về các hoạt

động đã được tổ chức, về phần mềm quản lý SV, trên 75% SV, cựu SV hài lòng về cơ cấu tổ chức và hệ thống của Nhà trường [17.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch phân công cho các đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị phụ trách. Có kế hoạch hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn, cải thiện kỹ năng mềm, và nâng cao khả năng tiếng Anh thông qua nhiều sự kiện, phân loại SV nhanh chóng, minh bạch bằng quá trình thi trên máy tính.

- Hoạt động phục vụ và hỗ trợ SV sát sao, kịp thời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa xây dựng được các tiêu chí đánh giá chi tiết cho từng hoạt động hỗ trợ SV.

- Chưa đánh giá chi tiết cho từng hoạt động hỗ trợ SV.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Hoàn thiện chỉ số đánh giá cho từng hoạt động hỗ trợ và dịch vụ của SV	Tổ ĐBCL, TT TT-TV	Tháng 7/2019 – tháng 1/2020	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy trình đánh giá liên quan giữa các hoạt động hỗ trợ và giám sát SV	Tổ ĐBCL	Tháng 8/2019 – tháng 3/2020	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	4,0
Tiêu chí 17.1	4
Tiêu chí 17.2	4
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	4

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

PVU đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-ĐHDK ngày 27/01/2011 về việc thành lập Phòng Đối ngoại và KHCN [18.01.01]. Phòng ĐN&KHCN “...có chức năng tham mưu, tư vấn giám sát và quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) chuyển giao công nghệ (CGCN)...” được quy định trong Quyết định 149/QĐ-ĐHDK ngày 09/03/2011 về việc phê duyệt và ban hành chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐN&KHCN [18.01.02]. Phòng ĐN&KHCN có trách nhiệm: “quản lý đề tài dự án, nhiệm vụ KHCN các cấp kiểm tra tiến độ theo đúng quy định” và lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm “giám sát, đôn đốc kiểm tra việc” được quy định trong Quy chế quản lý KHCN của Trường ĐHDK VN [18.01.04].

Từ 2015-2019 trong các cuộc họp giao của Nhà trường đã chỉ đạo việc thực hiện rà soát, giám sát các hoạt động nghiên cứu ví dụ trong biên bản giao ban tháng 3, 6 năm 2015 có nội dung “..lên lịch kiểm tra đánh giá giữa kỳ..., giám sát việc thực hiện...”; “...đôn đốc, kiểm tra..., rà soát kế hoạch...” biên bản tháng 6 năm 2016, “...tổ chức kiểm tra giữa kỳ..” biên bản tháng 10 năm 2016; “...rà soát... tích cực bám sát kiểm tra đôn đốc các chủ nhiệm đề tài...” biên bản tháng 6 năm 2017 và giao cho Phòng ĐN&KHCN làm đầu mối thực hiện.

Phòng ĐN&KHCN phân công nhân sự thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu trong bản phân công công việc của Phòng dựa trên Quyết định về việc phê duyệt và ban hành bản mô tả công việc của phòng ĐN&KHCN số 408/QĐ-ĐHDK ngày 30/05/2011[18.01.03].

Trong quy chế sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý hoạt động KHCN của trường ĐHDKVN ban hành kèm theo quyết định số 353/QĐ-ĐHDK ngày 17/05/2019 có các quy định hướng dẫn công tác quản lý như: quy định về công tác quản lý và thực hiện đề tài, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động KHCN, tham gia vào tổ chức hội thảo khoa học công nghệ, công tác thông tin và quản lý thông tin khoa học [18.01.04].

Trên cơ sở quy chế quản lý khoa học, Trường ban hành quy trình phối hợp thực hiện các đề tài NCKH cấp Ngành, Bộ, Nhà nước và quy trình phối hợp thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở và SV thông qua quyết định số 492/QĐ-ĐHDK ngày 29/06/2018 trong đó có hướng dẫn việc xây dựng và đề xuất các hoạt động NCKH theo từng bước và quy định thời gian cụ thể cho mỗi bước thực hiện và trách nhiệm của mỗi bên liên quan [18.01.07].

Các quy định về khối lượng NCKH đối với cán bộ và GV được thể hiện trong Quy chế GV cơ hữu được ban hành trong Quyết định số 545/QĐ-ĐHDK ngày 06/06/2017 trong đó nêu rõ định mức thời gian cho NCKH mà GV phải đạt được đối với từng chức danh cụ thể: đối với GV (600 giờ), PGS GV chính (700 giờ), giáo sư và GV cao cấp (800 giờ) và cán bộ hoạt động chuyên môn khác (260 giờ); Hàng năm sau khi được công nhận đạt chức danh GV phải có ít nhất một bài báo quốc tế thể với vai trò tác giả chính hoặc là giảng viên hướng dẫn ăn cho bài báo của SV học viên sau đại học hoặc 2 bài báo trong nước với vai trò tác giả chính hoặc là giảng viên hướng dẫn cho bài báo của SV học viên sau đại học hoặc chủ trì một đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành [18.01.06].

Kế hoạch dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm được tập đoàn phê duyệt trong các nghị quyết về việc chấp thuận kế hoạch hoạt động hàng năm của trường Đại học Dầu khí Việt Nam trong giai đoạn 2014 – 2019. Kinh phí phân bổ cho các hoạt động đề tài cấp ngành chi nghiên cứu KHCN, chi nghiên cứu cấp ĐTCS, ĐT SV, chi hội nghị hội thảo. Đối với đề tài cấp tập đoàn kinh phí sẽ được cấp khi đề tài được Tập đoàn phê duyệt. Từ năm 2015, Tập đoàn cấp kinh phí cố định 1 tỉ đồng chi cho NCKH đề tài cấp cơ sở và đề tài cấp SV.

Tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của trường được thể hiện thông qua chỉ số thực hiện được quy định trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 được ban hành số 1227/NĐ-ĐHDK ngày 24/12/2014 cụ thể là 100% các đơn vị trong trường có cán bộ nhân viên tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các tập đoàn và 100% các khoa có đề tài cấp trường cấp bộ. Mỗi năm các khoa tối thiểu có 01 đề tài cấp Sở/Tập đoàn/Bộ/Nhà nước từ 2016 – 2025; mỗi năm Khoa Khoa học Cơ bản và Khoa Dầu khí có ít nhất 01 đến 02 đề tài cấp Tập đoàn, một đề tài cấp Bộ. Giai đoạn 2020-2025 có một đề tài cấp Nhà nước; từ năm 2016 đến năm 2020, mỗi năm

tăng 10% số lượng GV/SV tham gia các hội thảo/hội nghị khoa học. Từ năm 2021 đến năm 2025, tăng 20% số lượng GV/SV tham gia các hội thảo/hội nghị khoa học. Năm 2019 đến năm 2025, yêu cầu mỗi GV phải có một đề tài cấp Trường hoặc tham gia một đề tài cấp Tập đoàn/Sở/Bộ/Nhà nước hoặc một bài báo đăng trên các tạp chí uy tín. Năm 2015 đến năm 2018, tổ chức hội thảo cấp Trường 5 lần/năm; cấp Quốc gia 1 lần/năm (2019-2025); tổ chức hội thảo cấp Trường 10 lần/năm.

Phòng ĐN&KHCN có nhiệm vụ theo dõi, giám sát kết quả thực hiện các hoạt động NCKH được quy định trong bản mô tả công việc của Phòng [18.01.03]. Việc giám sát rà soát các hoạt động dựa trên quy trình phối hợp việc thực hiện đề tài ban hành trong quyết định số 492/QĐ-ĐHDK ngày 29/06/2018 [18.01.07] và quy chế sửa đổi, bổ sung quản lý khoa học của Nhà trường ban hành kèm theo quyết định số 353/QĐ-ĐHDK ngày 17/05/2019.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Trong chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2025 ban hành số 1227 ngày 24/12/2014, có ghi rõ chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH, cụ thể như sau: “Đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu từ nguồn ngân sách nhà nước; Nhận nhiệm vụ NCKH từ Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Khai thác các nguồn ngân sách nghiên cứu khác như các Quỹ nghiên cứu và các tổ chức quốc tế”.

Trong giai đoạn từ năm 2014 -2019 Nhà trường đã triển khai nguồn thu từ hoạt động NCKH như: đã đăng ký và được giao trực tiếp 01 đề tài trọng điểm cấp nhà nước KC-4.0/19-25 năm 2019 với kinh phí 6.980.000.000 đồng [18.02.10]; Nhận 02 nhiệm vụ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2014-2015) với tổng kinh phí 2.706.636.259 đồng [18.02.09]; ký 02 hợp đồng số 7991 và 7993 ngày 25/12/2018 với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng kinh phí 3.393.383.271 đồng [18.02.09]; đã ký 03 hợp đồng với quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NaFo) (02 đề tài năm 2014, 01 đề tài năm 2017) với tổng kinh phí

1.640.000.000 đồng [18.02.07]; thực hiện 01 nhiệm vụ KH-CN với sở khoa học và công nghệ TP.HCM năm 2017 với tổng kinh phí 670.000.000 đồng [18.02.08].

Về hoạt động chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu: Nhà trường đã ký 01 hợp đồng cho thuê hệ thống E-test với công ty TNHH MTV lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2015 với kinh phí 987.580.100 đồng [18.02.06]. Trường đã ký hợp đồng thực hiện đề tài dịch vụ nghiên cứu khoa học “*Phát triển nguồn nhân lực cho Công ty TNHH 1TV Lọc Hóa dầu Bình Sơn*” cho Công ty TNHH 1TV Lọc Hóa dầu Bình Sơn với tổng kinh phí 1.102.536.165 đồng. Thực hiện hợp đồng xử lý địa chấn với đơn vị kinh phí 209.523.810 đồng.

Kinh phí do Noex tài trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH với tổng số tiền 2.583.016.000 đồng.

Trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015-2025 của Nhà trường đã đề ra mục tiêu, định hướng cho việc thiết lập nhóm nghiên cứu mạnh “Xây dựng và duy trì, phát triển mô hình các nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm cả các chuyên gia có trình độ, uy tín, kinh nghiệm trong và ngoài PVU”. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã có 03 nhóm nghiên cứu mạnh: (i) Nhóm do PGS.TS Phạm Hồng Quang thuộc khoa Khoa học Cơ bản đứng đầu nhóm bao gồm 5 thành viên trong trường và nhóm nghiên cứu từ trường đại học Montpellier do TS. Trần Quang Hưng đại diện được hình thành từ năm 2017. Nhóm đã thực hiện các đề tài cấp cơ sở có báo đăng trên tạp chí SCI, nhóm còn phát triển và ký 02 hợp đồng cấp Ngành với tập đoàn Dầu khí [18.02.09]; (ii) nhóm do TS. Doãn Ngọc San thuộc Khoa Dầu khí đứng đầu với 8 thành viên trong trường hình thành từ năm 2017, Nhóm đã gửi đề xuất NCKH lên cấp Sở, Ngành và được giao thực hiện đề tài cấp Nhà nước KC4.0 [18.02.10]; (iii) nhóm do TS. Nguyễn Đăng Nam đứng đầu gồm 2 thành viên trong trường và thành viên trường dầu khí Ploiesti Rumani đại diện là GS.Casen hình thành năm 2016. Nhóm đã thực hiện 2 đề tài cơ sở với đầu ra là các bài báo SCI và thực hiện đề tài với sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM [18.02.08]. Ngoài ra Trường còn có 2 nhóm nghiên cứu tiềm năng do (i) TS. Dương Chí Trung đứng đầu phối hợp cùng PVE năm 2018 đã thực hiện 01 đề tài cơ sở và 01 đề xuất nghiên cứu đã được đưa vào danh sách kế hoạch NCKH năm 2019 của tập đoàn Dầu khí, (ii) nhóm do TS. Nguyễn Văn Hùng đứng đầu gồm 4 thành

viên trong trường và thành viên trường ĐH Khoa học Tự nhiên đã thực hiện 01 đề tài NCKH và gửi đề xuất đề tài NCKH lên tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Đối với đầu tư cho nghiên cứu đỉnh cao Nhà trường đã tăng kinh phí cho đề tài cơ sở ở mức đăng ký SCI từ 100 triệu trong quy chế quản lý khoa học năm 2013 lên 150 triệu trong quy chế năm 2016 và 2019. Trường đã cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu như: xây dựng PTN Core – flooding, Phòng xử lý số liệu địa chấn, và trang bị các thiết bị phân tích hiện đại như: kính hiển vi điện tử quét SEM, Máy phân tích phổ Raman, Máy phân tích lực nguyên tử AFM, Máy phân tích nhiễu xạ tia X - XRD và các thiết bị khác.

Về chính sách thu hút cán bộ GV và SV tham gia nghiên cứu khoa học, Nhà trường cấp kinh phí cho đề tài cơ sở với mức tối thiểu là 50 triệu và tối đa là 150 triệu được quy định trong khoản 3 điều 9 quy chế QLKH năm 2019. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách Khen thưởng đối với bài báo đăng trên các tạp chí, khen thưởng cho các đề tài cơ sở đăng ký báo đạt vượt mức.... tại điều 18 QCQLKH [18.01.04]. Đối với các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ “...mang lại lợi ích cụ thể cho Nhà trường sẽ được hưởng lợi nhuận...” và ...Nhà trường có chế độ khen thưởng đối với CBNV... tham gia tích cực trong việc tạo ra tài sản trí tuệ...” được quy định trong quy chế quản lý tài sản trí tuệ [21.01.10].

Đối với việc thu hút người học tham gia các hoạt động nghiên cứu Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý NCKH SV kèm theo quyết định số 789/QĐ-ĐHDK ngày 05/08/2016 trong đó có nội dung ưu tiên xét cấp học bổng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng nếu có đề tài nghiên cứu khoa học được xếp được đánh giá xếp loại giỏi điểm trung bình lớn hơn bằng 9; SV là tác giả đề tài SV có điểm nghiệm thu 90/100 trở lên sẽ được xét khen thưởng bằng nhiều hình thức giá trị thưởng sẽ do Hiệu trưởng quyết định trong từng năm học; được Nhà trường tạo điều kiện sử dụng các thiết bị có sẵn của cơ sở để tiến hành nghiên cứu khoa học; được hưởng các quyền lợi về hỗ trợ tài chính mức kinh phí với bậc 1 không quá 10 triệu đồng và đề tài SV bậc 2 không quá 70 triệu đồng nếu dự giải tài năng trẻ Việt Nam Vifotex [18.01.04].

Trong giai đoạn từ 2014-2019, Nhà trường có 10 hợp tác với 09 doanh nghiệp ví dụ như PVE, Baker Hughes, liên đoàn địa chất. Nhà trường đã có 01 chuyển giao công nghệ đối với Công ty TNHH 1TV Lọc Hóa dầu Bình Sơn; Nhà trường đã thực hiện 15 nghiên cứu chung với 15 cơ sở trong nước ví dụ: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Tp. HCM, Trường Đại học Mở Địa chất, Trường Đại học Khoa học tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Duy Tân, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Dầu khí Việt Nam; và 04 nghiên cứu với 03 cơ sở nước ngoài, gồm Trường Đại học nước ngoài như ĐH Petro-Gaze Ploiesti (Rumani), Deakin (Úc), ĐH tổng hợp Montpelleier Pháp.....

Trong giai đoạn 2014-2018 Nhà trường đã cấp 6.604 triệu kinh phí trong đó nguồn từ Tập đoàn cấp 4.897 triệu kinh phí từ nguồn đặt hàng của Nhà nước 1.389 triệu, từ nguồn tài trợ 318 triệu thực hiện 05 đề tài cấp ngành, 03 đề tài Nafosted, 51 đề tài Cơ sở và 58 đề tài SV, 200 triệu đồng kinh phí đồng tổ chức 02 hội nghị, hội thảo và các hội nghị hội thảo trường [18.03.02] [18.02.12] [18.03.04], [18.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 được ban hành số 1227/NĐ-ĐHDK ngày 24/12/2014 có xây dựng các KPIs về số lượng nghiên cứu như số lượng GV tham gia đề tài NC, số lượng GV tham dự hội nghị, hội thảo, số đề tài nghiên cứu, số công bố khoa học, số SV tham gia NCKH, kinh phí...; các KPIs về chất lượng NC như cấp đề tài, cấp hội thảo, loại tạp chí.

Hàng năm, Nhà trường có ban hành Quyết định giao kế hoạch cho các đơn vị trong đó có giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho từng Khoa/Phòng/trung tâm được thống kê trong *Bảng 18.1*. Năm 2018, kế hoạch giao “05 đề tài ngành; 11 đề tài cơ sở; 09 đề tài SV; 26 bài báo khoa học; tổ chức 01 hội nghị hội thảo [18.01.05]. Chi nghiên cứu KH đề tài cấp cơ sở và đề tài SV là 01 tỷ đồng, chi hội nghị hội thảo 100 triệu đồng có trong Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam [18.01.08].

Bảng 18.1. Chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm

Tên hoạt động	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Đề tài Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Đề tài cấp Bộ, sở Ngành	-	1	5	3	5	6
Đề tài Cơ sở	-	9	20	14	11	12
Đề tài SV	-	20	15	20	9	12
Công bố khoa học		10	32	36	26	24
Giải thưởng NCKH	-	-	-	-	-	-
Tổ chức hội nghị hội thảo	-	-	2	2	1	2

Bảng 18.2. Số lượng bài báo đã công bố

Năm	Phân loại danh mục								
	Trong nước	ISBN	ISSN	SCI	SCIE	SCOPUS	HNQT	Bảng sáng chế	
2012-2014	-	8	28	9	11	0	-	-	Tổng bài báo
2015	0	0	18	4	3	1	-	1	
2016	0	0	14	6	3	2	0	0	
2017	16	3	0	6	1	2	6	0	
2018	7	2	0	7	2	3	0	0	
Tổng	23	13	60	32	20	8	6	1	163

Bảng 18.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH (2014-2019)

Tên hoạt động	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Đề tài Nhà nước	-	-	-	-	-	1
Đề tài cấp Bộ, Sở, Ngành	4	-	-	6	3	3
Đề tài Cơ sở	1	13	6	8	5	8
Đề tài SV	1	24	23	18	3	16
Công bố khoa học	22	27	35	35	31	5
Dịch vụ NCKH	1	-	1	-	-	
Giải thưởng NCKH	-	-	-	01	01	
Tổ chức hội nghị hội thảo	-	-	1	2	2	
Tham dự hội nghị hội thảo	3	-	-	-	15	

Số lượng, kinh phí, đề tài các cấp, số công bố, số giải thưởng NCKH, số hội nghị hội thảo tổ chức, số lượt tham gia hội nghị hội thảo, v.v... hàng năm trong giai đoạn từ 2014-2019 được tổng kết trong các báo cáo tổng kết của Phòng ĐN&KHCN [18.03.01] và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm [18.03.02]. Về số lượng và số lượng bài báo đã công bố (Bảng 18.2)

Dựa trên quy chế quản lý khoa học công nghệ của Nhà trường quy định các chỉ số để đánh giá chất lượng nghiên cứu như mức điểm trung bình đạt được sau khi xét duyệt tuyển chọn và xét duyệt nghiệm thu cụ thể với đề tài (*đạt điểm 9 trở lên đạt loại giỏi; từ 7,5-8,9 đạt loại khá; từ 6,0-7,4 loại trung bình; nhỏ hơn 6,0 không đạt*); quy định rõ đầu ra cho kết quả nghiên cứu bắt buộc phải đăng báo trên các tạp chí chuyên ngành uy tín có tính điểm của hội đồng chức danh nhà nước (*với đề tài đăng ký báo SCI kinh phí được cấp 150 triệu, SCIE kinh phí được cấp 125 triệu, SCOPUS kinh phí được cấp 75 triệu, các tạp chí chuyên ngành trong nước được cấp 50 triệu*). Kết quả NCKH đã đạt được thông qua hội đồng nghiệm thu trong năm 2015 tổng số 22 đề tài nghiệm thu 2015 có 8 đề tài đạt mức trung bình, 14 đề tài đạt loại khá. Năm 2016, tổng 5 đề tài nghiệm thu có 2 đề tài đạt loại giỏi và 3 đề tài đạt loại khá; năm 2017, có 6 đề tài nghiệm thu trong đó có 02 đề tài đạt loại giỏi (*01 đề tài xuất sắc với điểm hội đồng 95,3 đăng 02 bài báo SCI*) 02 đề tài đạt loại khá và 02 đề tài đạt loại trung bình.

Định kỳ hàng quý, hàng năm, Phòng ĐN&KH-CN, Khoa Dầu khí, Khoa KHCB đã rà soát, đánh giá việc thực hiện KPIs đã đề ra đầu năm và gửi báo cáo cho phòng KH-TC.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Cuối năm 2015 Nhà trường đã lấy ý kiến của CB GV và SV về hoạt động quản lý KH-CN trong đó có nội dung phải ban hành riêng quy chế cho GV và SV và nâng kinh phí cho đề tài. Dựa trên các ý kiến Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý khoa học Công nghệ của Trường ĐHQG-VN ban hành số 788/QĐ-ĐHQG ngày 05/08/2016 GV và quy chế hoạt động NCKH của SV trường ĐHQG-VN theo quyết định 789/QĐ-ĐHQG ngày 05/08/2016.

Tháng 7/2018, Nhà trường có lấy ý kiến về hoạt động KH-CN trong đó có nội dung là tăng cường sự hợp tác với bên ngoài cho phép thành viên ngoài trường làm đồng chủ nhiệm đề tài. Dựa trên các ý kiến khảo sát [18.04.01] và Biên bản giao ban đầu năm 2019 số 127/BB-ĐHQG ngày 27/02/2019 với nội dung khẩn trương ban hành điều chỉnh Quy chế NCKH

của Trường. Nhà trường đã ban hành quy chế sửa đổi, bổ sung quản lý khoa học theo quyết định số 353/QĐ-ĐHDK ngày 17/05/2019. Năm 2018, Nhà trường đã ban hành quy trình phối hợp thực hiện các đề tài cấp Sở, Ngành, Cơ sở và SV theo quyết định số 492/QĐ-ĐHDK ngày 29/06/2018 trong đó nêu rõ trách nhiệm, sự phối hợp của các bên liên quan, thời gian thực hiện cụ thể [18.01.07].

Dựa trên các phiếu khảo sát thực hiện năm 2018 đã lấy ý kiến về công tác quản lý nghiên cứu có 15/20 ý kiến đánh giá tốt, 5/20 ý kiến đánh giá khá [18.04.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Triển khai tốt chiến lược phát triển nguồn thu, thực hiện đa dạng các hoạt động nghiên cứu. Có nhiều hình thức thu hút tham gia nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu mạnh.

Hoàn thành tốt các KPIs đã đặt ra, công bố đa dạng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa lấy kiến đầy đủ các bên liên quan ví dụ như doanh nghiệp, đơn vị có hợp tác

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan	Phòng. ĐN&KH-CN	Quý I 2020	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	4,25
Tiêu chí 18.1	4
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Quy chế Quản lý TSTT của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam Số 371/QĐ-ĐHDK, ngày 21/5/2019 quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận quản lý TSTT trong đó có các nhiệm vụ: "Bộ phận quản lý TSTT trực thuộc phòng Đối ngoại và KHCN là đầu mối tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền sở hữu, khai thác và thương mại hoá các TSTT của Nhà trường" [19.01.01]. Phòng ĐN&KHCN đã cử các cán bộ kiêm nhiệm phụ trách quản lý việc quản lý TSTT trong Bảng Phân công nhiệm vụ của Phòng ĐN&KHCN [19.01.02]. Bộ phận này có nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn và phối hợp với các cá nhân, đơn vị trong Nhà trường để nhận diện và thông tin về các loại TSTT phát sinh trong mọi hoạt động của Trường, ghi nhận, lưu giữ các chứng cứ liên quan, và xác định các quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan đối với TSTT. Bộ phận quản lý TSTT cũng tổ chức giám sát việc thực thi quyền SHTT của các đơn vị, cá nhân trong Nhà trường; rà soát, đánh giá, định giá các TSTT thuộc danh mục quản lý hiện hữu; xây dựng kế hoạch, lập dự toán cho hoạt động NCKH. Đồng thời, Bộ phận quản lý TSTT sẽ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ cho các đơn vị, CBNV, cộng tác viên và người học trong việc thương mại hoá các TSTT thuộc quyền sở hữu của mình [19.01.01].

PVU có các văn bản quy định rõ về *việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*. Chương III về Quyền sở hữu đối với các TSTT của Quy chế quản lý TSTT quy định rõ: PVU có quyền sở hữu đối với các TSTT được tạo ra bởi CBNV hoặc các đơn vị theo nhiệm vụ được giao, hoặc được tạo ra do các hoạt động nghiên cứu của người học nhận hỗ trợ tài chính; PVU có quyền đồng sở hữu đối với các TSTT được tạo ra bởi CBNV hoặc các đơn vị không theo nhiệm vụ được giao nhưng và không sử dụng nguồn lực của Nhà trường nhưng xuất phát từ một hoặc một số TSTT thuộc danh mục thông tin mật của Nhà trường mà CBNV hoặc các đơn vị được tiếp cận một cách hợp pháp; PVU không phải là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu đối với các TSTT được tạo ra bởi CBNV hoặc các đơn vị và có giá trị ứng dụng trong các hoạt động của Nhà trường nhưng không xuất phát từ nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Nhà trường và cũng không xuất phát từ một hoặc một số TSTT thuộc

danh mục thông tin mật của Nhà trường, hoặc các TSTT được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Nhà trường với một hoặc một số đối tác khác, trong đó có quy định rõ các TSTT phát sinh là thuộc về các bên đối tác, v.v. CBNV sẽ được hưởng quyền nhân thân đối với TSTT do mình tạo ra, quyền SHTT đối với các TSTT được tạo ra trong thời gian ngoài giờ làm việc chính thức, không liên quan trực tiếp đến hoạt động KHCN của Nhà trường, hoặc không sử dụng đáng kể nguồn lực của Nhà trường [19.01.01].

Chương IV về Tác giả và đồng tác giả của Quy chế quản lý TSTT có nội dung: một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng; các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân, quyền tài sản theo quy định tương ứng của luật SHTT; trong trường hợp TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, các tác giả có nghĩa vụ cùng xem xét và thoả thuận bằng văn bản có xác nhận của Nhà trường về tỉ lệ đóng góp của mỗi người trong quá trình sáng tạo ra TSTT [19.01.01].

Về vấn đề định giá các đối tượng SHTT, Quy chế quản lý TSTT có điều 12 Thẩm định và tái thẩm định TSTT hiện hữu quy định: "Định kỳ hàng năm Bộ phận quản lý TSTT có trách nhiệm tổ chức thẩm định giá trị của các TSTT và các thông tin mật trong các danh mục quản lý hiện hữu. Khi cần thiết có thể thành lập Tổ thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng thành lập" [19.01.01].

PVU có nhiều chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị. Trên tinh thần tạo điều kiện thuận lợi cho NCKH, Quy chế sửa đổi bổ sung Quản lý hoạt động KH&CN có nội dung: Hiệu trưởng có trách nhiệm "Khuyến khích, ủng hộ các đơn vị, GV, CBNV trong Trường tham gia nghiên cứu đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN các cấp" và "Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm quản lý, tạo điều kiện và trực tiếp tổ chức cho GV, CBNV thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN" [19.01.03]. Cụ thể, về chính sách hỗ trợ về kinh phí, trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015 – 2025, Mục 2.2. Tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu khoa học có nêu chiến lược tăng tỷ trọng kinh phí cho NCKH "PVU lập kế hoạch trình PVN phê duyệt cấp khoảng 01 tỷ đồng/năm để cho các GV và SV thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường. Ngoài ra, Nhà trường còn được các đơn vị trong ngành dầu khí tài trợ cho các Quỹ để CBNV và SV thực hiện các đề tài NCKH";

cải tiến chất lượng công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ thông qua các khâu chọn lựa đề tài, thực hiện và đánh giá đề tài. *Về chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu* cho GV và SV thì hàng năm phải tăng số lượng GV, SV tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học; tổ chức các hoạt động KHCN đa dạng nhằm thúc đẩy NCKH như: đăng cai tổ chức các hội thảo, hội nghị quốc gia, quốc tế do các bộ, ban, ngành và các tổ chức khác chủ trì. Mục 4.2. Phát triển GV có nội dung tăng cường cử GV đi hợp tác nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu tại các nước (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ý, Đài Loan, Rumani...) [19.01.04]. *Về chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất*, trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015 – 2025, Mục 5.1.2 có chỉ rõ "Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống PTN, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu". Cụ thể, tính đến năm 2025, PVU sẽ đầu tư khoảng 50 tỷ đồng để mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm. Bên cạnh Trung tâm tự động hoá quá trình PVU-Honeywell (108 ngàn USD), Phòng mô phỏng Schlumberger (10.3 triệu USD) đã được tài trợ, PVU tiếp tục làm việc với các đơn vị để được tài trợ các PTN, phần mềm phục vụ đào tạo và NCKH. Theo Kế hoạch Nâng cấp tổng thể hệ thống CNTT của PVU giai đoạn 2018 – 2020, 14/6/2017, Trung tâm TTTV PVU sẽ nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ cho quản lý, học tập, NCKH [19.01.05]. Cũng theo Điều 7 về Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc Nhà trường, Quy chế Quản lý TSTT, Trung tâm thông tin thư viện có trách nhiệm mua sắm và cài đặt các phần mềm có bản quyền, các tài liệu gốc (sách, tài liệu tham khảo) phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy [19.01.01].

Về chính sách hỗ trợ khai thác thương mại hoá các đề tài nghiên cứu, Điều 5, Quy chế quản lý hoạt động KH&CN có nêu trách nhiệm của Phòng ĐN&KHCN là "hỗ trợ các đơn vị thủ tục xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định hiện hành" [19.01.03]. Ngoài ra, trong Điều 30, Quy chế quản lý TSTT có ghi "Bộ phận Quản lý TSTT sẽ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ cho các đơn vị, cán bộ nhân viên, cộng tác viên và người học trong việc thương mại hoá các TSTT thuộc quyền sở hữu của mình" [19.01.01].

Chương V Quy chế Quản lý TSTT quy định về cơ chế khai thác các TSTT. Trong đó,

các hình thức khai thác TSTT bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức: công bố TSTT, chuyển nhượng quyền SHTT, áp dụng TSTT vào quy trình tác nghiệp, sản xuất, kinh doanh, v.v. Nhà trường có toàn quyền sử dụng và khai thác các TSTT do Nhà trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu, có quyền sao chép, xuất bản và phân phối các bản sao của luận văn, luận án, đồ án của người học dưới bất kỳ hình thức nào. Trong trường hợp Nhà trường không khai thác TSTT thì tác giả và đồng tác giả của TSTT đó được ưu tiên khai thác. CBNV có quyền tiếp cận và sử dụng các TSTT của Nhà trường khi thực hiện các nhiệm vụ được giao, được hưởng các lợi ích phù hợp từ việc khai thác TSTT của Nhà trường mà mình là đồng tác giả hoặc đồng tác giả theo luật SHTT. Trong trường hợp TSTT do CNNV tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường và thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu của tác phẩm gốc theo quy định của luật SHTT. Về chuyển giao TSTT giữa Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, trong trường hợp Nhà trường thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu đối với các TSTT do các đơn vị và CBNV của Nhà trường tạo ra, các đơn vị và CBNV có thể yêu cầu Nhà trường chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình. Các đơn vị hoặc CBNV không được chuyển giao các TSTT của mình cho bên thứ ba nếu việc chuyển giao đó có thể gây ảnh hưởng đến lợi ích hoặc tạo ra xung đột quyền lợi của Nhà trường, trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Nhà trường hoặc pháp luật có liên quan quy định khác. Về việc phân bổ thu nhập và lợi nhuận từ việc khai thác TSTT, tùy thuộc vào giao kết giữa Nhà trường và các tác giả, và tùy thuộc vào thời gian khai thác TSTT [19.01.01].

Quy chế quản lý TSTT có nêu rõ các đồ án, luận văn, luận án được tạo ra bởi người học được xác định là các TSTT phát sinh trong quá trình học tập tại PVU nếu quá trình tạo ra các TSTT đó có sử dụng các nguồn lực của Nhà trường hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của CBNV Nhà trường. SV hệ đại học chính quy ở PVU cũng được khi làm đồ án học phần, đồ án tốt nghiệp phải tuân theo Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đồ án học phần và Đồ án tốt nghiệp, trong đó có nội dung quy định cụ thể về trích dẫn: phải trích dẫn khi sử dụng kết quả, số liệu, hình ảnh, v.v. của một nguồn tài liệu khác, ngay cả khi không sử dụng nguyên văn; "khi trích dẫn, phải trích dẫn nguồn tại liệu gốc"; "khi ghi lại nguyên văn các từ và cụm từ của một tác giả, phải đặt chúng vào dấu ngoặc kép và ghi nguồn trích dẫn" [19.01.06].

Quy trình công bố từ khi gửi bài [19.01.07], xác nhận thời gian gửi bài, công nhận hoàn thành cho tới khi được xuất bản là do tác giả chủ động thực hiện, nhưng phải tuân theo các quy định về công bố trong Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam [19.01.03]. Cụ thể, các tác giả phải sử dụng chức danh, email và thông tin liên lạc của PVU trên trang đầu bài báo, và ghi nhận “Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Dầu khí Việt Nam trong khuôn khổ đề tài mã số... (This work is funded by PetroVietnam University under grant code...)” ở cuối bài (trước mục tài liệu tham khảo).

Quy trình theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu được quy định trong Quy chế sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Các hồ sơ KHCN (01 bản cứng và 01 bản mềm) được lưu trong thời gian 05 năm. Hồ sơ thanh quyết toán được Phòng KHTC lưu trữ theo các quy định hiện hành. Trung tâm TTTV bảo quản và lưu trữ (02 bản cứng chính thức và 01 bản mềm báo cáo tổng kết đề tài) theo quy định áp dụng đối với các tài liệu khoa học tham khảo của trung tâm. Việc nộp lưu trữ là điều kiện bắt buộc để thanh quyết toán đề tài/nhiệm vụ NCKH [19.01.03]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Trong 05 qua các TSTT là các bài báo được công bố trên các tạp chí quốc tế nên không đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

Sau khi ban hành Quy chế quản lý TSTT, Nhà trường đã phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến các CBNV, trong toàn trường bằng nhiều phương tiện: email, website của trường [19.02.01]. Phòng ĐN&KHCN phối hợp với Trung tâm BDNC tổ chức một khoá tập huấn về SHTT cho CBNV (có mời báo cáo viên là chuyên gia về SHTT) [19.02.02].

Do Quy chế quản lý TSTT có nêu rõ các đề án, luận văn, luận án được tạo ra bởi người học được xác định là các TSTT phát sinh trong quá trình học tập tại PVU nếu quá trình tạo ra các TSTT đó có sử dụng các nguồn lực của Nhà trường hoặc có sự đầu tư hay

hỗ trợ đáng kể của CBNV Nhà trường, Nhà trường đã tuyên truyền tới các SV, học viên cao học qua email [19.02.01].

PVU đã thực hiện việc xây dựng CSDL về TSTT (bao gồm: BGĐT, NHCH, bài báo khoa học, các sản phẩm là các kết quả NCKH) đều được quản lý và lưu trữ một cách có hệ thống tại thư viện, và các Khoa/Phòng/Trung tâm liên quan. Phòng ĐN&KHCN và Phòng KH-TC tiến hành ghi nhận nhóm tài sản này khi có thông tin được cung cấp lên từ các Khoa/Trung tâm thông qua các Tờ trình khen thưởng bài báo [19.02.03] và/hoặc sản phẩm bài báo của đề tài. Các thông tin ghi nhận bao gồm: tên bài báo, tên tác giả, tên tạp chí, loại tạp chí. Các TSTT này được lưu trữ dưới dạng file.pdf, và đa số tài liệu là các bài báo khoa học, nên tất cả các đối tượng đều có thể được tiếp cận thông qua các nhà xuất bản tạp chí. Do đó, để việc khai thác TSTT dạng này, các CBNV tự thực hiện bằng cách cập nhật vào trong hồ sơ năng lực nghiên cứu, lý lịch khoa học của mình phục vụ cho việc xin đề tài/dự án hoặc cho công tác giảng dạy. Các thống kê NHCH, thống kê các đề tài NCKH cấp cơ sở [19.02.04], các đề tài NCKH SV [19.02.05] và các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế [19.02.06], thống kê về BGĐT [19.02.07], được cập nhật hàng năm.

Đối với các TSTT là các phần mềm, các kết quả nghiên cứu được số hoá, cũng được ghi nhận và cập nhật hàng năm do Trung tâm thông tin thư viện là đầu mối quản lý, lưu trữ. [19.02.08]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai

Quy chế quản lý TSTT mới được ban hành năm 2019 nên chưa đủ thời gian để thực hiện rà soát. Nhà trường có kế hoạch rà soát công tác quản lý TSTT vào Quý IV năm 2020 do Phòng ĐN&KHCN làm đầu mối thực hiện.

Vì PVU chưa thực hiện rà soát nên chưa có tổng kết, đánh giá công tác quản lý TSTT. Theo kế hoạch, Quý IV năm 2020 PVU sẽ thực hiện rà soát và có tổng kết, đánh giá công tác TSTT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CS GD, cán

bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Trong Quyết định Số 87/QĐ-ĐHDK, ngày 30/01/2019 Về việc giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cho các Phòng/Khoa/Trung tâm thuộc Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giao nhiệm vụ soạn thảo Dự thảo "Quy chế quản lý TSTT" cho Phòng ĐN&KH-CN [19.04.01], và Quy chế đã được ban hành vào 21/5/2019 [19.01.01]. Để thực hiện cải tiến công tác quản lý TSTT Nhà trường đã tổ chức khoá học "Nâng cao nhận thức về Quyền SHTT" vào ngày 07/7/2019 cho CBGV của PVU [19.04.02]

Kết quả bản khảo sát sự hài lòng về công tác quản lý TSTT sau khoá tập huấn về hoạt động NCKH và SHTT cho thấy có ít nhất 75% số các bên liên quan hài lòng về công tác quản lý TSTT của Nhà trường [19.04.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- PVU có nhiều chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu.

- Quy chế quản lý TSTT của PVU công nhận quyền SHTT của người học (SV, học viên) đối với các TSTT phát sinh trong quá trình học tập tại PVU. Do đó, người học cũng nhận được những phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ liên quan đến quyền SHTT và TSTT.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Vì Quy chế quản lý TSTT mới được ban hành, hệ thống quản lý TSTT mới được thiết lập, cần thêm thời gian để chứng minh hiệu quả, do đó, PVU chưa rà soát, tổng kết, đánh giá, và kế hoạch cải tiến công tác quản lý TSTT.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện rà soát, tổng kết và đánh giá hiệu quả cũng như những tồn tại của hệ thống quản lý TSTT định kỳ hàng năm. Từ đó, thực hiện những cải tiến nếu cần. Kỳ rà soát, tổng kết, đánh giá lần thứ nhất sẽ diễn ra vào Quý IV năm 2020	Bộ phận QLTSTT và Phòng KHCN&ĐN làm đầu mối thực hiện	Quý IV 2020	
2	Phát huy các điểm mạnh	Cụ thể hóa quy chế Quản lý TSTT thành các quy trình	Bộ phận QLTSTT và Phòng KHCN&ĐN làm đầu mối thực hiện	Quý I – IV 2020	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	4
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	3
Tiêu chí 19.4	4

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Quy định thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu của PVU được thể hiện trong nhiệm vụ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam, cụ thể là “hợp tác, liên doanh, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ và quản lý với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và sản xuất - kinh doanh trong và ngoài nước” [20.01.01].

Chiến lược phát triển hợp tác, đối tác nêu trong “Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2015” ban hành kèm Nghị quyết số 1227/NQ-ĐHDK ngày 24/12/2014 như sau: tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chú trọng các chương trình thực hiện song song cả ở Việt Nam và nước ngoài; xây dựng và duy trì, phát triển mô hình các nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm cả các chuyên gia có trình độ, uy tín, kinh nghiệm trong và ngoài PVU; xúc tiến đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác quốc tế phục vụ theo các mục tiêu đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ; nâng cao chất lượng hoạt động hợp tác quốc tế...phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo và NCKH; tăng mức độ gắn kết giữa Khoa/Trường với doanh nghiệp thông qua cơ chế đại diện; triển khai hoạt động trao đổi nhân lực với các đơn vị nghiên cứu/đào tạo và sản xuất [20.01.02].

PVU có quy định, hướng dẫn quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác thể hiện trong Quy chế Quản lý Hoạt động Đối ngoại của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 224/QĐ-ĐHDK ban hành ngày 08/4/2013. Trong đó có nội dung về việc: (i) ký kết văn kiện hợp tác quốc tế bao gồm tổ chức ký kết văn kiện hợp tác quốc tế do PVU chủ trì, tổ chức ký kết văn kiện hợp tác quốc tế do đơn vị trực thuộc chủ trì, tổ chức thực hiện nội dung hợp tác đã ký kết và (ii) hợp tác trong nước [20.01.03]. Với dự án quốc tế về khoa học công nghệ . Các quy định quy chế này được phổ biến tới các đơn vị trực thuộc thông qua phần mềm quản lý văn bản của PVU, e-mail, website của PVU [20.01.04].

Đối với việc phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân thể hiện trong quy chế [20.01.04] như sau: “(i) Về việc tổ chức ký kết văn kiện hợp tác quốc tế do PVU chủ trì: việc tổ chức ký kết do BGH chủ trì; Phòng ĐN&KHCN chịu trách nhiệm phối hợp

với đối tác các đơn vị liên quan dự thảo nội dung, văn bản trình Hiệu trưởng; các đơn vị liên quan cử cán bộ tham dự lễ ký kết. (ii) Về việc ký kết các văn kiện hợp tác do đơn vị trực thuộc chủ trì: Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nội dung văn kiện và các thủ tục...và tổ chức lễ ký kết văn kiện hợp tác. (iii) Về việc tổ chức thực hiện nội dung hợp tác đã ký kết: Phòng ĐN&KHCN phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức, hướng dẫn..., đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện... (iv) Về việc hợp tác trong nước: Các đơn vị căn cứ nhu cầu và hoạt động thực tế của đơn vị mình đề xuất kế hoạch hợp tác trong nước với BGH thông qua Phòng ĐN&KHCN...; Phòng ĐN&KHCN là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan liên hệ với các cơ quan tổ chức trong nước...; các đơn vị có liên quan là đầu mối triển khai các nội dung thỏa thuận hợp tác tài trợ dưới sự phân công chỉ đạo của BGH; Phòng KHTC là đầu mối phối hợp với Phòng ĐN&KHCN tiếp nhận các nguồn tài trợ...; các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện...”. Các nội dung trên đã thể hiện sự kết nối giữa các bộ phận đầu mối và các khoa, phòng trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác.

Trong các kế hoạch hành động ban hành kèm chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2025, các chỉ số cho chiến lược và kế hoạch tăng cường hợp tác được xác lập, bao gồm: nội dung và số lượng chương trình hợp tác, số lượng đối tác (các hiệp hội giáo dục, các trường Đại học trong nước và các quốc gia khác), nguồn lực và thời gian thực hiện [20.01.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Về hợp tác trong nước: (i) Hợp tác với doanh nghiệp: Trong 05 năm, Trường có 38 lượt đào tạo kèm cặp, ký kết đc 18 thỏa thuận hợp tác. (ii) hợp tác với các CSGD, Viện NC: Trường đã cùng thực hiện 15 đề tài nghiên cứu, có 5 công bố chung; đồng tổ chức 02 hội thảo hội nghị; ký kết 03 thỏa thuận hợp tác [20.02.01].

Về hợp tác quốc tế: (i) Hợp tác với doanh nghiệp: Trong 05 năm, Trường có 4 chuyên tham quan thực tế, 8 lượt đào tạo kèm cặp, ký kết đc 3 thỏa thuận hợp tác và đã thực hiện 3 thỏa thuận. Với đối tác Honeywell UOP: có 04 lượt CBGD tham gia trao đổi học thuật

tại trụ sở của Honeywell tại Hoa Kỳ vào các năm 2016, 2018; JX NOEX: hỗ trợ kinh phí cho hoạt động NCKH, tài trợ cho 15 suất tham dự khoá đào tạo 01 tuần tại Việt Nam và 01 tuần tại Nhật Bản vào các năm 2015, 2016, 2017; Baker Hughes: tài trợ xây dựng phòng thí nghiệm GE địa cơ trị giá 5,5 triệu đô, KOGAS: tư vấn Pipeline, Enago: ký kết 01 MoU giảm 40% phí dịch vụ kiểm tra chất lượng các bài báo viết bởi CBGD của PVU, có 01 CBGD sử dụng dịch vụ này của đối tác [20.02.02]; eDrilling: ký kết MoU vào năm 2017, tổ chức 01 buổi nói chuyện chuyên đề cho SV; (ii) CSGD và Viện nghiên cứu: hợp tác với UPG: 02 lượt trao đổi học thuật, ký kết MoU, 6 công bố chung, 1 đề tài chung [20.02.03]; hợp tác với Đại học Montepplier: thực 2 đề tài chung, 03 công bố chung; 01 lượt trao đổi GV; Đại học Mỹ Colorado: 01 lượt trao đổi GV; Đại học New Mexico Tech: 01 lượt trao đổi học thuật, Đại học Công nghệ Petronas: 02 lượt thăm, ký kết 01 MoU vào năm 2019 [20.02.04].

Với tầm nhìn là trường ĐH định hướng nghề nghiệp - ứng dụng hàng đầu trong lĩnh vực dầu khí nên Trường hợp tác với các đơn vị trong ngành, ký kết được 20 MoU với các đối tác. PVU cũng hướng đến hợp tác với những trường có đào tạo chuyên ngành Dầu khí như: Trường Đại học Colorado School of Mines (CSM, Hoa Kỳ), Trường Đại học Tulsa (TU, Hoa Kỳ), Trường Đại học Dầu khí Việt Nam Ploiesti (UPG, Rumani), Trường Đại học Memorial of Newfoundland (MUN, Canada), Trường Đại học Québec à Trois-Rivières (UQTR, Canada). Với sứ mạng của Nhà trường “gắn kết đào tạo với NCKH và thực tiễn sản xuất kinh doanh”: Trường hợp tác NCKH với các đơn vị trong ngành, ví dụ phát triển thiết bị vệ sinh đường ống (P.I.G) để giải quyết nhu cầu thực tiễn của Liên doanh Việt-Nga Vietsovetropet (VSP), các đề tài về nguồn nước và điện... [20.02.05].

Trong 5 năm, Trường đã hợp tác nghiên cứu với những đối tác kể trên qua những hình thức như ký kết các MoU, trao đổi thành viên nghiên cứu, đồng công bố, đồng tổ chức hội thảo, cho phép đồng chủ nhiệm đề tài [minh chứng: đề tài cấp cơ sở]. Với những đề tài cấp Tập đoàn về “nguồn nước”, “điện”, dựa trên nguồn nhân lực của PVU, nhóm tác giả của PVU hợp tác với các thành viên trong các đơn vị sản xuất của PVN theo dạng cố vấn, cộng tác viên [20.02.06]. Trong việc triển khai xây dựng hệ thống đo khuyết tật đường ống, nhóm nghiên cứu do PGS. TS. Phạm Hồng Quang làm trưởng nhóm phát triển cơ sở lý thuyết từ

đề tài cơ sở, tổ chức hội nghị hội thảo, hợp tác với các nhóm nghiên cứu hàng đầu ở Việt Nam là Trường ĐH BKHCM và Trường Đại học Montpellier (UM, Pháp) [20.02.07].

PVU đã cử 28 đoàn ra, đón 70 đoàn vào với tổng kinh phí cho đoàn ra đoàn vào là 945 triệu đồng quốc tế để tìm kiếm, xây dựng các mối quan hệ hợp tác mới; củng cố, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các đối tác đã có [20.02.08]. PVU đã chi 1,269 tỉ đồng trong 05 năm cho hoạt động tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo nhằm trao đổi học thuật. Ngoài những học bổng GV nhận được từ các đối tác, Trường cũng chi 2,673 tỉ cho hoạt động đào tạo kèm cặp dài hạn [20.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Trong Quyết định số 149/QĐ-ĐHDK ban hành ngày 09/3/2011 về việc phê duyệt và ban hành chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐN&KHCH [20.03.01] có nội dung: “..., cử cán bộ theo dõi thực hiện đánh giá định kỳ các hoạt động hợp tác đối ngoại”.

Quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH được thể hiện trong Quy chế Quản lý Hoạt động Đối ngoại ban hành kèm theo quyết định số 224/QĐ-ĐHDK ban hành ngày 08/4/2013 như sau: (i) Các đơn vị thuộc Trường báo cáo Hiệu trưởng về tình hình, kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại của đơn vị. (ii) Phòng ĐN&KHCH tổng hợp báo cáo của các đơn vị trình Hiệu trưởng: ký kết văn kiện hợp tác quốc tế; đối với đoàn vào trao đổi, nghiên cứu: Phòng ĐN&KHCH tổng kết, báo cáo hiệu quả sau khi đoàn về; đối với đoàn ra: các thành viên báo cáo kết quả chuyển công tác [20.03.02].

Hàng năm, các đơn vị rà soát tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và gửi báo cáo lên Phòng ĐN&KHCH để Phòng tổng hợp trình BGH. Đối với các đối tác cụ thể như JX NOEX, Trường Đại học Dầu khí Việt Nam Ploiesti (UPG, Rumani) Phòng Đối ngoại rà soát và báo cáo theo yêu cầu của BGH [20.03.04].

Trường có rà soát và đánh giá các mối quan hệ hợp tác với đối tác định kỳ mỗi năm một lần. Với một số đối tác cụ thể, sau một giai đoạn có đánh giá, với các đối tác khác, Phòng ĐN&KHCH tổng hợp, rà soát tính hiệu quả và báo cáo BGH. Các hoạt động hợp tác mang lại hiệu quả như sau: đào tạo được 38 lượt GV, thu được 35,222 tỉ đồng từ các khoá

đào tạo bồi dưỡng nâng cao, nhận được 3,280 tỉ tiền tài trợ học bổng cho SV từ các đơn vị [20.03.05]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Đến 2015, có 03 lượt SV sang học tại Trường Đại học Dầu khí Việt Nam Gubkin, ngoài ra không có bất cứ hợp tác nào được triển khai. Vì vậy, bắt đầu năm 2015 Trường ký kết hợp tác với UPG và thu được các kết quả như sau: ký kết 02 biên bản ghi nhớ, tham gia 03 đề tài nghiên cứu chung, có 04 công bố chung. Năm 2016, Trường định hướng chương trình đào tạo ABET nên triển khai hợp tác với các cơ sở giáo dục tại Hoa Kỳ, Canada (CSM, NMT, TU, MUN, UQTR...). Năm 2018, chương trình đào tạo liên kết với Trường Đại học North Dakota (UDN) không triển khai được nên Trường đã quyết định dừng và chuyển sang đối tác khác, ký hợp đồng đào tạo liên kết với trường Đại học New Mexico Tech (NMT, Hoa Kỳ) chuyên ngành KKT [20.04.01]

Trong giai đoạn 2014-2019, PVU có gia tăng các mối quan hệ hợp tác, Trường duy trì các mối quan hệ đã có trước đó (như Trường Đại học tổng hợp dầu khí Gubkin) duy trì và phát triển mối quan hệ với các đối tác tiềm năng như UPG (1 trong số 33 trường Đại học tốt nhất tại Rumani), Honeywell UOP (là công ty đa quốc gia cung cấp các sản phẩm hoá dầu) [20.04.02].

Đồng thời PVU mở rộng các mối quan hệ để có thêm các đối tác xứng tầm như: CSM (Trường đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Mỏ Địa chất hàng đầu thế giới), Đại học Memorial of Newfoundland (xếp hạng thứ 22 tại Canada, nằm trong top 400 các trường đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học tốt trên thế giới), Trường Đại học Québec à Trois-Rivières – UQTR (xếp hạng thứ 62 tại Canada)...., Công ty Haldor Topsoe. Giai đoạn trước năm 2015, các đối tác của PVU là các nước Đông Âu và Liên Xô cũ, Năm 2016, Trường định hướng chương trình đào tạo ABET nên triển khai hợp tác với các cơ sở giáo dục tại Hoa Kỳ, Canada (CSM, NMT, TU, MUN, UQTR...). Năm 2018, chương trình đào tạo liên kết với Trường Đại học North Dakota (UDN) không triển khai được nên Trường đã quyết định dừng và chuyển sang đối tác khác, ký hợp đồng đào tạo liên kết với trường Đại học New

Mexico Tech (NMT, Hoa Kỳ) chuyên ngành KKT. Ngoài ra, Quy chế Quản lý hoạt động đối ngoại của PVU có quy định khen thưởng cho cả những bài báo mà cán bộ của PVU phối hợp với các tác giả bên ngoài Trường, cụ thể: 50% cho tác giả chính, 50% chia đều cho đồng tác giả [20.04.05].

Trong các năm 2014, 2015, 2017, 2018, Trường tổ chức sự kiện “Định hướng nghề nghiệp SV Dầu khí-Company Day, thu hút sự tham gia của tổng 40 lượt tham dự của các doanh nghiệp ngành dầu khí trong nước và 15 lượt tham dự của các doanh nghiệp nước ngoài [20.04.06].

Thông qua sự giới thiệu của Tập đoàn kết nối qua kênh từ đại sứ quán Rumani tại Việt Nam, Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với Đại học Dầu khí Việt Nam Ploiesti, Rumani (UPG) và đã có những kết quả hợp tác như: ký kết thoả thuận hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học đầu tiên vào năm 2015, đoàn đến thăm PVU và đoàn ra thăm và làm việc tại UPG, cán bộ PVU tham gia nghiên cứu tại UPG và có sản phẩm là các công bố khoa học chung với các giáo sư trường bạn. PVU và UPG cũng ký kết chương trình học bổng Erasmus Mundus [20.04.07].

Thông qua kết nối với Viện Dầu khí Việt Nam, PVU thiết lập quan hệ hợp tác với Haldor Topsoe - công ty sản xuất chất xúc tác của Đan Mạch. Từ năm học 2018-2019, Haldor Topsoe dành cho PVU 03 suất học bổng trị giá 3000 USD cho 03 SV xuất sắc chuyên ngành Lọc Hoá Dầu. Ngoài ra, 02 SV năm cuối có học lực giỏi và tiếng Anh tốt được lựa chọn để thực hiện đề tài đồ án tốt nghiệp tại Đan Mạch [20.04.08].

Honeywell UOP là đối tác lâu năm và thân thiết với PVU. PVU luôn có kế hoạch hàng năm về việc đón tiếp chuyên gia tới giảng dạy cho SV chuyên ngành Lọc-Hoá dầu và trao đổi học thuật với CBGD bộ môn Lọc-Hoá dầu. 05 năm qua, mỗi năm Nhà trường tiếp đón 02 đợt chuyên gia tới làm việc tại PVU và sẽ duy trì trong các năm tiếp theo [20.04.09].

Các hoạt động trên đây đã đáp ứng mục tiêu nghiên cứu của Nhà trường được ghi trong chiến lược “PVU phấn đấu trở thành một trường Đại học có định hướng NCKH ứng dụng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế” thông qua các giải pháp cụ thể “khai thác các nguồn ngân sách nghiên cứu khác như các Quỹ nghiên cứu và các tổ chức quốc tế”, và

“tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chú trọng các chương trình thực hiện song song cả ở Việt Nam và nước ngoài” [20.04.10].

Từ năm 2014 đến năm 2018, Nhà trường đã ký kết được 20 MoU MoA với các đối tác trong nước, 18 MoU đã được thực hiện (thực hiện được 90% số MoU đã ký kết); với các đối tác nước ngoài, Trường ký kết và triển khai thực hiện được 21 MoU và thực hiện được 20 MoU. Trường nhận được 3,280 tỉ khoản tài trợ tiền mặt từ các đối tác là doanh nghiệp trong và ngoài nước; SV Lọc Hoá dầu được tài trợ 15,500 tiền học bổng từ UOP và Haldor Topsoe; năm 2018 được đối tác Baker Hughes tài trợ Phòng Địa cơ với tổng trị giá lên tới 5,5 triệu đô [20.04.11].

Trường cử được 39 lượt cán bộ đi đào tạo thực tế tại 18 đơn vị trong nước, 8 lượt cán bộ đi đào tạo kèm cặp dạng trao đổi học thuật tại 5 đối tác nước ngoài [20.04.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường lựa chọn đối tác bám sát tầm nhìn sứ mạng của Trường;
- Có nhiều đối tác xứng tầm là các Trường Đại học, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành dầu khí hàng đầu trên thế giới;

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Có đánh giá, rà soát hiệu quả của các hợp tác nghiên cứu nhưng chưa thành văn bản;
- Chưa có đánh giá đóng góp của hoạt động hợp tác nghiên cứu vào nguồn thu của Nhà trường

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện các báo cáo đánh giá hiệu quả	Phòng ĐN&KHCN	Định kỳ 06 tháng một lần	
2	Khắc phục tồn tại	Liên tục cập nhật thông tin mới về các hoạt động đối ngoại	Phòng ĐN&KHCN	2020	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	4,5
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 đã xác định PVXH là 1 trong 9 nhiệm vụ cốt lõi cụ thể: “trích dẫn thông tin từ Chiến lược”, Chiến lược cũng xác định rõ kế hoạch *kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng* “trích nội dung trong KHCL. Từ KHCL, Nhà trường cụ thể hóa các HĐ PVCĐ trong các KH năm của các đv (MC- Kế hoạch năm- giao các đv và KH của các đoàn thể). Trước năm 2019 Nhà trường chưa ban hành quy định riêng cho hoạt động kết nối và PVCĐ tuy nhiên kế hoạch kết nối và PVCĐ được Nhà trường thể hiện trong các biên bản giao ban chỉ đạo việc thực hiện ví dụ như biên bản giao ban đầu năm 2019 có giao cho Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch chi tiết về công tác quảng bá chương trình đào tạo; giao cho Khoa Dầu khí chủ trì và tổ chức Companyday, giao cho Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch của ĐTN, giao cho Công đoàn Trường xây dựng kế hoạch Công đoàn, giao TT BDNC xây dựng kế hoạch đào tạo [21.01.03]. Dựa trên chỉ đạo đầu năm các đơn vị được phân công nhiệm vụ lên kế hoạch cụ thể ví dụ Công đoàn năm 2016 đã đưa ra kế hoạch tháng 1 tổ chức ăn sinh xã hội, tháng 2,3 về nguồn... và kế hoạch chi tiêu số tiền cho các hoạt động cụ thể.

Trước 2019 các hoạt động kết nối và PVCĐ thực hiện được tuân thủ theo các quy định của từng tổ chức/phòng/khoa có các hoạt động tương ứng. Đối với hoạt động của TTBDNC tuân thủ theo quyết định số 1381/QĐ-ĐHDK ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định trong chức năng của TTBDNC thực hiện...dịch vụ khác được Nhà trường giao phù hợp với chức năng nhiệm vụ trường và quy định của Pháp luật; trung tâm có quyền từ chốikhông được Trường và pháp luật quy định...; chấp hành sự kiểm tra ...theo quy định của Pháp luật...[21.01.06]. Quy định về tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ của PVU [21.02.16]. Đối với hoạt động Công đoàn, Đoàn thanh niên là các kế hoạch tổ chức cho mỗi hoạt động [21.03.01], [21.03.03]. Từ đầu năm 2019, các quy định và hướng dẫn về hoạt động kết nối và PVCĐ được thực hiện theo quy định tại bản HD..... Theo đó các hoạt động dịch vụ cộng đồng phải được thực hiện theo đúng Pháp luật của Nhà nước và quy định

của Nhà trường; Định kỳ hàng năm, Hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn Trường hợp liên tịch để trao đổi, đánh giá về thực hiện các hoạt động PVCD của Trường.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2015-2025 đã phân công trách nhiệm cụ thể cho các đv để triển khai các công tác PV xã hội, theo đó nhiệm vụ chính giao cho Phòng ĐN&KHCN, TT BDNC, các Khoa, ĐTN, và CĐ. Sau 2018, để công tác PVCD được quản lý m ô cách hiệu quả, các HĐPVCD được giao cho CĐ quản lý, giám sát. Nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được quy định cụ thể trong bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ kết nối và PVCD ban hành số 12/2018 theo từng lĩnh vực cụ thể như đào tạo, NCKH, An sinh xã hội, tình nguyện.... Trường các đơn vị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm và gửi tới Ban chấp hành Công đoàn trước ngày 31/01.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Hàng năm công đoàn tham gia và tổ chức nhiều hoạt động phục vụ xã hội như tham gia các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao do Công đoàn ngành Dầu khí và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức.

Về hoạt động an sinh xã hội hàng năm Công đoàn Trường đã tổ chức các hoạt động như thăm tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình khó khăn, tặng quà cho SV nghèo vượt khó. Năm 2017 ngoài các hoạt động thường niên Công đoàn còn phối hợp với viện Dầu khí ủng hộ bà con bị thiên tai tại Khánh Hòa [21.02.06].

Hàng năm Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động tình nguyện như chiến dịch mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, lễ hội HSSV, tham gia tư vấn tuyển sinh tại một số địa phương, các phong trào thể thao văn hóa văn nghệ do tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức, tham gia các cuộc thi Olympic Toán, Vật lý, Hóa học, Cơ học toàn quốc...được tổng kết trong các báo cáo kết quả SXKD [21.02.01], báo cáo công tác Đoàn [21.02.02]. Năm 2018 Đoàn trường đã phối hợp với các đơn vị trong ngành tại tỉnh BRVT tổ chức cụm phối hợp để thực hiện chiến dịch mùa hè xanh với nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa [21.02.02].

Trong hoạt động KHCN: Trong cuộc thi sáng tác ý tưởng của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu năm 2016-2017 SV PVU vinh dự đạt giải nhì với giải pháp phát triển du lịch thể hiện được tính mới, khả năng triển khai ứng dụng vào thực tế cuộc sống và tính hiệu quả cao [21.02.03]; năm 2018 PVU có 02 SV lọt vòng chung kết và 01 SV đoạt giải 3 lĩnh vực tài nguyên môi trường giải thưởng Euréka lần XX [21.02.04]. Giải thưởng dành cho các thanh niên tiêu biểu, những tài năng trẻ xuất sắc trong lĩnh vực khoa học công nghệ do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hàng năm, SV Nhà trường vinh dự đạt giải nữ SV xuất sắc trong lĩnh vực kỹ thuật năm 2017 [21.02.16]. Năm 2014 GV Nguyễn Thị Phương Nhung nhận giải thưởng Quả cầu vàng [21.02.05].

Hàng năm Trung tâm BDNC của PVU đã tổ chức các hợp đồng dịch vụ tổ chức các khoá học với các đơn vị sản xuất [21.02.08]. Các kết quả được tổng hợp trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh [21.02.01].

Cán bộ Nhà trường tham gia các hội đồng khoa học [12.02.11], giám khảo cho các cuộc thi của Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu [21.02.12].

PVU tổ chức “Company day”, sự kiện này là cơ hội kết nối SV, Nhà trường với đơn vị sản xuất tìm hiểu cập nhật thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị đồng thời cũng là cơ hội cho các nhà tuyển dụng tìm kiếm các ứng viên phù hợp trong tương lai gần cho đơn vị của mình [21.02.13].

SPE PVU student chapter thu hút đông đảo SV tham gia và hoạt động tích cực trong hoạt động của SPE Việt Nam; các hoạt động ngoại khoá như làm sạch bãi biển, thử thách dọn rác khu vực sống và cộng đồng được thực hiện thường xuyên và có sức lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng.... [21.02.14].

Việc xây dựng các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật ví dụ đối với TTBDNC, các hđ dựa vào quy định tổ chức và HĐ của TT, các hđ KHCN PVCD được quản lý bởi quy chế quản lý HĐ KHCN của Trường ĐHDK VN và theo luật KHCN, các Hoạt động

của CĐ căn cứ vào điều lệ của Liên đoàn Lao động Việt, các hđ của đoàn TN căn cứ vào điều lệ của ĐTN.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Trước năm 2019, các chỉ số, chỉ báo cụ thể như số lượng các hoạt động, số người tham gia, số tiền, thời gian tham gia....đều được thể hiện trong kế hoạch hoạt động PVCĐ. Ví dụ CĐ và Đoàn TN xây dựng các kế hoạch hàng năm, hoặc các quyết định giao nhiệm vụ hàng năm giao có quy định số lớp học, số học viên, chi phí cho từng năm [21.01.02].

Tới 12/2018, Nhà trường ban hành quy chế phối hợp giữa BCHCĐ và BGH, theo đó, thống nhất giao BCHCĐ làm đầu mối xây dựng bản HD về việc lập Kế hoạch HĐPVCĐ với các chỉ số chỉ báo cụ thể và giám sát các HĐ này.

Các hoạt động kết nối và PVCĐ được thực hiện và có cơ sở dữ liệu cho từng hoạt động:

Ban chấp hành Đoàn thanh niên với vai trò, nhiệm vụ của mình thực hiện các kế hoạch đầu năm đã lên kế hoạch, chương trình cụ thể [21.03.01]. Nhà trường đã có phê duyệt kinh phí để tổ chức các hoạt động tương ứng trong kế hoạch [21.03.02]. Danh sách các hoạt động của Đoàn thanh niên hàng năm được tổng hợp tại (phụ lục 1).

Ban chấp hành công đoàn hàng năm đã liên kế hoạch thực hiện theo các kế hoạch đã đặt ra hàng năm cũng như các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa [21.03.03] và các phê duyệt kinh phí cho từng hoạt động cụ thể [21.03.04]. Danh sách các hoạt động của Công đoàn hàng năm được tổng hợp tại (phụ lục 2)

Trung tâm bồi dưỡng nâng cao đã lập kế hoạch, thực hiện các khoá học cho các đơn vị bên ngoài thông qua các quyết định mở lớp, các hợp đồng đối với các đơn vị tham dự khoá học [21.03.06], các khoá học đã được thống kê hàng năm (phụ lục 3).

Ban chấp hành Công Đoàn và BCH Đoàn thanh niên có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các hoạt động đã lên kế hoạch và thực hiện trong từng năm và báo cáo lại việc thực hiện trong báo cáo tổng kết công tác Đoàn và Công đoàn hàng năm [21.02.02], [21.02.06].

Việc giám sát kết quả thực hiện các khoá đào tạo cũng được trung tâm thực hiện có báo cáo theo từng quý. Đối với sự kiện Company day của Nhà trường, Đơn vị Khoa Dầu khí của PVU có trách nhiệm giám sát các hoạt động và có báo cáo cụ thể sau quá trình thực hiện [21.03.07].

Đối với hoạt động Công đoàn và Đoàn thanh niên thông qua kết quả của các phiếu khảo sát các đơn vị liên quan dựa trên phiếu khảo sát trong biên bản họp ĐTN đã đưa ra đánh giá về việc triển khai các hoạt động.

Đối với hoạt động của trung tâm BDNC sau mỗi khóa học đã lấy phiếu ý kiến của học viên [21.03.12] và tổng hợp lại các ý kiến để đưa ra đánh giá kết quả được báo cáo trong báo cáo quý của TT BDNC PVU vẫn có những hợp đồng đào tạo cho các đơn vị vượt kế hoạch.

Hoạt động Company Day của Nhà trường đã nhận được những phản hồi từ các đơn vị tham dự và có những báo cáo rút kinh nghiệm cho những năm tiếp theo viết cụ thể [21.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trong báo cáo tổng kết của Công đoàn, Đoàn Thanh niên và báo cáo SXKD của Nhà trường hàng năm đều đã đưa ra các phương hướng cho các hoạt động của năm tiếp theo đã đề ra các kế hoạch cho hoạt động cụ thể ví dụ như phương hướng kế hoạch mới năm 2018 cho việc đổi mới, cải thiện chất lượng dịch vụ đào tạo có nêu việc ...đa dạng hóa các khóa học thực tế [21.02.01], [21.02.06], [21.02.02].

Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải thiện cụ thể như hoạt động của Công đoàn năm 2015 tới từng nhà thăm tặng quà, sau đó họp lại BCH CĐ đã nhận thấy việc tới từng nhà mất rất nhiều thời gian vì vậy từ năm 2016 Công đoàn đã chuyển sang hình thức thăm và tặng quà tại một địa điểm cụ thể như nhà văn hóa thôn dưới sự đồng ý của cán bộ sở tại và sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng. Việc kết hợp với Công đoàn Viện Dầu khí Việt Nam đã tổ chức được các chuyến từ thiện không chỉ tại tỉnh Bà Rịa

– Vũng Tàu mà còn ở các tỉnh thành xa chịu thiệt hại của thiên tai. Hình thức hoạt động của Đoàn thay đổi từ việc thực hiện các hoạt động độc lập, Ban chấp hành Đoàn đã phối hợp với Đoàn thanh viên của VSP, Đoàn thanh niên tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu để thực hiện các hoạt động một cách có hệ thống, đa dạng, mở rộng phục vụ tốt hơn cho cộng đồng. Các khoá học của Trung tâm luôn được khảo sát lấy ý kiến từ các đơn vị trong và ngoài Nhà trường [21.03.18] từ đó có những điều chỉnh để phù hợp hơn với thực tế sản xuất. Việc mời các chuyên gia nước ngoài đầu ngành về dầu khí đã thu hút các đơn vị sản xuất trong việc tiếp cận những kiến thức khoa học tiên tiến hội nhập [21.04.03].

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến và trên 90% phiếu được lấy ý hài lòng về kết quả thực hiện. Nhà trường đã nhận được các thư cảm ơn và xác nhận của đơn vị thụ hưởng sau mỗi hoạt động.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Tuy quy mô trường nhỏ nhưng Nhà trường cũng đã triển khai nhiều hoạt động, cách thức để phục vụ cho cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa lấy ý kiến đầy đủ của đối tượng thụ hưởng để cải tiến hoạt động kết nối và PVCĐ một cách hiệu quả nhất.

- Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đã thực hiện tại Nhà trường diễn ra theo từng tổ chức rời rạc.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ một cách hệ thống theo quy định trong quy chế Quản lý hoạt động kết nối và PVCĐ ban hành ngày.... Tháng 7 năm 2019	Toàn thể cán bộ, GV, SV của Nhà trường	Bắt đầu từ 8/2019	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại 1	Lấy ý kiến của đơn vị thụ hưởng sau mỗi hoạt động	Công đoàn đầu mỗi chỉ đạo các đơn vị liên quan	Bắt đầu từ 8/2019	
3	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ một cách hệ thống theo quy định trong quy chế Quản lý hoạt động kết nối và PVCĐ ban hành ngày.... Tháng 7 năm 2019	Toàn thể cán bộ, GV, SV của Nhà trường	Bắt đầu từ 8/2019	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	4
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các học phần/ học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Từng năm học, để chuẩn bị tổ chức đào tạo, PVU ban hành Kế hoạch đào tạo năm học và giao nhiệm vụ triển khai Kế hoạch năm học cho các đơn vị trong Trường Đại học Dầu khí Việt Nam. Trong đó, có xác định, dự đoán các tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của tất cả các CTĐT. Việc xác định và dự đoán các tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học dựa trên cơ sở phân tích các số liệu như: Số SV nợ các học phần, số học phần còn nợ, SV nợ nhiều học phần nhất và nợ ít học phần nhất trong từng học kỳ, khả năng trả nợ học phần của SV bằng phương án học lại hay thi lại trong học kỳ tiếp theo, số SV đã đạt và còn nợ chuẩn đầu ra tiếng Anh, khả năng thi đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của SV, vv... Bên cạnh đó, các số liệu sẽ được đối sánh giữa các khóa cùng ngành, giữa các ngành với nhau, giúp tăng tính chính xác của các tỉ lệ trên [22.01.01].

Với quy mô đào tạo nhỏ, công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của tất cả các CTĐT được giao cho Phòng Đào tạo làm đầu mối triển khai. Trên cơ sở nhân sự và tình hình nhân sự thực tế, Phòng Đào tạo đã phân công riêng 01 chuyên viên xử lý học liệu chuyên trách công tác này [22.01.02]. Bên cạnh đó, các Khoa, Bộ môn, hệ thống GVCN/CVHT và các GV trực tiếp lên lớp cũng có nhiệm vụ phối hợp theo dõi, giám sát, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thậm chí cả các tỉ lệ học lại, thi lại trong từng học phần, trong từng học kỳ của ngành, và giữa các khóa trong cùng ngành [22.01.03].

Quy trình của việc theo dõi, giám sát, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học được tiến hành như sau: Trên cơ sở tổng hợp kết quả học tập của từng học kỳ được chuyên viên xử lý học liệu, Phòng Đào tạo trích xuất từ phần mềm quản lý đào tạo phân tích các số liệu kết quả học tập chung của toàn Trường dựa trên quy chế đào tạo của PVU, trong đó có liệt kê các số liệu về học phần chưa đạt đối với từng SV, dự đoán tỉ lệ học lại, thi lại và dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học. Sau đó, Nhà trường thành lập Hội đồng xét kết quả học tập và ra quyết định công nhận kết quả học tập của SV [22.01.04]. Các kết quả sẽ được công khai trên Cổng thông tin đào tạo và gửi cho các Khoa/Bộ môn làm cơ sở để theo dõi, giám sát.

Từ năm 2016, Trường có SV tốt nghiệp khóa đầu tiên. Vì vậy, PVU đã tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp giữa các CTĐT. SV khóa 1 thuộc các CTĐT Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, và Kỹ thuật Hóa học tốt nghiệp với tỉ lệ tương ứng 93,75%, 100%, và 97,5% [22.01.05].

Từ năm 2017 trở đi, sau khi SV khóa 2 tốt nghiệp, PVU thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp không chỉ giữa các CTĐT cùng khóa mà còn thực hiện đối sánh giữa các khóa cùng CTĐT. Tỉ lệ tốt nghiệp của 03 ngành của khóa 2 là 94,12%, 92,68%, và 94,74%. Với SV khóa 3 (tốt nghiệp năm 2018), tỉ lệ tốt nghiệp tương ứng là 91,67%, 96,30%, và 100% [22.01.06]. Tỉ lệ tốt nghiệp cùng khóa luôn đạt mức cao, chênh lệch tỉ lệ giữa các ngành không nhiều, tỉ lệ tốt nghiệp 02 ngành KTDK và KTHH là tương đương. Trong khi đó, ngành KTĐC có tỉ lệ tốt nghiệp thấp nhất. Tỉ lệ tốt nghiệp tăng ở khóa 2, nhưng lại giảm ở khóa 3 của ngành KTĐC. Các SV không tốt nghiệp vì một số lý do: thôi học, không đạt chuẩn tiếng Anh, nợ học phần, không hoàn thành ĐATN.

Tỉ lệ tốt nghiệp của 03 ngành/chuyên ngành (Kỹ thuật Địa chất/Địa chất-Địa Vật lý Dầu khí, Kỹ thuật Dầu khí/Khoan-Khai thác và Kỹ thuật Hóa học/Lọc hóa dầu) cũng được đối sánh với 03 ngành/chuyên ngành trên của Trường Đại học Mở Địa chất (HUMG) và Đại học Bách khoa Tp.HCM (HCMUT) [22.01.07]. Kết quả đối sánh được trình bày trong bảng 22.1 cho thấy trong ba năm học 2015-2016, 2016-2017, và 2017-2018, tỉ lệ tốt nghiệp của SV PVU cao hơn hẳn so với tỉ lệ tốt nghiệp của SV cùng ngành của HUMG và HCMUT. Qua số liệu đối sánh, cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp của SV ngành Kỹ thuật Địa chất là thấp nhất ở cả ba trường. Tỉ lệ tốt nghiệp đối với hai ngành còn lại là tương đương nhau. Tỉ lệ tốt nghiệp của HUMG có xu hướng tăng ở năm học 2017-2018 và giảm đối với HCMUT.

Bảng 22.1. Bảng đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp của SV PVU, HUMG, và HCMUT

Ngành học	Năm học	PVU (%)	HUMG (%)	HCMUT (%)
Kỹ thuật Địa chất	2015 - 2016	93,75	83,09	35,3
	2016 - 2017	94,12	58,21	55,7
	2017 - 2018	91,67	74,38	35,6
Kỹ thuật Dầu khí	2015 - 2016	100	86,58	72,1
	2016 - 2017	92,68	74,92	81,3
	2017 - 2018	96,3	81	73,9
Kỹ thuật Hóa học	2015 - 2016	97,5	56,32	66,77
	2016 - 2017	94,74	56,67	67,4
	2017 - 2018	100	81,29	72,8

Trên cơ sở kết quả học tập trong năm học của toàn Trường, Nhà trường thực hiện sự đối sánh tỉ lệ thôi học của từng CTĐT giữa các năm học. Trong năm học 2015-2016, chỉ có SV khóa 3 ngành Kỹ thuật Dầu khí và Kỹ thuật Địa chất (0.06%) và SV khóa 1 và 2 ngành Kỹ thuật Địa chất có SV thôi học với 0.02% và 0.08% tương ứng, còn các ngành khác không có SV nghỉ học. Năm học 2016-2017 chỉ có SV khóa 4 ngành Kỹ thuật Địa chất và ngành Kỹ thuật Dầu khí và SV khóa 3 ngành Kỹ thuật Dầu khí có SV thôi học với tỉ lệ 0.2%, 0.16%, 0.14%. Sang năm học 2018-2019, tỉ lệ SV thôi học giảm đáng kể, chỉ có khóa 4 ngành Kỹ thuật Địa chất có SV thôi học với tỉ lệ 0.14%. Năm học 2018-2019, SV khóa 5 và 6 của ngành Kỹ thuật Dầu khí thôi học với tỉ lệ 0.06%, và 0.05%. Như vậy tỉ lệ SV PVU thôi học giảm mạnh trong những năm gần đây.

So với HUMG và HCMUT, tỉ lệ thôi học của SV PVU trong 5 năm học đều thấp nhất: năm học 2015-2016, tỉ lệ thôi học của SV ngành Kỹ thuật Địa chất của PVU là 0,03% so với 0% của HUMG và 9,4% của HCMUT; năm học 2016-2017, tỉ lệ thôi học ngành Kỹ thuật Địa chất của PVU là 0,03% so với 4,85% của HUMG và 11,1% của HCMUT; năm học 2017-2018, tỉ lệ thôi học ngành Kỹ thuật Địa chất của PVU là 0,04%, so với 4,06% của HUMG và 9,4% của HCMUT. Tỉ lệ thôi học của SV các ngành còn lại cũng luôn ở mức thấp hơn so với HUMG và HCMUT [22.01.08]. Việc đối sánh với các CSGD Quốc tế về tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học không thực hiện được vì không có số liệu chính thống.

Căn cứ vào tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của năm học trước và tình hình học tập của SV từng năm, Nhà trường có các biện pháp cải tiến nhằm tăng tỉ lệ tốt nghiệp, giảm tỉ lệ thôi học. Cụ thể như, Phòng Đào tạo rà soát tình hình học tập của SV chuẩn bị làm ĐATN

để có thể cảnh báo, nhắc nhở, tạo điều kiện cho phép SV học lại/thi lại để đạt tiêu chuẩn được nhận ĐATN, giảm số lượng SV không được nhận ĐATN hàng năm học. Trong kế hoạch đào tạo, bố trí thời gian bảo vệ đề cương ĐATN tạo điều kiện giao ĐATN đúng thời điểm. Bên cạnh đó, từ năm học 2016-2017, thời gian làm ĐATN được tăng từ 12 lên 16 tuần. Do đó, SV đủ thời gian để hoàn thành nội dung ĐATN yêu cầu. Các khoa/bộ môn/các GV được phân công hướng dẫn tăng cường quan tâm SV trong quá trình làm đồ án, tạo điều kiện giải quyết kịp thời những vấn đề xảy ra trong quá trình làm ĐATN để đảm bảo kịp tiến độ [22.01.09]. Trong thực tế tổ chức đào tạo của PVU, tỉ lệ tốt nghiệp của SV có thể giảm đi do SV chưa đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh (IELTS 5.5). Vì vậy, Phòng Đào tạo phối hợp với Bộ môn tiếng Anh tăng cường các khóa học phụ đạo, các khóa bồi dưỡng hè, khóa tiếng Anh dự bị miễn phí cho SV năm thứ nhất mặc dù tổng thời lượng chính khóa dành cho tiếng Anh là rất lớn (khoảng 1000 tiết đối với Khóa 1 và 2, khoảng 840 tiết đối với khóa 3 và 4 và khoảng 340 tiết cho các khóa 5 trở đi) và khoảng 40% thời lượng do các GV bản ngữ giảng dạy [22.01.10], thêm các bài tập tăng cường với tỷ trọng điểm quá trình tăng từ 25% lên 35% để khuyến khích SV tự học [22.01.11] và đa dạng hình thức học (E-learning) [22.01.12], tổ chức thêm các kỳ thi chuẩn đầu ra ...

Nhằm giảm tỉ lệ thôi học, và tỉ lệ học lại hay thi lại của SV, Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến chất lượng từ chủ trương đến các hành động cụ thể. Mỗi một năm học, PVU thường xuyên tổ chức đối thoại giữa BGH và SV. Thông qua các buổi đối thoại, SV trực tiếp phản ánh các vấn đề chưa tốt liên quan đến mọi mặt của công tác giảng dạy, cơ sở vật chất và sinh hoạt của SV. Từ đó, Hiệu trưởng chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề SV đã nêu tạo môi trường khuyến khích học tập [22.01.13]. Trong từng học kỳ, PVU có kế hoạch dự giờ luân phiên các GV tham gia giảng dạy để có thể chấn chỉnh về nội dung giảng dạy, thay đổi phương pháp giảng dạy phù hợp hơn với yêu cầu học phần và trình độ chung của SV [22.01.14]. Ngoài ra, sau mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo còn tiến hành lấy ý kiến đánh giá của SV về hoạt động giảng dạy của GV trên tất cả các phương diện (nội dung, phương pháp giảng dạy) [22.01.15]. Sau khi kết thúc thi học kỳ, Phòng Đào tạo thống kê kết quả trả lời câu hỏi thi của từng học phần [22.01.16]. Tất cả các ý kiến của SV đánh giá GV và kết quả trả lời câu hỏi thi của SV sẽ được tổng hợp và gửi cho các Khoa, Bộ môn và từng GV giảng dạy học phần để có thể đề xuất cải tiến phù hợp trong các học kỳ sau. Tất

cả các biện pháp trên giúp giảm tỉ lệ thi lại, học lại trong từng học phần, tạo điều kiện giảm tỉ lệ thôi học do kết quả học tập kém. Trong quá trình tổ chức đào tạo từng học kỳ, thông qua hệ thống GVCN/CVHT, tổ tự quản ký túc xá (KTX), ĐTNCSHCM và các GV trực tiếp giảng dạy, Nhà trường nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng của SV để có thể có các biện pháp giảm tỉ lệ thôi học do nguyện nhân cá nhân.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm học, để chuẩn bị tổ chức đào tạo, PVU ban hành Kế hoạch đào tạo năm học và giao nhiệm vụ triển khai Kế hoạch năm học cho các đơn vị trong Trường Đại học Dầu khí Việt Nam. Trong đó, cũng xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Thời gian tốt nghiệp trung bình các khóa 1, 2, 3, 4 là 5 năm và các khóa 5, 6 và 7 là 4 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học là 02 năm. Do PVU đào tạo theo học chế tín chỉ, nhưng với quy mô đào tạo nhỏ, nên các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn được tổ chức chung cho SV cùng khóa và cùng CTĐT. Số lượng học phần, tổng số tín chỉ trong một học kỳ hay một năm học và danh sách học phần mà tất cả SV cùng khóa và cùng CTĐT là giống nhau. Bên cạnh đó, số lượng SV nợ học phần trong từng học kỳ ít, số lượng SV không đủ điều kiện nhận ĐATN từng khóa ít và số SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp mặc dù đã bảo vệ thành công ĐATN ít. Vì vậy, thời gian tốt nghiệp trung bình của đa số SV là cùng CTĐT của các khóa 1, 2, 3 và 4 là giống nhau (5 năm) [22.02.01]. Cho đến thời điểm hiện nay, các khóa 5, 6 và 7 chưa tốt nghiệp, nên thời gian tốt nghiệp trung bình chưa được thống kê.

Theo dõi và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình có liên quan đến theo dõi và giám sát kết quả học tập của SV. Vì vậy, nhiệm vụ theo dõi và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình là một nhiệm vụ của hệ thống theo dõi, giám sát các tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ học lại, thi lại. Chuyên viên xử lý học liệu của Phòng Đào tạo được phân công chuyên trách công tác này [22.01.03] . Khoa, Bộ môn, hệ thống GVCN/CVHT và các GV trực tiếp lên lớp cũng có nhiệm vụ phối hợp với Phòng Đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình thông qua việc giám sát kết quả học tập, đặc biệt là tỉ lệ học lại, thi

lại trong từng học phần, của từng học kỳ trong từng ngành, và giữa các khóa trong ngành mình [22.01.04].

Quy trình của việc theo dõi, giám sát, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình được tiến hành như sau: Chuyên viên xử lý học liệu tổng hợp kết quả học tập của từng học kỳ dựa trên số liệu được trích xuất từ phần mềm quản lý đào tạo, và phân tích. Trong đó có liệt kê các số liệu về học phần chưa đạt đối với từng SV, từ đó dự đoán tỉ lệ học lại, thi lại, và cập nhật tiến trình làm ĐATN từ các khoa và bộ môn và rà soát các điều kiện về chuẩn đầu ra (tiếng Anh), khả năng và thời gian cần có thể trả nợ các điều kiện sau khi bảo vệ thành công ĐATN. Sau khi có kết quả công nhận tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được tính toán và xác lập.

Cho đến thời điểm này, khóa SV đầu tiên (khóa 5) được đào tạo theo CTĐT 4 năm đang học tập năm thứ ba, sang năm 2020 sẽ tốt nghiệp. Chuyên viên Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa, Bộ môn thực hiện theo dõi và giám sát chủ yếu các nhân tố (kết quả học tập) ảnh hưởng đến thời gian tốt nghiệp.

Do thời gian tốt nghiệp trung bình của đa số SV cùng khóa và cùng CTĐT là giống nhau, do đó, việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình sẽ chỉ tiến hành giữa các khóa 1, 2, 3 và 4 với các khóa 5, 6 và 7 trong cùng CTĐT. Tuy nhiên, do khóa SV đầu tiên được tổ chức đào tạo theo CTĐT 4 năm chưa tốt nghiệp. Do đó, việc đối sánh này chưa thể thực hiện được.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa 1, 2, 3, và 4 của PVU (tốt nghiệp các năm 2016, 2017, 2018, và 2019) là 5 năm so với 5,09 năm, 5,18 năm, và 4,99 năm (tương ứng với các năm 2016, 2017, và 2018) của HUMG và trung bình 4,5 năm của HCMUT. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành trong cùng một khóa là tương đương nhau [22.01.07].

Bên cạnh các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp cho đa số SV như đã trình bày ở trên, để rút ngắn thời gian tốt nghiệp của 03 CTĐT, năm 2016, PVU đã tiến hành điều chỉnh lại CTĐT. Trong đó, điều chỉnh lớn nhất là rút ngắn tổng thời lượng đào tạo của 03 CTĐT từ 05 năm xuống còn 04 năm trên cơ sở vẫn giữ nguyên các

chuẩn đầu ra của CTĐT, đặc biệt là chuẩn đầu ra của tiếng Anh (IELTS 5.5). Vì vậy, Nhà trường đã bổ sung học phần Tiếng Anh dự bị cho SV năm thứ nhất, tổ chức các khóa học phụ đạo học phần Tiếng Anh tổ chức vào dịp hè [22.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình từ 5 năm giảm xuống 4 năm, trong khi tổng số tín chỉ của CTĐT giảm không nhiều từ khoảng 160 TC xuống khoảng 150 TC [22.02.03], số lượng học phần giảm không nhiều (từ khoảng 70 học phần theo Khung Chương trình đào tạo năm 2014 xuống còn khoảng 60 học phần theo Khung Chương trình đào tạo năm 2016). Do đó, để đảm bảo chuẩn đầu ra, GV thay đổi phương pháp giảng dạy tập trung cung cấp các kiến thức cơ bản và tăng tính chủ động, tích cực người học trên cơ sở gợi mở và cung cấp nhiều tài liệu tham khảo [22.02.04] và tăng tương tác giữa GV và SV ngoài giờ học chính trên lớp để giải đáp các thắc mắc [22.02.05]. Duy trì và cải tiến chất lượng các buổi đối thoại BGH với SV với nội dung thiết thực hơn [22.01.13], các hoạt động dự giờ giảng [22.01.14], các hoạt động đánh giá GV của SV [22.01.15], công tác thống kê và phản hồi kết quả thi vv ... Bên cạnh đó, tăng cường hoạt động các câu lạc bộ học thuật giúp SV có môi trường ôn tập và tìm hiểu các kiến thức với hình thức không nặng nề, gây áp lực [22.02.06]. Trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động hỗ trợ sức khỏe (phòng tập GYM) [22.02.07], trang bị wifi miễn phí tại giảng đường và KTX giúp cho SV có các hoạt động hỗ trợ cho việc học chính khóa [22.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Khi ban hành Kế hoạch đào tạo năm học, Nhà trường đã dựa trên kết quả thống kê tình hình việc làm của cựu SV các khóa trước, kết quả học tập của SV khóa chuẩn bị tốt nghiệp trong năm học và nhu cầu nhân lực thực tế của ngành Dầu khí để dự đoán tỉ lệ có việc làm của SV của khóa sẽ tốt nghiệp trong năm học. Cụ thể, tỉ lệ có việc làm được dự đoán cho SV các khóa 1, 2, 3, 4 là 95%, 96%, 93%, 93% .

Hàng năm, PVU theo dõi và giám sát tỉ lệ có việc làm của SV 01 năm sau khi tốt nghiệp, thông qua hệ thống thông tin được cập nhật từ nhiều nguồn. Chủ trì phụ trách công tác này được Phòng Đào tạo giao cho chuyên viên phụ trách Công tác SV với nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, báo cáo và giám sát toàn bộ hệ thống thực hiện công việc này [22.01.02].

Quy trình theo dõi, giám sát tỉ lệ có việc làm của người học được thực hiện qua mạng lưới cựu SV, qua các buổi làm việc trực tiếp của GV, Phòng ĐN&KHCN, Trung tâm BDNC với các đơn vị, doanh nghiệp, hoặc qua các sự kiện như Company Day [22.03.01]. Hình thức lấy thông tin có thể qua thư từ trao đổi hay điện thoại trực tiếp và khảo sát trực tuyến. Hàng năm, Nhà trường cũng gửi Báo cáo thống kê tình hình việc làm của SV lên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Bộ GDĐT [22.03.02].

Sau 1 năm tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm của SV khóa 1, khóa 2, khóa 3 lần lượt tương ứng là 100%, 100%, và 90% [22.03.03]. Sau 3 năm, 100% SV khóa 1 có việc làm, trong đó tỉ lệ SV ngành Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, và Kỹ thuật Hóa học làm việc đúng chuyên môn lần lượt là 85,6%, 80%, và 92,3% có việc làm đúng chuyên môn [22.03.04].

Kết quả đối sánh tình hình việc làm của cựu SV thuộc 03 ngành đào tạo Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, và Kỹ thuật Hóa học của khóa 1, và 2 cho thấy tỉ lệ có việc làm đúng ngành của cựu SV ngành Kỹ thuật Hóa học cao hơn hai ngành Kỹ thuật Địa chất và Kỹ thuật Dầu khí. Năm 2016 (năm SV khóa 1 tốt nghiệp), tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành các ngành Kỹ thuật Hóa học, Kỹ thuật Dầu khí, và Kỹ thuật Địa chất lần lượt là 92,3%, 80%, và 85,6 % (số liệu lấy sau 1 năm tốt nghiệp). Tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành kỹ thuật Dầu khí và kỹ thuật Hóa học có sự gia tăng nhẹ từ khóa 1 đến khóa 2, từ 80% lên 80,5%, và từ 92,3% lên 94,5% tương ứng. Sau đó, tỉ lệ này giảm mạnh đối với SV khóa 3 ở cả hai ngành này với 53,3% và 61,4% tương ứng. Ở ngành Kỹ thuật Địa chất, tỉ lệ có việc làm đúng chuyên ngành sau một năm tốt nghiệp giảm mạnh ở khóa 2 so với khóa 1 (giảm 19,96%), và tăng lên 77% đối với SV khóa 3 - trở thành ngành có tỉ lệ việc làm cao nhất trong 3 ngành đào tạo của SV khóa 3 [22.03.04].

Kết quả khảo sát năm 2019 đối với cựu SV PVU (3 khóa tốt nghiệp) cho thấy 82% [22.03.05] cựu SV PVU làm việc đúng ngành đáp ứng được yêu cầu công việc của doanh nghiệp. Đối với những cựu SV làm trái ngành, qua khảo sát các doanh nghiệp cho thấy hầu hết các SV đều đáp ứng được yêu cầu công việc sau thời gian đào tạo thêm tại doanh nghiệp [22.03.06]. Đối với HCMUT, tỉ lệ cựu SV đáp ứng được yêu cầu công việc là 60% [22.03.07].

Kể từ khi có SV tốt nghiệp khóa đầu tiên, PVU cũng tiến hành đối sánh tỉ lệ SV có việc làm sau một năm ra trường với HUMG và HCMUT (thể hiện trong bảng 22.3) làm cơ sở để điều chỉnh CTĐT và các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV sau tốt nghiệp.

Bảng 22.2. Bảng đối sánh tỉ lệ SV có việc làm sau một năm tốt nghiệp giữa PVU, HUMG, và HCMUT

Năm TN	Ngành học	PVU (%)	HUMG (%)	HCMUT (%)
2016	Kỹ thuật Địa chất	100	91,8	100
	Kỹ thuật Dầu khí	100	96,31	84
	Kỹ thuật Hóa học	100	92,86	96,4
2017	Kỹ thuật Địa chất	100	95,15	95,45
	Kỹ thuật Dầu khí	100		100
	Kỹ thuật Hóa học	100		100
2018	Kỹ thuật Địa chất	100		100
	Kỹ thuật Dầu khí	92,3		100
	Kỹ thuật Hóa học	100		97,4

Trên cơ sở tỉ lệ có việc làm của SV sau TN 1 năm, Nhà trường đưa ra dự đoán tỉ lệ có việc làm của Sv chuẩn bị tốt nghiệp và đưa vào kế hoạch học tập của từng năm học, cụ thể tỉ lệ có việc làm được dự đoán cho SV khóa 1, 2, 3, 4 lần lượt là 95%, 96%, 93%, 93%.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo, PVU cũng có biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỉ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp. Cụ thể như sau: bổ sung các học phần Kỹ năng nghề nghiệp vào chương trình đào tạo để giúp SV tiếp cận với các kiến thức và kỹ năng liên quan đến công việc ngay từ khi còn đang học tập [22.02.03]; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề sâu về chuyên ngành giúp các em có kiến thức chuyên môn chuyên sâu và hiểu biết tình hình thực tế của Ngành Dầu khí [22.03.08]; tổ chức các khóa học phụ trợ như: kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng viết CV, vv... giúp SV có các kỹ năng cần thiết trong quá trình tìm việc.

Hoạt động hướng nghiệp tiêu biểu nhất của PVU là ngày hội "Company Day" được tổ chức thường niên từ năm 2015. Sự kiện này thu hút sự tham gia của các công ty Dầu khí trong và ngoài nước, và các công ty có các lĩnh vực liên quan đến tài trợ, và phỏng vấn SV. Đây là cơ hội để SV PVU tiếp cận, trau dồi kỹ năng trả lời phỏng vấn, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, và nắm bắt được các yêu cầu cụ thể của các nhà tuyển dụng. Năm 2017, ba công ty (Schlumberger, EastSea Star và Polytex) xác nhận sẽ nhận SV PVU sau khi phỏng vấn

và tuyển dụng [22.03.01]. Qua các sự kiện này, Nhà trường nhận được phản hồi của các công ty về năng lực của SV PVU làm cơ sở tiến hành điều chỉnh CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tế [22.02.03].

Ngoài ra, để hỗ trợ SV tìm việc làm, Nhà trường tìm hiểu thông tin tuyển dụng của các công ty trong Ngành và phổ biến kịp thời đến SV [22.03.09]. Ngoài ra, Nhà trường cũng khuyến khích SV học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Hiện nay, có khoảng 16 cựu SV PVU theo học các chương trình Thạc sỹ 5 quốc gia [22.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Từ năm 2017, một năm sau khi SV khóa đầu tiên tốt nghiệp, các Khoa và Bộ môn chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng và đưa kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan vào Kế hoạch triển khai nhiệm vụ chi tiết hàng năm của Phòng Đào tạo [22.04.01]. Các đối tượng được khảo sát về chất lượng người học sau tốt nghiệp là SV sắp tốt nghiệp, cựu SV, và nhà tuyển dụng. Trong đó, hình thức khảo sát đa dạng gồm gửi phiếu khảo sát, trao đổi trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, qua các sự kiện (Company Day).

Trước 2018, việc thu thập thông tin phản hồi đối với chất lượng người học tốt nghiệp được khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo thông qua lấy ý kiến trực tiếp từ các doanh nghiệp thông qua các sự kiện như Company Day, lễ bế giảng và khai giảng của Trường, qua các trao đổi với lãnh đạo các doanh nghiệp khi làm việc trực tiếp hoặc gửi SV đến thực hành thực tập. Ngoài ra, Nhà trường cũng lấy ý kiến từ cựu SV tốt nghiệp từ PVU (bắt đầu từ năm 2017 sau khi khóa 1 tốt nghiệp ra trường được 1 năm) [22.04.02]. Để có cơ sở rà soát và điều chỉnh mọi mặt hoạt động của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của đảm bảo chất lượng giáo dục, tháng 5 năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy định lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó quy định hệ thống có trách nhiệm thu thập thông tin, quy trình, phương pháp (lấy ý kiến thông qua phiếu, công văn, điện thoại và trực tuyến), công cụ (các biểu mẫu lấy ý kiến đối với các đối tượng liên quan), và các chỉ số yêu cầu

[22.04.01]. Việc lấy ý kiến các bên liên quan sẽ được giao cho các GV, Bộ môn, Khoa, các phòng có liên quan. Các thông tin khảo sát về sự hài lòng đối với chất lượng của người học tốt nghiệp sẽ được chuyên viên Phòng Đào tạo, phụ trách công tác SV tổng hợp, báo cáo cho BGH và các đơn vị liên quan để có cơ sở cải tiến chất lượng người học [22.04.03].

PVU tiến hành thực hiện khảo sát, đánh giá về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp ngay sau khi khóa SV đầu tiên tốt nghiệp một năm [22.04.04]. Việc lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp thực hiện qua nhiều hình thức: thông qua các buổi họp với lãnh đạo các đơn vị trong ngành dầu khí có cựu SV PVU làm việc; trao đổi với doanh nghiệp khi gửi SV PVU đến thực tập, kiến tập; qua các buổi hội thảo; các dịp hợp tác với đối tác; hoặc qua trao đổi với các công ty trong dịp Company Day, vv... . Bên cạnh đó, năm 2019 Nhà trường đã lấy ý kiến khảo sát 11 doanh nghiệp về chất lượng SV tốt nghiệp của PVU bằng hình thức khảo sát qua email. Kết quả là 100% các doanh nghiệp được khảo sát đều đánh giá về cơ bản SV tốt nghiệp PVU đáp ứng được yêu cầu về công việc và có năng lực ngoại ngữ tốt, tư chất tốt, kỹ năng tin học, khả năng tự nghiên cứu. Tuy nhiên cần bổ sung một số kiến thức chuyên sâu về thiết kế dầu khí [22.04.05].

Song song với lấy ý kiến của doanh nghiệp, Nhà trường cũng tổ chức lấy ý kiến GV đối với chất lượng của SV tốt nghiệp. Việc lấy ý kiến khảo sát GV cho thấy các GV hoàn toàn đồng tình với các nhận xét của doanh nghiệp, cụ thể là cựu SV PVU được đánh giá cao về năng lực làm việc, năng lực tiếng Anh, khả năng thích ứng với công việc, khả năng tự học hỏi và nghiên cứu trong công việc. Đồng thời GV cũng ghi nhận những góp ý của doanh nghiệp trong việc tăng cường các hoạt động nhằm tăng kỹ năng mềm, và kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành cho SV PVU [22.04.06].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan hầu như phù hợp với mong đợi của Nhà trường. Một mặt, các bên liên quan đều ghi nhận những điểm mạnh trong chất lượng đào tạo của Trường. Mặt khác, nhiều ý kiến cũng phản ánh những khía cạnh thiết yếu trong hoạt động đào tạo mà Nhà trường cần cải thiện kịp thời để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, và đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của các bên liên quan.

Việc giám sát thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan được thực hiện bởi Trưởng đơn vị tiến hành theo cơ chế tự giám sát. Trong đó thực hiện các công tác giám sát như: việc khảo sát được thực hiện như thế nào, tiến độ khảo sát, tổng hợp kết quả, kết quả sử dụng thông tin và báo cáo. Việc giám sát hệ thống thực hiện theo cơ chế cấp trên giám sát cấp dưới [22.04.01].

Các thông tin khảo sát được các đơn vị sử dụng liên quan đến chức năng và nhiệm vụ để đề xuất các biện pháp cải tiến cho từng đơn vị. Phòng Đào tạo sử dụng thông tin phản hồi để tổng hợp, thống kê và báo cáo và phối hợp với các khoa nhằm lập kế hoạch điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoặc bổ sung các hoạt động dạy/học [22.04.07]. Đoàn Thanh niên căn cứ vào các ý kiến phản hồi để tạo ra các hoạt động ngoại khóa, thành lập các câu lạc bộ kỹ năng nhằm phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho SV [22.04.08].

Từ năm 2018, sau khi khóa 2 ra trường được 1 năm, PVU bắt đầu tổ chức đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng người học sau tốt nghiệp của khóa 1 và khóa 2 của 03 CTĐT. Việc thống kê ý kiến các doanh nghiệp cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều hài lòng về năng lực chuyên môn, năng lực Tiếng Anh, khả năng đáp ứng công việc, khả năng hòa nhập vào môi trường làm việc của SV PVU tốt nghiệp từ các khóa 1, 2, và 3 [22.04.05].

Trên cơ sở những thông tin phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường đã có những cải tiến liên quan đến chất lượng người học tốt nghiệp:

- Về CTĐT, Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh CTĐT, trong đó có thay đổi cơ bản rút ngắn thời gian đào tạo, từ 5 năm còn 4 năm để tạo điều kiện cho SV ra trường sớm hơn, tăng cơ hội việc làm; tăng cường thời lượng thực hành, thực tập giúp SV có cơ hội tiếp cận thực tế ngay từ khi còn là SV; đưa học phần Kỹ năng nghề nghiệp vào CTĐT giúp trang bị các kỹ năng cần thiết phù hợp yêu cầu nhà tuyển dụng. Quá trình điều chỉnh CTĐT luôn có ý kiến đóng góp của các chuyên gia trong ngành Dầu khí [22.02.03].

- Về hoạt động dạy và học, bắt đầu sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy các học phần chuyên ngành, thay đổi phương pháp giảng dạy tiên tiến [22.04.09], tăng cường

học phần Tiếng Anh dự bị, tổ chức các khóa phụ đạo [22.01.10], sử dụng hệ thống e-learning [22.01.12].

- Tăng cường công tác đánh giá GV thông qua các hoạt động dự giờ, định kỳ lấy ý kiến SV đánh giá GV giảng dạy học phần. Tất cả các thông tin được gửi về cho GV, Khoa và Bộ môn làm cơ sở đề xuất cải tiến, qua đó nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp SV hứng thú hơn với bài giảng, từ đó giúp nâng cao chất lượng bài giảng [22.01.14].

Hàng năm, tổ chức các buổi đối thoại định kỳ giữa Ban Giám hiệu và SV tập trung vào các nội dung liên quan đến cơ chế chính sách đào tạo, đến công tác SV, các vấn đề liên quan đến học tập và định hướng nghề nghiệp trong tương lai, các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất để tổ chức giảng dạy và học tập và KTX [22.01.13]. Từ đó, Nhà trường căn cứ vào những ý kiến, nguyện vọng xác đáng của SV để có các cải tiến kịp thời.

Để hỗ trợ, cung cấp thêm các thông tin chuyên môn chuyên sâu và các kỹ năng cần thiết, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề và mời các chuyên gia đầu ngành trao đổi về tình hình thực tế sản xuất của Tập đoàn, mời các chuyên gia về kỹ năng giảng dạy về các kỹ năng cần thiết [22.04.10]. Từ đó, GV có thể kịp thời cập nhật những kiến thức và thông tin mới nhất vào bài giảng. Đồng thời, SV cũng nắm bắt được thông tin thực tế và có những định hướng phù hợp cho việc học tập của mình. Nhằm tạo môi trường học tập và sinh hoạt tích cực, tạo sân chơi, phát triển tài năng, và kỹ năng mềm cho SV PVU, Nhà trường phê duyệt thành lập và cấp kinh phí hoạt động cho các câu lạc bộ chuyên môn và văn hóa thể thao, Kỹ năng, Khởi nghiệp Sáng tạo huy động đông đảo SV tham gia [22.04.08].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỷ lệ thi lại thấp nhất so với các CSGD khác trong cùng CTĐT. Điều này chứng minh phù hợp giữa các yếu tố ĐBCL;

- Rút ngắn thời gian đào tạo/ thời gian tốt nghiệp (từ 5 năm thành 4 năm) đối với ngành kỹ thuật trên cơ sở vẫn giữ được chuẩn đầu ra, phù hợp với xu hướng Quốc tế và tạo

cạnh tranh với các CSGD khác;

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao nhất trong các CSGD có cùng CTĐT, tạo thể mạnh của người học sau tốt nghiệp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa giống nhau chưa tạo cơ hội cho SV giỏi được phép học vượt và có cơ hội rút ngắn thời gian học tập.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu xây dựng phương án cơ chế cho phép học vượt	Phòng Đào tạo	Tháng 9/2019	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	5
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU ban hành kèm theo Quyết định số QĐ 353/QĐ-ĐHDK ngày 17/05/2019 có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu của GV, cán bộ nhân viên của Trường như sau: *“Chủ nhiệm tham gia thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ NCKH các cấp...Thực hiện NCKH để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo...Thực hiện các hợp đồng KHCN, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ...Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước...Viết chuyên đề, tham luận tại các Hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước...”* [23.01.01].

Quy chế GV cơ hữu được ban hành trong Quyết định số 545/QĐ-ĐHDK ngày 06/06/2017 có quy định cụ thể về số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV phải thực hiện cụ thể là: (i) Tại Điều 4: *“... Hàng năm (sau khi được công nhận đạt chức danh từ GV), phải có ít nhất 01 bài báo Quốc tế (Phân loại của HĐ Quản lý Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia) với vai trò là tác giả chính...hoặc 02 bài báo trong nước với vai trò tác giả chính...hoặc là GV hướng dẫn cho bài báo của SV, học viên sau đại học, hoặc chủ trì 01 đề tài NCKH cấp ngành; (ii) Tại Điều 5: GV/ Cán bộ giảng dạy “...Có ít nhất 3 bài báo khoa học được dẫn trên các tạp chí khoa học có uy tín; có đề án hoặc công trình sáng tạo được cấp khoa hoặc trường công nhận và được áp dụng có kết quả trong chuyên môn”; (iii) Tại Điều 10 “Xác định nhiệm vụ cụ thể cho các chức danh GV” của Quy chế này cũng có quy định cụ thể về loại hình các hoạt động nghiên cứu như sau: “(a) Đối với GV/cán bộ giảng dạy: Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án, các nhiệm vụ khoa học...; (b) Đối với phó giáo sư và GV chính: Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học... định hướng nghiên cứu, tổ chức tập hợp GV và người học tham gia NCKH...tham gia và trình bày các báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (c) Đối với giáo sư, các chuyên gia và GV cao cấp: ...Chủ trì hoặc tham gia tổ chức thực hiện, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án NCKH...; Định hướng*

ngiên cứu, tập hợp tổ chức GV và người học cùng tham gia NCKH...Xây dựng tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu...”. Đối với chức danh trợ giảng, Trường không có quy định cụ thể về các loại hình nghiên cứu, tuy nhiên yêu cầu phải có tham gia vào công tác NCKH thể hiện qua định mức giờ NCKH được quy định tại Điều 14 trong Quy chế GV cơ hữu cụ thể là: (i) đối với chức danh Trợ giảng – 75 giờ chuẩn; (ii) đối với chức danh Trợ giảng (Tiến sĩ) – 100 giờ chuẩn [23.01.02].

Trong Chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2025 được ban hành kèm theo Nghị Quyết số 1227/NQ-ĐHDK ngày 24/12/2014 cũng có quy định mỗi CBGD phải có ít nhất 01 bài báo được đăng hoặc 01 đề tài NCKH/năm (trang 19, Mục 3) [23.01.03]. Ngoài ra trong Quyết định Về việc giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm cho các Phòng/Khoa/Trung tâm thuộc PVU, Trường đều có quy định cụ thể về các loại hình và khối lượng NCKH mà 2 Khoa trong Trường phải thực hiện. Ví dụ như trong Quyết định số 87/QĐ-ĐHDK ngày 30/01/2019 Về việc giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cho các Phòng/Khoa/Trung tâm thuộc PVU có quy định nhiệm vụ, chỉ tiêu cho Khoa Dầu khí: (i) Số lượng các Đề tài NCKH năm 2019 -26 đề tài trong đó (a) Đề tài cấp Bộ - 1 đề tài; (b) Đề tài cấp Ngành – 3 đề tài; (c) Đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở - 11 đề tài; (ii) Số bài báo khoa học – 15 [23.01.04].

Trong Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU (QĐ 353/QĐ-ĐHDK ngày 17/05/2019) có quy định về (i) trách nhiệm của Phòng Đối ngoại & Khoa học Công nghệ là “...tổ chức, điều phối và quản lý các hoạt động KHCN trong toàn Trường, cụ thể:...Phối hợp với các đơn vị phổ biến, hướng dẫn và tổ chức hoạt động KHCN đối với GV, CBNV; Tìm hiểu và phổ biến cho các cán bộ khoa học định hướng NCKH ngắn và dài hạn của các bộ, sở, ngành, các quỹ nghiên cứu đến GV, CBNV...kiểm tra tiến độ...Quản lý thông tin KHCN...”(trang 6, Điều 5) và (ii) trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị “quản lý, tạo điều kiện và trực tiếp tổ chức cho GV, CBNV thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN; giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN của GV, CBNV; chịu trách nhiệm về...Giám sát đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện đề tài và gửi biên bản họp về Phòng ĐN&KHCN để theo dõi, hỗ trợ; Thực hiện các báo cáo theo quy định (hàng quý, hàng năm, 05 năm, hoặc đột xuất...)” (trang 7, Điều 5) [23.01.01].

Phòng Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm quản lý nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH mà cụ thể là: “Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch nhiệm vụ...” và “Quản lý và thanh toán kinh phí NCKH...”[23.01.05].

Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH theo tiêu chí và quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV cơ hữu được thực hiện bởi Phòng Tổ chức-Hành chính nằm trong Chức năng, nhiệm vụ của Phòng được thể hiện trong Quyết định Về việc phê duyệt và ban hành Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tổ chức-Hành chính số 146/QĐ-ĐHDK ngày 09/03/2011 [23.01.05].

Về cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV và cán bộ nghiên cứu: PVU sử dụng phần mềm quản lý đào tạo có cơ sở dữ liệu về NCKH trích xuất được thông tin về tình hình nghiên cứu trong 5 năm qua Trường đã thực hiện được 128 bài báo, tổ chức được 07 hội thảo, thực hiện được 66 Đề tài cơ sở và 76 Đề tài SV, ...Ngoài ra từ phần mềm có thể trích xuất thông tin của từng cán bộ như khối lượng nghiên cứu đạt được của một GV [23.01.06].

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu trong các bộ môn và 2 Khoa được thực hiện như sau: (i) Với các đề tài do 2 Khoa chủ trì: Khoa cử các cán bộ theo dõi, thu nhận thông tin; (ii) Với các đề tài bên ngoài (kinh phí ngoài trường): do Trưởng Khoa theo dõi, thu nhận thông tin [23.01.07; 23.01.08];

Ngoài ra, việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu còn được thực hiện bởi Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ [23.01.0; 23.01.10; 23.01.11; 23.01.12; 23.01.12; 23.01.13; 23.01.14, 23.01.15; 23.01.16].

Nhà trường có thực hiện đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu trong nội bộ trường theo từng năm [23.01.17; 23.01.18]. Ví dụ như năm 2015 Nhà trường tiếp tục triển khai nghiên cứu 02 đề tài Nafosted, 02 đề tài Tập đoàn chuyển tiếp từ năm 2014; hoàn thành nghiên cứu 14 đề tài/nhiệm vụ và 10 đề tài đang triển khai nghiên cứu; hoàn thành 13 đề tài SV và có 27 bài báo khoa học

đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế (trích từ Báo cáo Về việc: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015 và giai đoạn 2011-2015 của PVU số 1178/BC-ĐHDK ngày 11/12/2015.

Ngoài đối sánh trong nội bộ Trường, việc đối sánh với các cơ sở giáo dục và cơ sở nghiên cứu ngoài Trường vẫn chưa được thực hiện.

Hàng năm PVU đều có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu trong Trường cụ thể như sau:

(i) Điều chỉnh kinh phí cấp cho Đề tài cơ sở và Đề tài SV và cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu: Cụ thể được thể hiện trong các Nghị Quyết Về việc Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 2019 của PVU về việc Tập đoàn dầu khí Việt Nam phê duyệt cho PVU các nội dung như sau: (a) kinh phí cấp cho Đề tài cơ sở và đề tài SV là 1 tỷ VND/năm kể từ năm 2015 đến năm 2019; (ii) kinh phí được cấp để xây dựng PTN mới và bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các PTN hiện có (kính hiển vi raman, nhiễm xạ tia X, core flooding...) [23.01.19];

(ii) Tăng cường hợp tác Quốc tế.

(iii) Về chủ nhiệm đề tài cơ sở: Trong Kế hoạch điều chỉnh Quy chế QL KHCN của PVU có nội dung về việc cho phép Chủ nhiệm đề tài cơ sở có thể là người ngoài trường [Mã MC-tìm kiếm Kế hoạch điều chỉnh Quy chế QLKHCN có nội dung bổ sung đối tượng NC ngoài trường]. Theo đó năm 2019, Trường đã ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU trong đó nêu rõ: “Chủ nhiệm đề tài (CNĐT) có thể là người trong trường hoặc ngoài trường. Trong trường hợp CNĐT là người ngoài trường thì phải có cán bộ trong trường làm đồng chủ nhiệm đề tài” [23.01.01].

(iv) Tăng định mức khen thưởng trong NCKH: Trong Kế hoạch điều chỉnh Quy chế QL KHCN của PVU có nội dung tăng mức khen thưởng trong NCKH [23.01.20]. Trong Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU ban hành kèm Quyết định số 788/QĐ-ĐHDK ngày 05/08/2016, PVU đã tăng định mức khen thưởng đối với các bài báo khoa học được đăng trong tạp chí trong nước nằm trong danh mục các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm bởi Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước với mức thưởng là

4.000.000 VNĐ [23.01.01]. Trong Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU có quy định về việc tăng mức khen thưởng đối với các đề tài vượt định mức đăng ký tại Mục 2-Khen thưởng đối với các đề tài cơ sở, Điều 18. [23.01.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong Quy chế hoạt động NCKH của SV PVU ban hành kèm theo Quyết định số 789/QĐ-ĐHDK ngày 05/08/2016 có quy định cụ thể về loại hình nghiên cứu của SV: (i) Đề tài NCKH (ĐTNCKH) với nội dung nghiên cứu là những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo dưới sự hướng dẫn của GV hoặc ĐTNCKH các cấp do GV làm chủ nhiệm đề tài; (ii) Áp dụng những tiến bộ KHCN vào sản xuất, kinh doanh, đời sống; (iii) Các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học SV, các giải thưởng KHCN ở trong, ngoài nước; (iv) Bài báo công bố kết quả NCKH trên các ấn phẩm, tập san, tạp chí khoa học trong và ngoài trường [23.01.21]. Trong Quy chế, Đề tài SV bậc 2 được định nghĩa là đề tài được phát triển từ đề tài bậc 1, đòi hỏi mức độ sáng tạo và giá trị khoa học cao hơn, được Trường đầu tư nhiều kinh phí hơn với mục tiêu là đăng ký dự tranh giải “Tài năng khoa học trẻ VN”, Vifotec.

Trường không có quy định cụ thể về số lượng NCKH mà người học phải thực hiện.

Việc theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng NCKH của SV được thực hiện bởi Bộ môn trong 02 Khoa. Riêng đối với các đề tài SV, giảng viên hướng dẫn sẽ là người chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát các nội dung kể trên và báo lại cho Bộ môn tại các cuộc họp Bộ môn, họp Khoa. Phòng Kế hoạch-Tài chính có chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH [23.0101.04]. Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ là đầu mối tổng hợp các thông tin ghi nhận được từ 02 Khoa và Phòng Kế hoạch-Tài chính [23.01.22].

Trường có cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học bằng phần mềm quản lý đào tạo. Ví dụ về các thông tin có thể

trích xuất được từ cơ sở dữ liệu này như: (i) tình hình nghiên cứu trong 5 năm qua Trường đã thực hiện được 73 ĐTSV, (ii) thông tin NCKH của SV – Ví dụ: SV Nguyễn Nhật Sang trong thời gian học tại trường từ năm 2011-2016 đã tham gia vào 1 ĐTSV, được đăng 1 bài báo trong vai trò đồng tác giả, tham dự 1 hội nghị, hội thảo. [23.01.06].

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học từ các Bộ môn và 02 Khoa được thực hiện như sau: chất lượng hoạt động nghiên cứu của từng loại của người học sẽ do giảng viên hướng dẫn trực tiếp báo cáo cho Trưởng Bộ môn và Trưởng Khoa [23.01.07; 23.01.08];

Ngoài ra, việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học còn được thực hiện bởi Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ. Trong đó đối với từng Đề tài SV đều có ghi nhận lại phiếu nhận xét của phản biện, phiếu đánh giá cho điểm, biên bản nghiệm thu đề tài, quyết định thay đổi tên đề tài, tờ trình xin gia hạn từ 02 Khoa, quyết định cho phép gia hạn đề tài, quyết định dừng đề tài, quyết định về việc thay đổi người hướng dẫn [23.01.22; 23.01.23; 23.01.24, 23.01.25; 23.01.26; 23.01.27; 23.01.28, 23.01.29, 23.01.30, 23.01.31, 23.01.32].

Trường có thực hiện đối sánh trong nội bộ trường theo từng năm: ví dụ năm 2019 Trường xét duyệt 16 đề tài SV, có 02 SV tham gia thực tập tại Công ty Haldor Topsoe để thực hiện các đề tài nghiên cứu phục vụ đồ án tốt nghiệp. Trong 2018, xét duyệt mới 03 đề tài SV, nghiệm thu 17 đề tài trong đó có 2 đề tài loại giỏi, 11 đề tài loại khá và 4 đề tài loại trung bình; đặc biệt trong năm có 4 đề tài SV tham gia giải thưởng cấp Thành phố “SV NCKH - Euréka” và 01 ĐT đạt giải 3 của giải thưởng này (bảng đối sánh). Trong năm 2017, xét duyệt 18 đề tài SV, nghiệm thu 23 đề tài trong đó có 19 đề tài loại khá, 6 đề tài loại trung bình, 01 nhóm SV tham dự cuộc thi ý tưởng khoa học tỉnh BR-VT và đạt giải nhì. [23.01.17; 23.01.18; 23.01.33; 23.01.34; 23.01.35;].

Bảng 23.1. Đối sánh loại hình, số lượng NCKH SV theo từng năm

Loại hình, số lượng	2015	2016	2017	2018	2019
Đề tài SV	13	23	18	3	16
Tham gia đề tài cơ sở	4	1	3	3	2
Tham dự giải thưởng			1	4	

Bảng 23.2. Đối sánh chất lượng NCKH SV theo từng năm

Chất lượng	2015	2016	2017	2018
Số đề tài nghiệm thu	1	13	23	17
Số đề tài loại giỏi	-	2	-	2
Số đề tài loại khá	1	10	19	11
Số đề tài trung bình	-	1	6	4
Số giải thưởng	-	-	1	1

Ngoài đối sánh trong nội bộ Trường, việc đối sánh với các CSGD và CSNC ngoài Trường vẫn chưa được thực hiện.

Trường có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của người học. Điều đó được thể hiện qua:

(i) Tăng kinh phí cho đề tài SV: được thể hiện trong các bản Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 2019 của PVU của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc cấp kinh phí cho đề tài cơ sở và đề tài SV là 1 tỷ đồng/năm; Ngoài ra hàng năm Trường cũng được kinh phí để trang bị các thiết bị mới như kính hiển vi raman, core flooding và xây dựng các phòng thí nghiệm chuyên ngành [23.01.19];

(ii) Tăng cường hợp tác Quốc tế [23.01.20].

(iii) Trong Kế hoạch điều chỉnh Quy chế QL KHCN của PVU có nội dung tăng mức khen thưởng trong NCKH [23.01.20]. Trong Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU được ban hành kèm theo Quyết định số 223/QĐ-ĐHDK ngày 08/04/2013 và Quy định xét duyệt tuyển chọn các đề tài NCKH do SV thực hiện ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-ĐHDK ngày 06/01/2015, PVU chưa có quy định về việc khen thưởng đối với ĐTSV. Năm 2016, PVU đã ban hành “Quy chế hoạt động NCKH của SV Trường Đại học Dầu khí” trong đó đã có quy định về việc khen thưởng đối với các đề tài SV [23.01.01; 23.01.21].

Việc tăng số lượng và chất lượng các đề tài SV được thể hiện qua bảng 23.3:

Bảng 23.3. Số lượng và chất lượng SV NCKH trong giai đoạn 2015 - 2019

Nội dung \ Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng đề tài	13	23	18	3	16
Số giải thưởng			1	1	
Số lượt SV được cử đi đào tạo NC	1	1	1	1	3
Số lượng SV tham gia NCKH	35	74	50	9	35

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU được ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-ĐHDK ngày 17/05/2019 có quy định cụ thể về loại hình các công bố khoa học bao gồm các: (i) các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; (ii) các chuyên đề, tham luận tại các Hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (iii) các bằng phát minh, sáng chế; (iv) sách chuyên khảo, tham khảo [23.01.01].

Các quy định về số lượng các công bố khoa học được thể hiện trong: (i) trong Chiến lược phát triển PVU giai đoạn 2015-2025 ban hành kèm Nghị quyết Số 1227/NQ-ĐHDK ngày 24/12/2014 với nội dung “quy định mỗi CBGD phải có ít nhất 01 bài báo được đăng hoặc 01 đề tài NCKH/năm” [23.01.03]; (ii) trong các Kế hoạch hàng năm của PVU cũng có quy định cụ thể về số lượng các công bố khoa học: ví dụ như năm 2016 giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cho Khoa Dầu khí là 01 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp Ngành, thực hiện 18 đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở, hướng dẫn 15 đề tài SV, viết và đăng 20 bài báo khoa học, cử đi đào tạo thực tế - 13 lượt, cử đi đào tạo dài hạn (TS) trong và ngoài nước – 10 lượt [23.01.36].

PVU không có quy định cụ thể về trích dẫn các công bố khoa học.

Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ được PVU giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học theo đúng chức năng, nhiệm vụ của

Phòng [23.01.37]. Phòng cử chuyên viên chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát các thông tin trên thể hiện trong Bản mô tả công việc của Phòng [23.01.22].

Để theo dõi các số liệu về công bố khoa học, Trường sử dụng module quản lý hoạt động NCKH trong hệ thống phần mềm quản lý đào tạo tích hợp [23.01.23]. Việc theo dõi trích dẫn khoa học của Trường được tổng hợp hàng năm thông qua chức năng của trang web Google Scholar [23.01.24].

Trường ghi nhận thông tin về các loại hình và số lượng các công bố khoa học từ các báo cáo hàng Quý từ các Khoa, Phòng KHTC và Phòng ĐN&KH-CN [23.01.08, 23.01.17]. Thông tin được tổng hợp và thể hiện trong các Báo cáo tổng kết của Trường [23.01.18].

Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ giao nhiệm vụ cho chuyên viên thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [23.01.22; 23.01.17]. Kết quả đối sánh được thể hiện trong bảng 23.4.

Bảng 23.4. Bảng đối sánh các bài báo khoa học được thực hiện tại Trường theo năm

Năm	Phân loại danh mục								
	<i>Trong nước</i>	<i>ISBN</i>	<i>ISSN</i>	<i>SCI</i>	<i>SCIE</i>	<i>SCOPUS</i>	<i>HNQT</i>	<i>Bảng sáng chế</i>	
2012-2014	-	8	28	9	11	0	-	-	Tổng g bài báo
2015	0	0	18	4	3	1	-	1	
2016	0	0	14	6	3	2	0	0	
2017	16	3	0	6	1	2	6	0	
2018	7	2	0	7	2	3	0	0	
Tổng	23	13	60	32	20	8	6	1	163

Hàng năm PVU đều có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu trong Trường cụ thể như sau:

(i) Điều chỉnh kinh phí cấp cho đề tài cơ sở và đề tài SV và cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu: Cụ thể được thể hiện trong các Nghị Quyết Về việc Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 2019 của PVU về việc Tập đoàn dầu khí Việt Nam phê duyệt cho PVU các nội dung như sau: (a) kinh phí cấp cho Đề tài cơ sở và đề tài SV là 1 tỷ VND/năm kể từ năm 2015 đến năm 2019; (ii) kinh phí được cấp để

xây dựng PTN mới và bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các PTN hiện có (kính hiển vi raman, nhiễu xạ tia X, core flooding...) [23.01.19];

(ii) Tăng cường hợp tác Quốc tế [23.01.38].

(iii) Về chủ nhiệm đề tài cơ sở: Trong Kế hoạch điều chỉnh Quy chế QL KHCN của PVU có nội dung về việc cho phép Chủ nhiệm đề tài cơ sở có thể là người ngoài trường [23.01.20]. Theo đó năm 2019, Trường đã ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU trong đó nêu rõ: “Chủ nhiệm đề tài (CNĐT) có thể là người trong trường hoặc ngoài trường. Trong trường hợp CNĐT là người ngoài trường thì phải có cán bộ trong trường làm đồng chủ nhiệm đề tài” [23.01.01].

(iv) Tăng định mức khen thưởng trong NCKH: Trong Kế hoạch điều chỉnh Quy chế QL KHCN của PVU có nội dung tăng mức khen thưởng trong NCKH [23.01.20]. Trong Quy chế Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU ban hành kèm Quyết định số 788/QĐ-ĐHDK ngày 05/08/2016, PVU đã tăng định mức khen thưởng đối với các bài báo khoa học được đăng trong tạp chí trong nước nằm trong danh mục các tạp chí khoa học trong nước được tính điểm bởi Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước với mức thưởng là 4.000.000 VNĐ [23.01.01]. Trong Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của PVU có quy định về việc tăng mức khen thưởng đối với các đề tài vượt định mức đăng ký tại Mục 2-Khen thưởng đối với các đề tài cơ sở, Điều 18. [23.01.20]. Điều này giúp tăng số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học và các kỷ yếu hội thảo khoa học trong 5 năm qua được duy trì dù có sự biến động về số lượng CBGD, thể hiện qua bảng 23.5.

Bảng 23.5. Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2014 – 2018

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2014	2015	2016	2017	2018	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế						
	+ Danh mục ISI	08	07	09	07	09	40
	+ Danh mục Scopus	0	01	02	02	03	8
	+ Khác	06	02	01	05	02	16
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	08	16	13	20	08	65
	Tổng cộng	22	26	25	34	22	

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường có các quy định cụ thể về các loại hình tài sản trí tuệ được thể hiện tại Điều 4 trong Quy chế quản lý Tài sản Trí tuệ của PVU ban hành kèm theo Quyết định số 371/QĐ-ĐHDK ngày 21/05/2019 bao gồm: (i) các giáo trình, đề cương đào tạo, tài liệu tham khảo, sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan do Nhà trường xuất bản; (ii) luận văn, luận án, khóa luận, đồ án của SV, bản vẽ thiết kế, bản vẽ quy trình; (iii) các báo cáo tham luận, báo cáo chuyên đề, bản báo cáo NCKH; (iii) các đề cương nghiên cứu, các đề tài NCKH đã được nghiệm thu; (iv) các băng, đĩa ghi hình về các quy trình chuyên môn; (v) các phần mềm ứng dụng phục vụ các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy; (vi) báo cáo khoa học được đăng trong các kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; (vii) các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, các sản phẩm ứng dụng của các đề tài NCKH do PVU chủ trì [23.01.39].

Các quy định về việc sở hữu trí tuệ của Trường cũng được thể hiện trong Quy chế quản lý Tài sản Trí tuệ bao gồm: (i) nhiệm vụ và quyền hạn của bộ phận quản lý tài sản trí tuệ (TSTT); (ii) nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng Ban, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc Nhà trường; (iii) Nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ nhân viên; (iv) các quy tắc bảo mật TSTT; (v) các quy định về giao kết bảo vệ bí mật; (vi) quy định liên quan đến đối tác của trường; (vii) nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ nhân viên; (viii) các quy tắc bảo mật TSTT; (ix) các quy định về giao kết bảo vệ bí mật; (x) quy định liên quan đến đối tác của trường; (xi) thẩm định và tái thẩm định TSTT hiện hữu; (xii) quy định về quản lý hình ảnh của Nhà trường; (xiii) các quy định về sử dụng tên và logo của Nhà trường; (xiv) các quy định về phát ngôn.

Trong Quy chế Quản lý TSTT của PVU có quy định rõ về hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ trong đó chỉ định rõ: (i) Bộ phận quản lý TSTT là đơn vị đầu mối tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền sở hữu, khai thác và thương mại hóa các TSTT của Nhà trường, trực thuộc phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ; Cán bộ nhân viên TSTT chịu trách nhiệm báo cáo công việc trực tiếp với trưởng bộ phận; (ii)

Bộ phận quản lý TSTT có nhiệm vụ và quyền hạn: (a) theo dõi, hướng dẫn, phối hợp các đơn vị, cán bộ nhân viên, cộng tác viên; (b) tổ chức hoạt động ghi nhận và lưu giữ các chứng cứ liên quan; (c) xác định quyền nhân thân, quyền tài sản; (d) phân loại TSTT và tiến hành các thủ tục xác lập quyền; (e) xây dựng và trình Ban giám hiệu ký ban hành các quy trình, thủ tục, biểu mẫu; (f) định kì tổ chức rà soát, đánh giá, định giá các TSTT; (g) đề xuất cho Ban giám hiệu các giải pháp quản lý và khai thác có hiệu quả các TSTT; (h) giám sát việc thực thi quyền SHTT; (k) được quyền trình bày ý kiến/tham gia vào các hội đồng; (l) đề xuất việc sửa đổi, bổ sung; (m) thực hiện công tác tập hợp các biểu tượng, dấu hiệu đặc trưng của Nhà trường, từ đó góp phần xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu của Nhà trường; (iii) Các Phòng Ban, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc Nhà trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ bộ phận quản lý TSTT trong việc: (a) quán triệt quy chế; (b) phòng chống việc sử dụng không phép quyền SHTT; (c) tổ chức theo dõi và thông tin về các loại TSTT phát sinh khác; (d) tạo điều kiện hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu cho các tác giả; (e) ban hành các hướng dẫn cụ thể hóa quy chế; (f) yêu cầu cán bộ nhân viên và cộng tác viên thực hiện các thủ tục, biểu mẫu SHTT; (g) đầu tư phát triển các TSTT của đơn vị; (h) xúc tiến việc khai thác giá trị của các TSTT; (k) hoạch định và chủ động đề xuất các hướng nghiên cứu phù hợp.

Với các TSTT là các bài giảng điện tử và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, Phòng Đào tạo cử chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các TSTT này [23.01.40].

Trường có phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu được cập nhật về các bài báo khoa học, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và các bài giảng điện tử [23.01.06; 23.01.41].

Nhà trường có bộ phận quản lý TSTT thuộc Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ chịu trách nhiệm thực hiện việc đối sánh, rà soát và điều chỉnh các loại hình và số lượng các TSTT hàng năm theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 6 Quy chế Quản lý Tài sản Trí tuệ của PVU ban hành ngày 21/05/2019 [23.01.39].

Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ là đầu mối tổng hợp các thông tin về: (i) ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, bài giảng điện tử được cung cấp từ Phòng Đào

tạo; (ii) đồ án học phần, đồ án tốt nghiệp, tham luận, báo cáo chuyên đề, các kết quả NCKH được cung cấp từ 02 Khoa; (iii) báo cáo tổng kết đề tài các cấp từ Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ. Các thông tin nói trên được tổng hợp trong Báo cáo của Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ và được cập nhật thông qua phần mềm quản lý vào cơ sở dữ liệu của Trường [23.01.42]. Kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động cũng được nêu trong các báo cáo nói trên của Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ. Việc đối sánh về các loại hình và số lượng công bố khoa học theo từng năm được thể hiện trong bảng 23.6:

Bảng 23.6. Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2014 – 2018

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2014	2015	2016	2017	2018	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:						
	Danh mục ISI	08	07	09	07	09	40
	Danh mục Scopus	0	01	02	02	03	8
	Khác	06	02	01	05	02	16
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	08	16	13	20	08	65
	Tổng cộng	22	26	25	34	22	

Việc thực hiện đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, được thực hiện từ 02 Khoa và sau đó sẽ được tổng hợp bởi Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ thể hiện trong các Báo cáo Quý, Báo cáo tổng kết hàng năm của 02 Khoa và Phòng. Các kế hoạch cải tiến và điều chỉnh các hoạt động được thể hiện trong các Biên bản họp giao ban và Kế hoạch hoạt động năm của PVU được Tập đoàn phê duyệt hàng năm [23.01.20], [23.01.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được quy định cụ thể trong Kế hoạch hoạt động năm của PVU được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt hàng năm [23.01.19]. Cụ thể như trong năm 2017: chi tổ chức Hội nghị/Hội thảo – 100 triệu VNĐ; chi NCKH đề tài cấp cơ sở và đề tài SV – 1 tỉ VNĐ; bổ sung thiết bị TN phục vụ NCKH –

0,956 tỷ VNĐ; mua sắm trang thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm chuyên ngành – 4,928 tỷ VNĐ.

Các cán bộ GV và cán bộ nghiên cứu có thông tin, ý kiến về mức độ minh bạch sẽ gửi ý kiến lên Phòng Kế hoạch-Tài chính. Phòng Kế hoạch-Tài chính hàng năm đều có một chuyên viên chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin phản hồi về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [23.01.04]. Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường không ghi nhận bất kì thông tin phản hồi nào về việc thiếu minh bạch, phù hợp trong công tác phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

Việc giám sát phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được thực hiện bởi Ban Thanh tra Pháp chế của Trường.

Đối sánh, điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hàng năm được thể hiện trong bảng dưới

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp, v.v. được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường quy định sản phẩm nghiên cứu ít nhất là 1 trong 4 sản phẩm sau: công bố khoa học, ứng dụng thực tế, đăng ký dự giải, mở rộng phát triển đề tài thể hiện trong Phụ lục 3.1 Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của PVU ban hành năm 2019 [23.01.01]. Ngoài ra, sản phẩm NCKH có thể là tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình nghiên cứu của cán bộ nhân viên và người học; quá trình thực hiện các hợp đồng do Nhà trường đặt hàng đối với các tổ chức, các nhân trong hoặc ngoài trường; được tạo ra trong quá trình triển khai trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Nhà trường với các đối tác (Điều 16, Quy chế quản lý Quản lý Tài sản trí tuệ của PVU) [23.01.39].

Về việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao: Tại Điều 29 của Quy chế Quản lý Tài sản trí tuệ của PVU có các quy định giữa Nhà trường và các đơn vị trực thuộc: (i) Trong trường hợp Nhà trường thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của trường đối với các TSTT do các đơn vị và cán bộ công nhân viên của Nhà trường tạo ra, các đơn vị và

cán bộ công nhân viên có thể yêu cầu Nhà trường chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình; (ii) Trường có thể yêu cầu các đơn vị hoặc cán bộ công nhân viên chuyển nhượng TSTT (do các đơn vị và cá nhân tự tạo lập) cho Nhà trường với những điều kiện thương mại hợp lý. Nhà trường sẽ hướng dẫn, và tạo mọi điều kiện hỗ trợ cho các tác giả, và đồng tác giả trong việc xác lập quyền sở hữu của mình; (iii) Các đơn vị hoặc cán bộ công nhân viên đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn các TSTT do mình tự tạo lập cho Nhà trường vào mục đích NCKH và đào tạo nhân lực tại Nhà trường; (iv) Các đơn vị hoặc cán bộ công nhân viên không được chuyển giao các TSTT của mình cho bên thứ ba nếu việc chuyển giao đó có thể gây ảnh hưởng đến lợi ích hoặc tạo ra xung đột quyền lợi của Nhà trường, trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản với Nhà trường hoặc pháp luật có liên quan quy định khác. Tại điều 30 của Quy chế Quản lý Tài sản trí tuệ của PVU có các quy định trong Hoạt động xúc tiến thương mại các TSTT: (i) Bộ phận quản trị TSTT có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Nhà trường; (ii) Bộ phận quản trị TSTT tham mưu cho Ban Giám hiệu ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/liên kết bằng TSTT, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo lập TSTT mới; (iii) Bộ phận quản trị TSTT sẽ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ cho các đơn vị, cán bộ công nhân viên, cộng tác viên và người học trong việc thương mại hóa các TSTT thuộc quyền sở hữu của mình [23.01.39].

Trong giai đoạn 2014-2019 Nhà trường có thực hiện những hoạt động có liên quan đến khởi nghiệp như: tham dự Cuộc thi khởi nghiệp của SV, tổ chức hội thảo ở PVU với nội dung là Phát động Phong trào khởi nghiệp [23.01.43]. Cho đến nay Trường chưa có các đơn vị khởi nghiệp. Bên cạnh đó PVU thành lập câu lạc bộ khởi nghiệp vào tháng 08/2019 [23.01.44].

Đối với các kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp cơ sở và đề tài SV là các bài báo khoa học, việc đánh giá chất lượng nghiên cứu được thực hiện bởi hội đồng nghiệm thu đề tài thông qua việc thu thập phiếu đánh giá từ từng thành viên trong hội đồng và nhận xét của phản biện [23.01.24].

Trong giai đoạn 2014-2019, Trường chưa có sản phẩm được thương mại hóa, cũng như thử nghiệm chuyển giao và các đơn vị khởi nghiệp.

Nhà trường định hướng thành lập các câu lạc bộ khởi nghiệp nhằm mục đích hướng dẫn, trang bị kiến thức và kỹ năng cho SV trong công tác khởi nghiệp. Bên cạnh đó Trường thông qua các câu lạc bộ khởi nghiệp hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động thương mại, khuyến khích SV tham gia các cuộc thi khởi nghiệp [23.01.44].

Trong giai đoạn 2014-2019 Nhà trường có thực hiện những hoạt động có liên quan đến khởi nghiệp như: tham dự Cuộc thi khởi nghiệp của SV, tổ chức hội thảo ở PVU với nội dung là Phát động Phong trào khởi nghiệp [23.01.44]. Cho đến nay Trường chưa có các đơn vị khởi nghiệp. Bên cạnh đó PVU thành lập câu lạc bộ khởi nghiệp vào tháng 08/2019 [23.01.44].

Chuyển giao phần mềm E-test cho Bình Sơn BSR [23.01.45].

Trong giai đoạn 2014-2019, Trường chưa thực hiện việc thương mại hoá, thành lập các đơn vị khởi nghiệp và hoạt động chuyển giao nên chưa thực hiện việc đối sánh.

Việc thực hiện đối sánh, rà soát các hoạt động nghiên cứu được thể hiện trong các biên bản họp theo Quý và biên bản tổng kết năm của 02 Khoa và được tổng hợp tại Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ [23.01.07; 23.01.08; 23.01.17]. Trong các cuộc họp giao ban, Ban giám hiệu Nhà trường đều có chỉ đạo thực hiện điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo và thông qua các kế hoạch cải tiến chất lượng căn cứ trên thông tin phản hồi của các bên liên quan, mà cụ thể là từ các báo cáo của 02 Khoa và báo cáo tổng kết năm của Phòng Đối ngoại và Khoa học Công nghệ. Các kế hoạch cải tiến và điều chỉnh các hoạt động được thể hiện trong các Biên bản họp giao ban và Kế hoạch hoạt động năm của PVU được Tập đoàn phê duyệt hàng năm [23.01.07; 23.01.08; 23.01.17].

Ví dụ: (i) trong giai đoạn 2015-2016 tại các cuộc họp giao ban, Ban giám hiệu Nhà trường nhận thấy nên tăng kinh phí cho việc thực hiện đề tài cơ sở ở mức cao nhất với mục đích đẩy mạnh công tác NCKH trong Trường; (ii) Ngoài ra trước năm 2015, kinh phí mà Tập đoàn phê duyệt cho PVU để cấp cho việc thực hiện các đề tài cơ sở là không ổn định, tuy nhiên từ năm 2016 nguồn kinh phí được cấp cho đề tài cơ sở và đề tài SV luôn là 1 tỷ

VNĐ/năm. Kết quả được thể hiện trong giai đoạn từ 2016, đề tài cơ sở trong Trường có sự tăng trưởng về số lượng và chất lượng (Bảng 23.7 và 23.8); (iii) Năm 2018, Nhà trường ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý Khoa học Công nghệ có nội dung hướng đến việc đẩy mạnh hợp tác với các thành viên và đơn vị ngoài trường; bên cạnh đó (iv) Nhà trường còn có kế hoạch cải tiến chính sách nhằm tối ưu hoá nguồn nhân lực, nâng cao hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho các cán bộ GV trong Trường đi làm nghiên cứu ở ngoài nước.

Bảng 23.7. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học giai đoạn 2014-2018

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2014	2015	2016	2017	2018	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế						
	Danh mục ISI	8	7	9	7	09	40
	Danh mục Scopus	0	01	02	02	03	8
	Khác	06	02	01	05	02	16
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	08	16	13	20	08	65
	Tổng cộng	22	26	25	34	22	
	Số BB/GV	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	

Bảng 23.8. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của Nhà trường được nghiệm thu từ 2014

TT	Phân loại đề tài	Số lượng						Tổng số
		2014	2015	2016	2017	2018	2019	
1	Đề tài cấp Nhà nước	-	-	-	-	-	01	01
2	Đề tài cấp Bộ*	03	01	-	02	03	-	09
3	Đề tài cấp trường	-	24	06	08	05	07	43
	Tổng cộng	03	25	06	10	08	08	52
	Tổng cộng/SL GVCH	6,6	43,8	11,1	20,4	18,2		

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường có quy định cụ thể về số lượng và loại hình NCKH cho GV của Trường cụ thể là 01 bài báo hàng năm. Kinh phí thấp nhất dành cho ĐTCS là 50tr. Kết quả NCKH của CBGV trong Trường hàng năm đạt được mục tiêu đề ra trong quy định này.

- Trường có quy định cụ thể về số lượng và loại hình NCKH cho SV. Quy định rõ 2 mức ĐTSV, trong đó với ĐTSV bậc 2 có mức kinh phí là 70tr. KQNCKH của ĐTSV của Trường được đăng trên các tạp chí uy tín.

- Trường có Quy chế "cho phép đồng chủ nhiệm đề tài là các CNGV ngoài Trường".

- Trong giai đoạn 5 năm Trường không ghi nhận báo cáo vi phạm

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Trường chưa thành lập các đơn vị khởi nghiệp.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thành lập CLB khởi nghiệp làm tiền đề cho việc thành lập các đơn vị khởi nghiệp tại Trường	Phòng Đào tạo	Quý II - 2020	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	4,5
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trước năm 2018, loại hình và khối lượng tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được quy định cụ thể trong kế hoạch tổ chức từng hoạt động hàng năm của các đơn vị, tổ chức đoàn thể. Đến năm 2018, căn cứ vào chiến lược phát triển của PVU giai đoạn 2015-2025, Ban chấp hành CĐ đã ban hành văn bản ngày 12/2018 về việc hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng với những nội dung liên quan đến phạm vi áp dụng, các loại hình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, phân công thực hiện, quy trình thực hiện một hoạt động và những yêu cầu khi thực hiện hoạt động đó [24.01.01].

Các loại hình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng nổi bật được quy định rõ trong hướng dẫn này có thể kể đến như:

- Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn về lĩnh vực dầu khí theo nhu cầu của các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí;
- Tham gia trình bày tại các Hội nghị, Hội thảo khoa học;
- Tham gia tư vấn kỹ thuật, hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí;
- Tham gia các hoạt động an sinh xã hội, thiện nguyện.

Các đơn vị phụ trách từng loại hình PVCD cần sắp xếp để khuyến khích số lượng tối đa cán bộ, GV, người lao động và SV được tham gia vào các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

Hướng dẫn này cũng quy định cụ thể các đơn vị phụ trách các hoạt động kết nối và PVCD liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình:

- Về lĩnh vực đào tạo: Trung tâm bồi dưỡng nâng cao, khoa Khoa học cơ bản, khoa Dầu khí, phòng Đào tạo;
- Về lĩnh vực NCKH: phòng Đối ngoại và KHCN;

- Về lĩnh vực an sinh xã hội và thiện nguyện: Công đoàn trường, Đoàn Thanh niên

Các đơn vị nêu trên có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo hoạt động hàng năm. Trong quá trình triển khai kế hoạch từng hoạt động thực hiện cơ chế tự giám sát và báo cáo với cấp trên.

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết các hoạt động của CĐ, ĐTN và chính quyền, các hoạt động phục vụ xã hội được đánh giá mức độ hoàn thành trên cơ sở đối sánh với các chỉ tiêu của năm, đồng thời có đối sánh giữa các năm với nhau để đề xuất kiến nghị và đưa ra những nhiệm vụ trọng tâm của năm tiếp theo. Các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ xã hội của năm tiếp theo được bổ sung, điều chỉnh để đa dạng các hoạt động phục vụ xã hội, đóng góp cho xã hội.

Trong năm 2018, CĐ đề xuất mở rộng đối tượng và địa điểm tổ chức ASXH [24.01.02]. Từ năm 2018 chiến dịch Mùa hè xanh do Đoàn trường chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong cụm Phối hợp hoạt động BR-VT thuộc Đoàn Tập đoàn Dầu khí quốc gia VN với nhiều hình thức phong phú và đa dạng hơn. Trong năm 2018 có thêm hình thức: Ôn tập kiến thức các môn văn hóa, giảng dạy tiếng Anh, cờ vua, tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho các em học sinh; Sửa chữa hệ thống điện cho các hộ gia đình chính sách, sửa chữa nhà cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Tặng giá sách thanh niên và sách cho thư viện các trường học trên địa bàn; Tặng 50 phần quà cho gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách nhân ngày 27/7; Tổ chức Hội thảo tư vấn sử dụng phân bón hiệu quả và Tặng hệ thống lọc nước sạch và Bộ thiết bị vui cho các trường mầm non [24.01.03]. Năm 2019 bổ sung thêm hình thức: Tặng sữa hộp cho học sinh tham gia học hè, sách giáo khoa mới cho học sinh nghèo năm học 2019-2020 [24.01.04].

Từ năm 2014 đến năm nay, Trung tâm bồi dưỡng nâng cao đã tổ chức nhiều khóa học chuyên ngành, tiếng Anh cũng như kỹ năng cho các công ty trong lĩnh vực dầu khí như Cửu Long JOC, PVFCCo, Lam Sơn JOC, PVEP POC,...thu hút đông đảo lượt học viên tham gia. Số lượng các khóa học trong chu kỳ 5 năm đánh giá đã tăng lên từ 4 (2014) đến 21 khóa học (2017) [24.01.05].

Trong 3 năm gần đây, Nhà trường đã hợp tác với các đối tác như Trường Đại học Bách khoa TP. HCM, Hội KHKT ăn mòn và bảo vệ kim loại VN và Đại học Chung Ang, Hàn Quốc tổ chức các Hội nghị/ Hội thảo với quy mô khu vực, quốc gia và cấp trường. Với Hội thảo chuyên đề cấp trường (*Process System and Safety Engineering in Oil and Gas Industry*) thu hút được 40 người tham gia, 6 bài báo cáo; với Hội nghị VICORRA cấp quốc gia (*Ăn mòn và Bảo vệ kim loại vì sự phát triển năng lượng*) có 120 người tham gia và 80 bài báo cáo; với Hội thảo khu vực về công nghệ hóa học (*Innovation in Chemical Engineering towards academic, education and industrial linkage*) thu hút được 370 người tham dự và 180 bài báo cáo [24.01.06]. Ngoài ra, Nhà trường cũng cử một số đại diện GV tham gia BTC cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh năm 2018-2019 [24.01.07] và Ban chấm thi cuộc thi KHKT cấp tỉnh năm 2018-2019 [24.01.08].

Đối với hoạt động kết nối và PVCD, trước năm 2018 Nhà trường có tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng bằng cách trao đổi trực tiếp thông qua từng hoạt động khi thực hiện và gián tiếp thông qua các phản ánh tại các cuộc họp giao ban. Sau năm 2018, các thông tin của các bên liên quan đã được thu thập theo biểu mẫu và đã được xử lý theo hướng dẫn [24.01.09].

Trên cơ sở các phản hồi của các bên liên quan, các hoạt động phục vụ xã hội được cải tiến thông qua các đề xuất để đưa vào các kế hoạch thực hiện của hoạt động tiếp theo hoặc năm tiếp theo.

Năm 2016 việc triển khai chương trình an sinh xã hội của Công đoàn còn gặp chút khó khăn về kinh phí do xã Tân Hưng, TP Bà Rịa là địa bàn còn nhiều khó khăn, các hộ gia đình nghèo lên tới gần 30%. BCH Công đoàn đã họp bàn, đề xuất và tìm thêm nguồn kinh phí cho các hoạt động an sinh [24.01.10].

Từ năm 2018, nhằm lan tỏa hành động tình nguyện trên địa bàn cũng như các đơn vị trong ngành, Đoàn trường tổ chức hoạt động Mùa hè xanh theo cụm; năm 2019 Đoàn trường PVU đồng tổ chức với Đoàn trường Cao đẳng nghề dầu khí hoạt động hiến máu nhân đạo [24.01.03] [24.01.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong những năm qua, hoạt động phục vụ xã hội của PVU đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Kết quả của hoạt động này thường xuyên được lên kế hoạch thông qua các báo cáo tình hình hoạt động và trong Báo cáo thường niên của PVU.

Mỗi hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được lập kế hoạch chi tiết, trong đó có kế hoạch đánh giá tác động của các hoạt động này. ĐTN thực hiện đánh giá tác động của các hoạt động PVCD thông qua biên bản họp rút kinh nghiệm từng hoạt động. Với những hoạt động ASXH thường niên, BTC luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực của địa phương trong việc lập kế hoạch, lên danh sách và tiền trạm cho chuyến đi. Các phần quà mà Nhà trường tặng chủ yếu là các nhu yếu phẩm cần thiết cho cuộc sống hàng ngày như gạo, mắm, muối, dầu ăn,.... Đây tuy là những phần quà nhỏ nhưng lại mang ý nghĩa hết sức to lớn động viên khích lệ và chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, mang lại niềm vui, niềm lạc quan cho người nghèo có một cái tết ấm no hơn, là nguồn động lực để giúp các em nhỏ cố gắng phấn đấu đạt được kết quả tốt nhất trong học tập [24.02.01] [24.02.02] [24.02.03]. Khi đoàn ASXH PVU phối hợp với Viện Dầu khí Việt Nam trao quà ủng hộ bà con bị lũ lụt tại các địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa, đáp lại những tình cảm của Đoàn công tác cũng như những tấm lòng hảo tâm của toàn thể CBCNV PVU và VPI, bà con nhân dân phường Ninh Đa và xã Vạn Phú rất xúc động và gửi lời cảm ơn cũng như những lời chúc tốt đẹp tới toàn thể CBCNV của PVU và VPI [24.02.04].

TTBDNC tổ chức đánh giá tác động của các khóa học cho học viên thuộc các doanh nghiệp theo hàng quý thông qua biên bản họp. Các lớp đã tổ chức cho học viên thuộc Cửu Long JOC, PTSC, PVEP và PVCMS hầu hết được nhận phản hồi tốt về mức độ đáp ứng của khóa học. Cụ thể, 100% học viên đánh giá tốt về sự đáp ứng mong muốn của học viên về khóa học, sự liên quan chặt chẽ của khóa học với công việc hiện tại của học viên và tính ứng dụng cao của khóa học [24.02.05].

Từ năm 2014 đến năm 2018, BCH Công đoàn, ĐTN và Trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm giám sát về tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và phục vụ xã hội những hoạt động mà đơn vị phụ trách. Từ đầu năm 2019 tới nay, việc giám sát các hoạt động PVCĐ là nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra trực thuộc BCH công đoàn [24.01.01] thông qua các báo cáo, trong đó ngoài việc tổng kết các hoạt động, tổng hợp ý kiến của các bên liên quan và đánh giá những tác động của các hoạt động PVCĐ, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến.

Kết quả thực hiện các hoạt động phục vụ xã hội được xem xét hàng năm để lên kế hoạch thực hiện cho năm sau và có những hành động cải tiến như điều chỉnh chương trình, đối tượng phục vụ, hình thức hỗ trợ...

Tặng quà cho người nghèo, các em học sinh giỏi có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết đến xuân về là hoạt động thường niên nằm trong chuỗi các hoạt động ASXH của trường nhằm chia sẻ khó khăn và góp phần giáo dục tinh thần lá lành đùm lá rách của tập thể cán bộ, GV và SV toàn trường. Từ năm 2015 đến năm 2019, trường đã trao tặng 123 phần quà cho người nghèo và các em học sinh giỏi có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn các xã thuộc TP Bà Rịa, đặc biệt, trong năm 2019 đoàn ASXH do Hiệu trưởng dẫn đầu đã đến tặng quà từng gia đình làng bè khu Việt kiều Campuchia, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai [24.02.03]. Ngoài ra, nhằm giảm bớt khó khăn, tiếp thêm sức mạnh giúp đồng bào các tỉnh miền Trung và tỉnh Khánh Hòa nhanh chóng trở lại cuộc sống bình thường sau khi hứng chịu thiên tai bão lũ, trong năm 2017, các CBNV Nhà trường đã quyên góp 2 đợt ủng hộ với số tiền lên đến 74.000.000VND [24.02.04] [24.02.06].

Theo chủ trương của Tập đoàn, từ năm 2014 đến 2016, CBCNV làm thêm giờ ủng hộ được số tiền 1.112.000.000 VNĐ đóng góp vào quỹ vì thế hệ trẻ, quỹ tương trợ dầu khí [24.02.07].

Từ năm 2018 lễ hội VHHSSV được mở rộng bằng việc mời SV các trường ĐH, CĐ tại BR-VT tham gia. Hoạt động MHX được cải tiến bằng cách tổ chức theo cụm nhằm lôi kéo được lượng SV tham gia đông đảo hơn. Số lượt hiến máu nhân đạo tăng từ 30 lượt (năm 2018) lên 52 lượt (2019) do trong năm 2019 ĐTN trường đã kết hợp với ĐTN PVMTC tự tổ chức hoạt động này [24.01.03] [24.01.04].

Dưới đây là bảng đối sánh doanh thu các khóa học dịch vụ do TTBDNC tổ chức với kế hoạch do Tập đoàn giao hàng năm. Từ năm 2015 đến nay, doanh thu đạt được đều vượt mức so với kế hoạch đề ra.

Bảng 24.1 Đối sánh doanh thu các khóa học dịch vụ với chỉ tiêu Tập đoàn giao

Đơn vị tính: VND

Năm	2015	2016	2017	2018
Doanh thu				
Thực tế	8.169.354.773	8.009.037.049	7.058.859.667	6.872.860.280
Kế hoạch	7.260.000.000	7.623.000.000	6.000.000.000	6.500.000.000

Đối với hoạt động CĐ, ĐTN và KHCN, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được nắm bắt trực tiếp thông qua từng hoạt động khi thực hiện và gián tiếp thông qua các phản ánh tại các cuộc họp giao ban của từng hoạt động; họp định kỳ, tổng kết, rút kinh nghiệm của các hoạt động của ĐTN, Công đoàn. Thông qua các ý kiến các bên liên quan (người thụ hưởng, người tham gia), các đơn vị tiến hành viết báo cáo dựa trên những thông tin đã thu thập được. Về công tác đào tạo, Nhà trường đã có biểu mẫu thu thập ý kiến đánh giá của các bên liên quan khi tổ chức các khoá đào tạo. Sau năm 2018, các thông tin của các bên liên quan đã được thu thập theo biểu mẫu và đã được xử lý theo hướng dẫn [24.01.01].

Trên cơ sở các phản hồi của các bên liên quan, các hoạt động PVCD được cải tiến thông qua các đề xuất để đưa vào các kế hoạch thực hiện của hoạt động tiếp theo hoặc năm tiếp theo.

Sau khi tham gia các khóa học do PVU tổ chức, các học viên đề xuất với quản lý lớp về việc tăng cường các khóa có nội dung chuyên sâu. Trong năm 2018, học viên PTSC đề nghị cần tổ chức thêm nhiều lớp nghiệp vụ chuyên sâu hơn như các lớp về LNG [24.02.08]; đề xuất cần tăng cường sự tương tác, trao đổi kiến thức với giảng viên sau khi kết thúc khóa học [24.02.09]; đề xuất mở thêm các lớp về Relay và các lớp liên quan đến Điện - Tự động hóa nói chung [24.02.10]. Dựa vào ý kiến phản hồi của các học viên thuộc doanh nghiệp ngoài, TTBDNC đã xem xét và đưa các đề xuất về lớp học chuyên sâu của học viên trong năm 2018 vào kế hoạch năm 2019 [24.03.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Mỗi hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được lập kế hoạch chi tiết, trong đó có kế hoạch đánh giá tác động của các hoạt động này đối với SV, đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.

ĐTN thực hiện đánh giá tác động của các hoạt động PVCD đối với SV thông qua biên bản họp rút kinh nghiệm từng hoạt động. Những hoạt động ASXH thường niên tác động rất tích cực đến tinh thần uống nước nhớ nguồn, tinh thần lá lành đùm lá rách, cảm thông và chia sẻ sự khó khăn của CBNV và GV trong trường [24.01.10] [24.02.01] [24.02.02] [24.02.03].

TTBDNC tổ chức đánh giá tác động của các khóa học cho học viên thuộc các doanh nghiệp theo hàng quý thông qua biên bản họp. Các lớp đã tổ chức cho học viên thuộc Cửu Long JOC, PTSC, PVEP và PVCMS hầu hết được nhận phản hồi tốt về mức độ đáp ứng của khóa học [24.02.05]. Cụ thể, 100% học viên đánh giá tốt về sự đáp ứng mong muốn của học viên về khóa học, sự liên quan chặt chẽ của khóa học với công việc hiện tại của học viên và tính ứng dụng cao của khóa học.

Cũng như hoạt động giám sát về tác động xã hội đối với các hoạt động PVCD, BCH Công đoàn, ĐTN và Trưởng các đơn vị liên quan cũng có trách nhiệm giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ CBNV những hoạt động mà mình phụ trách. Từ đầu năm 2019 tới nay, việc giám sát các hoạt động PVCD là nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra trực thuộc BCH công đoàn [24.01.01] thông qua các báo cáo, trong đó ngoài việc tổng kết các hoạt động, tổng hợp ý kiến của các bên liên quan và đánh giá những tác động của các hoạt động PVCD đối với SV, đội ngũ cán bộ GV, nhân viên, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến.

Sau mỗi hoạt động vì cộng đồng, Nhà trường luôn tiến hành thăm dò sự tác động của mỗi hoạt động đối với SV, CB nhân viên của Nhà trường, những người trực tiếp hoặc không trực tiếp tham gia.

Các hoạt động KHCN là những cơ hội để cho CBGD của Nhà trường hiện thực hóa những kiến thức đã được truyền thụ. Nhà trường hiện nay có phần lớn CBGD được đào tạo bài bản ở nước ngoài, đây là nguồn chuyên gia tốt cho các hoạt động KHCN. Các hoạt động này vừa giúp CBGD trong trường tìm tòi những cái mới, áp dụng những thành tựu khoa học tiên tiến trên thế giới và trong nước, giúp nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời tạo thêm nguồn thu nhập đáng kể.

Qua những hoạt động của Công đoàn góp phần để CBGV trong Nhà trường thêm ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng. Chung tay xóa đói giảm nghèo, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn không may bị bão lũ, thiên tai, dịch họa. Đây cũng là hoạt động làm tăng thêm nét văn hóa đặc trưng của GV và SV PVU, một truyền thống quý báu mà Nhà trường luôn gìn giữ và phát huy.

Các hoạt động của ĐTN Nhà trường góp phần bồi dưỡng lý tưởng, ổn định tình hình tư tưởng và nâng cao phẩm chất chính trị của ĐVSV toàn trường.

Dựa vào số lượng khóa học quản lý, kết quả khảo sát chất lượng khóa học, TTBDNC tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và kỷ luật lao động theo từng quý, và tiến hành đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kỷ luật lao động từng cán bộ trong trung tâm [24.02.08] [24.02.09] [24.02.10].

Đối với hoạt động CĐ, ĐTN và KHCN, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với SV, đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên được nắm bắt trực tiếp thông qua từng hoạt động khi thực hiện và gián tiếp thông qua các phản ánh tại các cuộc họp giao ban của từng hoạt động; họp định kỳ, tổng kết, rút kinh nghiệm của các hoạt động của ĐTN, Công đoàn. Thông qua ý kiến các bên liên quan (người thụ hưởng, người tham gia), các đơn vị tiến hành viết báo cáo dựa trên những thông tin đã thu thập được. Sau năm 2018, các thông tin của các bên liên quan đã được thu thập theo biểu mẫu và đã được xử lý theo hướng dẫn.

Về công tác đào tạo, TTBDNC tổng hợp những báo cáo, đề xuất của quản lý khóa học và bảng thống kê khảo sát học viên về chất lượng khóa học để tự đánh giá kết quả thực hiện

nhiệm vụ và kỷ luật lao động quý, sau đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kỷ luật lao động của cán bộ thuộc trung tâm theo quý.

Các tác động đối với người học và đội ngũ CBNV về PVCĐ cũng được ghi nhận trong các báo cáo tổng kết cuối năm của CĐ, ĐTN và của chính quyền. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban, họp tổng kết, rút kinh nghiệm của các hoạt động PVCĐ, những tác động này cũng được đánh giá thông qua ý kiến của các bên liên quan để đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng cho những hoạt động tương tự tiếp theo trong năm hoặc năm sau.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Mỗi hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết, trong đó có kế hoạch khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động này. .

Trước năm 2018, các hoạt động ASXH, tình nguyện Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo hay Lễ hội học sinh SV và những Hội nghị/Hội thảo do Nhà trường tổ chức đều tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình thực hiện, và tiến hành đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan qua các cuộc họp đánh giá rút kinh nghiệm từng hoạt động. Từ năm 2018 đến nay, CĐ ban hành Hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ kết nối và PVCĐ kèm mẫu Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của người thụ hưởng, người thực hiện với các hoạt động PVCĐ với 5 mức độ đánh giá khác nhau: hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, đồng ý, tốt và rất tốt [24.04.01] [24.04.02]. Đối với phiếu dành cho người thụ hưởng, nội dung khảo sát xoay quanh về giá trị của hoạt động mang lại, công tác tổ chức, thái độ của CBNV PVU đối với người dân, những tác động đến tư duy nhận thức của người thụ hưởng, sự phù hợp của đối tượng mà hoạt động nhắm tới, sự hài lòng của người thụ hưởng khi tham gia những hoạt động này [24.04.01]. Đối với người thực hiện, nội dung khảo sát xoay quanh về nhận thức rõ ý nghĩa, giá trị của hoạt động mang lại cho cộng đồng; những tác động đến tư duy nhận thức của người thực hiện; công tác tổ chức; sự hài lòng của người thực hiện khi tham gia [24.04.02].

Riêng đối với các lớp đào tạo do TTBDNC tổ chức, từ trước đến nay, sau khi kết thúc mỗi khóa học, quản lý lớp đều thực hiện khảo sát, đánh giá về khóa học của các học viên từ doanh nghiệp. Nội dung phiếu khảo sát này tập trung vào việc đánh giá khóa học (mức độ đáp ứng mong muốn của học viên, tính ứng dụng của khóa học, mức độ liên quan tới công việc của học viên), GV (kiến thức chuyên môn, kỹ năng truyền đạt, phương pháp giảng dạy), công tác tổ chức khóa học (trang thiết bị giảng dạy) với thang đánh giá từ tốt, khá, trung bình đến kém [24.04.03].

Việc đánh giá sự hài lòng của các hoạt động này dựa trên ý kiến của các bên liên quan: người được thụ hưởng (địa phương, đối tượng ASXH, học viên từ doanh nghiệp tham gia lớp học) và người thực hiện (CBNV, SV).

Các lớp đào tạo do TTBDNC tổ chức từ trước đến nay đều đạt 100% mức đánh giá khá trở lên [24.04.04].

Các hoạt động ASXH, tình nguyện do CĐ, ĐTN tổ chức từ trước đến nay đều đạt 100% mức đồng ý trở lên [24.04.05], [24.04.06].

Từ năm 2014 đến năm 2018, BCH Công đoàn, ĐTN và Trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm giám sát về sự hài lòng của các bên liên quan về những hoạt động mà đơn vị phụ trách. Từ đầu năm 2019 tới nay, việc giám sát các hoạt động PVCĐ là nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra trực thuộc BCH công đoàn [24.01.01] thông qua các báo cáo, trong đó ngoài việc tổng kết các hoạt động, tổng hợp ý kiến của các bên liên quan và đánh giá những tác động của các hoạt động PVCĐ, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến.

Kết quả thực hiện các hoạt động phục vụ xã hội được xem xét hàng năm để lên kế hoạch thực hiện cho năm sau và có những hành động cải tiến như điều chỉnh chương trình, đối tượng phục vụ, hình thức hỗ trợ...

Trên cơ sở các phản hồi của các bên liên quan, các hoạt động PVCĐ được cải tiến thông qua các đề xuất để đưa vào các kế hoạch thực hiện của hoạt động tiếp theo hoặc năm tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Tạo được sự liên kết các hoạt động PVCD với các đơn vị khác, kết nối các đơn vị trong ngành, ngoài ngành, tổ chức quy mô lớn hơn, với tác động xã hội lớn hơn, tạo sự lan tỏa.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Loại hình hoạt động ASXH chưa phong phú.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	PVU đa dạng hóa các loại hình ASXH theo từng năm	Công Đoàn	2019	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	4
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được quy định trong nghị quyết giao kế hoạch hàng năm của Tập đoàn căn cứ nhu cầu PVU. Trên cơ sở phân tích về quy mô đào tạo, NCKH, đào tạo bồi dưỡng nâng cao phục vụ cộng đồng..., PVU đã lập các chỉ số tài chính cho năm tiếp theo và trình Tập đoàn phê duyệt. Trên cơ sở đó, Tập đoàn phê duyệt và khoản các chỉ số về doanh thu (kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thu học phí đào tạo đại học chính quy, doanh thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, cao học và NCKH); kết quả phải đạt được, trong đó có các chỉ số chi phí (chi phí bộ máy hoạt động; chi đào tạo theo kế hoạch Tập đoàn, chi đào tạo CBNV Nhà trường; chi đào tạo thạc sỹ; chi hoạt động dịch vụ đào tạo; chi NCKH; chi mua sắm TTB và đầu tư XDCB...) với định lượng cụ thể, được xác định ngay từ đầu cũng như các nghĩa vụ phải nộp thuế theo quy định của Nhà nước và của Tập đoàn. Trên cơ sở các ước lượng đó, Tập đoàn ấn định các chỉ số tài chính về lợi nhuận.

Bên cạnh đó, hàng năm PVU lập kế hoạch về khai thác các nguồn thu hợp pháp từ các tổ chức, đơn vị ... tài trợ để chi cho các khoản cho SV theo Quy chế quản lý và sử dụng Nguồn kinh phí tài trợ phát triển SV [07.01.06] (trao học bổng cho các SV có thành tích cao trong học tập; trao thưởng cho SV có thành tích trong NCKH và đoạt giải cao trong các kỳ thi; hỗ trợ kinh phí cho SV tham gia NCKH; học bổng cho các SV nghèo, SV thuộc diện gia đình chính sách; hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động văn hóa, thể thao và cộng đồng; hỗ trợ tài chính cho các SV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn).

Để giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Phòng KHTC đã phân công trong đơn vị 01 Cán bộ quản lý của Phòng trực tiếp tham gia công tác kế hoạch, tái cấu trúc, chi phí giá thành, xây dựng đơn giá đào tạo chính quy...; 01 kế toán viên về tiền lương, an sinh xã hội, ngân hàng, thu thập và phát hành các ý kiến phản hồi với các bên liên quan trong và ngoài trường...; 01 Kế toán viên về các báo cáo tài chính, quản trị, NCKH, chuyển giao công nghệ, TSCĐ, CCDC, quản lý phần mềm kế toán và công tác đảm bảo chất lượng giáo dục về Tài chính; ...; 01 Kế toán viên về

tiền mặt, bảo hiểm, đối ngoại, đào tạo nội bộ, dịch vụ, liên doanh, liên kết, thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước... Ngoài ra, Phòng Tổ chức – Hành chính có 01 nhân sự kiêm nhiệm làm nhiệm vụ thanh tra, pháp chế của Trường.

Để giám sát nguồn thu, chi từ Quỹ tài trợ phát triển SV, PVU đã thành lập Ban kiểm soát Nguồn kinh phí tài trợ phát triển SV [25.01.01] và Ban Điều hành Nguồn kinh phí tài trợ phát triển SV [25.01.02] với đại diện của Phòng Đào tạo, Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ và Phòng Kế hoạch – Tài chính để trực tiếp điều hành, kiểm soát Nguồn kinh phí tài trợ phát triển SV.

Ngoài ra, Công đoàn thành lập Ủy ban Kiểm tra Công đoàn có chức năng, nhiệm vụ giúp BCH Công đoàn kiểm tra, đôn đốc giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước như: tiền lương, thưởng, công tác tài chính Công đoàn; Ban Thanh tra nhân dân để thanh tra đột xuất hoặc theo kế hoạch để giám sát các hoạt động tài chính của Trường. Trong 05 năm, tại hội nghị tổng kết hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân cũng đã kết luận PVU không xảy ra bất kỳ vụ khiếu kiện, tố cáo hoặc các hiện tượng bất bình trong các tổ chức của Nhà trường; không có sai phạm trong việc thực hiện các chế độ tài chính, việc thực hiện thu chi tài chính và đảm bảo tốt chế độ chính sách của mỗi cán bộ GV, CBNV Nhà trường...

Hàng quý và hàng năm, PVU có các báo cáo giám sát gửi Hội đồng thành viên Tập đoàn, trong đó có các chỉ số về tài chính như: doanh thu (dịch vụ đào tạo, hoạt động tài chính, thu học phí SV, hoạt động khác); lợi nhuận trước thuế; nộp ngân sách nhà nước; giám sát việc huy động, sử dụng và phân phối các nguồn lực của Trường (TS, CCDC, tiền vốn, lao động, doanh thu, lợi nhuận, phân phối kết quả hoạt động...); giám sát việc tuyển dụng, sử dụng và trả lương cho người lao động; việc sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi và các quyền khác của người lao động; giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư xây dựng, đấu thầu, mua sắm thiết bị do PVU làm chủ đầu tư... và có phản hồi về việc kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Trường [25.01.03] về quản trị nội bộ, công tác đào tạo, tổ chức cán bộ và chính sách tiền lương, đấu thầu mua sắm...

Ban Tài chính – Kế toán (trước kia là Ban Kế toán & Kiểm toán) của Tập đoàn trực tiếp giám sát tác chỉ số tài chính của PVU, trong đó gồm 01 Lãnh đạo ban và 01 chuyên viên trực tiếp giám sát các chỉ số tài chính của Trường. Đồng thời, hàng năm Tập đoàn thành lập Đoàn thẩm tra quyết toán gồm các Ban: Bài Tài chính – Kế toán, Ban Tổ chức và Quản trị Nguồn nhân lực (trước kia là Ban Đào tạo & Phát triển Nhân lực), Ban Kinh tế - Đầu tư (trước kia là Ban Kế hoạch).

Trong giai đoạn đánh giá, PVU cũng được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam (kiểm toán độc lập) 05 lần kiểm tra báo cáo tài chính của Trường [07.01.15] nhằm kiểm tra, giám sát tính trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trường cũng như tình hình thu, chi sự nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tăng, giảm tài sản cố định của Trường.

Việc đối sánh về các kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thể hiện tại Bảng 25.1 và Bảng 25.2. Bảng 25.1 thể hiện tình hình thực hiện doanh thu so với chỉ tiêu kế hoạch Tập đoàn giao cho PVU, trong giai đoạn đánh giá, trong đó: i) doanh thu từ hoạt động từ hoạt động dịch vụ đào tạo đạt 103,7% kế hoạch tổng thu do PVU đã khai thác, tổ chức được các khóa đào tạo phục vụ cộng đồng; ii) doanh thu thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo kế hoạch Tập đoàn: do Tập đoàn cấp theo thực tế chi của PVU nên tỉ lệ chỉ đạt 56,3% so với kế hoạch; iii) doanh thu từ học phí cao học chỉ đạt 51,5% so với kế hoạch nguyên nhân có thể là do PVU chưa khai thác hết được tiềm năng của mình, chưa thu hút được nhiều học viên.

Bảng 25.2 tổng hợp tình hình thực hiện chi phí so với chỉ tiêu kế hoạch Tập đoàn giao cho PVU giai đoạn 2014-2018; trong đó hầu hết các chỉ số tài chính đều thấp hơn kế hoạch; chỉ số chi phí từ hoạt động dịch vụ đào tạo và nộp ngân sách Nhà nước tương ứng đạt 103,8% và 103,7% so với kế hoạch, nguyên nhân là do doanh thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo bằng 103,7% so với kế hoạch của giai đoạn đánh giá.

Bảng 25.1. Tổng hợp tình hình thực hiện doanh thu so với chỉ tiêu kế hoạch Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2014-2018

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Tổng 5 năm		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo KH Tập đoàn (Tập đoàn cấp kinh phí theo thực tế chi)	55.370	30.907	55,8%	60.480	31.909	52,8%	50.991	31.491	61,8%	53.190	29.640	55,7%	50.400	28.315	56%	270.431	152.262	56,3%
2	Thu học phí đào tạo ĐH chính quy	3.300	2.802	84,9%	3.810	3.317	87,1%	3.110	3.481	111,9%	3.400	3.147	92,6%	2.941	2.663	91%	16.561	15.410	93,0%
3	Doanh thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo	6.600	7.490	113,5%	7.260	7.036	96,9%	7.620	6.824	89,6%	6.000	6.999	116,7%	6.500	6.873	106%	33.980	35.222	103,7%
4	Thu học phí cao học	1.560	554	35,5%	1.010	330	32,7%	290	340	117,2%	350	399	114,0%	400	237	59%	3.610	1.860	51,5%
Tổng cộng		66.830	41.753	62,5%	72.560	42.592	58,7%	62.011	42.136	67,9%	62.940	40.185	63,8%	60.241	38.088	63,2%	324.582	204.754	63,1%

Bảng 25.2. Tổng hợp tình hình thực hiện chi phí so với chỉ tiêu kế hoạch Trường Đại học Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2014-2018

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Tổng 5 năm		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (thực hiện so với kế hoạch)
1	Chi phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo KH Tập đoàn	55.370	34.633	62,5%	60.480	37.550	62,1%	49.620	35.532	71,6%	53.190	33.149	62,3%	52.471	33.160	63,2%	271.131	174.024	64,2%
1.1	Bộ máy hoạt động	47.680	30.907	64,8%	52.250	31.909	61,1%	42.700	31.491	73,7%	45.340	29.640	65,4%	44.620	28.563	64,0%	232.590	152.510	65,6%
1.2	Đào tạo theo KH Tập đoàn	4.160	1.868	44,9%	4.990	3.641	73,0%	4.150	2.451	59,1%	4.290	1.834	42,8%	4.381	1.886	43,0%	21.971	11.680	53,2%
1.3	Đào tạo CBNV Nhà trường	3.530	1.858	52,6%	3.240	2.000	61,7%	2.770	1.590	57,4%	3.560	1.675	47,1%	3.470	2.711	78,1%	16.570	9.834	59,3%
2	Chi phí từ hoạt động dịch vụ đào tạo	5.940	6.436	108,4%	6.530	6.694	102,5%	6.860	6.129	89,3%	5.700	6.682	117,2%	6.180	6.456	104,5%	31.210	32.397	103,8%
3	Chi phí cao học	1.160		0,0%	1.200		0,0%	270	861	318,9%	210	315	150,0%	390	46	11,8%	3.230	1.222	37,8%
4	Chi NCKH	658	658	100,0%	2.134	2.134	100,0%	1.101	1.101	100,0%	572	572	100,0%	432	432	100,0%	4.897	4.897	100,0%
5	Chi khấu hao TSCĐ				13.500	15.636	115,8%	15.830	14.571	92,0%	11.630	22.659	194,8%	15.700		0,0%	56.660	52.866	93,3%
6	Chi đầu tư XD CB và mua sắm TTB	46.515	45.792	98,4%	83.790	62.498	74,6%	24.389	22.238	91,2%	7.133	4.984	69,9%	2.009	2.052	102,1%	163.836	137.564	84,0%
6.1	Chi đầu tư XD CB	1.060	1.057	99,7%	590	32	5,4%	635	273	43,0%	510	386	75,7%	67	64	95,5%	2.862	1.812	63,3%
6.2	Chi mua sắm TTB	45.315	44.618	98,5%	82.980	62.259	75,0%	23.639	21.850	92,4%	6.539	4.518	69,1%	1.870	1.920	102,7%	160.343	135.165	84,3%
6.3	Đầu tư sách giáo khoa và giáo trình	140	117	83,6%	220	207	94,1%	115	115	100,0%	84	80	95,2%	72	68	94,4%	631	587	93,0%
7	Nộp NSNN (thuế TNDN từ dịch vụ đào tạo)	132	211	159,8%	150	62	41,3%	152	139	91,4%	60	78	130,0%	70	95	135,7%	564	585	103,7%
Tổng cộng		109.775	87.730	79,9%	167.784	124.574	74,2%	98.222	80.571	82,0%	78.495	68.439	87,2%	77.252	42.241	54,7%	531.528	403.555	75,9%

Vào cuối năm, PVU đều thực hiện rà soát và chủ động điều chỉnh các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng căn cứ vào quy mô của Trường và các hoạt động của kết quả đạt được trong năm, những thuận lợi, khó khăn... để điều chỉnh cho năm sau và trình Tập đoàn phê duyệt.

Hàng năm, căn cứ các báo cáo đánh giá chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị trong trường (năm trước), các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ đào tạo..., Phòng KHTC tổng hợp thành bản đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm trước và lập kế hoạch cho năm tiếp theo với các chỉ tiêu cụ thể, các định mức chi theo đúng quy định của Tập đoàn và các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước. Tiếp đó, Ban Giám hiệu họp thống nhất kế hoạch và trình Hội đồng trường xem xét trình PVN phê duyệt Trên cơ sở tờ trình của Hiệu trưởng, Hội đồng trường sẽ tiến hành họp thống nhất và trình PVN phê duyệt kế hoạch hoạt động năm của PVU.

Ngoài ra, tại hội nghị tổng kết hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân, Ủy ban kiểm tra đã kiểm tra về kết quả và các chỉ số tài chính và đã khẳng định PVU không có sai phạm trong việc thực hiện các chế độ tài chính, việc thực hiện thu chi tài chính và đảm bảo tốt chế độ chính sách của mỗi cán bộ GV, CBNV Nhà trường...

Căn cứ yêu cầu của Tập đoàn tại các Công văn xây dựng kế hoạch hàng năm và dựa vào các báo cáo đánh giá chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị trong trường (năm trước), Phòng KHTC tổng hợp lại thành bản đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và đồng thời căn cứ các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ đào tạo... để lập kế hoạch các chỉ tiêu cho năm tiếp theo với các chỉ tiêu cụ thể, các định mức chi theo đúng quy định của Tập đoàn và các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước để trình PVN phê duyệt.

Dữ liệu đánh giá về kết quả các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của PVU được quản lý bằng bản cứng và bản mềm tại Phòng Kế hoạch – Tài chính; bản cứng được lưu trữ trong Kho riêng của Phòng, đảm bảo an toàn, đồng thời dữ liệu được quản lý toàn bộ trên phần mềm kế toán Bravo, có tường lửa và có phân quyền cho từng vị trí, có mật khẩu, đảm bảo an ninh.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

PVU đặt ra mục tiêu là không cạnh tranh về học phí (thu học phí theo quy định) mà chỉ cạnh tranh về thứ hạng, điều đó được thể hiện trong bảng thống kê điểm đầu vào của PVU luôn nằm trong nhóm trường có điểm đầu vào cao về đào tạo Dầu khí, điều đó được thể hiện tại Bảng 25.3.

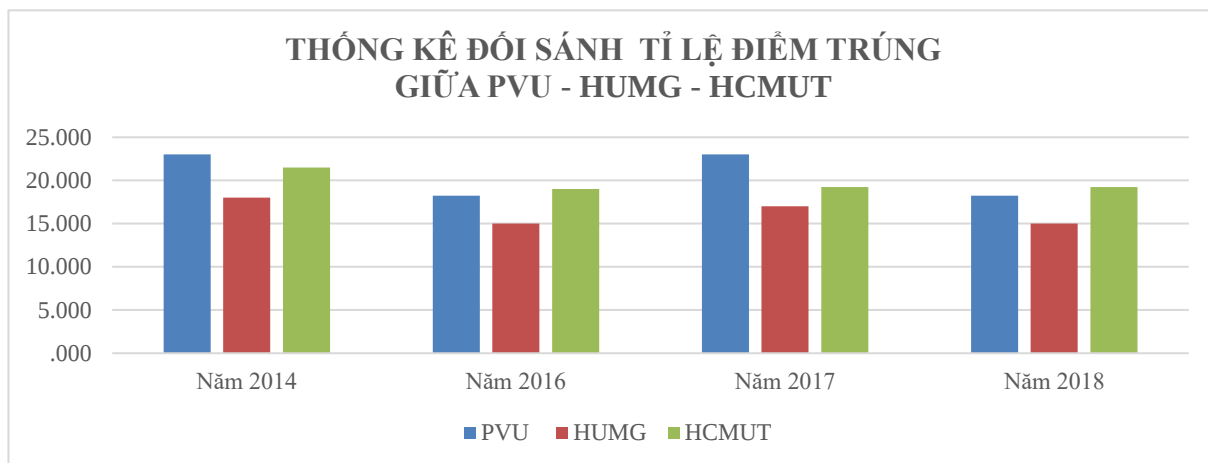
Bảng 25.3. Thống kê tỉ lệ điểm trúng tuyển giai đoạn 2014-2018 giữa PVU - HUMG - HCMUT

Năm	PVU	HUMG	HCMUT
Năm 2014	23,00	18,00	21,50
Năm 2016	18,25	15,00	19,00
Năm 2017	23,00	17,00	19,25
Năm 2018	18,25	15,00	19,25

Ngoài ra, để tăng thị phần, PVU còn tuyển sinh ở khắp các vùng miền và tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh như ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Cà Mau. Để tăng khả năng cạnh tranh, thứ hạng, thị phần về NCKH, Chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn 2015-2025 (Chiến lược) [04.01.05] cũng đã quy định các chỉ số cụ thể với mốc thời gian được xác định để tăng cường và đa dạng hóa NCKH (tăng tỉ lệ các đơn vị tham gia NCKH, tăng tỉ lệ GV cơ hữu tham gia NCKH, tăng số lượng đề tài các cấp...) và tạo môi trường thuận lợi cho NCKH (tăng tỷ trọng kinh phí cho NCKH, tổ chức các hoạt động khoa học – công nghệ đa dạng, gắn kết hoạt động khoa học và công nghệ với đào tạo...). Để tăng khả năng cạnh tranh, thứ hạng, thị phần phục vụ cộng đồng, Chiến lược cũng đã quy định các chỉ số cụ thể với mốc thời gian được xác định để: i) gắn kết chặt chẽ với xã hội và các đối tác, duy trì mối liên hệ với các đối tác truyền thống, giữ vững, ổn định và mở rộng thị trường trên cơ sở tôn trọng lợi ích cùng có lợi của trường với các đối tác; ii) tạo lập các đơn vị phục vụ xã hội cụ thể; iii) duy trì hợp tác và nâng cao hình ảnh, thương hiệu Nhà trường.

PVU có bộ phận thanh tra, giám sát công tác đào tạo, tuyển sinh để đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Ngoài ra, việc giám sát trong tuyển sinh đại học, cao học, quá trình đào tạo còn thể hiện tại các biên bản, báo cáo giám sát. Trước khi phê duyệt đề cương, kinh phí đề tài NCKH của GV và SV, PVU thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương, nghiệm thu gồm các thành phần: Chủ tịch Hội đồng; phản biện (theo

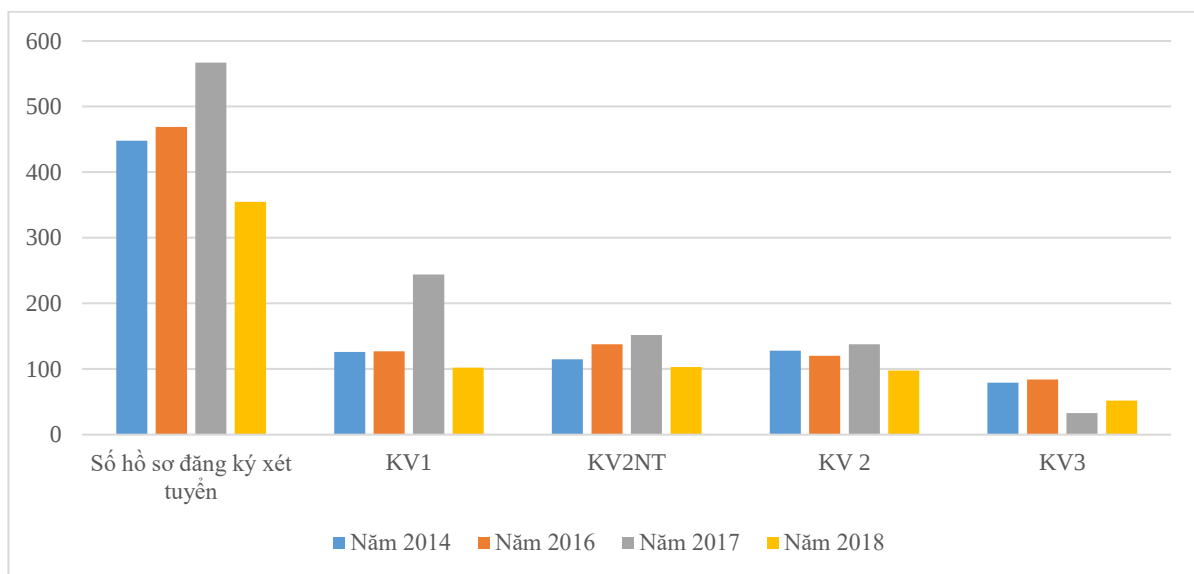
từng chuyên ngành); Ủy viên/Thư ký (gồm các GV chuyên ngành, CBNV Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ, Phòng Kế hoạch – Tài chính); việc giám sát tiến độ giữa kỳ của các đề tài thể hiện qua các báo cáo tiến độ của Chủ nhiệm đề tài và có xác nhận của Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ. Ngoài ra, việc giám sát công tác An sinh, xã hội được thể hiện tại các báo cáo tổng kết hàng năm của Trường (tổng kết các hoạt động và kết quả đạt được của từng hoạt động. Bảng 25.3 và Hình 25.1 thống kê, so sánh điểm đầu vào của các trường cùng đào tạo trong Ngành Dầu khí.



**Hình 25.1. So sánh tỉ lệ điểm trúng tuyển giai đoạn 2014-2018
giữa PVU - HUMG – HCMUT**

Dựa vào Bảng 25.3 và Hình 25.1 có thể nhận thấy điểm trúng tuyển giai đoạn năm 2014-2018 (năm 2015 PVU không tuyển sinh) luôn cao hơn Trường Đại học Mở - Địa chất (HUMG), năm 2014 và năm 2017 còn cao hơn Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh (HCMUT).

Hình 25.2 thống kê số lượng hồ sơ nộp vào Trường theo khu vực trong giai đoạn đánh giá từ 2014-2018, có thể thấy khu vực 1 (các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Kiên Giang...) chiếm tỉ lệ lớn nhất, khu vực 3 là ít nhất (các tỉnh/TP: Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ).

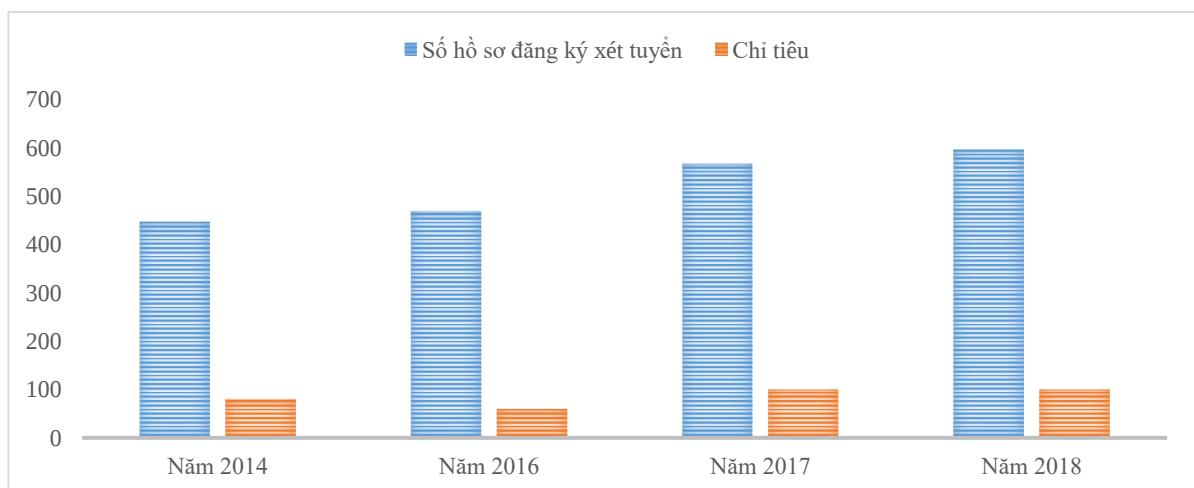


Hình 25.2. So sánh số lượng hồ sơ nộp vào trường theo khu vực giai đoạn 2014-2018 của PVU

Bảng 25.4 thống kê điểm trúng tuyển và tỉ lệ nộp hồ sơ so với số lượng SV trúng tuyển (tỉ lệ chọi) từ năm 2014-2018.

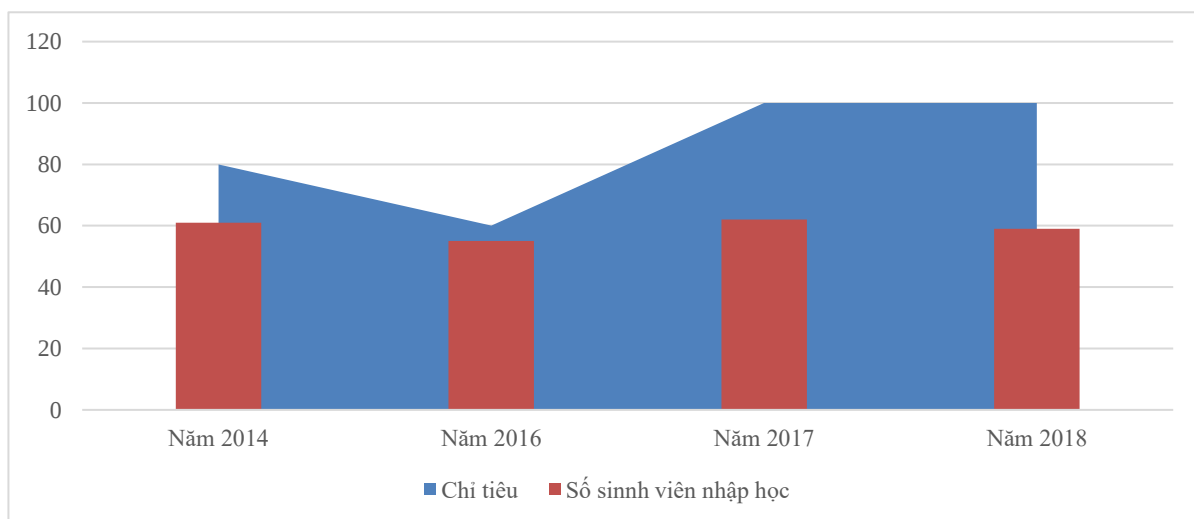
Bảng 25.4. Thống kê điểm trúng tuyển và tỉ lệ cạnh tranh giai đoạn 2014-2018 của PVU

Năm	Số hồ sơ đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu	Tỉ lệ cạnh tranh	Điểm chuẩn	Số sinh viên nhập học
Năm 2014	448	80	5,6	23,00	61
Năm 2016	469	60	7,8	21,25	55
Năm 2017	567	100	5,7	23,00	62
Năm 2018	597	100	6,0	18,25	59



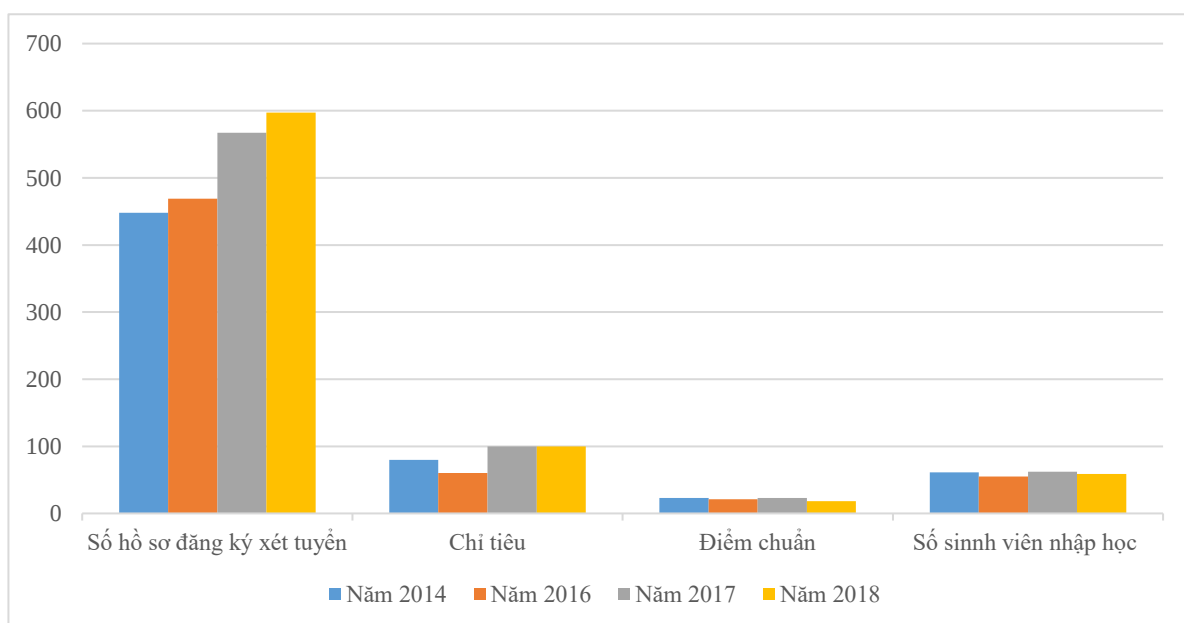
Hình 25.3 Thống kê số hồ sơ đăng ký xét tuyển so với chỉ tiêu giai đoạn 2014-2018 của PVU

Nhìn vào Bảng 25.4 và Hình 25.3, số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển của PVU tăng dần qua các năm trong giai đoạn 2014-2018 với tỉ lệ chọi luôn lớn hơn 5,5.



Hình 25.4. Thống kê số SV nhập học so với chỉ tiêu tuyển sinh giai đoạn 2014-2018 của PVU

Căn cứ vào kết quả vùng miền nộp hồ sơ, số lượng SV nhập học và điểm đầu vào của các Trường, PVU đã điều chỉnh điểm đầu vào của Trường để tăng khả năng cạnh tranh, điều đó được thể hiện tại và Hình 25.5 thống kê số lượng hồ sơ đăng ký tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, điểm chuẩn và số SV nhập học của Trường giai đoạn năm 2014-2018.



Hình 25.5. Số lượng hồ sơ đăng ký tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, điểm chuẩn và số SV nhập học giai đoạn 2014-2018 của PVU

Hàng năm, sau khi kết thúc công việc tuyển sinh, PVU họp tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh với thành phần gồm Hiệu trưởng chủ trì và toàn thể CBNV trong Trường, từ đó đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại và đề ra các giải pháp khắc phục/hoàn thiện. Ngoài ra, Phòng Đào tạo cũng thu thập thông tin, đánh giá của từ các SV mới vào trường.

Về công tác NCKH, Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ đã tiến hành khảo sát SV, CBNV nhân viên tham gia NCKH.

Đối với các hoạt động phục vụ cộng đồng, sau mỗi chương trình, Công đoàn, Đoàn thanh niên đều họp rà soát, đánh giá lại các kết quả đạt được, những tồn tại cần cải tiến, khắc phục cho lần sau. Trong hoạt động phục vụ cộng đồng của PVU có phản hồi từ đơn vị/cá nhân được thụ hưởng bằng thư cảm ơn và giấy xác nhận tài trợ.

Căn cứ các biên bản họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, Phòng Đào tạo lập kế hoạch, tiến hành thay đổi hình thức tuyển sinh như: gửi hồ sơ tuyển sinh tới các trường chuyên, gửi tờ rơi tới từng trường, đăng thông tin quảng bá tuyển sinh trên trang facebook của Trường và các trang mạng xã hội.

Căn cứ các biên bản họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác phục vụ cộng đồng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên PVU đã lập kế hoạch để tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau.

Dữ liệu đánh giá về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo được quản lý bằng bản cứng và bản mềm tại Phòng Đào tạo bằng phần mềm quản lý đào tạo; dữ liệu đánh giá kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động NCKH được quản lý tại Phòng Đối ngoại & Khoa học công nghệ; Công đoàn, Đoàn thanh niên quản lý các dữ liệu về hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Chỉ số doanh thu hoạt động dịch vụ đào tạo trong 05 năm của giai đoạn đánh giá vượt kế hoạch Tập đoàn giao.
- Cạnh tranh thị phần về tuyển sinh khi PVU nằm trong “top” những trường đào tạo chuyên ngành Dầu khí có điểm đầu vào cao.
- Việc cải tiến của việc tuyển sinh, đào tạo dc cải tiến hàng năm.
- Hoạt động phục vụ cộng đồng đa dạng và có thư cảm ơn từ đơn vị/cá nhân thụ hưởng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Mặc dù đã vượt chỉ tiêu về doanh thu dịch vụ đào tạo, tuy nhiên chi phí cũng vượt kế hoạch được giao.
- Tiềm lực về đào tạo, NCKH của PVU là khá cao, tuy nhiên PVU vẫn chưa khai thác được hết khả năng, nhất là đào tạo sau đại học.

3. Kế hoạch hành động

- Để khắc phục điểm tồn tại về chi phí, Trung tâm Bồi dưỡng nâng cao phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính lập kế hoạch, dự toán tổ chức các lớp học đảm bảo đạt kế hoạch Tập đoàn giao cho PVU; thời gian thực hiện hoàn thành là tháng 12/2019.
- Để nâng cao tiềm lực về đào tạo sau đại học, Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Phòng tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh, liên hệ với các đơn vị trong và ngoài ngành tìm hiểu nhu cầu về đào tạo; thời gian thực hiện, hoàn thành là tháng 12/2019.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	4,5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	4,58	
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	4,00	
1.	1.1	4	
2.	1.2	4	
3.	1.3	4	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	4,50	
6.	2.1	5	
7.	2.2	4	
8.	2.3	5	
9.	2.4	4	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	4,50	
10.	3.1	5	
11.	3.2	5	
12.	3.3	4	
13.	3.4	4	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	5	
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	5	
17.	4.4	5	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>	4,50	
18.	5.1	5	
19.	5.2	4	
20.	5.3	4	
21.	5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4,86	
22.	6.1	5	
23.	6.2	5	
24.	6.3	5	
25.	6.4	6	
26.	6.5	5	
27.	6.6	4	
28.	6.7	4	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	4,60	
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	5	
32.	7.4	4	
33.	7.5	4	

I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	4,75	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	5	
37.	8.4	4	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	4,49	
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	4,67	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	4	
42.	9.5	4	
43.	9.6	5	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4,50	
44.	10.1	5	
45.	10.2	3	
46.	10.3	5	
47.	10.4	5	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	4,00	
48.	11.1	4	
49.	11.2	4	
50.	11.3	4	
51.	11.4	4	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4,80	
52.	12.1	5	
53.	12.2	5	
54.	12.3	5	
55.	12.4	4	
56.	12.5	5	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	4,39	
III.13	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>	5,00	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	5	
60.	13.4	5	
61.	13.5	5	
III.14	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</i>	4,80	
62.	14.1	6	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	4	
66.	14.5	4	

III.15	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>	5,00	
67.	15.1	5	
68.	15.2	5	
69.	15.3	5	
70.	15.4	5	
71.	15.5	5	
III.16	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>	4,00	
72.	16.1	4	
73.	16.2	4	
74.	16.3	4	
75.	16.4	4	
III.17	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	4,00	
76.	17.1	4	
77.	17.2	4	
78.	17.3	4	
79.	17.4	4	
III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</i>	4,25	
80.	18.1	4	
81.	18.2	5	
82.	18.3	4	
83.	18.4	4	
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	4,00	
84.	19.1	5	
85.	19.2	4	
86.	19.3	3	
87.	19.4	4	
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>	4,50	
88.	20.1	4	
89.	20.2	5	
90.	20.3	4	
91.	20.4	5	
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	4,00	
92.	21.1	4	
93.	21.2	4	
94.	21.3	4	
95.	21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4,50	
IV.22	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	5,00	
96.	22.1	5	
97.	22.2	5	
98.	22.3	5	
99.	22.4	5	
IV.23	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>	4,50	
100.	23.1	5	
101.	23.2	5	
102.	23.3	5	

103.	23.4	4	
104.	23.5	4	
105.	23.6	4	
IV.24	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	4,00	
106.	24.1	4	
107.	24.2	4	
108.	24.3	4	
109.	24.4	4	
IV.25	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	4,50	
110.	25.1	5	
111.	25.2	4	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm (tiêu chí: 14.1);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 3 điểm (tiêu chí: 10.2, 19.3);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 109/111 (98,20%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 23/25 (92,0%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0 %).

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 07 tháng 8 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phần III. PHỤ LỤC

Phụ lục 1

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày/..... /2019

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Dầu khí Việt Nam

Tiếng Anh: Petrovietnam University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: ĐHDK

Tiếng Anh: PVU

3. Tên trước đây (nếu có): Không có

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

5. Địa chỉ: 762 CMT8. Phường Long Toàn, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (254)3.738879 Số fax: (254) 3.733579

E-mail: tuyensinh@pvu.edu.vn

Website:

<http://www.pvu.edu.vn>

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): Ngày 25 tháng 11 năm 2010, theo Quyết định số 2157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2011

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2016

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc/ Hiệu trưởng	Phan Minh Quốc Bình	Tiến sĩ Lọc – Hóa dầu, Hiệu trưởng	0918130555	binhpmq@pvu.edu.vn
2. Phó Giám đốc/ Phó Hiệu trưởng	Lê Văn Sỹ	PGS. TS. Cơ khí, Phó Hiệu trưởng	0938198881	sylv@pvu.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,...				
Đảng bộ	Phan Minh Quốc Bình	Tiến sĩ Lọc – Hóa dầu, Phó Bí thư phụ trách Đảng bộ	0918130555	binhpmq@pvu.edu.vn
Công đoàn	Ngô Thu Kiều	Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Chủ tịch Công đoàn	0982982735	kieunt@pvu.edu.vn
	Trần Xuân Tùng	Thạc sĩ Công tác xã hội, Phó Chủ tịch Công đoàn	0933678365	tungtx@pvu.edu.vn
Đoàn thanh niên	Nguyễn Ngọc Khương	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Bí thư Đoàn thanh niên	0961251331	khuongnn@pvu.edu.vn
	Nguyễn Viết Khôi Nguyên	Thạc sĩ Kỹ thuật Khoan Khai thác và Công nghệ Dầu khí, Phó Bí thư Đoàn thanh niên	0938160488	nguyennvk@pvu.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng				
Phòng Tổ chức – Hành chính	Nguyễn Thái Đạt	CN Kinh tế phát triển, Trưởng phòng	0912675195	datnt@pvu.edu.vn
Phòng Kế hoạch – Tài chính	Nguyễn Quang Vinh	CN Kinh tế, Trưởng phòng	0913738312	vinhnhq@pvu.edu.vn
Phòng Đào tạo	Lê Quốc Phong	TS Cơ khí động lực, Trưởng phòng	0945750202	phonglq@pvu.edu.vn
Phòng Đối ngoại và Khoa học công nghệ	Nguyễn Tô Hoài	TS Hóa Polyme, Trưởng phòng	0905354271	hoaito@pvu.edu.vn
Phòng Quản trị thiết bị & dự án	Dương Thị Phương Thảo	CN Kinh tế quốc tế, Trưởng phòng	0988-612-995	thaodtp@pvu.edu.vn
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc				
Trung tâm Bồi	Ngô Thu Kiều	Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Phó Giám	0982982735	kieunt@pv

đường nâng cao		độc phụ trách		u.edu.vn
Trung tâm Thông tin – Thư viện	Trần Xuân Hạ	ThS Quản trị kinh doanh, Giám đốc	0906384345	hatx@pvu.edu.vn
6. Các khoa/viện đào tạo, tổ				
Khoa Khoa học cơ bản	Vũ Minh Hùng	TS Cơ điện tử, Trưởng khoa	0976879598	hungvm@pvu.edu.vn
Khoa Dầu khí	Doãn Ngọc San	TS Địa chất, Trưởng khoa	0903232645	sandn@pvu.edu.vn

13. Các khoa/viện đào tạo

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Khoa dầu khí	03	210	04	23		

14. Danh sách đơn vị trực thuộc

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Năm 2015

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	57	43,9%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	57	43,9%		

Năm 2016

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	54	48,1%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	54	48,1%		

Năm 2017

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiền sĩ (%)	Số lượng	Tiền sĩ (%)
Giảng viên	49	46,9%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	49	46,9%		

Năm 2018

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiền sĩ (%)	Số lượng	Tiền sĩ (%)
Giảng viên	44	45,4%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	44	45,4%		

01/4/2019

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiền sĩ (%)	Số lượng	Tiền sĩ (%)
Giảng viên	45	44,4%		
Nghiên cứu viên				
Tổng				

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên**Năm 2015**

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (07 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	12		12
Nhân viên/Chuyên viên	28		28
Tổng cộng	40		40

Năm 2016

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (06 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	11		11

Nhân viên/Chuyên viên (01 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	24		24
Tổng cộng	35		35

Năm 2017

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (06 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	11		11
Nhân viên/Chuyên viên (02 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	24		24
Tổng cộng	35		35

Năm 2018

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (06 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	10		10
Nhân viên/Chuyên viên (05 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	24		24
Tổng cộng	34		34

15/3/2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý (06 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	10		10
Nhân viên/Chuyên viên (05 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy)	24		24
Tổng cộng	34		34

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) theo giới tính

Năm 2015

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			

I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	46	29	75
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	6	9	15
	Tổng cộng	52	38	90

Năm 2016

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	40	28	68
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	8	6	14
	Tổng cộng	48	34	82

Năm 2017

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	36	27	63
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	8	4	12
	Tổng cộng	44	31	75

Năm 2018

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu			

	<i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	33	23	56
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	5	6	11
	Tổng cộng	38	29	67

Năm 2019 (15/3/2019)

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	33	22	55
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	5	8	13
	Tổng cộng	38	30	68

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ Năm 2015

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	01		01			02
3	Tiến sĩ khoa học						0
4	Tiến sĩ	17		06			23
5	Thạc sĩ	25					25
6	Đại học	7					07
7	Cao đẳng						

8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	50		07			57

Tổng số giảng viên cơ hữu: 57 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 63,3%

Năm 2016

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	01					01
3	Tiến sĩ khoa học	01					01
4	Tiến sĩ	19		05			24
5	Thạc sĩ	22		01			23
6	Đại học	05		0			05
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	48		06			54

Tổng số giảng viên cơ hữu: 54 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 65,9%

Năm 2017

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	01		01			02
3	Tiến sĩ khoa học						0
4	Tiến sĩ	16		05			21
5	Thạc sĩ	21		02			23
6	Đại học	02		01			03

7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	40		09			49

Tổng số giảng viên cơ hữu: 49 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 65,3%

Năm 2018

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	01		01			02
3	Tiến sĩ khoa học						0
4	Tiến sĩ	15		03			18
5	Thạc sĩ	16		04			20
6	Đại học	01		03			04
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	33		11			44

Tổng số giảng viên cơ hữu: 45 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 66,2%

Năm (15/3/2019)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	01		01			02
3	Tiến sĩ khoa học						0
4	Tiến sĩ	15		03			18
5	Thạc sĩ	17		05			22

6	Đại học	01		02			03
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	34		11			45

Tổng số giảng viên cơ hữu: 45 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 68,2%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

Năm 2015

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02		02					02	
3	Tiến sĩ khoa học	0								
4	Tiến sĩ	23		17	6	01	16	03	03	
5	Thạc sĩ	25		11	14	8	16	01		
6	Đại học	7		3	4	5	2			
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	57		33	24	14	34	04	05	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu: 43,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu: 43,9%

Năm 2016

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	01		01					01	
3	Tiến sĩ khoa học	01		01			01			
4	Tiến sĩ	24		17	07		18	03	03	
5	Thạc sĩ	23		10	13	07	15	01		

6	Đại học	05		03	02	05				
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	54		32	22	12	34	04	04	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu: 8,1%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu: 42,6%

Năm 2017

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02		02			01		01	
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	21		15	06	0	15	04	02	
5	Thạc sĩ	23		10	13	06	16	01		
6	Đại học	3		03	0	03				
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	49		30	19	09	32	05	03	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu: 46,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu: 46,9%

Năm 2018

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02		02			01		01	
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	18		12	06		14	03	01	
5	Thạc sĩ	20		9	10	02	14	04		
6	Đại học	4		04		01	03			

7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	44		27	17	03	32	07	02	0

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu: 44,4%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu: 46,7%

Năm 2019 (15/3/2019)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02		02			01			01
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	18		12	06		13	03	02	
5	Thạc sĩ	22		10	12		18	04		
6	Đại học	03		03		01	02			
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	45		27	18	01	34	07	02	01

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu: 44,4%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu: 48,9%

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

Năm 2015

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15,8%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	56,1%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	26,3%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	1,8%	

5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

Năm 2016

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	14,8%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	55,6%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	27,8%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	1,8%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

Năm 2017

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	14,3%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	57,2%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	26,5%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	2%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

Năm 2018

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	13,6%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	52,3%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	31,8%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	2,3%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

Năm 2019 (15/3/2019)

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15,6%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	51,1%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	31,1%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	2,2%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

III. Người học

21. Tổng số người học đăng ký dự thi, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ chính quy:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Học viên cao học							
2014	20	20		17			0
2017	10	10		10			0
2018	16	16		16			0
20...							
20...							
2. Đại học							
2013	517	124	5.74	92	23.50		0
2014	496	99	5.2	61	23.00		0
2016		52 44		40 15	21.00; 21.50		0
2017	567	74		62	23.00		0
2018	597	72		59	18.25		0

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập: 210 SV và 23 HVCH.

22. Tổng số người học đăng ký dự thi, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ không chính quy:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2013	0	0					
2014	0	0					
2016	0	0					
2017	0	0					
2018	0	0					
2. Cao đẳng							
20...							
20...							

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	1.920	1.920	1.920	1.920	1.920
2. Số lượng sinh viên	393	393	294	236	215
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	246	223	150	163	152
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	246	223	150	163	152
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	6.66	6.66	6.66	6.66	6.66

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng (người)	35	74	50	9	35
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	9	25	21	4	19

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	20...	20...
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học		14	1		
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	126	111	77		
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	20...	20...
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	126	111	77		
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	86.3% (do SV du học)	86.7% (do SV du học)	83.7% (do SV du học)		
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:					

A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này (chuyển xuống câu 4)					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ^ chuyển xuống câu 5					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ^ điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	75.6	92.3	75.32		
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	24.4	6.8	22.07		
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	2.41	0.9	2.3		
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	15.000.000				
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ^ chuyển xuống kết thúc bảng này					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ^ điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng
----	------------------	----------

		2014	2015	2016	2017	2018	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước						
2	Đề tài cấp Bộ*	03	01		02	03	09
3	Đề tài cấp trường		24	06	08	05	43
	Tổng cộng	03	25	06	10	08	52

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN trên cán bộ cơ hữu: 0.18 (năm 2018)

29. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2014	2,523	3	
	2015	5,392	5	94.6
	2016	1,714	2	31.7
	2017	1,551	3	31.7
	2018	1,343	2	30.5

30. Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện đề tài NCKH trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài		05	33	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia		05	33	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		20...	20...	20...	20...	20...	
1	Sách chuyên khảo						
2	Sách giáo trình						
3	Sách tham khảo						
4	Sách hướng dẫn						
	Tổng cộng						

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu:

32. Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia				

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2014	2015	2016	2017	2018	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:						
	Danh mục ISI	08	07	09	07	09	40
	Danh mục Scopus	0	01	02	02	03	8
	Khác	06	02	01	05	02	16
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	08	16	13	20	08	65
	Tổng cộng	22	26	25	34	22	

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.5 (22/44) năm 2018

34. Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo			
Từ 6 đến 10 bài báo	5		
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia			

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		20...	20...	20...	20...	20...	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế						
2	Hội thảo trong nước						
3	Hội thảo của trường						

	Tổng cộng						
--	------------------	--	--	--	--	--	--

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu:

36. Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo			
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia			

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...	
20...	
20...	
20...	
20...	

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số sinh viên tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		20...	20...	20...	2017	2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu				1	2

	khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					2

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	4.806		4.806	
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của trường Trong đó	4.175		4.175	
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	2.260		2.260	
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	165		165	
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1.750		1.750	

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo.... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I		
Khối ngành II		
Khối ngành III		
Khối ngành IV		
Khối ngành V	3907	1360
Khối ngành VI		
Khối ngành VII		
Các môn chung		
Tổng		

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm Cơ ứng dụng	1	Thực hành các bài TN Cơ học ứng dụng	GV, NCS, CH và SV	68		68	
2	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật	1	Thực hành các bài TN Kỹ	GV, NCS, CH và SV	95		95	

	nhệt & Cơ học chất lưu		thuật nhệt & Cơ học chất lỏng					
3	Phòng thí nghiệm Phân tích tiên tiến	1	Thực hành các bài TN chống ăn mòn	GV, NCS, CH và SV	55		55	
4	Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử	1	Thực hành các bài TN Điện – Điện tử	GV, NCS, CH và SV	55		55	
5	Phòng thí nghiệm Hóa đại cương	1	Thực hành các bài TN Hóa học đại cương	GV, NCS, CH và SV	140		140	
6	Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương	1	Thực hành các bài TN Vật lý đại cương	GV, NCS, CH và SV	110		110	
7	Phòng thí nghiệm Công nghệ mỏ	1	Thực hành các bài TN Công nghệ mỏ	GV, NCS, CH và SV	63		63	
8	Phòng thí nghiệm Công nghệ khoan	1	Thực hành các bài TN Công nghệ khoan	GV, NCS, CH và SV	110		110	
9	Phòng thí nghiệm Trung bày thiết bị công nghệ khoan và thạch học	1	Trung bày thiết bị công nghệ khoan và thạch học	GV, NCS, CH và SV	110		110	
10	Phòng Gia công và chuẩn bị mẫu	1	Thực hành gia công và chuẩn bị mẫu	GV, NCS, CH và SV	55		55	
11	Phòng thí nghiệm Khoáng - Thạch học	1	Thực hành các bài TN Khoáng - Thạch học	GV, NCS, CH và SV	78		78	
12	Phòng thí nghiệm Phân tích địa hóa	1	Thực hành các bài TN Phân tích địa hóa	GV, NCS, CH và SV	68		68	
13	Phòng thí nghiệm Minh giải địa chấn	1	Thực hành các bài TN Địa vật lý	GV, NCS, CH và SV	112		112	
14	Phòng thí nghiệm Quá trình thiết bị & Công nghệ hóa học	1	Thực hành các bài TN Quá trình thiết bị & Công nghệ hóa học	GV, NCS, CH và SV	102		102	
15	Phòng thí nghiệm Lọc - Hóa dầu	1	Thực hành các bài TN Lọc - Hóa dầu	GV, NCS, CH và SV	60		60	

16	Phòng thí nghiệm Phân tích dầu mỡ	2	Thực hành các bài TN Phân tích dầu mỡ	GV, NCS, CH và SV	60		60	
17	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích	1	Thực hành các bài TN Hóa phân tích và hóa vô cơ	GV, NCS, CH và SV	68		68	
18	Phòng thí nghiệm Hóa hữu cơ	1	Thực hành các bài TN Hóa hữu cơ	GV, NCS, CH và SV	60		60	
19	Phòng thí nghiệm Hóa lý	1	Thực hành các bài TN Hóa lý	GV, NCS, CH và SV	95		95	
20	Phòng thí nghiệm Công nghệ chế biến khí	1	Thực hành các bài TN Công nghệ chế biến khí	GV, NCS, CH và SV	68		68	
21	Phòng thí nghiệm Nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo	1	Thực hành các bài TN Nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo	GV, NCS, CH và SV	55		55	
22	Phòng thí nghiệm Công nghệ khai thác	1	Thực hành các bài TN Công nghệ khai thác	GV, NCS, CH và SV	63		63	
	Tổng	23			1750		1750	

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2014: 97.005
- Năm 2015: 105.281
- Năm 2016: 79.549
- Năm 2017: 52.756
- Năm 2018: 55.911

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2014: 3.356
- Năm 2015: 3.620
- Năm 2016: 3.822
- Năm 2017: 3.546
- Năm 2018: 2.900

44. Tổng chi cho hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2014: 8.966
- Năm 2015: 10.420
- Năm 2016: 10.752
- Năm 2017: 7.482
- Năm 2018: 7.674

45. Tổng thu từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

- Năm 2014: 10.595
- Năm 2015: 11.846
- Năm 2016: 11.796
- Năm 2017: 8.605
- Năm 2018: 8.242

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2014: 1.868
- Năm 2015: 3.641
- Năm 2016: 2.134
- Năm 2017: 1.832
- Năm 2018: 1.886

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2014: 1.860
- Năm 2015: 1.998
- Năm 2016: 1.932
- Năm 2017: 1.675
- Năm 2018: 2.694

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2014: 78,556
- Năm 2015: 42,260
- Năm 2016: 23,060
- Năm 2017: 79,060
- Năm 2018: 82,946

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh ngoài	giá	Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục								
2	Chương trình đào tạo								

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá).

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 45

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 68,2

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 0,44

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 48,9

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 210

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 4.6

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 83 (77/92)

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%):

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%):

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài NCKH, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 0,5

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu:

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 19,9

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 1,4

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục:

Cấp chương trình đào tạo: